

Đường mòn trên biển

NXB Quân đội nhân dân

Năm xuất bản : 1986

Chương I

THAI NGHÉN

Sau thắng lợi của hiệp định Giơ-ne-vơ (7-1954), những binh đoàn vệ quốc mặc quần áo bà ba đội mũ rộng vành, những binh đoàn vận quần áo vải xita chân đi dép lốp .. từ đồng bằng Nam Bộ xa xôi, từ Liên khu 5, núi rừng Tây Nguyên lần lượt ra tập kết ở miền Bắc. Khắp nơi rợp trời cờ đỏ sao vàng và cờ xanh hòa bình. Nhân dân ta, quân đội ta tràn ngập niềm vui và hy vọng. Cuộc đấu tranh kéo dài suốt một thế kỷ của dân tộc đã giành lại được độc lập tự do trên một nửa lãnh thổ của Tổ quốc.

Sau khi quân đội của hai bên vừa tập kết theo những điều khoản của hiệp định, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, đưa tên bán nước Ngô Đình Diệm về làm thủ tướng bù nhìn ở miền Nam, bọn Mỹ-Diệm càng làm công khai trắng trợn cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử. Chúng mưu toan biến giới tuyến quân sự tạm thời thành giới tuyến vĩnh viễn chia cắt đất nước ta. Ở miền Nam, chúng liên tiếp mở những cuộc tàn sát, những đợt “tố cộng”, “diệt cộng” bắt bớ, giết chóc hàng vạn người tham gia kháng chiến cũ và những người dân vô tội. Tội ác của bọn Mỹ-Diệm chồng chất như núi. Lòng người dân miền Nam, từ bờ Nam sông Bến Hải đến mũi Cà Mau hừng hực lửa căm thù.

“Tình thế ấy nhất định thúc đẩy nhân dân miền Nam phải đứng lên đập tan chính sách độc tài phát xít của Mỹ-Diệm để tự cứu lấy mình ..”(Trích đề cương cách mạng miền Nam của đ/c Lê Duẩn)

Nghị quyết 15 của Ban Chấp Hành trung ương Đảng đã đáp ứng nguyện vọng sâu xa của nhân dân cả nước, nhất là của đồng bào miền Nam. Những cán bộ trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh ở miền Nam lúc đó khôn xiết vui mừng. Trong sự vui mừng ấy có xen vào nỗi lo : lấy vũ khí ở đâu để xây dựng lực lượng vũ trang. Nghị quyết của Trung ương đã có hai chữ “vũ trang” , nhưng làm sao thực hiện. Ngay khi họp Trung ương xong, các đại biểu miền Nam đã gặp đồng chí Lê Duẩn, ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng để hỏi việc chi viện người và vũ khí từ miền Bắc vào miền Nam như thế nào.

Lúc bấy giờ việc mở những con đường chiến lược vào miền Nam được tiến hành khẩn trương., vừa làm vừa nghiên cứu từng bước. Người được Bộ chính trị giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức việc mở đường là thượng tá Võ Bẩm. Mọi việc được tiến hành rất bí mật. Người nào làm việc gì biết việc ấy. Dưới sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, đồng chí Võ Bẩm nghiên cứu vạch ra chủ trương, kế hoạch cụ thể : bước đầu đưa vào miền Nam 500 sĩ quan từ cấp trung tá trở xuống, và 7000 khẩu súng. Trong năm 1959 cố gắng đưa hết số người, số súng đó vào Khu 5, Khu 6. Số súng, số người chuẩn bị đưa vào so với yêu cầu của miền Nam lúc đó tuy còn rất ít nhưng đưa vào bằng đường nào, bằng cách nào, vượt qua giới tuyến tạm thời mà giữ được bí mật, là việc không đơn giản.

Đồng chí Võ Bẩm đi khắp các quân khu, xin cán bộ chiến sĩ để thành lập đơn vị. Sau hai tháng, hai tiểu đoàn vận tải chiến lược ra đời. Giống như chuyện truyền thuyết “Lạc Long quân và nàng Âu cơ”, tiểu đoàn 604 vận tải bộ đi mở đường Trường Sơn. Tiểu đoàn 603 sinh từ đất tổ Phú Thọ và từ đó hành quân thẳng tới cửa sông Gianh.

603 được giấu trong “cái áo” “Tập đoàn đánh cá sông Gianh”. Bề ngoài, 603 giống như những tập đoàn của những anh em bộ đội miền Nam chuyển ra làm công tác kinh tế. Công việc hàng ngày của anh em là lấy gỗ đóng thuyền, khi đã có thuyền rồi thì ra khơi đánh cá.

Gần một năm “Tập đoàn đánh cá sông Gianh” đi lại đánh cá xung quanh vùng đảo Cồn Cỏ để làm quen với sóng gió. Cũng thời gian đó, đồng chí Võ Bẩm gặp bất cứ cán bộ nào từ miền Nam ra cũng thăm dò tình hình hoạt động của địch ở ven biển.

Mỗi lần nhìn lên bản đồ, thấy màu xanh lơ, tượng trưng cho biển, ôm cả chiều dài đất nước, đồng chí lại sốt lòng, sốt ruột nghĩ tới công việc của tiểu đoàn 603. Nếu chờ đợi đầy đủ mọi yếu tố mới lên đường thì không biết đến bao giờ.

Việc vận chuyển trên tuyến đường Trường Sơn đã được tiến hành dựa vào tuyến đường “Thống nhất” của Liên khu 5 đi ra Bắc. Với phương châm “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”, gửi được chuyển hàng đến vùng núi Liên Khu 5 quả là một kỳ công. Mỗi người cố gắng lắm trên lưng cũng chỉ được 20 kg; 100 tấn hàng phải có 500 người gửi, ấy là chưa kể địch đánh phá, người ốm đau và người phục vụ cho số 500 người làm công tác vận chuyển. Lấy người đâu mà rải ra từ vĩ tuyến 17 vào đến Nam Bộ? Và bao giờ mới phục vụ đủ nhu cầu cho chiến trường? Giả như mở thông được tuyến đường chiến lược trên biển, chỉ là cần chiếc tàu nhỏ chở 100 tấn, đi 7, 8 ngày đêm là đến Cà Mau, có thể thay thế cho cả một sư đoàn mang vác gian khổ cả năm ròng.

Sau những ngày tháng dẫn đo suy tính, bàn bạc trong tập thể lãnh đạo cùng với việc mở đường, chuyển hàng trên đường Trường Sơn, đồng chí Võ Bẩm hạ quyết tâm đưa một chuyến thuyền chở 10 tấn hàng đầu tiên vào Khu 5, mặc dầu còn những yếu tố nghi ngại, nhất là việc hiểu địch chưa kỹ. Nhưng có đi mới rút ra được kết luận cần thiết.

Đêm 30 Tết (1960) mưa lâm thâm, biển, trời hòa vào nhau thành một màn đen đặc quánh. Con thuyền của tiểu đoàn 603 lặng lẽ tạm biệt sông Gianh ra khơi. Nó đi mất hút trong đêm tối, và không trở về nữa. Ngày này qua tháng khác, anh em 603 chờ đợi, không có mẩu tin nào về những người đã ra đi (Mãi hơn một năm sau mới được tin chiếc thuyền đó bị cơn lốc đánh đắm, các thủy thủ trôi giạt vào bờ đã bị địch bắt). Không lẽ đánh liều đi chuyển nữa? Và cũng không thể để tiểu đoàn 603 ngồi chờ. Trong lúc đó, tuyến đường Trường Sơn đang phát triển. Tiểu đoàn 603 nhận lệnh tạm biệt thuyền bến, lên rừng cùng với đơn vị bạn hợp thành trung đoàn giao liên đầu tiên của Trường Sơn.

Chuyến vận tải chiến lược đường biển từ đó tạm gác lại. Nhưng biển chưa hề mất sức hấp dẫn đối với những người chỉ đạo vận tải chiến lược. Mỗi lần các tỉnh miền Nam gửi điện ra yêu cầu chi viện người và vũ khí, Trung ương, Quân ủy lại nghĩ đến con đường biển. Con đường biển sẽ tạo ra tốc độ, sẽ đáp

ứng nhu cầu của chiến trường và chi phí đỡ tốn kém. Nhưng làm cách nào để nắm được quy luật hoạt động của địch trên biển; bằng cách nào vượt sóng gió hàng ngàn hải lý, lại che được mắt địch, đưa hàng tới bến an toàn ? .. Một loạt câu hỏi đặt ra vẫn chưa được giải đáp.

Phong trào cách mạng miền Nam như đồng củi đang cháy âm ỉ. Nghị quyết trung ương lần thứ 15 như luồng gió lớn thổi ngọn lửa bùng lên, tạo nên đám cháy mau lẹ và rộng lớn. Chỉ trong vòng hơn một năm, phong trào khởi nghĩa từng phần đã lan rộng từ Nam Bộ ra Khu 5. Nhiều tỉnh đã phá vỡ từng mảng lớn chính quyền thôn xã của địch, tạo ra vùng giải phóng xã liên xã, huyện liên huyện . “Đi đôi với khởi nghĩa từng phần, hình thái du kích cục bộ đã xuất hiện và bắt đầu phát triển. Từ tháng 9 năm 1959 đến tháng 12 năm 1960, du kích đã đánh 1600 trận, diệt 12.563 tên địch .. thu 5476 súng. Phong trào đấu tranh vừa hợp pháp vừa không hợp pháp, vừa chính trị vừa vũ trang nói trên đã làm tan rã 50% chính quyền thôn xã của địch, trên từng mảng lớn ở nông thôn đồng bằng, phá hầu hết các khu “trù mật” và giành được 2/3 số ruộng đất Mỹ-Diệm đã cướp” .. (trích báo cáo trung ương cục Miền Nam). Tình hình ấy đánh dấu “ .. thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu” (Chỉ thị củ Bộ chính trị BCH TW Đảng tháng 1/1961).

Trong nghị quyết tháng 1 năm 1961, Bộ chính trị TW Đảng còn chỉ ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là “.. ra sức xây dựng mau chóng lực lượng ta cả về hai mặt chính trị và quân sự “ ..”tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền địch trên phạm vi ngày càng rộng lớn ..” Tạo mọi điều kiện và mọi thời cơ thuận lợi để đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm: ..”

Thực hiện chỉ thị của Bộ chính trị, nhiệm vụ vận tải chiến lược phải theo kịp tình hình phát triển của chiến trường; nếu có điều kiện phải đi trước một bước. Tuyến đường chiến lược Trường Sơn còn phải vài năm nữa mới vươn tới miền Đông Nam Bộ. Còn vùng đồng bằng ven biển Nam Bộ thì sao ? Thật khó có con đường vận tải bộ chiến lược nào vươn tới đó trong lúc chiến tranh ác liệt. Nhưng nhu cầu vũ khí cho đồng bằng Nam Bộ đang đòi hỏi ngày càng lớn, phải có con đường biển mới đáp ứng được nhu cầu đó. Dùng tàu, thuyền đi thẳng từ miền Bắc vào ư ? Chưa có yếu tố nào bảo đảm những

chuyển đi có thể thành công. Liệu các tỉnh vùng ven biển có thể tự tổ chức đưa thuyền của mình ra miền Bắc nhận vũ khí được không ? Nếu làm như vậy sẽ có nhiều cái thuận, anh em nắm được quy luật hoạt động trên biển (ít ra cũng ở địa phương mình), qua đó để lựa chọn phương thức thích hợp.

Sau khi đã suy tính, đồng chí Ủy viên Quân ủy TW phụ trách công tác “B” đã gửi điện vào TW Cục miền Nam gợi ý viêch mở đường biển bằng thuyền của các tỉnh. Khoảng tháng 2 năm 1961, TW Cục chỉ thị cho các tỉnh ven biển Nam Bộ, mỗi tỉnh tổ chức một đến hai đội thuyền đưa ra Bắc lấy vũ khí.

(Sách mất hai trang ..)

.. miền Bắc có khác gì hai cánh tay vòng ra ôm lấy một phần biển Đông, dù đi có chệch sang phải, sang trái mười hải lý, cũng lọt vào cái vòng tay ấy. Tất cả tình cảm, ý chí của họ, với việc vượt biển ra miền Bắc lấy vũ khí, không có gì lay chuyển nổi. DÙ có muôn vàn khó khăn, họ sẵn sàng gánh chịu, miễn là giành phần thắng cho chuyển đi sắp tới.

Tàu nhỏ neo xuất phát vào đêm trước của ngày kỷ niệm Tổng khởi nghĩa tháng 8 (18-8-1961) làm cho ý nghĩa cuộc ra quân càng thêm sâu sắc.

Từ lúc tàu nhỏ neo, trong óc thuyền trưởng Căn xáo trộn nỗi niềm hy vọng, lo âu. Bao giờ tới miền Bắc ? Bao giờ đưa vũ khí trở về ? Ra miền Bắc gặp Bác Hồ, gặp bà con miền Bắc, chắc vui lắm ! Khi về thuyền chở đầy vũ khí thì sung sướng nào bằng ! Đó là niềm hy vọng chung của anh em trong đội. Hy vọng đó đến với tất cả anh em thủy thủ từ khi họ biết mình được ra Bắc.

Hàng giờ liền Căn ngồi im lặng. Anh nhìn ngôi sao Bắc Đẩu xa xôi trên bầu trời mông lung rồi lại nhìn khoảng đen mịt mù của biển cả. Từng đợt sóng nhẹ nhẹ xô vào mạn thuyền phát ra tiếng “ộp ộp “ .. đều đều.

Anh tme thủy thủ người nằm, người ngồi trên khoang, đang bàn tán lan man từ chuyện đánh trận đến việc vận tải vũ khí.

-Mình thiếu vũ khí quá xá, có kha khá một chút thì đánh cho bọn ngụy tới số. Ra ngoài đó phải xin Trung ương cho chiếc tàu lớn chở vô vài chuyến.

Nghe tiếng nói ồm ồm của Hai Luông, anh Cẩn ngoảnh lại, định nói : Nếu dùng tàu chở được thì Trung ương đã cho tàu vào rồi chẳng phải chờ chúng ta, thì ngay lúc đó Thăng và Thành đã lên tiếng :

-Tàu to càng dễ lộ, mà cũng chẳng có bến cho nó đậu.

-Ghe của chúng mình chở đầy nhóc lên cũng chỉ được mười tấn, thăm tháp gì với yêu cầu.

-Được ít nhưng giữ được bí mật. Chở lai rai cũng hóa nhiều.

-Ta tìm bến, rồi dùng ghe dẫn tàu lớn vào có được không ?

..

Cuộc tranh cãi lại chuyển hướng sang bàn về cách đối phó khi gặp tàu địch. Câu chuyện tản mạn dần. Tiếng máy nổ đều đều. Sóng nhẹ nhẹ đẩy tàu lắc lư ru mọi người vào giấc ngủ.

Một đêm trôi qua. Mặt trời như một cái mâm đỏ rực, vừa từ mặt biển nhô lên. Ánh sáng tỏa nhanh vào đất liền. Rặng núi Ô Cấp đã hiện ra trước mắt mọi người. Thuyền trưởng Cẩn mở bản đồ rồi lấy cái que tăm ướm vào chữ Bến Tre đến chữ Ô Cấp. Anh giơ que tăm lên và nói với anh em.

- Đoạn chút xíu này mà đi hết một đêm.

Cẩn lại đặt que tăm , đo đoạn đường sắp tới. Biết cái que tăm và cái bản đồ xé ở bìa vở học sinh chẳng có gì là chính xác, nhưng Cẩn vẫn phải bằng lòng với phương tiện thô sơ ấy.

Tàu dần dần đi xa bờ. Núi non vùng Bà Rịa, Phan Thiết chỉ còn lại một đường viền mờ ảo. Ngoài khơi xa lúc này chỉ có một mình con thuyền của tỉnh Bến Tre đang lao về phương Bắc.

Gần trưa, chiều hướng thời tiết có bề thay đổi. Cẩn chăm chú nhìn những đám mây màu chì ở chân trời phía đông đang đùn lên cao và tản rộng mãi. Những bước sóng cách xa nhau, mỗi lúc một lớn dần. Đàn cá mau lao xao nổi trên mặt nước. Anh nói với các thủy thủ :

-Chuẩn bị đón một trận bão.

Anh Hai Luông, thợ máy, cười nói :

-Bão cũng có cái lợi, bớt nhòm ngó.

Chiều tối, lời tiên đoán của thuyền trưởng Cẩn đã ứng nghiệm. Mưa gió ập tới như trời sụp. Con tàu chao đảo mạnh. Sóng nước tràn qua mặt khoang. Nằm trong khoang, nghe thân tàu chuyển động rầm rập, như có đôi bàn tay khổng lồ nào đó đang giăng kéo bên mạn. Sau vài giờ đồng hồ, các anh Hải, Thành, Thanh đã say sóng, nằm liệt, ói mửa tại chỗ. Người lái phải buộc chặt mình vào bộ mui cho khỏi bị gió quăng xuống biển. Từ vị trí này sang vị trí khác , các thủy thủ phải bò lồm cồm cho khỏi ngã.

Đêm lại đến, biển trời đen đặc như có thể xắt ra từng miếng được. Ánh đèn pha của tàu bị đêm tối dồn lại còn một quầng sáng vàng ngay trước mũi tàu vài mét. Mỗi đợt sóng chồm đến, trông như một con quái vật khổng lồ, khom tấm lưng bóng loáng sắp sửa vươn tới chộp con tàu. Người lái phải căng mắt, lựa chiều vượt lên trên lưng nó.

Điều muốn tránh, đã gặp. Một ngọn sóng nặng hàng tấn bủa xuống, làm gãy ván sập, nước ủa vào khoang máy. Tàu bỗng dừng lại và xoay ngang. Lập cổ xoay tay lái để tránh sóng, nhưng vô hiệu. Bánh lái như con ngựa bất kham không chịu nghe ý chủ. Lập muốn nó đi dọc, thì nó xoay ngang.

Thuyền trưởng Cẩn xuống khoang máy để xem có giúp Luông được việc gì không. Luông vẫn ráng sức khởi động máy. Mỗi lần giật sợi dây khởi động, máy đáp lại ba tiếng « xịch xịch .. xịch « ỉu xìu rồi im bặt. Cả thợ máy lẫn thuyền trưởng đều lo lắng nhìn cỗ máy.

Trời sáng lâu rồi mà tầm nhìn trên biển không quá vài chục mét. Mưa càng to, sóng càng lớn. Quần áo mọi người ướt sũng. Lập vẫn ra công xoay vòng tay lái, nhưng vô ích, vì đôi tay đã tê cứng, mất cảm giác.

Ở dưới buồng lái, Cẩn và Luông vẫn thay nhau khởi động máy. Con tàu liên tục nhào lên, chúi xuống làm cho các anh mệt mỏi, rã rời. Luông là thủy thủ cứng sóng nhất mà cũng đã bị sóng làm tình làm tội. Anh nôn ọe ngay trên mặt máy, nhưng tay không rời dây khởi động. Mỗi lần giật dây khởi động, cái

máy khốn khổ ấy cũng vẫn đáp lại mấy tiếng mệt mỏi, uể oải như cũ. Luông đoán có nước lẫn vào trong dầu làm máy không chạy được. Giá như người thợ máy thành thạo, chỉ việc thay cái bình dầu là xong việc, nhưng Luông chẳng nghĩ ra được điều đó. Anh cứ cắm đầu, cắm cổ giật dây khởi động.

Nước trong khoang tàu đã ngập tới bắp chân. Số người chưa bị say sóng chỉ còn lại các anh Cần, Luông, Thắng, Lập. Bốn người, mất một lái, một quay máy và hai người tát nước, thế là vừa vạy, không còn có ai thay khi bị sóng đánh quy nữa. Thịnh thoảng lại có tiếng động viên nhau “ Cố lên ,, không để tàu chìm nghe ! “

Sau hơn 4 giờ liền đánh vật với con tàu, máy đã nổ. Thật mừng. Nhưng tai họa do sóng gió vẫn còn đe dọa nghiêm trọng. Hai ngày đêm nhin đói, nhin khát và luôn chân luôn tay làm việc nặng nhọc, sức mọi người đuối dần. Những khối nước anh em tát ra không kịp với những ngọn sóng tràn nước vào tàu. Anh em thấy không thể tránh khỏi cảnh đắm tàu, nếu gió bão kéo thêm một hai ngày nữa. Mỗi người nhắm sẵn một cái phao, một tấm ván .. để phòng khi cần tới. Cái gì có thể vứt đi, làm nhẹ tàu là vứt luôn xuống biển không tiếc. Đầu tiên khêng cái bếp lò, rồi xô luôn thùng nước ngọt xuống. Ngày mai ăn uống ra sao, tính sau.

Tối chiều 22-8, gió bão giảm dần. Vùng biển lạ trước mặt đã thấy thấp thoáng đôi ba cánh buồm. Đây là đâu nhỉ ? Chẳng ai biết mà trả lời.

Thuyền trưởng cho tàu phóng lại gần một chiếc thuyền đánh cá.

Luông hỏi to :

-Bà con ơi ! Làm ơn cho biết, đây là vùng biển thuộc tỉnh nào ?

-Đà Nẵng.

Con tàu của tỉnh Bến Tre tiếp tục đi, cho tới khi khuất hẳn những cánh buồm mình vừa gặp, mới quay mũi phóng về hướng vịnh Bắc Bộ.

Đêm hôm sau nữa, tàu đã chạm bờ cát, không biết thuộc tỉnh nào. Tàu vừa cho tắt máy, đã thấy có người xách súng, chiếu đèn pin xuống và quát to :

-Thuyền nào ? Lên trình giấy .

-Chúng tôi đi làm ăn, bị bão lạc vô.

Mấy người đứng trên bờ chụm lại với nhau, trao đổi gì đó rồi lại tản ra. Lại có tiếng hô to hơn :

-Tất cả mọi người dưới thuyền lên bờ !

Nghe tiếng hô hình như tiếng xứ Bắc, anh em nửa mừng, nửa lo, không hiểu sẽ diễn biến ra sao.

Trời đã sáng rõ mặt người. Anh em bị mấy người mặc quần áo bà ba dẫn đi vào trong xóm. Trên đường đi nhìn thấy khẩu hiệu “Nhân dân Thanh Hóa quyết tâm thi đua giành vụ mùa thắng lợi “, các thủy thủ mừng quá. Người này nói khẽ với người kia “ Trời ơi ! Đây đúng là đất Thanh Hóa rồi !”.

Tỉnh Trà Vinh vừa đóng xong một con thuyền, chỉ chờ mua máy và lắp máy xong là có thể lên đường. Chẳng ngờ, địch càn vào căn cứ, chúng đốt cháy mất một mảng. Anh em lại hậm hùi vá lại mảng thuyền bị cháy. Máy thuyền đã mua về rồi, đang chuẩn bị lắp vào thuyền, lại nghe tiếng súng của địch nổ gần. Biết tin trận càn của địch sẽ qua nơi giấu thuyền, cán bộ lãnh đạo của tỉnh bàn với đội thuyền. Nếu chờ đợi lắp máy, e rằng địch càn tới nơi. CHúng sẽ phá thuyền như lần trước thì không biết đến bao giờ mới đi được. Anh em đội thuyền quyết tâm dùng buồm để lên đường trước khi địch càn tới.

Ngày lên đường của đội thuyền Trà Vinh khá cập rập. Nhưng trên đường đi hai ngày đầu, biển lặng sóng êm, anh em đã mừng. Đến ngày thứ ba, mỗi lúc sóng cứ lớn dần. Đêm đến không ai ngủ được, phần vì lo lắng, phần vì sóng lắc ngang, nằm trên thuyền như hạt gạo nằm trên mặt sàng. Dây lèo đã níu nghiêng buồm để thả bớt gió, mà buồm vẫn tỏ ra làm việc quá sức. Nhiều lúc con thuyền chòng chành như muốn lật úp xuống. Có người muốn hạ buồm xuống để cứu con thuyền và cứu tính mạng mình. Nhưng cũng là nghĩ quẩn thế thôi. Trước lúc xuất phát, cấp trên phải cử thêm mười người nữa mới kéo nổi lá buồm lên đỉnh cột. Ở đây một trời, một biển, hạ buồm đã vậy, nhưng muốn trương buồm lên thì biết nhờ ai.

Sáng hôm sau, mấy anh em ngồi chụm đầu xung quanh chiếc máy thu thanh bán dẫn, nghe dự báo thời tiết. Tiếng cô phát thanh viên đài Tiếng nói Việt Nam chậm rãi báo tin “ Bão đang đi vào vùng quần đảo Hoàng Sa .. gió lên tới cấp 10, cấp 12 .. Mưa to đến rất to ..”. Anh em nhìn nhau lo lắng. Có lẽ thuyền của mình đang ở khu vực đảo Hoàng Sa. Làm sao có thể biết được vị trí chính xác của con thuyền, khi trong tay chỉ có mỗi cái địa bàn quá cũ kỹ. Vì sự an toàn của con thuyền, lúc này người cầm lái chưa quan tâm gì tới phương hướng mà chỉ cốt sao luôn lách tránh được những lớp sóng trước mặt, để con thuyền khỏi bị đè xuống.

Ngày tối hôm trước, mầm mống của một cuộc tranh luận “Làm thế nào để có thể đưa con thuyền tới miền Bắc” đã nảy nở. Anh Tranh (Đội tàu đã được tỉnh ủy đặt tên cho từng người theo khẩu hiệu “ Đoàn kết đấu tranh thắng lợi”, cho đến nay anh em vẫn mang tên đó) là bí thư chi bộ kiêm thuyền trưởng vẫn yên lặng không tham gia cuộc bàn cãi. Sáng nay anh chủ trì cuộc tranh luận ấy. Anh chủ trương cứ để buồn, khi hết bão còn đi được, nếu hạ buồm thì khác nào tự chặt đôi chân mình. Hạ buồm, có thể thuyền không bị đắm nhưng rồi cũng có thể chết đói, chết khát giữa biển. Một số anh em phản đối. Nếu không hạ buồm thuyền sẽ bị lật, mà thuyền đã đắm thì hết mọi hy vọng.

Đứng trước sự lựa chọn, tất nhiên người nào cũng muốn được cả mọi thứ : người sống và nhiệm vụ hoàn thành. Nhưng khi tranh luận, mỗi người một ý. Có người bảo “ thà chết để giữ được ghe khỏi đắm”. Người khác mong có sống được mới nói tới hoàn thành nhiệm vụ. Cuộc tranh luận kéo dài bốn, năm giờ liền. Cụ thể chỉ là hạ buồm hay không hạ buồm. Lúc đang tranh luận, thấy con thuyền nghiêng hẳn về một phía, nước trào qua be, anh em vội vã chạy ra ngoài, dùng sào chọc thủng buồm để thả bớt gió. Những lỗ nhỏ vừa được chọc thủng, lập tức gió xuyên qua như lưỡi dao sắc, xé dọc xé ngang cánh buồm.

Cơn bão mỗi lúc một hung dữ hơn. Dây lèo và những lỗ thủng trên cánh buồm cũng trở nên vô ích. Cánh buồm rách mướp kia ở bất kỳ tư thế nào cũng đủ sức lật nhào con thuyền. Cuộc tranh cãi đã đi tới thống nhất. Không hạ hết, mà hạ một mức độ rồi cuốn buồm lại. Anh Tám Kết xung phong trèo lên cột buồm để hạ buồm như ý định, nhưng vừa lên tới đỉnh cột, thì bị đợt sóng lắc rất mạnh. Cột buồm hất anh rơi xuống. Một tiếng kêu “ôi” khiếp

đảm, bất lực, bật ra cùng lúc với cái cơ thể nặng nề của Tám Kết rơi xuống mặt khoang. Anh nằm ngất lịm. Trên má, trên môi anh bị xước giập, máu chảy loang ra pha lẫn với nước trên mặt khoang.

Anh Tranh, anh Thắng vội vã chạy đến lay gọi Kết :

-Kết ơi ! Kết ơi ! .. Tỉnh lại Kết ơi !

Tiếng gọi tha thiết như át cả tiếng sóng. Đôi mắt của Tám Kết từ từ hé mở.

Khi Kết vừa ngã xuống, lập tức Đầu lên thay. Đầu mỗi tay quá tụt xuống, Lợi lên tiếp .. cho tới khi lá buồm được cuộn lại theo ý muốn. Người nào từ trên cột buồm tụt xuống, mặt cũng tái ngắt, chân tay run rẩy, đứng không vững. Mỗi lần cái trục bị gió đập vào cột buồm, là một lần như bị một quả đấm đấm mạnh vào ngực đến tức thở, muốn rời tay ra khỏi cột. Khoảng chao đảo của đầu cột, từ điểm nọ đến điểm kia thành một đường cung dài tới sáu bảy mét, làm cho họ chóng mặt. Đây không khác một trận đánh, mà sức của cơn bão còn mạnh hơn địch gấp bội phần, nhưng tinh thần các thủy thủ rất kiên cường không một ai tỏ ra nao núng.

Chiếc thuyền lúc này không khác gì một cánh bèo, phó mặc cho sóng gió trôi nổi, không còn biết bến bờ là đâu.

Mặt biển đen ngòm, sủi bọt dữ tợn. Sóng không còn thành từng lớp nữa, mà từ bốn hường dồn lại, từ dưới đáy biển dồn lên những núi nước khổng lồ, rồi đột nhiên lại tan biến thành những vực sâu thẳm. Cảnh tượng thật dễ sợ, cứ tưởng như bàn tay lạnh ngắt của thần chết đang từ từ đưa từ đáy biển lên, sẵn sàng kéo chiếc thuyền xuống. Mặc cho cái chết đe dọa, không ai tỏ ra tuyệt vọng. Cái tên : Đoàn, Kết, Đầu, Tranh, Thắng, Lợi do tỉnh ủy đặt cho trước lúc lên đường, bây giờ có ý nghĩa thực tiễn

Anh Hai Tranh vốn kín đáo ít nói, trong giờ phút nguy hiểm này bỗng trở thành người vui tính. Anh vào trong ngăn chạn, xách ra một chai rượu, một gói bích quy, rồi đặt trước mặt anh em :

-Nào ta mở tiệc chào cơn bão – Tranh mở nút chai và đưa về phía Ba Đoàn –

Mời chú, người nhiều tuổi nhất uống trước. Phải cố gắng uống một chút cho nóng người lên lấy lại sức. Dù gió bão thế nào đi nữa cũng phải đi tới miền Bắc để gặp Bác. Nào anh Kết nữa, uống đi để bù vào cái ngã.

Nhìn ra ngoài, thấy lá buồm đang bị gió bắt đi từng mảng lớn, anh Đấu nói :

-Nó xé đến nát cánh buồm của chúng ta ra mất.

-Không sao ! Mặc nó ! Như thế mới gọi là bão – Tranh nói

-Hết buồm là hết cách.

-Việc đời là như thế, thường khi hết cách mới nghĩ ra cách hay hơn.

Câu nói triết lý của Tranh làm mọi người cười ran.

Nghe tiếng gõ “cùng cùng ..” của trục buồm vào cột buồm, anh Ba Đoàn ra ngoài xem. Thấy một sợi dây buồm bị đứt, anh trèo lên cột buồm nối lại.

Tranh mang gói bánh cho Lợi đang ngồi lái. Một cơn gió mạnh, đẩy thuyền nghiêng hẳn về một phía, làm anh chệnh choạng xuýt ngã. Cùng lúc đó Ba Đoàn tuột tay, văng xuống biển. Xúc động đột ngột trước cảnh tượng bạn mình gặp nguy hiểm, tay của Tranh rời gói bánh lúc nào không biết.

Không còn cách nào cứu được nữa rồi, Tranh bám chặt mũi thuyền, đôi mắt anh đau đớn nhìn xuống mặt nước, nơi Đoàn vừa rơi xuống.

Nghe thấy tiếng kêu ở bên ngoài, Đấu vội vã lao ra. Anh là người lăn lộn với sóng gió đã nhiều năm, nhưng chưa bao giờ gặp cảnh ngộ này, anh lắc đầu buồn bã. Bất lực hoàn toàn. Những đợt sóng vùi lên nhau sủi tăm, dù có liều lĩnh nhảy xuống biển cũng chẳng có sức nào tìm kiếm nổi. Chỉ trong giây lát bị choáng trước tình huống, anh nhớ ra ngay, phải đi lấy phao. Chiếc phao vừa đụng đến mặt nước, lập tức sóng như cái lưỡi dài cuốn luôn phao chìm mất tăm. Làm sao bây giờ. Tất cả anh em ra đứng nhìn về phía mạn thuyền, như mặc niệm người đồng chí đã hy sinh..

Một sợi dây buồm kéo quật trên mặt nước, bỗng căng và thấy đầu của Đoàn nhô lên khỏi mặt nước.

-Ôi, Đoàn ơi ! Sống rồi.

-Ném thêm một sợi dây nữa cho cậu ấy. Mau lên !

Anh Đấu ném thêm một sợi dây chèo nữa tiếp cho Đoàn. Mọi người xúm lại kéo Đoàn lên thuyền. Thật may. Khi Đoàn bị cột buồm hất xuống, anh đã với được một sợi dây buồm. Thật hứ vía.

Nỗi lo kia chưa tan, nỗi phiền này đã tới. Thuyền bắt đầu phá nước. Toàn đội có 6 người, một người lái, còn 5 người chia nhau làm hai kíp thay nhau tát nước.

Một ngày, hai ngày rồi tới ngày thứ ba cơn bão vẫn dai dẳng không tan. Một ngày sống trong hoạn nạn dài hàng thế kỷ. Gió, sóng, mưa , bầu trời xám ngắt một màu chết, lại tiếng gõ “cùng, cùng ..” đều đều của trục buồm vào cột buồm như bào ruột, bào gan. Cây cột buồm có đường kính 400 cm. đã bị trục buồm mài mòn hai phần ba. Cứ cung cách này, cũng sắp bị bão bẻ gãy nốt.

Cơm nước không sao nấu nổi với sóng gió. Giả dụ có thể nấu được cơm, cũng không còn nước ngọt mà nấu. Hai thùng nước có thể đủ dùng cho nửa tháng đi biển, đã bị sóng gió tát cạn tới đáy. Anh em làm việc ngày đêm không nghỉ. Mỗi ngày một ngụm rượu và miếng bánh ngọt để sống cầm hơi. Lo lắng và mệt mỏi làm mất cảm giác đói, mà chỉ thấy khát cháy cổ. Đôi lúc anh em xòe bàn tay hứng nước mưa, rồi liếm những giọt nước ở bàn tay mình cho đỡ khát. Sức mọi người kiệt dần. Anh Đấu có vóc người như một lực sĩ, một tay đưa thùng nước 10 kg từ đáy thuyền lên mặt khoang chẳng mùi mề gì, bây giờ đôi lúc không điều khiển được đôi tay mình nữa. Thùng nước nặng 3 kg mà anh phải dùng hai tay, có lần không còn sức để hất nước ra ngoài.

Mệt mỏi cũng tiếp sức cho cái chết. Anh em đã bàn tính, khi thuyền chìm phải làm gì. Bàn để chuẩn bị đôi phó với cái tai họa nặng nề nhất, nhưng không để mất lòng tin. Lúc này thất vọng đồng nghĩa với cái chết. Thất vọng là chân tay rã rời, chờ cho chiếc thuyền của mình chìm dần.

Tới ngày thứ năm gió bão giảm dần. Sang ngày thứ sáu trời đẹp trở lại. Biển tím thẫm, phẳng lặng như mặt hồ và bầu trời trong xanh, không một gợn mây. Gió không còn đủ sức đẩy con thuyền đi thêm một gang tay.

Tranh nói vui :

-Thần gió dốc cạn túi, đến bây giờ chúng ta cần có chút gió, thì lã ta nằm ngủ.

-Khỏi lo ! Đứng chống nạnh, nhìn về phía chân trời và nói khẳng định – Biển có khi nào hết gió. Chỉ chờ một lát nữa thôi, các anh sẽ thấy tôi nói đúng.

Anh em nhìn nhau cười. Có người cười mà nước mắt cứ trào ra. Đến đây là 9 ngày đi trên biển, bây giờ mới có thời giờ nhìn nhau cận kề. Khi bước xuống thuyền chuẩn bị lên đường, khuôn mặt Tranh còn phảng phất nét trẻ trai. Lúc này không ai có thể nhận ra anh ở tuổi 43 nữa. Hai hố mắt lõm xuống một quãng tối, hai gò má nhô cao, nước da đen tái xám, râu ria đầy cằm. Anh không khác ông lão 60. Đoàn lại càng tiều tụy hơn. Sự thử thách này đã vượt qua sức của tuổi 53 của anh.

Thử thách vẫn chưa hết. Không ai biết con thuyền của mình đang ở tọa độ nào, cách miền Bắc bao xa ? Liệu có đến được miền Bắc hay lại giạt sang một nước nào đó. Anh em bàn với nhau, nếu lạc sang một nước tư bản, nó sẽ trả mình về miền Nam. Trở về ắt sẽ bị bọn ngục xét hỏi, ta sẽ nói “ bị bão trôi giạt”. Dù có bị chúng giam giữ vài tháng, khi được ra ta lại tiếp tục đi chuyến khác. Việc trước mắt là có cái gì hứng gió để đẩy thuyền đi.

Cả đội xúm lại sửa buồm. Họ đưa ra mọi thứ, cởi cái áo đang mặc, cái khăn quần cổ, mùi xoa .. miễn là nó có thể hứng được gió, đem khâu víu với các mảnh buồm mà gió bão còn để sót lại. Chỉ trong vài giờ khâu vá, họ đã có cánh buồm rất nhiều màu sắc, một loại buồm có một không hai trên đời này.

Con thuyền như người mới ốm dậy, lừ đừ trườn trên mặt nước. Anh Hai Tranh ngồi ung dung cầm lái.

Cánh buồm tươi tắn ấy, đưa anh em đi thêm 2 ngày đường nữa. Khi nhìn thấy núi non và thuyền bè qua lại, có anh reo lên :

-Hong Gai !

-Có thể là Hong Gai, cũng có thể nơi nào đó, chúng ta đã ai đến Hong Gai

bao giờ mà chắc.

Con thuyền chiếu thẳng hướng vào bờ. Anh em ngồi trên mặt khoang chuyện trò vui vẻ. Có người nhắc đến các món nước giải khát, có người bàn tới các món ăn, có người gạt mọi chuyện ăn uống, chỉ thềm một chỗ nào thật yên tĩnh để ngủ liền một ngày một đêm cho đã.

Niềm vui và hy vọng đang bùng bùng trong trí tưởng tượng của anh em.

Một chiếc canô chạy từ trong bờ ra, tới gần chiếc thuyền Trà Vinh. Đứng trên chiếc canô là mấy người Âu đang nói và ra hiệu cho chiếc thuyền theo chiếc canô của mình.

Thuyền đã cập cảng . Anh em lo lắng. Chẳng hiểu đây là nước nào và họ sẽ cư xử với mình ra sao. Họ ra hiệu thuyền trưởng theo họ lên phố. Tranh vừa bước đi vừa ngắm nhìn. Cái thành phố cảng xa lạ này có nhiều nhà lầu cao chọc trời, nhưng cũng còn lắm nhà ghép bằng gỗ ván thùng lụp sụp. Người đi lại trên phố rất đông. Âu có, Á có, kẻ đi xe sang trọng, người chân đất. Qua hình thức sống của nhân dân, Tranh phán đoán : đây là một nước tư bản.

Đến nhà cơ quan của họ, một người châu Âu chỉ lá cờ, rồi lại ra hiệu bằng tay, ý muốn hỏi “các anh người quốc tịch nào ?”

Tranh vẽ lá cờ “sọc dưa” rồi phùng mồm thổi bay tờ giấy đó trên mặt bàn. Bọn họ cười và gật đầu, ra điều mình đã hiểu. Một người khác lại nói một tràng dài, Tranh không hiểu. Họ lại làm các điệu bộ của người câm nói với nhau. Anh hiểu họ hỏi “ Các anh đi đâu “. Anh lấy giấy vẽ cái cần câu và một con cá. Khoảng 15 phút chuyện trò giữa những người “vừa câm vừa điếc” kết thúc. Tranh trở về thuyền của mình.

Thuyền Trà Vinh cập mạn thuyền với thuyền dân chài của địa phương. Họ thấy anh em mình người nào cũng trần trụi, gầy guộc. Có người tò mò tới hỏi thăm, tất nhiên bằng điệu bộ của người câm. Họ hiểu anh em vừa trải qua một trận bão, mất hết đồ nghề, gạo nước và trôi giạt tới đây. Mấy chiếc thuyền ở gần đó đã quây góp cho anh em được hơn một tạ gạo và cho đây hai thùng nước ngọt. Qua chuyện trò với bà con dân chài , anh em biết đây là MaCau.

Ngày hôm sau, mấy người cảnh sát địa phương lấy hải đồ chỉ đường cho anh em về miền Nam Việt Nam.

Bước chân lên thuyền, Tranh cười nói :

-Chúng ta tiếp tục đi. Chắc lần này không phải rẽ vào một nước nào để chuẩn bị thêm.

Anh em đẩy thuyền và trương cánh buồm tả tơi lên. Thuyền trưởng cầm cái địa bàn lắc lắc rồi đặt nó lên lòng bàn tay. Kim la bàn đung đưa qua lại, không chịu đứng yên một vị trí. Tranh lẩm bẩm “ hướng Bắc khoảng này. Khi thật, sao nó không đứng ở chỗ nào”. Anh ngoảnh về phía người lái nhắc bẻ góc lái về hướng tay anh chỉ.

Con thuyền nhắm thẳng mục tiêu – bến bờ mà con tim, khối óc của họ gửi gắm cả vào đó.

Các đội tàu của Nam Bộ đã lần lượt đến miền Bắc. Những thử thách khắc nghiệt nặng nề đã bị đẩy lùi về phía sau. Đội thuyền số 1 của tỉnh Bến Tre do Nguyễn Văn Tiến, bí thư chi bộ, Nguyễn Văn Hải, thuyền trưởng đến ngày 11-6-1961. Đội số 1 của tỉnh Cà Mau do bác Bông Văn Dĩa, thuyền trưởng kiêm bí thư chi bộ, đến ngày 7-8-1961. Riêng đội thuyền của tỉnh Bà Rịa gặp nhiều rủi ro nhất, lần thứ nhất ra đi đến ngang Cam Ranh gặp bão, thuyền đắm. Các thủy thủ sống sót trôi giạt vào bờ, lại quyết tâm trở về mua sắm thuyền đi chuyến khác. Chuyến thứ hai lại gặp bão thổi giạt vào đảo Hải Nam, mãi đến đầu năm 1962, anh em mới tới được miền Bắc.

Những chuyến đi ra miền Bắc của các đội thuyền Nam Bộ đã góp phần quý báu vào kho tàng kinh nghiệm của lịch sử hàng hải Việt Nam. Cái quý giá nhất đối với chúng ta lúc này là những kinh nghiệm đi trên đường biển Bắc-Nam dưới sự kiểm soát của hải quân hiện đại Mỹ - ngụy. Hơn thế nữa, những kinh nghiệm đó còn là tiền đề vững chắc cho việc thiết lập con đường biển chiến lược Bắc-Nam.

Bác Hồ, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội được tin các đội tàu thuyền Nam Bộ đã có mặt ở Hà Nội, đều tỏ ra rất vui mừng, xúc động.

Bác Hồ, đồng chí bí thư thứ nhất Lê Duẩn, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó thủ tướng Phạm Hùng, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh .. đã lần lượt đến thăm anh em. Trung ương rất quan tâm, săn sóc tới đời sống tinh thần, vật chất của anh em.

Một số đồng chí trong Quân ủy TW được phân công trực tiếp lãnh đạo các đội tàu và nghiên cứu tổ chức mở đường chiến lược trên biển.

Ngay những ngày đầu, Quân ủy TW đã phải nghiên cứu giải đáp mâu thuẫn giữa sự đòi hỏi khẩn cấp của các tỉnh ở miền Nam với nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Anh em trong các đội tàu, không lần nào gặp cấp trên lại không nhắc tới nỗi mong mỏi như lửa đốt của quê hương mình. Nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân cũng chính là tâm tư, suy nghĩ của cấp trên. Song cách giải quyết thì vừa phải bảo đảm lâu dài, vừa phải giữ được bí mật. Vì thế, một mặt cấp trên giải thích, giáo dục để anh em thấy vai trò quan trọng của con đường biển, cần được tổ chức bảo vệ lâu dài; một mặt bí mật khẩn trương tiến hành tổ chức mở đường. Một lần nói chuyện với các đồng chí trong Quân ủy TW, đ/c Lê Duẩn đã căn dặn “ Phải tuyệt đối giữ bí mật. Nếu để lộ bí mật là mất tất cả “. Do đòi hỏi bí mật tuyệt đối và do tính chất quan trọng của nó, cho nên Bộ chính trị và Quân ủy TW trực tiếp nắm quyền chỉ đạo tổ chức mở đường mà không giao cho cơ quan của Bộ.

Sau một thời gian ngắn, guồng máy chỉ đạo tổ chức đường chiến lược trên biển được hình thành và bắt tay ngay vào hoạt động. Người phụ trách chung là Trung tướng Trần Văn Trà, Phó Tổng Tham mưu trưởng. Giúp việc cho đồng chí có đ/c Nguyễn Quang Minh và một số cán bộ của “Tập đoàn đánh cá sông Gianh”. Thời gian đầu khi chưa thành lập xong đơn vị vận tải chiến lược, các đ/c Võ Bẩm, Lưu Đức, đ/c Nhậm là người giúp Quân ủy làm những công việc tổ chức cụ thể, như lo liệu chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của các đội thuyền, tuyển thêm cán bộ thuyền và thủy thủ, chuẩn bị thành lập một đơn vị đặc biệt đảm nhận nhiệm vụ vận tải chiến lược.

Vài tháng sau, đơn vị vận tải chiến lược trên biển ra đời, mang phiên hiệu đoàn 759 (Quyết định số 97/QP ngày 23-10-1961), Trung tá Đoàn Hồng Phước được bổ nhiệm làm đoàn trưởng. Đến ngày 12-2-1962 (QĐ số 09/QĐ) mới kiện toàn cơ quan lãnh đạo Đảng của Đoàn. Các đ/c Đoàn Hồng Phước, Phạm Thái Hòa (Ba Nhân), Lưu Đức, Phạm Tấn Khương, Đặng Văn Đồng được chỉ định vào đảng ủy, do đ/c Thái Hòa làm bí thư.

Các công việc tổ chức, chuẩn bị được triển khai trong khoảng thời gian cuối năm 1961, ở nhiều địa điểm khác nhau. Mỗi việc đều đặt công tác bí mật lên hàng đầu. Nhiều đơn vị xí nghiệp nhận việc nhưng không biết mình đang phải làm ngày đêm gấp vội để chuẩn bị cho con đường chiến lược trên biển ra đời. Công an vũ trang tỉnh Quảng Bình được giao đứng tên để sửa lại chiếc thuyền có trọng tải 20 tấn của tỉnh Bạc Liêu. Công trường gỗ Quảng Bình sửa phần vỏ, xưởng cơ khí 6-1 Đông Hới sửa máy. Họ đã nhận chỉ thị của tỉnh ủy phải sửa chữa gấp chiếc thuyền và máy cho công an vũ trang của tỉnh tuần tra chống biệt kích hoạt động trên biển. Xưởng đóng tàu 1 Hải Phòng nhận nhiệm vụ sửa chiếc thuyền Trà Vinh, đóng mới 4 chiếc theo mẫu của thuyền Trà Vinh, có máy đẩy, cũng để chống biệt kích. Công an Hải Phòng cũng nhận chỉ thị của Bộ Nội Vụ làm trong sạch tình hình chính trị xung quanh bán đảo Đồ Sơn, kiểm soát chặt chẽ người và tàu thuyền qua lại trong khu vực. Trong lúc công an làm nhiệm vụ bên ngoài, công binh hải quân làm gấp cầu cảng quân sự K20 ở gần Hòn Dấu (Đồ Sơn). Một bộ phận của xưởng quân khí Tổng cục Hậu cần nhận lệnh tẩy xóa những dấu vết chứng tỏ của miền Bắc trên súng đạn được giao đóng gói ..

Việc gì có thể làm trên miền Bắc, đã triển khai thực hiện khôn lường. Riêng việc mở các bến nhận hàng ở Nam Bộ, còn chưa xác định rõ ràng.

Các đội tàu thuyền khi lên đường ra miền Bắc đều nhận nhiệm vụ giống nhau “lấy vũ khí cho tỉnh mình đánh giặc”. Đối với họ, chỉ có một con thuyền, nếu đi được tới miền Bắc thì trở về vùng biển quê mình, không nhiều khó khăn lắm. Vì vậy các tỉnh chưa bận tâm đến bến bãi.

Vận tải chiến lược lại không thể giản đơn. Vấn đề đặt ra “bến đỗ cho tàu thuyền khi mang hàng vào ở đâu?”, là một bài toán khó chưa giải đáp ngay được. Bến chỉ có nhận hàng là xong, rồi tàu thuyền lại quay mũi trở về miền Bắc, hay chọn lạo bến kín đáo để tàu có thể đậu lại ít ngày? Nếu chọn bến được theo phương án hai (thuyền đậu lại) là thuận lợi nhất.

Qua nghiên cứu thảo luận, nắm chắc địa hình, các đ/c chỉ huy quân sự ở Nam Bộ thấy khả năng đặt bến trong đất liền hầu như không có, vì các cửa vàm, cửa rạch nào thuyền bè lớn đi lại được, địch đều kiểm soát rất chặt và cũng là nơi nhân dân làm ăn đông đúc, khó giữ được bí mật. Còn các rạch nhỏ, tuy

kín đáo, nhưng thuyền cỡ hàng chục tấn không vào nổi vì hẹp hoặc không đủ mức nước cần thiết. Chỉ còn khả năng đặt bến trung chuyển trên các hòn đảo hoang. Tàu thuyền vào ném hàng xuống bến trung chuyển rồi quay ra, vượt qua khu vực địch kiểm soát ngay trong đêm. Đơn vị bến sẽ dùng thuyền nhỏ lẫn vào các thuyền đánh cá của dân để đưa hàng về đất liền.

Bến trung chuyển thực ra vẫn còn hàng loạt câu hỏi. Tổ chức thuyền hợp pháp để chuyển hàng như thế nào ? Đi lại nhiều lần tới các đảo hoang vắng, có thể tạo ra mối nghi ngờ cho địch không ? Nhưng dù sao việc đặt bến ở các đảo hoang vắng xem ra có nhiều điều hợp lý hơn.

Có lần đ/c phụ trách chỉ đạo tuyến đường hỏi bác thuyền trưởng Bông Văn Dĩa (thuyền Cà Mau) :

-Anh xem trong tháng tới đội thuyền của anh về có khó khăn gì không ?

-Đi ngày nào cũng được. Anh em chúng tôi đang mong mỏi.

-Về ghe không, không mang vũ khí đâu.

-Sao kia ?

-Anh cũng biết rồi đó, trong ấy ta chưa tổ chức bến. Chuyển này dành riêng cho việc tìm bến và tìm hiểu thêm về địch. Nói với khu ủy rằng : ý ở ngoài này sẽ tìm bến trung chuyển, và cũng nên trinh sát lại các ngòi rạch, nếu đặt trong đất liền càng tốt. Như những điều chúng ta đã thảo luận rồi đó. Việc này tôi nói riêng với anh. Đến ngày nào đi mới báo được với anh em.

Bác Dĩa đề nghị cho thuyền chở vũ khí về, đồng chí nói :

-Tôi biết anh em lo nhiệm vụ của tình trao, nhưng nóng vội không được đâu ! Phải nghĩ tới làm ăn lâu dài và lợi ích toàn miền.

Khoảng cuối năm 1961 đến đầu năm 1962, việc tuyển người về đơn vị vận tải đường biển chiến lược được thực hiện khẩn trương. Hầu hết những cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn về là người miền Nam ra tập kết. Họ là những thuyền trưởng ưu tú của hải quân, của cục đường sông, đường biển hoặc ở các sư

đoàn chủ lực bộ binh.

Nơi đón quân mới về được bảo vệ nghiêm mật. Hàng ngày xe com-măng-ca chở người qua cổng rồi mất hút sau những rặng cây. Người ở ngoài không mấy may biết trong đó là cơ quan gì. Người tò mò cũng chỉ có thể đoán nơi đó tiếp các đại biểu quân đội các nước anh em.

Một hôm có một chiếc xe com-măng-ca, còn đầy bụi đường, dừng trước cửa dãy nhà lá. Phần đông số khách trong xe ở lứa tuổi 50, ăn mặc giản dị. Áo sơ mi trắng, quần kaki hoặc quần áo công nhân còn nồng mùi dầu máy. Trong số khách có Lê Xuân Ngọc trẻ nhất, cũng đã 30 tuổi. Trường hợp nhận lệnh chuyển công tác của Lê Xuân Ngọc cũng giống như anh em cùng đi chuyển xe này. Anh đang công tác ở ngành vận tải quốc doanh đường sông đột ngột có lệnh chuyển. Hôm ấy, đ/c cán bộ tổ chức đến trao quyết định, không nói thêm điều gì, ngoài những chữ đã có trong văn bản. Ngọc tò mò muốn biết công tác sắp tới mình làm gì, ở đâu ? Anh cán bộ tổ chức cười nói thân tình :

-Tôi chỉ biết đồng chí sẽ được trở lại quân đội. Còn nhiệm vụ cụ thể gì thực tình tôi không biết. Đồng chí bàn giao công tác rồi lên Ban Thống nhất TW nhận nhiệm vụ.

Trở lại quân đội, lại do Ban Thống nhất điều động, thì rõ ràng là trở về tham gia chiến đấu giải phóng quê hương miền Nam rồi. Ngọc thầm vui với suy nghĩ ấy. Ngay hôm sau, Ngọc bàn giao xong công việc và liên hoan với anh em thủy thủ của chiếc tàu kéo VTBI mà anh là đoàn trưởng.

Thời gian quá gấp, chỉ đủ cho anh tạt về qua nhà một lát để tạm biệt người vợ mới cưới và nói mấy lời ngán ngủi “Anh đi Hà Nội mai một sẽ về”. Anh chắc chắn trước khi nhận nhiệm vụ mới, thế nào chả được nghỉ vài ngày phép.

Về tới đây, Ngọc thấy có cái gì vừa khác thường, vừa thân thiết trong sự tiếp đón. Hai đồng chí sĩ quan, một đại tá, một đại úy đón Ngọc như đón khách quý. “Chủ nhân” rất ân cần , cởi mở. “Khách” được mời vào trong một hội trường nhỏ, sáng sủa. Trong phòng đặt hàng ghế tựa xung quanh chiếc bàn dài phủ vải hoa. Trên bàn đặt vài bộ ấm chén, mấy đĩa bánh kẹo và những bao thuốc lá Thăng Long đã mở sẵn. Đ/c đại tá tự mình pha chè, rót nước, đưa thuốc lá mời mọi người và ân cần hỏi han :

-Chắc các đồng chí chuẩn bị về đây cũng hơi vội ?

-Dạ. Cũng đủ thời gian bàn giao công tác.

-Các đồng chí đã được qua nhà thăm chị và các cháu ?

-Dạ.

Qua chuyện trò hỏi thăm của đồng chí đại tá và các cán bộ khác tiếp anh em mới đến, Ngọc càng chắc chắn chuyến này sẽ được về Nam. Nhưng cũng có điều anh còn băn khoăn. Trước kia một vài người bạn của anh chuẩn bị đi chiến trường, thường trở về một đơn vị đóng ở rừng núi, rèn luyện đôi chân, đôi vai .., đằng này lại tập trung ngay ở thủ đô.

Chẳng riêng gì Ngọc mà mấy đồng chí nhiều tuổi cũng muốn hiểu ngay những điều mình băn khoăn. Bác Nhợ hỏi đ/c đại tá :

-Đề nghị các đồng chí cho biết nhiệm vụ của chúng tôi.

-Rồi chúng ta sẽ bàn kỹ, công việc không thể nói ngay một lúc được các đồng chí ạ ! Sau đây mời các đồng chí cứ về nghỉ ngơi đã.

Anh em mới tuyển về, lần lượt được biên chế xen kẽ với số anh em từ miền Nam mới ra. Chỉ vài ngày sau, những câu chuyện của các thủy thủ Nam Bộ đã giúp Ngọc hiểu ngay được đơn vị mình sẽ làm nhiệm vụ gì.

Hằng ngày có một vài giờ huấn luyện về kỹ thuật hàng hải, do các thuyền trưởng đã qua trường huấn luyện. Đối với phần đông các thủy thủ, kỹ thuật hàng hải chẳng khác gì cái món ăn khó tiêu. Phần vì trình độ văn hóa của anh em còn kém, phần vì thời gian chờ đợi sốt ruột, mà phải ngồi tính toán thì thật là chuyện nhức đầu. Anh em hết đề nghị rồi lại mong ngóng lệnh của cấp trên.

Một tháng, hai tháng, rồi một năm trôi qua. Có người thấy năm tháng chờ đợi dài lê thê, phát ngán. Tính bảo ra tới miền Bắc, lấy vũ khí về ngay. Thật là kỳ, trong lúc ở nhà thiếu từng viên đạn, ra đây ngồi học hàng hải và đi thăm quan ..Khi được cấp trên phân tích lý lẽ thì thông, nhưng chờ thêm vài ngày

lại thấy người ngựa ngáy sốt ruột.

Đối với một số anh em ở miền Bắc vừa được bổ sung ,việc chờ đợi cũng sốt ruột, nhưng không sốt ruột bằng ở gần nhà mà không được về thăm và không được biên thư.

Từ trước đến nay, anh em chưa bao giờ sống trong khuôn khổ kỷ luật bí mật như thế. Đoàn 759 như một thế giới riêng. Tuyệt đối không được biên thư cho bất cứ ai. Đi ra ngoài nếu gặp người quen dù thân thiết đến thế nào cũng phải tránh né, không cho ai biết mình ở đâu, làm gì .. Có một lần, Ngọc ra phố cắt tóc, khi về tới cổng thì gặp một người bạn rất thân. Người bạn nhìn thấy Ngọc , anh ta reo lên :

-Kia, tưởng cậu “dô” rồi, sao lại ở đây ?

Ngọc buột lòng phải bắt tay bạn, nhưng anh rất lúng túng khi trả lời :

-Mình .. mình xin lỗi, đang có việc cần phải đi.

Ngọc rút bàn tay mình ra khỏi bàn tay của bạn rồi đi thẳng mà không dám vào cổng trại, sợ lộ chỗ ở của mình. Anh bạn hết ức ngạc nhiên trước cử chỉ có vẻ lạnh nhạt của Ngọc. Anh ta đứng sững, nhìn theo Ngọc một lát, không hiểu suy nghĩ thế nào, anh ta rảo bước theo Ngọc. Thật là rầy rà, Ngọc cố bước nhanh hơn và lẩn vào đám đông để vòng về nhà.

Càng ngày bộ mặt sinh hoạt của Đoàn 759 càng mang dáng dấp đặc biệt. Các đ/c Ủy viên Bộ Chính Trị thường lui tới thăm hỏi đơn vị luôn. Đời sống vật chất, tinh thần của anh em được tổ chức chăm lo rất chu đáo. Có lần anh em ngỏ lời ao ước “giá được đi Vịnh Hạ Long”, ngày hôm sau anh em lên xe đi thẳng xuống Hải Phòng. Và đến cảng đã có canô chờ sẵn để đưa ra vịnh. Có lần đội bóng đá của nước bạn sang đấu ở sân Hàng Đẫy; anh em đã xem đấu với đội hạng A của ta rồi, nhưng lúc đang ngồi chơi tú lơ khơ, có ai đó ngồi phía sau hỏi “Các cậu có thích xem đá bóng không ?” Anh em trả lời đại “ Có chứ”. Tưởng nói chơi với nhau, không dè người đặt câu hỏi đó lại là Phó thủ tướng Phạm Hùng. Vào giờ đó, nếu khán giả bình thường của cuộc đấu, khó lòng kiếm được vé. Nhưng với đoàn 759 vẫn có chỗ ngồi ở khán đài A.

Về sau anh em bảo nhau, thôi không bộc lộ những ước muốn vụn vặt ấy nữa.

Mặc dầu vậy, TW vẫn cưng chiều anh em đủ thứ. Riêng việc duy trì kỷ luật bí mật, việc giáo dục ý thức chống Mỹ, cứu nước lại rất chặt chẽ. Sự quan tâm ấy của Bộ chính trị TW Đảng khiến anh em càng thấy nhiệm vụ sắp tới của mình quan trọng, và nặng nề như thế nào, và càng háo hức đón chờ được nhận nhiệm vụ. Ngọc cũng như nhiều anh em không giấu được nỗi mong ấy. Thịnh thoảng anh lại thăm dò các đồng chí xung quanh “Bao giờ vô trong ấy”.

Hàng ngày, giờ đọc báo buổi sớm, không khí trong đơn vị thường sôi nổi hẳn lên. Đồng chí liên lạc mang báo về là anh em xúm lại, giành nhau đọc. Bao giờ họ cũng đọc thời sự nói về miền Nam trước tiên.

“Tháng 10 /1961, không đoàn thứ 13 Mỹ đưa bộ chỉ huy tiền tiêu đến Đà Nẵng và xây dựng hệ thống rada”

“Kenedy triệu tập hội nghị cấp cao bàn về vấn đề Nam Việt Nam”

“Davitxop tuyên bố sẵn sàng tham chiến ở miền Nam Việt Nam”.

“Tư lệnh Hải quân Mỹ tới Sài Gòn ..”

V.V..

Mỗi lần đọc những loại tin tức như thế, thường nổ ra cuộc tranh luận nhỏ xung quanh vấn đề “Mỹ có dám đưa quân vào miền Nam Việt Nam không?” và một vài câu hỏi có liên quan tới vấn đề vận tải vũ khí sắp tới. Một số anh em cho rằng: chẳng Mỹ áp dụng chính sách thực dân kiểu mới, chỉ dùng tiền bạc, vũ khí thông qua bọn tay sai để thực hiện mục đích xâm lược. Chủ nghĩa thực dân cũ đã bị lên án. Mỹ là một thằng thực dụng, nó không dại gì đưa quân vào cái đất này, khi mấy chục vạn quân viễn chinh Pháp vừa bị đánh bại. Số anh em khác lại cho rằng: bản chất đế quốc là xâm lược. Nó đang bị sa lầy. Xem ra thực dân mới không xong, thì nó cũng chẳng từ gì thủ đoạn đưa quân lớn vào. Do những suy luận khác nhau về những vấn đề lớn ấy, nên việc vận tải vũ khí vào Nam cũng có sự suy nghĩ khác nhau. Có người lo rằng mình đưa vũ khí ồ ạt vào Nam mà lộ ra, như vậy là vi phạm Hiệp định Giơnevơ, Mỹ sẽ lấy cớ đó để đưa quân và vũ khí ồ ạt vào, làm cho cuộc chiến tranh của ta càng thêm khó khăn. Số anh em khác cho rằng: Ai không dám đưa vũ khí vào miền Nam, cho rằng việc làm đó sẽ vi phạm Hiệp

định Gionevơ là tiêu cực. Mình không đưa thì Mỹ nó cũng đưa vào rồi. Đất nước của mình, mình có quyền đưa vũ khí và cả quân đội nữa để đánh bọn xâm lược và bọn bán nước. Ngọc ủng hộ loại ý kiến này. Anh đang mong mỗi được trở về Nam chiến đấu, nên khi nói tới “sợ vi phạm hiệp định” là anh đã đổ tai, khó chịu. Tuy rằng người nêu ra cũng có lý lẽ, nhưng chẳng bao giờ làm cho anh xuôi tai.

Một trong những nguyện vọng lớn của các thủy thủ Nam Bộ ra miền Bắc là được gặp Bác. Cái ao ước ấy vẫn nung nấu trong tâm tư anh em.

Hôm ấy, đại biểu thủy thủ các tỉnh được Bộ Chính trị mời dự bữa cơm thân mật. Khi trở về, anh Lê Công Cẩn vừa hé ra chuyện được gặp Bác, lập tức mọi người quây lấy anh, yêu cầu anh kể lại.

Anh Cẩn mắc một cái tật, mở đầu câu nói thường bắt đầu bằng hai tiếng “nói chung”

- Nói chung .. da dẻ Bác hồng hào. Bác đi lại nhanh nhẹn.

Một anh đứng cạnh nói xen ngang :

-Không nên nói chung, mà nói thật kỹ heng.

-Nói chung.

-Đó lại nói chung rồi.

Mọi người cười âm lên. Không khí vui vẻ ấy không phải do cách nói của anh Cẩn, mà do anh em sắp được nghe chuyện kể về Bác. Và chắc chắn sẽ được biết Bác nói gì về công việc của mình :

-Khi chúng tôi đến thì món ăn đã bày sẵn, đầy cả bàn. Anh em đang sửa soạn ngồi thì đ/c Phạm Văn Đồng đến. Thấy còn một cái ghế liền chỗ Thủ tướng chưa có người ngồi, tôi đoán thế nào Bác cũng đến. Tôi nhanh chân tới ngồi bên cạnh cái ghế bỏ không đó. Và đúng như điều mong mỏi, Bác đã đến. Mọi người đứng dậy vỗ tay hồi lâu. Tôi vinh dự được ngồi ngay bên cạnh Bác. Bác vui lắm. Bác bắt tay từng người. Bác hỏi thăm sức khỏe của tất cả chúng

ta. Bác nói về chuyến ra Bắc của chúng ta là “ .. trên thế giới này, ngoài Christop Colombo và các chú ra , thì không ai đi kiểu này !” . Rồi Bác hỏi “ Các chú ra đây có yêu cầu gì với TW nào ?”. Hình như Bác biết được tâm trạng của chúng ta nên Bác mới đặt ra câu hỏi ấy. Tất cả chúng tôi gần như đồng thanh “Chúng cháu ra đây xin vũ khí về đánh giặc”. Anh Hai Tranh bạo dạn nêu ra yêu cầu cụ thể “Chúng cháu muốn xin loại vũ khí gì có thể phá đồn bốt và áp chiến lược của địch”. Bác giảng giải “Không phải chỉ có đánh đồn bốt ..Mỹ nó sẽ đưa quân vào. Phải chuẩn bị đánh lâu dài, đánh thắng quân đội và trang bị hiện đại của Mỹ nữa”. Nghe Bác nói mới thấy mình suy nghĩ còn hẹp quá. Tưởng chờ về vài ghe vũ khí là xong.

Câu chuyện anh Cần kể đã gây niềm phấn khởi cho anh em.

-Có thể chứ ! Thằng Mỹ rất ngoan cố. Hiệp định Giơnevơ mùi gì với nó. Chỉ có đánh !

Năm 1962, toàn quân, toàn dân miền Bắc đẩy lên phong trào thi đua với Duyên Hải, Đại Phong, phong trào “Ba nhất” “ Tiến nhanh, bước dài, vượt mức kế hoạch”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”. Ở miền Nam, ngọn lửa chiến đấu bùng lên, phá “ áp chiến lược”. diệt ác trừ gian, chống địch càn quét, bắt lính .. thu nhiều thắng lợi. Mỗi ngày, những trang báo, đài phát thanh dồn dập đưa tới những tin vui của cả hai miền, làm tăng niềm phấn khởi, càng thôi thúc đoàn 759 ngóng chờ được cấp trên trao nhiệm vụ.

Với đội thuyền của mình, các thuyền trưởng thường nhắc tới câu nói của đ/c bí thư tỉnh ủy căn dặn lúc ra đi “Cố ra tới nơi, xin Trung ương cấp vũ khí để giải phóng tỉnh mình”. Khi nhắc đến điều đó anh em lại càng sốt lòng, sốt ruột. Đã qua đi gần một năm. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam ngày càng mở rộng và ác liệt hơn, chắc anh em mình trong đó càng thiếu vũ khí nhiều, chắc họ đang đỏ mắt trông chờ. Mỗi lần nghĩ như vậy, anh em lại xin cấp trên cho chờ vũ khí về sớm. Trên lại đã thông. Rồi anh em lại đề nghị. Cứ như thế lặp đi lặp lại; và anh em vẫn chờ đợi. Anh em thủy thủ vẫn chưa hiểu thật hết sự sâu xa rộng lớn của nhiệm vụ chiến lược mà đơn vị mình sắp gánh vác trên con đường biển như thế nào.

Đầu tháng 2/1962, đội thuyền Cà Mau tự nhiên biến khỏi nhà số 6 đường Quan Thánh. Nhiều anh em mừng thầm, coi đó là sự báo hiệu sắp tới lượt đội thuyền mình trở về Nam. Nhưng chỉ sau hơn một tuần lễ, đội thuyền đó lại

trở về. Thực ra họ mới nhận được lệnh sửa lại thuyền.

Mọi công việc trở lại bình thường như cũ. Vẫn học hàng hải, vẫn nghe thời sự, vẫn được đi xem danh lam thắng cảnh.

Tối đầu tháng 4, bác Bông Văn Dĩa được mời vào Văn phòng Bộ Quốc Phòng. Thường trực Quân ủy TW giao nhiệm vụ cho đội thuyền Cà Mau trở về tìm nơi đặt bến và trinh sát thêm tình hình địch. Bác Dĩa báo cáo với đ/c đại diện Thường trực Quân ủy điều đ/c Mười Kỷ (bí thư tỉnh ủy Cà Mau) căn dặn lúc lên đường ra Bắc. Đ/c đại diện Thường trực Quân ủy lại giải thích ý nghĩa lâu dài của đường biển. Đối với bác Dĩa việc nhận thức cái chung rộng lớn của nhiệm vụ chiến lược không có khó khăn gì lắm, nhưng bác biết trong đội nhiều anh em chưa thông.

Bác Dĩa trở về đội, phổ biến nhiệm vụ mới nhận được. Bác đang nói tới nhiệm vụ trinh sát, thì anh Th cắt ngang :

-Cái chính là có chở vũ khí về không ?

-Không.

-Nếu không chở vũ khí thì dứt khoát tôi không đi.

Anh Ch ủng hộ ý kiến của Th.

-Nhiệm vụ của tỉnh giao đi chở vũ khí về. Bây giờ lại đưa ghe không về, coi sao được !

Bác Dĩa đem hết sự hiểu biết của mình để giải thích nhưng Th. và Ch. vẫn từ chối nhiệm vụ.

Th. và Ch. biểu lộ ý thức kỷ luật kém, dù họ cố bám vào lý do nào chẳng nữa, cũng không thể đủ tin cậy đối với đơn vị đặc biệt này, cấp trên buộc phải chuyển họ làm việc khác.

Chuyến đi trinh sát mở bến vẫn được thực hiện đúng như kế hoạch dự định, xuất phát vào đêm 8 tháng 4 năm 1962 tại cửa sông Nhật Lệ.

Từ lâu đã thành thói quen, khi thuyền nhổ neo là bác Dĩa nghĩ tới những thứ

mình có thể gặp trên đoạn đường sắp đến. Cái gì đã làm cho Th. và Ch. tách ra không muốn chia sẻ khó khăn với anh em, không muốn hiểu quyền lợi chung của Đảng ?

Anh Hai Tranh được chuyển sang đội Cà Mau thay vị trí của Th. vẫn đứng cạnh bác Dĩa nhớ tới cảnh chết hụt trong chuyến ra Bắc, anh hỏi bác Dĩa :

-Bây giờ trời đẹp, không hiểu mai có được như thế này không ?

Câu nói của anh Hai Tranh cắt ngang dòng suy nghĩ của bác Dĩa. Bác im lặng một lát rồi mới trả lời :

-Mùa này biển lặng, rất ít giông bão.

Cả hai người lại im lặng, theo đuổi suy nghĩ riêng của mình.

Những ngọn đèn của thuyền đánh cá nhấp nhô ẩn hiện, những vì sao lấp lánh xa thẳm ở cuối chân trời, những gợn sóng lân tinh trước mũi thuyền không đem lại cảm giác nào khác, nhưng bác Dĩa vẫn nhìn về phía đó rất chăm chú. Đã quá giờ trực lái, bác vẫn không gọi người thay phiên.

Gần sáng, Dũng bật thức giấc, xem đồng hồ đã quá giờ thay ca của mình. Anh tới cạnh bác Dĩa hỏi :

-Sao chú không gọi cháu ?

-Tao chẳng buồn ngủ, để mày ngủ thêm một giấc.

Dũng đưa tay qua trước mặt bác Dĩa, giữ lấy vòng lái .

-Cháu ngủ đã rồi. Chú đi nghỉ cho đỡ mỏi.

Sau 4 ngày, đội thuyền đã tới Nha Trang. Bốn ngày đi êm ả, không gặp một bóng thuyền nào ở khơi xa. Đến hôm nay mới loáng thoáng có tàu, thuyền qua lại.

Khoảng 10 giờ, anh em nhìn thấy 2 chiếc tàu đi Philipin về. Lúc đầu nó cắt chéo với hướng tàu Cà Mau thành một góc 60 độ. Vài phút sau đó, nó đổi hướng đi song song. Khi thấy hai chiếc tàu kia đổi hướng, bác Dĩa bảo anh

em ra phơi lưới và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với tình huống. Nhìn rõ hai chiếc tàu không phải tàu buôn , bác Dĩa nói với anh Hai Tranh :

-Giấy tờ mình mang là của tỉnh Cà Mau, nếu nó kiểm soát, mình chỉ có cách nói là : đi lạc đường, và hỏi thăm nó đường về. Anh tính sao ?

-Tôi cũng tính vậy. Ta phải xem có cái gì lộ ra để nó nghi ngờ.

Bác Dĩa chỉ vào cái la bàn nhỏ xú :

-Vất quách cái này xuống biển thì mới nói mình bị lạc.

Khi vớt la bàn xuống biển xong, bác Dĩa hạ lệnh cho tàu giảm tốc độ, chuẩn bị thả lưới.

Hai tàu địch lảng nhảng theo tàu Cà Mau gần 2 giờ liền, thấy tàu Cà Mau dừng lại thả lưới, một chiếc tàu đứng ngoài, chiếc khác chạy tốc độ chậm vòng xung quanh. Bọn lính địch đứng cả về một phía mạn tàu nhìn sang.

Anh em biết rõ địch có ý nghi ngờ mình, nhưng người nào việc nấy như bình thường, không có chuyện gì xảy ra. Rải lưới xong, tắt máy, thuyền thả trôi. Các thủy thủ người năm người ngồi chuyện trò trên mặt khoang.

Chừng như chúng đã hết nghi ngờ, hai chiếc tàu lại quay mũi đi hướng cũ.

Suốt từ hôm đó cho tới khi cập bến, tàu Cà Mau gặp tàu địch thêm một lần nữa, nhưng chúng coi thuyền này như các thuyền đánh cá khác.

Nhận được tin tàu của bác Dĩa đã trở về, Khu ủy giao cho anh Tư Mao (Phan Văn Nhò) ra cửa Vàm Lũng đón bác Dĩa về làm việc với Bí Thư Khu ủy.

Anh Tư Mao rất mừng. Bác Dĩa với anh, hai người đã quen thân nhau từ lâu, nhất là thời kỳ làm công tác giao liên bí mật của Khu ủy. Hai người đã cùng nhau chia sẻ nỗi khó khăn nguy hiểm trên tuyến đường dây. Bác Dĩa đã để lại cho anh ấn tượng tốt đẹp về một người đảng viên trung kiên và liêm khiết. Hồi đó (1958). Anh phụ trách một đầu mối giao liên của Khu ủy khu 9. Tổ giao liên có 5 chiếc thuyền làm phương tiện đi lại. Bác Dĩa phụ trách một

chiếc. Muốn che được mắt địch, cuộc sống trên thuyền phải giống như những gia đình chủ thuyền buôn (lớp dưới) khác. Bác Dĩa đã đưa vợ và hai con xuống ở thuyền. Anh Tư Mao nhớ lại : Hôm ấy anh hẹn gặp bác Dĩa ở cạnh miếu Thất Cô Nương, bên kia thành phố Cần Thơ. Anh đi trên chiếc thuyền tam bản tới. Trong thuyền có giấu tài liệu mật ở dưới đồng khoai lang và ít quả dừa. Như một bạn hàng, anh cho thuyền mình cặp mạn thuyền bác Dĩa. Hai người trao đổi công việc, làm như trả giá xong, anh Tư Mao chuyển dừa, khoai và cả tài liệu sang thuyền của bác Dĩa.

Hôm ấy, hai người ngồi trò chuyện với nhau khá lâu. Bác Dĩa xin thôi không lĩnh tiền ăn hàng tháng và trả tổ chức số tiền vay vốn. Anh Tư Mao ngạc nhiên. Các thuyền khác đều hụi vào số vốn, phải vay thêm, sao bác Dĩa lại không lĩnh trợ cấp và còn trả vốn. Bác Dĩa kể lại : mỗi chuyến đi công tác từ địa phương này sang địa phương khác, bác khéo léo hỏi dò những bà con buôn bán, xem giá cả các mặt hàng. Khi mua hàng để ngụy trang, bác tính toán xem mua thứ gì có lợi hơn. Vì vậy, chỉ vài chuyến công tác là bác có thể tự túc được.

Việc đi lại lúc ấy không ít nguy hiểm. Bọn Ngô Đình Diệm đang tích cực săn lùng các đầu mối giao liên để bắt cán bộ lãnh đạo. Thuyền của bác chở tài liệu mật, là một đối tượng chủ yếu của bọn mật vụ đang rình mò. Bác hết sức thận trọng trong công tác bí mật, nhưng lần lần bác gái cũng biết được việc bác trai đang làm. Bác gái tỏ ra lo lắng nói với chồng “Nếu chỉ có hai vợ chồng chẳng may bị bắt hoặc bị chết cũng chẳng sao, hiềm nỗi 2 đứa con của chúng ta còn nhỏ quá” . Bác đã nói với bác gái “ Công việc của mình gắn liền với tương lai của con mình ..”. Bác đã thuyết phục bác gái yên tâm.

.. Đã mấy năm xa nhau. Ngày tháng trôi qua, từ lúc cả miền Nam còn sống trong tù ngục đen tối của bọn Mỹ-Diệm, đến nay đã có vùng giải phóng rộng lớn; bạn bè, đồng chí, kẻ còn người khuất. Anh Tư Mao hằng mong gặp lại bác Dĩa, người bạn lớn tuổi, người đảng viên lão thành, mà anh coi như bậc thầy về tinh thần cách mạng. Suốt dọc đường đi đón bác Dĩa, chuỗi hình ảnh đẹp của quá khứ lại hiện trong óc anh. Cho mãi tới khi chiến sĩ cầm lái thuyền hỏi “Đi vào rạch Ráng chớ anh !”, anh mới để ý là sắp tới bến.

Thuyền của bác Dĩa đã đến Vàm Lũng từ chiều hôm trước. Bác đang ngồi , nâng chén nước định uống thì nhìn thấy một người lùn để râu dài, đi qua trước cửa. Nhận ra bạn cũ, bác đặt chén nước chạy ra gọi to :

-Anh Tư.

Anh Tư Mao ngoảnh lại, thấy bác Dĩa. Vóc người to đậm, nước da đồng hun của dân biển, cả tiếng nói, tiếng cười chất phác cởi mở của bác Dĩa vẫn không có gì thay đổi. Hai người cùng chạy tới ôm lấy nhau. Cả hai chiến sĩ gan góc ấy đều ứa nước mắt vì vui mừng.

-Anh vẫn không có gì thay đổi, vẫn khỏe và cũng chẳng già hơn.

-Đến tuổi thượng thọ rồi.

-Anh ba (anh Bường, bí thư khu ủy) giao cho tôi rước anh về.

Anh Bường rất mừng khi gặp bác Dĩa. Mở đầu câu chuyện, anh đặt ra một loạt câu hỏi : Mang được bao nhiêu vũ khí về ? Tình hình sức khỏe của anh em; tình hình địch hoạt động trên biển; chỉ thị của TW ra sao ? ..

Anh Tư Mao toan xin phép trở về, anh Bường đã chỉ tay vào chiếc ghế làm bằng mảnh gỗ chưa bào nói :

-Anh Tư ngồi xuống đây, cùng nghe. Công việc này sẽ có nhiều liên quan tới anh.

Bác Dĩa nói chậm rãi :

-Trung ương lệnh chúng tôi đưa ghe trở về, không đem theo vũ khí để làm việc khác. Tôi nói sau. Còn tình hình địch, chuyển đi ra, chúng tôi hai lần gặp chúng, một lần ở ngang Nha Trang. Tàu địch ở ngoài khơi vô. Thấy chúng nó đang tới gần ghe của mình, chúng tôi cho ghe của mình chạy hướng vô bờ, làm như ghe của mình ở địa phương này. Nó theo một đoạn rồi bỏ. Lần thứ hai tới Hòn Ré, lại gặp chiếc ghe gần máy có buồm, chúng tôi lại xử trí như vậy. Khi ra , sóng gió ít, anh em mạnh khỏe cả. Khi về, cũng gặp địch hai lần.

Căn nhà hẹp thiếu ánh sáng, anh Bường phải kéo ghế ra gần phía cửa để ghi chép.

Bác Dĩa vừa ngắt câu, anh Bường xen vào một nhận xét :

-Cả ngàn chiếc ghe trên biển, chúng kiểm soát không xiết. Nếu ta tổ chức ghe

lướt đi lẫn vào ghe làm ăn của dân, thì việc chuyển vũ khí ở miền Bắc về có thể thực hiện được.

Bác Dĩa nói tiếp :

-TW chỉ thị : Nghiên cứu tìm bến ở một hòn đảo nào đó. Ghe ngoài kia đưa hàng vào, giao xong ra ngay. Ta sẽ tổ chức những thuyền hợp pháp ra đảo đưa hàng vào đất liền. TW nhấn mạnh : làm cách này duy trì con đường biển để vận tải suốt cuộc chiến tranh ..

Anh Ba Bường gật đầu :

-Như vậy là có nhiều việc đó. Theo anh thì đặt bến ở đảo nào ?

Suy nghĩ một lát, bác Dĩa trả lời :

-Đảo Thổ Chu, hồi 9 năm tôi đi mua vũ khí ở Thái Lan có qua lại. Ở đó vắng và xa đất liền , địch không chú ý, có thể giữ được bí mật.

-Phải nghiên cứu một số đảo khác, ta tìm vài địa điểm rồi chọn ra một nơi tốt nhất. Nơi đó phải có điều kiện : tàu ngoài kia vô thuận lợi, địch ít kiểm soát, cất giấu được hàng và từ đất liền ta ra cũng có nhiều thuận lợi. Mai mốt tôi sẽ điều động thêm người. Anh và anh Tư Mao là người chủ chốt trong việc này. Các anh về bàn kỹ thêm. Còn việc đón tàu ngoài kia vào, đưa hàng vào bờ như thế nào, chúng ta sẽ nghiên cứu sau.

Nhận thêm nhiệm vụ mới, đối với anh Tư Mao không có gì là bất ngờ. Vì ngay từ khi được giao đi đón bác Dĩa, anh đã nghĩ tới điều đó. Vốn là người hoạt động , Tư Mao thích làm những việc khó khăn có phần mạo hiểm. Đường biển Nam – Bắc tuy xa lạ, nhưng đã bắt đầu thu hút sự suy nghĩ của anh.

Trên đường về, anh Tư Mao nắm chặt tay bác Dĩa :

-Anh dạy tôi cách đi biển.

-Tôi biết gì sẽ cố gắng nói hết với anh.

Chiếc thuyền Cà Mau đã trở lại miền Bắc.

Ngày hôm sau, Trung tướng Phó Tổng Tham Mưu trưởng Trần Văn Trà tiếp bác Dĩa.

Bác Dĩa đã báo cáo với Trung ương công việc tìm bến. Sau gần một tháng đi trinh sát các đảo Thổ Chua, Nam Du (còn gọi là Cù Choong) mở rộng trinh sát sang cả Hòn Ông, Hòn Bà rồi trở về tìm các rạch, vàm trong đất liền, anh em đã báo cáo kết quả trinh sát với Thường vụ Khu ủy Khu 9. Sau khi trao đổi với cán bộ trực tiếp trinh sát là anh Tư Mao và bác Dĩa, khu ủy kết luận : ngay trong đất liền có nhiều thuận lợi, có thể thực hiện được. Một vài cửa rạch kín đáo đã lựa chọn tuy nước cạn và hẹp nhưng dùng sức người khắc phục được. Chỉ trong vòng một tháng nữa, trong ấy sẽ làm xong bến và có thể đón thuyền ở miền Bắc vào.

Đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng lấy trong tủ ra một tấm bản đồ tỷ lệ 1/10.000 trải trên mặt bàn, nói với bác Dĩa :

- Đồng chí chỉ xem những cửa nào có thể vào được.

Bác Dĩa đưa ngón tay chỉ theo đường viền màu xanh của biển Cà Mau, nói :

-Đây là sông Tam Giang .. Đây rồi, có thể vào cửa Vàm Lũng. Vào đây rồi đi theo cái rạch này .. phải đào sâu thêm độ một mét nước nữa là bảo đảm. Ở đây rừng đước và tràm mọc cao, rất kín đáo. Có thể khắc phục mở thêm vài cửa nữa như Bò Đề, Rạch Ráng ..

Nghe bác Dĩa báo cáo đến đâu, Phó Tổng Tham mưu trưởng đánh dấu bút chì đỏ vào bản đồ đến đó. Nhưng khi bác Dĩa nói « chiếc tàu của anh Tư Mao nếu chưa đến đây, có khả năng bị địch bắt », đồng chí lo lắng hỏi :

- Anh nói chiếc tàu nào nữa ?

Theo chỉ thị của Khu ủy, anh Tư Mao phụ trách chung cả hai chiếc ; và sẽ báo cáo với các anh ở ngoài này những ý kiến của Thường vụ Khu ủy. Đáng ra, máy tàu tôi không hư thì cùng đi, nhưng vì phải sửa máy, tôi đi chậm sau mất hai ngày.

-Theo anh thì chiếc kia có thể gặp chuyện gì trên biển. Nếu như bị địch bắt, liệu có ảnh hưởng đến công việc của chúng ta đang làm không ?

-Nếu như máy có hư hỏng chỉ hư nhẹ, vì máy mới, thì cũng ra tới đây rồi. Máy hôm biển êm không thể có tình huống gì do sóng gió gây ra. Tôi nghĩ có thể bị địch bắt giữ. Nhưng cũng không có gì đáng lo ngại. Anh em có đủ giấy tờ hợp pháp và là những người đáng tin cậy cả. Anh Tư Mao là người rất thông thạo trong việc đối đáp với địch. Dù chúng có bắt giữ, có anh Tư Mao ở đó là tôi rất yên tâm. Chúng tôi đã cùng hoạt động với nhau. Tôi biết anh ấy.

Mấy ngày sau, Phó Tổng Tham mưu trưởng vẫn cứ thắc thỏm về chiếc tàu của anh Tư Mao. Đ/c đặt giả định « Nếu bị địch bắt, có người nào khai báo sẽ có ảnh hưởng gì đến việc mở đường ? ». Sau khi suy nghĩ kỹ các yếu tố, đồng chí chỉ thấy : nếu như có diễn ra tình huống xấu nhất ở chiếc tàu bị bắt, cũng không có ảnh hưởng gì quan trọng đối với việc mở đường. Trừ anh Tư Mao biết về bến bãi và một phần chủ trương, còn anh em khác chỉ biết mỗi việc ra miền Bắc lấy vũ khí, có khai báo thì cũng chỉ có thể làm cho chúng đề phòng thêm thôi. Việc hạ quyết tâm mở đường không có gì thay đổi.

Nhà khách Quân ủy TW dựng trên nền đất rộng rãi. Tán lá của những hàng cây cổ thụ che rợp những lối đi rải bằng sỏi trắng.

Hôm nay (khoảng trung tuần tháng 8 năm 1962), tại đây có cuộc họp của Quân ủy Trung ương. Đến phần cuối của chương trình, đ/c Trần Văn Trà báo cáo tóm tắt công tác chuẩn bị mở đường vận tải chiến lược trên biển. Các ủy viên chăm chú lắng nghe. Báo cáo vừa dứt, đ/c Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy TW hỏi ngay :

-Liệu có thể bảo đảm chắc chắn được 50% những chuyến đi không ?

-Đạt 100% thì khó, chứ 50% thì tôi bảo đảm một cách chắc chắn – Đ/c Nguyễn Chí Thanh nói.

-Chỉ cần nửa số chuyến đi vào được bến, là thắng to rồi.

Đồng chí Bí thư Quân ủy lấy biểu quyết. Các ủy viên đều tán thành với thái độ phấn khởi.

Quyết nghị mở đường biển được thông qua, không khí cuộc họp bỗng náo nhiệt hơn. Các ủy viên trao đổi ý kiến ngoài lề về quyết định ấy, ai cũng tỏ ra hy vọng rất nhiều. Có con đường này, Nam Bộ sẽ giải quyết được một phần khó khăn về vũ khí. Có con đường này, cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam sẽ có bước phát triển mới. Cái giây phút quyết nghị mở con đường biển chiến lược thật ngăn ngủi không có sự tranh cãi gay gắt, biểu thị sự trăn trở mong mỏi từ lâu của Quân ủy TW. Sự trăn trở mong mỏi của Quân ủy TW hòa với sự trăn trở của quân dân miền Nam tạo nên cái mốc đưa con đường biển Việt Nam bước vào lịch sử.

Ngày khai sinh ra con đường biển chiến lược bắt đầu.

Chương hai

MỞ ĐƯỜNG

Cùng với đường Trường Sơn, đường biển trở thành chiếc vai thứ hai của Tổ Quốc gánh nhiệm vụ chi viện từ hậu phương lớn ra tiền tuyến lớn ; nó sẽ đi suốt chiều dài của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam. Bộ chính trị TW Đảng, Quân ủy TW đã dồn tâm trí, sức lực cho nó ra đời. Sau những ngày dài vật lộn trăn trở nó đã ra đời vào đêm 14 tháng 9 năm 1962. Một đêm động trời, động biển, gió đông bắc thổi xám đen cả tầng không. Những đợt sóng ùng ùng nổi lên vỗ vào bờ cát.

Con tàu mang tên Phương Đông 1 nhận lệnh đưa chuyển hàng đầu tiên vào bến Cà Mau.

Đêm ấy, không riêng những thủy thủ đi trên tàu Phương Đông 1 mà tất cả những ai biết sự kiện ấy, đều hồi hộp gửi gắm niềm mong đợi. Tàu Phương

Đông 1 vượt ngàn dặm sóng gió, đổ bộ an toàn lên mảnh đất tận cùng của Tổ Quốc, thì hàng trăm Phương Đông 1 khác cùng lao vào quỹ đạo.

Các đ/c Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà đã tới tận bến, rất xúc động chia tay anh em.

Đồng chí Phạm Hùng nói :

-Liên xô có Gagarin, Titop đưa con tàu vào vũ trụ lên quỹ đạo. Các đồng chí là người khai sơn, phá thạch con đường này ; về mặt nào đó ý nghĩa giống nhau. Các đ/c đem tình cảm của miền Bắc tới miền Nam ; đem ý chí quyết tâm đánh Mỹ giải phóng miền Nam của Đảng vào việc mở đường chiến lược trên biển. Trung ương hy vọng các đồng chí sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nặng nề vẻ vang đó. Chúc các đồng chí đi thuận buồm xuôi gió.

Không khí lúc nhổ neo trang nghiêm như buổi lễ tuyên thệ của đội quân cảm tử trước giờ xuất trận.

« Dù khó khăn, nguy hiểm như thế nào, dù có phải hy sinh tính mạng, chúng tôi cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ », tàu Phương Đông 1 mang lời hứa sắt đá đó lao về phương Nam.

Tiếng máy trầm đục trong ồn áo của sóng biển. Con tàu lắc lư, nghiêng ngả. Bác Bông Văn Dĩa vẫn ngồi im lặng như pho tượng trên mặt khoang. Lửa tàn thuốc lá lập lòe. Tiếng nói quen thuộc của biển đang gọi lại ký ức xa xăm của bác. Với con thuyền nhỏ bé, bác chở đồng chí của mình ra làm cuộc bạo động ở Hòn Khoai năm 1940. Con thuyền chở vũ khí lên đênh vượt vịnh Thái Lan về Nam Bộ. Con thuyền vượt biển Đông ra miền Bắc « xin Trung ương vũ khí » năm 1961. Bậc thang thời gian, có khoảng cách 10 năm mà hình thức, nội dung chẳng khác là bao. Vẫn đi vào cái đêm sóng gió. Vẫn có nguy hiểm do kẻ thù mang tới. Vẫn chở người, chở vũ khí đi đánh giặc. Nhưng với đất nước thì đã nhiều thay đổi lớn lao. Từ lúc con thuyền không có bến đậu, bây giờ nửa nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và nửa nước đang cầm vũ khí xông lên đánh Mỹ-ngụy. Mỗi lần suy nghĩ về nhiệm vụ cách mạng trong đời mình, bác lại thấy niềm tin lớn hơn.

Những thủy thủ trẻ năm , ngồi bên cạnh bác Dĩa. Họ đang thao thức. Một trận đánh nhau với tàu chiến địch ở giữa biển được bàn đến. Tiếng nói, tiếng cười

của họ lẫn vào tiếng sóng nghe như xa như gần.

Những giây phút họ im lặng là lúc trí tưởng tượng trào lên. Hình ảnh con thuyền của ta mở hết tốc lực, đâm thẳng vào tàu địch. Khối thuốc nổ hàng tấn đặt dưới đáy thuyền đã điểm hỏa, cả hai chiếc tàu đều nổ tung. Hình ảnh con tàu bị sóng gió xô phiêu bạt, không còn biết đâu là bờ bến, không còn gạo , nước ..

Riêng bác thợ máy Huỳnh Văn Sào, từ lúc nhổ neo đến giờ, không còn phút nào để suy nghĩ điều gì khác. Lúc đứng cạnh máy nhìn máy làm việc, lúc châm dầu cho máy, ngay cả lúc ngồi ở mặt khoang cho thoáng gió một chút, đôi tai bác vẫn không rời khỏi tiếng máy.

Khi nhận con tàu mới ở xưởng ra, bác đã chế « máy Rây 105 mã lực vượt biển không nổi đâu ». Nhưng thời gian và tiền của cách mạng chỉ có đến thế, biết làm sao hơn được. Kêu ca chẳng nữa, rồi cũng đến tay mình, nên bác chỉ im lặng chờ đợi sự tiên đoán của mình ứng nghiệm. Và sẵn sàng xoay tròn ra sửa chữa. Quả là như vậy. Tàu qua đảo Bạch Long Vic giữa lúc sóng lớn, thì tiếng máy bắt đầu ậm ạch, rồi tắt luôn. Bác Sao với hai thợ phụ là Bé và Luông phải sửa hai giờ liền, máy mới hồi phục.

Hai giờ thuyền thả trôi, từ thuyền trưởng tới các thủy thủ say sóng gần hết. Máy chạy, mọi người bớt say sóng, đã tưởng rằng tai qua nạn khỏi, nào ngờ lại hì hục kiểm tra xem nó bệnh tật gì. Hông hộp sô ! Một tình huống thật là quái ác. Sao buông xuôi tay, đứng sững một hồi lâu. Bác đã gần hết cả cuộc đời làm thợ máy trên tàu biển, chưa bao giờ gặp ca hông hóc như thế này.

Mấy người thợ máy lại khênh hòm phụ tùng lên mặt khoang, đổ ra, lựa từng cái khóa rồi ướm thử từng cái ốc, tìm mãi mới được một chiếc đúng cỡ của mũ ốc máy.

Bác Sao nóng tiết kêu trời lên :

-Đi biển thế này mà không có đủ phụ tùng để mở hết máy có chết không kia chứ. Đến đây còn biết tính làm sao. (Hồi đó công tác chuẩn bị một chuyến đi, do một bộ phận khác làm, thuyền trưởng tới các thủy thủ được ô tô đưa từ Hà Nội xuống bến và lên đường ngay).

Bác Dĩa an ủi :

-Ở ngoài Bắc không kiếm mua được đồ Mỹ. Cố gắng sửa chữa rồi vô trong sẽ sắm đủ.

-Vào trong ấy .. nó nằm chết ở giữa khơi này thì bao giờ vào được trong ấy.

Tính bác Sao như thế. Bụng dạ để cửa miệng. Nói ào ào ra một hồi, nhưng công việc vẫn làm đến nơi. Nhìn bề ngoài, với tuổi 60, vóc người cao mảnh khảnh, ít ai có thể đánh giá đúng sức khỏe của bác. Sức chịu đựng với sóng gió thì cứ là ăn đứt bọn trai tráng, và sức làm việc của bác thì dẻo như cháo dừa.

Bác Sao lấy giẻ đệm khóa, cố làm cho nó vừa cỡ, rồi dùng búa gõ hàng giờ liền, mới tháo được một cái bù-loong.

Tiếng búa đập vào thành máy « độp độp », « chát chát », nghe đến xót ruột, nhưng chẳng biết làm thế nào khác được.

Trời lại mưa. Đã gần trưa rồi mà cứ tưởng như trời sắp tối.

Máy tàu hỏng, máy bơm cũng hỏng nốt. Nước vào trong tàu mỗi lúc một nhiều. Bác Dĩa và các anh Thanh, Luông, Bé thay nhau dùng bơm tay để tát nước.

Mở vỏ máy kéo dài gần một ngày, một đêm mới nhấc ra được thành máy. Nếu như có đủ khóa, thì nhấc hẳn bộ phận nào cần phải sửa ra bên ngoài, nhưng lúc này bác đành phải luồn tay vào để sửa.

Đôi mắt già của bác cứ phải nheo lại hết nghiêng bên này lại ghé bên kia. Trông bác đến tội.

Từ lúc máy hỏng, tàu chịu thua sự đùa dờn của sóng gió, tha hồ trôi giạt, chẳng ai định hướng nổi nó nữa. Máy hỏng đã sốt ruột lại thêm mối lo về thuyền trôi. Lỡ ra nó giạt vào ngay bên cạnh một cái đồn địch, bọn Mỹ-ngụy chẳng phải tốn sức tìm tòi. Chí ít nó cũng vớ được một vài tang vật nào đó của con đường vận tải biển.

Bác Dĩa gan như thép, đến lúc này cũng phải lên tiếng hỏi :

-Thế nào, liệu có sửa được không ?

Bác Sao phát khùng :

-Bao giờ tôi chịu đầu hàng nó, tôi sẽ báo cáo các anh.

Một lát sau, nghe tiếng máy nổ, anh em nhảy lên reo hò. Con tàu lại tiếp tục nhắm hướng Nam thẳng tiến.

Tiếp theo Phương Đông 1, thuyền mang tên Phương Đông 2 cũng từ cảng Đồ Sơn (K.20) nhổ neo đêm 16/10/1962. Đi được một đêm trong gió mùa nam thổi mạnh, Phương Đông 2 đã có tới một nửa số thủy thủ say sóng nặng.

Trước lúc lên đường, mọi người đã xác định chọn thời tiết xấu mà đi, để giảm bớt khả năng kiểm soát của địch. Đến bây giờ, nhìn sóng gió, nhìn đồng đội nằm liệt, không ai buồn ngó ngang đến cơm nước.

Thuyền trưởng D. Làm trên biển hàng chục năm, cũng không bao giờ gặp thứ sóng quái ác này. Sóng đã « quật đổ » D. Anh nằm nghiêng, một tay ôm lấy bụng, miệng há ra như con chim con đói mồi, cho nước xanh, nước vàng tự do chảy dài xuống.

D. cố nói trong tiếng nôn ọe khan :

- Đi thế này không chắc gì ...

Một lát sau, anh cố chống tay ngồi dậy, gọi đồng chí báo vụ :

-Đồng chí Đạo.

-Có

-Đánh điện báo cáo.. đi nữa không bảo đảm.

Trần Hải Đạo suy nghĩ “nếu cấp trên nhận điện mà gọi quay về thì uống” . Anh ngật ngưỡng một lát rồi cũng bò vào buồng làm việc. Nói là buồng báo

vụ, thực ra nó giống như cái hang, muốn vào không có cách nào khác hơn là bò, và muốn làm việc phải ở tư thế nằm. Vì trong buồng đã xếp đầy vũ khí. Anh bật công tắc, lên máy, rồi lại tắt luôn. Nằm nghĩ ngợ một lát, Đạo lại bò ra ngoài.

Thuyền trưởng hỏi :

-Sở chỉ huy có ý kiến gì ?

-Không nói gì.

Lần đầu tiên trong đời, Đạo đã nói dối cấp trên. Lúc bật công tắc máy, trong óc Đạo cũng bật lên sự lựa chọn. Một là nói dối thuyền trưởng, hai là làm sai lời hứa lúc lên đường. “Dù gian khổ đến thế nào, kể cả hy sinh tính mạng cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ”, thế mà sóng gió có hơn một đêm đã đỉnh rút lui. Nếu đánh điện báo cáo, cấp trên gọi về thì còn mặt mũi nào. Anh chặc lưỡi ,”nói dối lúc này không có hại gì”.

Thuyền đi ngược sóng, không khác xe bò lên dốc.

Thủy thủ trưởng Nguyễn Văn Ngọc đang ở đầu mũi thuyền, ném xuống nước một mảnh gỗ, mắt theo dõi đồng hồ. Anh Lê Công Cẩn đứng ở cuối thuyền hô “đến rồi”. Hai ba lần họ làm như vậy, Hải Đạo thấy lạ đứng xem. Vì lần đầu tiên trong đời anh đi biển, chưa hiểu đầu cuối ra sao. Mãi đến khi nghe tiếng của Ngọc nói “Mỗi giờ đi được một hải lý rưỡi !” , lúc đó Đạo mới vỡ lẽ.

Sóng vẫn lượn lên trườn xuống như lớp lớp núi non di động. Màu sắc biển tím bầm, loang lỗ dễ sợ. Một bức tường sóng vừa đổ ụp xuống mặt khoang, và một bức tường sóng khác lại dựng lên ngay trước mũi tàu. Quần áo mọi người ướt sũng. Chính trị viên Lê Công Cẩn bò lồm cồm tới các vị trí, nhắc anh em đi lại cẩn thận. Những thủy thủ say sóng nằm ở mặt khoang, mỗi người cố bám lấy một cái gì đó để khỏi bị sóng hất xuống biển.

Trong khoang tàu, trừ vị trí làm việc của thợ máy, đều xếp đầy ắp những hòm súng đạn. Đúng ra buồng máy không được xếp đạn ở gần, nhưng do anh em

tham chở nhiều nên chẳng kiêng cử gì hết “ Đẳng nào cũng mất công đi một chuyến, chở găng lên một chút. Đạn để gần máy, nếu nóng quá ta thay nhau xối nước vào nó lại nguội, không sao”. Anh em đã lý sự như vậy. Và bây giờ nằm chênh vênh trên mặt khoang, chịu ướt, chịu rét cũng bầm bụng chịu.

Tối chiều, sóng gió vẫn không hề giảm. Con tàu rồ máy từng hồi mỗi khi chân vịt của nó bị sóng nhấc lên khỏi mặt nước.

Tối chiều, sóng gió vẫn không hề giảm. Con tàu rồ máy từng hồi mỗi khi chân vịt của nó bị sóng nhấc lên khỏi mặt nước.

Anh Cần bí thư chi bộ, triệu tập cuộc họp chi bộ. Một câu hỏi được đặt ra “ Đi hay quay trở lại ?”. Riêng anh có thể giải đáp dễ dàng. Vì chuyến ra Bắc sóng gió còn lớn hơn nhiều, anh đã vượt qua được. Điều anh hy vọng ở cuộc họp này, sẽ củng cố quyết tâm của anh em.

Thuyền phó Hấn ở vị trí lái, còn anh em người nằm người ngồi trên mặt khoang. Mỗi người phát biểu rất ngắn, ai cũng muốn biểu thị ý của mình qua giọng nói. Vì vậy cuộc họp có phần gay gắt.

Thuyền trưởng D. phát biểu :

-Cho quay lại, đi không được đâu. Tôi không chịu trách nhiệm.

Sau ý kiến thuyền trưởng, anh em nhất loạt giơ tay “ý kiến”, “ý kiến” ồn lên.

-Sóng gió này vẫn đi được. Nếu chỉ có say sóng thì phải khắc phục.

-Nếu đã quyết tâm thì khó khăn nào cũng đi.

-Tôi đề nghị tạm giạt vào một cái đảo nào gần đây.

-Đi là đi, không có giạt vào đâu cả, chúng ta không nhớ lời đã bàn bạc ở nhà sao. Muốn né tránh địch kiểm soát thì phải đi trong thời tiết xấu. Bây giờ lại chờ, thời tiết tốt mới đi ư ?

Anh thợ máy Lâm Văn Nhận nói tiếp sau ý kiến của Hải Đạo, với thái độ gay gắt quyết liệt :

-Mặt mũi nào mà quay lại, khi tàu của mình vẫn đi được. Nếu quyết định quay lại, tôi sẽ nhảy xuống biển.

Cuộc họp chi bộ kết thúc, ý kiến “tiếp tục đi” thắng.

Con tàu tiếp tục tiến về hướng Nam. Một hai người muốn lui, cũng đành để cho nó công đi theo.

Đêm thứ bảy, tính từ ngày đi, tàu tới vùng biển Vũng Tàu. Gió xuôi, buồm dong lên cùng với máy , kéo thuyền chạy nhanh hơn. Sức khỏe của các thủy thủ đã hồi phục.

Bảy ngày đêm chỉ có thuyền phó Hấn và thủy thủ trưởng Ngọc thay nhau lái. Chân anh Hấn xuống máu phù như chân voi. Mỗi lần rời tay lái đứng dậy, anh lại ngã xuống sàn. Trên đường đi, Đạo thỉnh thoảng lại nhìn bấp chân đỏ mọng như rớm máu của phó thuyền trưởng. Đạo rất thương, giá anh biết lái thay đồng chí thuyền phó tuổi tác ấy.

Mặt biển đêm không có một đốm sáng, không có bóng dáng tàu thuyền qua lại, chỉ có Phương Đông 2 âm thầm không đèn lửa, đang rẽ sóng. Bỗng nhiên phía mạn tàu, ở trong màn đêm sâu thẳm có một hai ánh đèn. Anh Cần khẽ reo :

-Đèn Ô-cấp.

-Đến đây thì yên trí rồi.

Mọi người đang vui vẻ bàn bạc, coi như chuyển đi sắp hoàn thành, đột nhiên có ánh đèn pha từ mạn trái quét sát mặt nước.

Anh Cần hô :

-Tàu địch. Hạ buồm xuống !

Anh em lập tức hạ buồm. Cuộc hội ý chớp nhoáng bàn cách đối phó. Nếu địch phát hiện, sẽ chiến đấu đến cùng, không để người và vũ khí lọt tay địch. Bây giờ địch còn chưa phát hiện được ta, phải tìm mọi cách lọt ra khỏi vòng kiểm soát của chúng.

Anh em quan sát báo cáo, số tàu địch không phải là một chiếc. Bốn điểm sáng, mỗi bên hai, đi ngược chiều nhau. Tàu của ta đang nằm ở giữa. Các điểm sáng mỗi lúc một gần. Cách 500 , 400 rồi 300 mét .. Anh em thủy thủ đã vào vị trí chiến đấu, lên đạn và mở nắp lựu đạn chờ đợi.

Ánh đèn pha trên tàu địchj cắt mặt biển đêm ra thành từng mảng. Thuyền trưởng D. lúc này tỏ ra bình tĩnh, linh hoạt. Anh khôn khéo cho tàu ta vòng rộng ra ngoài, bọc sườn biên đội tàu địch, rút ra khỏi khu vực đèn pha địch đang quét, trở về hướng cũ.

Tàu địch đã mất hút mục tiêu, chúng dừng lại quét đèn pha ra xung quanh và đánh tín hiệu cho nhau.

Anh em hồi hộp theo dõi, cho tới khi ánh đèn tàu địch mờ dần và biến vào trong đêm, lúc đó mới thở phào hết lo.

Trời đã sáng rõ. Nhìn thấy rừng đước nhấp nhô, chạy dài theo ven biển , nhiều thủy thủ xúc động không cầm được nước mắt. Quê cũ đây rồi. Sau bao nhiêu năm xa cách bây giờ được gặp lại, vui sướng nào bằng.

Niềm vui chỉ bộc lộ phút giây, rồi lại nhường cho nỗi lo. Trời sáng rồi mà nhìn rừng đước chỗ nào cũng giống nhau. Mấy thủy thủ quê ở gần bên, được cử làm “cố vấn” cho thuyền trưởng, mỗi anh nói một phách.

-Vòng qua cồn Nóc đi một quãng là tới.

-Phải đi bốn hàng đáy nữa.

Tàu đã qua khá xa bốn hàng đáy, rồi vòng lại vẫn không thấy đâu là rạch Kiến vàng.

Để nguy trang, anh Cần đã buộc lá cờ ba sọc kéo lên cột buồm. Tàu vẫn chạy chậm chậm theo ven bờ để tìm bến. Một chiếc thuyền nhỏ có người ngồi câu, cách Phương Đông 2 không xa lắm. Ngọc lái tàu của mình tới gần để hỏi thăm đường :

-Bác ơi ! Rạch Kiến Vàng ở chỗ nào ?

Hình như bác ngư dân ấy đã nhận ra tàu trước mặt mình là của bộ đội Giải

phóng. Bác ta tươi cười nói tiếp :

-Anh Hai tôi cũng mới về cách đây ba bữa.

-Ai cơ ?

-Anh Bông Văn Dĩa.

-Ôi! Thế chú dẫn chúng tôi vào.

Chiếc thuyền câu bơi trước, Phương Đông 2 theo sau, vừa ngoặt vào cửa vàm đã nghe thấy tiếng đạn súng trường rít trên đầu. Người đi trên thuyền câu hét to :

-Ghe của ta .. Ghe của ta đó. Đừng bắn.

Mấy thanh niên mặc quần áo bà ba, chạy ra bờ rạch , hỏi :

-Ghe chở gì ?

-Buôn cá.

-Cử người mang giấy lên xét.

-Xin các cậu cho chạy một đoạn nữa.

Anh Tư Đức chỉ huy bến và anh em trong bến đều bất ngờ, không ai nghĩ tàu chở vũ khí ngoài kia về, lại có thể vào bến giữa ban ngày.

Phương Đông 2 đã cập bến. Anh Tư Đức vui mừng mà nước mắt chảy vòng quanh. Anh Đức lên tàu ôm hôn hết người này đến người khác. Anh em trong bến cũng theo anh Tư Đức lên tàu. Không khí khu rừng được bỗng náo nhiệt vui vẻ. Họ hỏi thăm nhau. Họ kể vắn tắt với nhau những câu chuyện mà thèm được kể từ lâu.

Tiếng bom, tiếng đạn pháo nổ xa gần. Địch đang mở cuộc càn mang cái tên mỹ miều “Tình thương”, ở cách không xa khu vực bến.

Anh Tư Đức nói với anh em thủy thủ :

- Các đồng chí đưa hàng vào rất đúng lúc. Không chỉ là vũ khí, mà các đ/c đã đem theo cả tình cảm thương yêu của miền Bắc, của TW Đảng, của Bác Hồ vào giúp chúng tôi phá tan cuộc càn quét của địch.

Chương ba

TRƯỜNG THÀNH

Từ tháng 9 năm 1962 đến tháng 2 năm 1963, sau đội thuyền Phương Đông 1 o thuyền trưởng Lê Văn Một và bác Bông Văn Dĩa, bí thư chi bộ kiêm chính trị viên phụ trách, chở 28 tấn hàng vào Vàm Lũng, tiếp theo, ba chiếc, mỗi chiếc chở 30 tấn hàng vào bến Cà Mau.

Hy vọng bao nhiêu năm đã trở thành hiện thực. Những chuyến tàu chở vũ khí đến miền đất xa xôi Nam Bộ, giữa lúc các lực lượng vũ trang đang thiếu từng khẩu súng, từng viên đạn, là một thắng lợi to lớn đặc biệt. Nó đã vượt rất xa cả ý muốn ban đầu của các nhà chỉ đạo chiến lược. Nó đặt nền tảng vững chắc cho niềm tin, việc mở đường chiến lược trên biển là hoàn toàn chính xác. Nó mở ra một triển vọng lớn lao, lâu dài trong công tác vận tải chiến lược trên biển.

Được biết các con tàu đã vào miền Nam an toàn, Bộ Chính trị và Quân ủy TW hết sức vui mừng và chăm lo nhiều hơn tới tuyến đường biển. Hầu như chuyến đi nào cũng vậy : một hoặc hai đ/c Ủy Viên Bộ Chính trị , Ủy viên Quân ủy TW đến tận bến K.20 để kiểm tra việc chuẩn bị và động viên anh em lên đường. Các đ/c TW đánh giá rất cao thành tích của anh em thủy thủ. Đ/c Nguyễn Chí Thanh nói trước các thủy thủ trong một chuyến đi “ Cứ hoàn thành mỗi chuyến đi là được tặng thưởng một huân chương Chiến Công”.

Sự hứa hẹn to lớn của đường biển , đã gọi Quân ủy TW suy nghĩ tới bước phát triển mới của nó. Đến đây, 10 đội thuyền đã trở thành quá ít ỏi, không còn xứng với khả năng của nó có thể gánh vác. Không chỉ nghĩ đến đầu tư về

số lượng, mà phải làm cho công tác vận tải biển thay đổi về chất. Nhà máy đóng tàu 3 Hải Phòng thuộc Bộ giao thông vận tải đưa vào kế hoạch đóng gấp những chiếc tàu vỏ sắt, trọng tải 500 tấn, để dần dần thay thế tàu vỏ gỗ. Tuyển lựa thêm thuyền trưởng, thủy thủ trẻ có kỹ thuật khá ở hải quân đưa sang đoàn 759. Thành lập binh đoàn công tác kho, bến ở Nam Bộ, do Khu ủy Khu 9 phụ trách .. Tất cả đang chuyển động mạnh mẽ, làm cho quy mô vận tải chiến lược trên biển rộng lớn hơn. Trước mắt, đáp ứng nhu cầu tác chiến và xây dựng của lực lượng vũ trang Nam Bộ, và tiến tới đáp ứng nhu cầu vùng ven biển Khu 5.

Quy mô đường biển chiến lược thay đổi, guồng máy chỉ đạo nó không thể giữ nguyên nếp cũ. Một hai đồng chí Ủy viên Quân ủy TW phụ trách “B” chỉ còn là một đầu mối tập trung không thể ôm nổi mọi việc như những ngày đầu; nó phải dựa vào và sử dụng chức năng của guồng máy chỉ đạo chiến lược quốc gia sẵn có, để chỉ đạo. Trong Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần đã dần dần hình thành bộ phận “B”. Bộ phận “B” ấy dành riêng cho đường biển, mọi việc làm bí mật ngay cả với cơ quan của mình. Bộ phận “B” của Bộ Tổng Tham Mưu phụ trách công tác chỉ huy; dựng kế hoạch vận chuyển; nắm tình hình ta, địch trên mặt biển. Bộ phận “B” của Tổng cục chính trị phụ trách công tác chính trị và công tác đảng. Hậu cần chịu trách nhiệm chuẩn bị các loại “mặt hàng” theo kế hoạch của bộ phận “B” Bộ Tổng tham mưu đã vạch. Bộ phận “B” của các ngành theo ngành dọc xuống trực tiếp với Đoàn 759.

Đoàn 759 trở thành một binh đoàn, có đầy đủ các cơ quan giúp việc người chỉ huy, quân số từ 38 người đã lên tới hàng trăm người. Nó có thể chủ động làm được chức năng của mình. Việc để một đơn vị chiến thuật trực tiếp dưới sự chỉ huy, chỉ đạo của nhiều cơ quan cấp chiến lược đã và sẽ gây ra sự chông chéo, thậm chí có việc không giải quyết kịp thời. Tháng 8 năm 1963, thường trực Quân ủy TW trao nhiệm vụ chỉ huy, lãnh đạo Đoàn 759 cho Cục Hải quân (thời kỳ này chưa thành lập Bộ Tư Lệnh Hải quân). Và tới ngày 10/10/1963, Bộ Tổng Tham Mưu đã triệu tập một cuộc họp, có mặt đại biểu của ba cơ quan chiến lược, Cục Hải quân và đoàn 759 do Phó Tổng tham mưu trưởng Lê Đức Anh chủ trì, để xác định mối quan hệ và phương thức làm việc với Đoàn 759.

Ít lâu sau (24-1-1964), Đoàn 759 đổi phiên hiệu là 125, và nhận quyết định

của Bộ Quốc Phòng (số 30/QĐ 29-1-1964) trở thành đơn vị trực thuộc Bộ tư lệnh Hải Quân . Từ đó, sự chỉ đạo công tác vận tải biển từ Bộ Tổng tư lệnh xuống, chỉ có hai đầu mối : Bộ tư lệnh Hải quân và đơn vị phụ trách bến.

Một mạng điện trời tay ba được thiết lập : Bộ Tổng Tham mưu – Bộ Tư lệnh Hải quân – Đơn vị bến (Khu 9). Hàng ngày, từ những bàn tay mềm mại của các chiến sĩ báo vụ phát ra những tín hiệu rồi chuyển qua làn sóng điện. Và, ở phía xa kia, tận Cà Mau, Hà Nội, Hải Phòng cùng được nghe những tiếng “tích tà ..tích” như tiếng chim gọi bạn. Hệ thống thông tin ấy đã làm tăng thêm tính vững chắc trong mối quan hệ giữa chỉ huy với đơn vị thực hiện, gắn bó giữa thuyền với bến, và cũng đã làm tăng thêm sức mạnh của con đường vận tải biển chiến lược .

Các nhà chiến lược đều nhìn nhận rằng việc xây dựng lực lượng vũ trang càng đáng càng mạnh, trong đó việc xây dựng những binh đoàn chủ lực ngày một lớn mạnh, và trở thành lực lượng chủ yếu để giành thắng lợi cuối cùng là một quy luật tất yếu của cuộc chiến tranh cách mạng. Cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam có một đặc điểm lớn, khác với thời kỳ kháng chiến chống Pháp là : ta có một nửa nước đang tiến lên CNXH và một quân đội đang xây dựng chính quy, hiện đại. Từ lý luận và thực tiễn ấy, việc chỉ đạo vận tải chiến lược không chỉ nghĩ đến trước mắt mà đã đi trước một bước.

“Đơn đặt hàng” của miền Nam lúc đó là các loại vũ khí cho du kích. Khi thấy thuyền chở vào có vài loại súng và trang bị kỹ thuật du kích không đủ sức dùng, có cán bộ lãnh đạo địa phương đã đánh điện ra Bộ Tổng Tham Mưu “đề nghị chở vào súng trường, tiểu liên, trung liên, lựu đạn ..Chúng tôi chưa cần súng lớn”. Nhưng chẳng bao lâu, những “Hoàng tử lưng gù” (Sơn pháo 75), máy bộ đàm .. trở nên rất cần thiết cho chiến trường.

Đón trước sự phát triển của chiến trường, nhu cầu vũ khí và trang bị sẽ tăng nhanh, những chiếc thuyền gỗ trọng tải ba, bốn mươi tấn ấy sẽ không đáp ứng kịp, bộ phận “B” Bộ tổng tham mưu chủ trương đóng tàu sắt có lượng dân nước 60 đến 100 tấn.

Việc đóng tàu không thể theo kế hoạch bình thường mà phải thật bí mật , khẩn trương. Suy nghĩ đến bí mật trong việc đóng tàu, đ/c Phó Tổng tham

mưu trưởng chợt nhớ tới đ/c Ngô văn Năm là một cán bộ quân giới cũ đã từng hoạt động ở chiến trường Nam Bộ cùng với mình nhiều năm. Anh Năm là người chín chắn, có tinh thần trách nhiệm cao, hiện đang là giám đốc ở xưởng đóng tàu 3 Hải Phòng. Việc đóng tàu vận tải chiến lược giao cho anh Năm có thể tin cậy được.

Sau khi liên hệ trao đổi về chủ trương đóng tàu vận tải với Bộ Giao thông vận tải, đ/c cho xe tới đón anh Năm về nhà riêng.

Đã lâu mới gặp nhau, các anh đều tỏ ra vui vẻ, cởi mở. Sau khi thăm hỏi về sức khỏe, gia đình và những người quen cũ, đ/c Phó Tổng Tham mưu trưởng nói tới việc đóng tàu.

-Có một việc quan trọng phải nhờ đến anh.

Nghe câu nói đó, khuôn mặt tươi cười của anh Năm bỗng trở nên nghiêm trọng và chăm chú.

Phó Tổng Tham mưu trưởng nói tiếp :

-Hiện nay công việc vận tải chi viện cho miền Nam rất cần một số tàu có trọng tải khoảng 60 đến 100 tấn, chịu được sóng cấp 7. Anh em xưởng đóng tàu của anh có giúp được không ?

-Dạ .. làm được. Nhất định chúng tôi sẽ làm bằng được để chi viện cho miền Nam .. Tôi nghĩ rằng, việc thiết kế một con tàu loại ấy không khó. Tôi sẽ phụ vào cùng anh em. Nhưng nếu như đóng tàu có thiết bị vũ khí và tiện nghi thông thường, thì riêng việc thiết kế cũng phải mất hai năm, rồi lại phải kiểm tra thiết kế. Việc kiểm tra thiết kế ở nước mình chưa có điều kiện làm được, phải mang ra nhờ nước bạn, có khi mất ba bốn năm mới thi công được.

-Nếu như vậy thì chậm quá.

-Anh yêu cầu bao lâu ?

-Càng nhanh càng tốt. Cố gắng trong vòng 6, 6 tháng có thể xuất xưởng được một chiếc đầu tiên.

Anh Năm dăm chiêu một vài giây rồi trở lại vui vẻ :

-Có thể làm với thời gian ấy, nhưng không thể tiêu chuẩn hóa như những con tàu đóng theo đúng quy trình công nghệ.

-Miễn là đi được một vài chuyến, rồi bỏ đi cũng không sao.

-Cũng phải nói để anh thông cảm. Nếu như sản xuất mà không theo quy trình công nghệ, thì anh em kỹ sư họ khó thông lắm đấy. Phải tranh thủ được sự đồng tình của mấy kỹ sư thiết kế.

-Công việc này đòi hỏi hết sức bí mật. Số người biết mục đích của việc đóng tàu phải thật hạn chế. Nhưng nếu xét thấy cần, cũng có thể cho anh em biết, chắc anh em sẽ không từ chối. Tôi sẽ trực tiếp nói chuyện với anh em.

-Dạ .. như thế thì ổn rồi. Còn máy tàu, tôi mách với anh, trong kho của Bộ Giao thông vận tải có một số máy Đức mới nhập, lắp loại máy ấy đi đường dài không còn gì đáng lo. Việc xuất kho loại máy ấy phải có chữ ký của Thủ tướng Chính phủ.

Việc triển khai đóng những con tàu hoàn toàn thuận lợi . Anh em kỹ sư và công nhân xưởng đóng tàu 3 Bộ Giao thông vận tải làm việc quên mình.

Tháng 3 năm 1964, chiếc tàu đầu tiên đã ra xưởng (chỉ trong 10 tháng, xưởng đóng tàu 3 Hải Phòng đã đóng xong 5 chiếc tàu trọng tải từ 50 đến 60 tấn). Tàu được đưa về cảng K.20. Trung tướng Phó Tổng tham mưu trưởng Trần Văn Trà, đại tá tư lệnh Hải quân Nguyễn Bá Phát cùng đến xem chiếc tàu sắt số 1 ấy. Các anh đều tỏ ra phấn khởi.

Đ/c Nguyễn Bá Phát vừa cười vừa chỉ vào vỏ thép chỗ buồng lái :

-Anh xem, nó vừa ra xưởng đã được thử thách.

Nhìn vết đạn trên vỏ tàu, đ/c Phó tổng tham mưu trưởng ngạc nhiên, hỏi :

-Đạn nào bắn ?

-Đêm hôm anh em nhận tàu ở xưởng đưa về đây, gặp anh em công an vũ trang đi tuần tra. Anh em công an thấy tàu gọi lại để kiểm soát. Sợ đứng lại thì lộ bí mật, nên anh em trên tàu đã cho tăng tốc độ rồi chạy luôn. Vốn anh

em công an đã theo dõi và nghi ngờ tàu thuyền của đoàn 125, không mang biển số và thường đi lại ban đêm. Anh em công an nghi là tàu buôn lậu. Họ đã có kế hoạch săn đuổi. Đã có lần họ bắt giữ một chiếc của đoàn 125, chúng tôi phải gặp riêng đ/c giám đốc công an để xin lại. Cũng may là chưa xảy ra thương vong.

Trung tá Hồng Phước xen vào một câu nói vui :

-Anh em đoàn chúng tôi đã nhận thêm một cái tên “Đoàn tàu không số “.

Phó tổng tham mưu trưởng cười lớn :

-Đúng. Các anh sẽ mang cái tên “ Đoàn Tàu Không Số” cho đến ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam.

Sau chuyến đi của các tàu Phương Đông 1 , Phương Đông 2, liên tiếp nhiều chuyến khác vào bến an toàn. Có tháng, hai, ba chuyến đưa hàng vào bến Vàm Lũng (Cà Mau). Sự phát triển của vận tải đường biển với tốc độ không ngờ ấy đã tạo ra những yêu cầu mới. Một phân đội nhỏ làm nhiệm vụ bến không kham nổi. Ở bên Vàm Lũng chưa kịp cất giấu hàng của chuyến trước đã phải đón thuyền sau cặp bến.

Phải quy công tác chỉ huy, chỉ đạo kho – bến vào một đầu mối. Phải coi công tác bến là một bộ phận quan trọng hợp thành con đường biển chiến lược. Chỉ sau vài chuyến thành công, Bộ Chính trị đã chỉ thị cho khu ủy miền Tây Nam Bộ (lúc đó chưa thành lập Bộ tư lệnh quân khu 9) tổ chức và trực tiếp chỉ đạo đơn vị bến.

Một đơn vị bến-kho tương đương cấp lữ đoàn được thành lập, mang phiên hiệu 962 đảm nhiệm tất cả các bến thuộc tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre, Bạc Liêu. Các cán bộ phụ trách đoàn 962 gồm các anh : Nguyễn Văn Phán (Tư Đức) đoàn trưởng; Sáu Toàn, chính ủy; Hai Tranh, Năm Sớm, phó chính ủy; Bông Văn Dĩa và Tư Mao là đoàn phó.

Cùng một thời gian, đơn vị bến vừa tiếp nhận hàng ở ngoài Bắc đưa vào, vừa phải tiếp nhận người để hình thành các tổ chức của đơn vị mình và tổ chức

bảo đảm bí mật kho, bến.

Vừa ra đời, đoàn 962 đã phải gánh một nhiệm vụ vượt quá sức mình. Riêng việc mở bến , làm sao bảo đảm tuyệt đối bí mật cũng là công việc khá nhiều gai góc. Về nguyên tắc, bến không thể đặt ở nơi xen kẽ với dân. Với điều kiện ấy, khó có thể tìm được trong thực tế. Khu rừng dưới Rạch Gốc (Cà mau) có tới 5000 dân ở sâu vào các ngòi lạch nhỏ, làm nghề kiếm cá, đốt than, làm rẫy và tránh sự đánh phá của địch. Bến đón ở Trà Vinh, Bến Tre nằm ngay trong khu vực có nhiều cơ quan tỉnh, huyện ở.

Đoàn 962 được sự giúp đỡ của các tỉnh ủy nói trên, đã vận động các cơ quan và nhân dân nằm trong khu vực bến, dời đi nơi khác. Mỗi cơ quan, mỗi gia đình phải rời bỏ nơi mình đang “ấm chỗ” không dễ dàng. Anh em đoàn 962 đã phân công nhau đến từng cơ quan , gia đình để vận động, thuyết phục. Cuối cùng họ đã vui lòng nhường nơi ở của mình cho quân đội làm nhiệm vụ quân sự.

Có đất đứng riêng biệt, đoàn 962 đã mở nhiều bến phụ ở mỗi khu vực. Tại Cà Mau, không riêng cửa Vàm Lũng, mà các cửa rạch Kiến Vàng, Cái Bằng, Bò Đề ... cũng có thể đón tàu thuyền ra vào an toàn.

Nhiều ngòi lạch lúc đầu nhỏ hẹp, nước cạn, một con thuyền lớn cũng không thể ra vào được. Anh em đoàn 962 đã khơi rộng, đào sâu những ngòi lạch ấy, dài hàng chục km để cho tàu có mức giãn nước hàng trăm tấn đi lại.

Công tác bến ngày càng khó khăn, vất vả. Mỗi lần tàu chở hàng đến, thông thường số người bốc và dỡ, có khoảng trên dưới 20 người mà phải “giải phóng” từ ba đến sáu chục tấn hàng trong một ngày đêm. Mỗi kiện hàng trung bình 50 kg, có kiện hàng nặng tới 500 kg. Anh em chỉ có đôi bàn tay, đôi vai trần với trí thông minh, thay cho những cần cẩu hiện đại. Xong việc bốc vác , vẫn những người ấy, lại đi chặt cây ngụy trang tàu, xếp hàng vào kho ..

Bến bãi ở Cà Mau có nhiều thuận lợi hơn. Có tới 2/3 số chuyến tàu vào đổ hàng ở đây. Khắp cả khu rừng đước vùng Rạch Gốc rộng hàng trăm km vuông, nơi nào có ngòi lạch đi là nơi đó có kho hàng vũ khí cất giấu. Cái kho vũ khí Cà Mau nhanh chóng phình ra. Trong lúc đó ở miền Đông, miền Trung Nam Bộ, các lực lượng vũ trang vẫn thiếu vũ khí nghiêm trọng. Tình

trạng không hợp lý ấy đã được nhanh chóng khắc phục.

Bộ tư lệnh miền Nam chỉ đạo lập một tuyến chuyên chở mới; Đoàn 962 tổ chức một phân đội thuyền gấn máy chở hàng từ Cà Mau sang lập kho ở Bến Tre. Hậu cần của Miền tổ chức một đơn vị vận tải đường sông, luồn lách qua vùng địch tới Bến Tre nhận hàng. Kết hợp với vận tải bằng gùi, thồ những kho vũ khí từ Cà Mau, Bến Tre lần lượt đưa đến căn cứ chiến khu D. Các trung đoàn 1, 2 chủ lực miền Đông và du kích đã được trang bị vũ khí của con đường biển cung cấp.

Những chuyến hàng từ kho ven biển đến miền Đông, qua biết bao nhiêu đồn bắt địch, qua bao nhiêu lưới của địch dang ra để kiểm soát, nhưng các chiến sĩ vận tải kiên cường đã vượt mọi khó khăn, nguy hiểm đưa hàng tới đích.

.. Công tác kho, bến phục vụ đường biển lúc đó được ngụy trang bằng cái tên “Bộ đội tự túc” để giữ bí mật. Trong lúc ở ngoài căn cứ bến, cuộc chiến đấu đang sôi động, nhiều bà mẹ ở gần bến, không biết việc của anh em làm, đã chê bai “Bọn bay khỏe mạnh như thế mà đi tự túc, sao không giao cho bọn con gái làm thay, ra ngoài kia mà đánh giặc. Hay bọn bay sợ chết ..”. Thậm chí có bà mẹ tìm tới gặp cán bộ chỉ huy để đòi con mình. Bà nói “Tôi cho con tôi đi đánh giặc, chứ tự túc thì các anh cho nó về”. Thêm một khó khăn là : Nói làm sao cho mọi người hiểu được việc quan trọng của mình đang làm, mà vẫn giữ được bí mật.

Việc kho, bến năng nhọc, âm thầm, chẳng có gì hấp dẫn đối với tuổi trẻ, lại còn điều ra tiếng vào của các bà mẹ, của chị em phụ nữ coi “bộ đội tự túc” không quan trọng bằng bộ đội chiến đấu, làm cho không ít anh em phải dẫn vật, suy nghĩ và sinh ra tư tưởng không yên tâm với nhiệm vụ.

Đảng ủy, thủ trưởng đoàn 962 đã vận dụng nhiều biện pháp tổ chức, giáo dục và lãnh đạo đưa khí thế thi đua của đơn vị ngày một cao hơn. Các cán bộ của đoàn luôn là những nòng cốt của phong trào. Hầu hết cán bộ đều tỏ ra gương mẫu, lăn lộn vào gánh vác công việc nặng nhọc với anh em chiến sĩ. Cộng với những hình ảnh sinh động từ những con tàu đưa tới; những dấu vết vật lộn với sóng gió, trên đường xa xôi hàng ngàn hải lý còn để lại trên khuôn mặt, dáng người của từng thủy thủ; câu chuyện kể về tình cảm của miền Bắc

đối với miền Nam; sự quan tâm đặc biệt của Trung ương; những trận đánh thắng có vũ khí của đường biển góp phần ..tất cả thực tế sinh động, giàu ý nghĩa đó làm cho anh em gắn bó với nhiệm vụ của đơn vị.

Những chiếc tàu của đoàn 125 như những cái bóng lặng lẽ, kiên nhẫn, gan góc liên tục rời bến, lặn ngụp trong sóng gió, đến bến, rồi lại rời bến .. Mỗi chuyến đi là một lần làm đẹp thêm, rực rỡ thêm trang lịch sử đường biển. Chỉ trong vòng hơn một năm (9/1962 – 12/1963) đã đưa tới các bến ở Nam Bộ hơn 1000 tấn hàng. Một kết quả “siêu kỷ lục”. Hoàn cảnh lúc đó không có con đường nào khác, không có phương pháp vận chuyển nào khác có thể đưa tới Nam Bộ số lượng hàng như vậy trong cùng khoảng thời gian. Thắng lợi thầm kín nhưng hết sức vang dội ấy khiến mọi người kể cả người lãnh đạo đến thủy thủ đều reo lên “Đây là thời kỳ hoàng kim” của công tác vận tải chiến lược trên biển.

Những chiến sĩ du kích, bộ đội Giải phóng của hầu hết các tỉnh ven biển Nam Bộ lần lượt nhận được vũ khí của con đường biển đưa tới.

Ta có thể tưởng tượng được phần nào tâm trạng của các chiến sĩ. Khi cuộc càn quét của địch đang đe dọa, đồn bốt của địch như cái gai nằm trong da thịt cần phải nhổ, nhưng trong tay chỉ có “ngựa trời”, đại đao và những khẩu súng trường gỉ, mà bây giờ đột nhiên nhận được những khẩu súng hiện đại và những gói đạn còn thơm mùi sơn thì mới hiểu hết được tâm trạng vui sướng của các chiến sĩ như thế nào ! Anh Năm Đờm (hồi đó là tỉnh đội phó tỉnh đội Cà Mau) kể lại buổi lễ nhận súng ở rừng đước Rạch Gốc : “.. Tất cả anh em chúng tôi vui mừng sung sướng, nước mắt chảy tràn. Ai nấy đều hôn lên khẩu súng còn đầy dầu mỡ mà mình vừa nhận được. Với những khẩu súng đổ , chúng tôi đã đánh thắng địch trong trận Đầm Dơi, Cái Nước ..”

Các đơn vị làm nên chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) cũng vậy. Có thể họ không biết vũ khí từ đường biển đưa tới. Nhưng khi kiểm tra tại sao những chiếc trực thăng của Mỹ lại bị rơi xuống trước mũi xuồng tam bản, những chiếc xe thiết giáp M.114 bị bắn cháy ở bìa làng .. và cuối cùng trên Ấp Bắc đã đánh bại chiến thuật “thiết xa vận” và “trực thăng vận” của Mỹ, chắc hẳn họ không quên nhắc đến sự góp phần của những khẩu súng mình đang sử dụng.

Được trang bị tương đối đầy đủ vũ khí, các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ đã phá tan nhiều cuộc càn quét lớn; nhổ nhiều đồn bốt của địch và mở rộng thêm vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, tỉnh Cà Mau, Bến Tre, đã tuyển được hàng nghìn quân thành lập gần hai trung đoàn để góp lực lượng xây dựng chủ lực Miền.

Thắng lợi của phong trào đấu tranh cách mạng của miền Nam, nhất là của Nam Bộ đã phá vỡ một mảng lớn chính quyền cơ sở địch, làm “quốc sách ấp chiến lược” của ngụy bị phá sản và “kế hoạch Stalây – Tâylo” của Mỹ bị đẩy lùi một bước hết sức nghiêm trọng. Thắng lợi ấy của cách mạng dẫn đến nội bộ chính quyền ngụy cấu xé lẫn nhau. Bọn tướng tá ngụy đã làm cuộc đảo chính, giết anh em họ Ngô – những tên phản quốc khát máu nhất trong lịch sử.

Phải tranh thủ năm thời cơ lớn của cách mạng đang đến gần. TW Cục Miền Nam ra nghị quyết đẩy mạnh việc xây dựng và tác chiến của bộ đội chủ lực “.. ra sức chủ động và liên tục tiến công địch trên khắp chiến trường, đẩy địch vào thế suy yếu hơn nữa .. tạo những điều kiện làm chuyển biến so sánh lực lượng giữa ta và địch ..” (nghị quyết của TW Cục tháng 3 năm 1964).

Hiển nhiên, vận tải chiến lược đường biển đã trở thành một bộ phận sức mạnh của cách mạng miền Nam. Nhu cầu vũ khí của chiến trường Nam Bộ ngày một lớn và việc chi viện duy nhất chỉ có vận tải chiến lược đường biển có thể gánh vác được. Bộ Chính trị và Quân ủy TW đã lãnh đạo thúc đẩy nhanh tiến độ của nó. Trong quý 1 năm 1964, xưởng đóng tàu 3 Hải Phòng xuất xưởng 5 chiếc tàu có sức chở 50 tấn; và nước bạn chi viện 15 chiếc tàu, sức chở mỗi chiếc từ 100 đến 250 tấn. Từ năm 1962, đoàn 125 đã nhận bổ sung thêm hơn 300 cán bộ, chiến sĩ hải quân ưu tú cùng với những chiếc tàu nói trên, biên chế thành 2 tiểu đoàn; xây dựng thêm cảng Bình Đông. Trên hai bến cảng Đồ Sơn và Bình Đông thời kỳ này hầu như tháng nào cũng có một con tàu xuất phát ra khơi.

Trở lại câu chuyện về những chuyến đi của những con tàu mới đầu năm 1963. Nhận được những con tàu chính nước mình đóng, anh em đoàn 125 rất phấn khởi nhưng cũng rất lo vì ngoài nhiệm vụ vận tải, họ còn là người thử nghiệm. Anh em chưa kịp tìm hiểu kỹ đặc tính của con tàu đã nhận lệnh lên

đường.

Chiếc thứ nhất do thuyền trưởng Đạt và chính trị viên Tiến phụ trách đưa gần 50 tấn hàng vào bến Trà Vinh an toàn (24-3-1963).

Chiếc thứ hai do tàu 6 phụ trách, tiếp tục xuất phát.

.. Đội 6 đã đưa con tàu của mình đi được hơn một nghìn hải lý. Tàu vừa qua quần đảo Trường Sa, thợ máy phát hiện tàu hết dầu. Phó thuyền trưởng Trường Sơn và trưởng máy Tống Bửu Kiên xuống buồng máy kiểm tra. Các anh không tin có chuyện như thế. Khi đi tàu bao giờ cũng mang đủ cơ sở và dự trữ thêm hàng chục tấn, đến đây chưa hết nửa đoạn đường dự định mà hết dầu thì vô lý

Anh em dùng bơm máy, bơm tay để hút dầu. Bơm hoài không thấy dầu lên.

Thật tai họa. Hết dầu giữa biển, làm sao bây giờ ? Thuyền trưởng hạ lệnh tắt máy. Số dầu còn lại chừng một trăm lít nữa chỉ sử dụng cho máy nhỏ chạy để đánh điện cấp cứu.

Toàn đội họp bàn hàng giờ liền, không tìm ra nguyên nhân tại sao lại thiếu nhiều dầu như vậy. Hay là bộ phận xuống dầu làm ẩu, không kiểm tra kỹ nên thiếu dầu mà không biết. Hay là có bàn tay cố tình phá hoại chuyến đi. Hay là .. biết bao nhiêu giả định, rồi như tơ vò, chẳng rút ra được kết luận gì. Trong đời làm thủy thủ, chưa có ai gặp tình huống như thế này. Giờ chỉ còn hy vọng cấp trên cho tàu đến cứu.

Báo vụ viên Lê Khánh Hồng vào buồng làm việc. Anh thấy nhịp của “manip” vang dội khác thường, dường như nhịp đập của quả tim mình. Bức điện nhắc lại hai lần “Hết dầu, yêu cầu tiếp khẩn cấp. Tọa độ X-Y”.

Bức điện ấy chẳng làm cho anh em dịu bớt nỗi lo lắng. Ví thử có tàu tiếp dầu tới thì tàu của mình đã trôi dạt tới nơi vô định nào đó, làm sao mà nhận được dầu. Chỉ có máy bay hoặc radar họa may mới tìm được con tàu nhỏ xíu của mình giữa biển khơi mênh mông thế này. Nhưng ta làm gì có phương tiện ấy.

Từ mấy hôm trước, tàu đi trong sóng gió cấp 6, cấp 7 đến bây giờ lại thả trôi, cho sóng lắc ngang lắc dọc. Thuyền trưởng, chính trị viên và nhiều thủy thủ

đã bị sóng đánh gục. Tiếng nấc khan, nôn ọe của hàng chục con người trong khoang gieo vào lòng những người còn khỏe nổi ngao ngán. Đã sang ngày thứ hai rồi, không sao đặt bể, nấu nổi nồi cơm.

Tổng Bửu Kiên thấy lòng mình chẳng yên. Anh vốn là người lạc quan, nhưng lúc này cũng chẳng kiếm ra được câu chuyện gì nói cho khuây khỏa. Hát vài câu vọng cổ lắng nhăng chỉ nặng đầu thêm. Anh xuống buồng máy, đứng lặng bên cổ máy lạnh ngắt. Ngắm máy chán lại lên mặt boong, ngắm trời ngắm biển.

Màu xám chì của bầu trời đang nứt nẻ, mở những kẽ hở cho ánh nắng mặt trời xuyên xuống. Mặt biển vẫn tím bầm giận dữ. Tất cả gọi cho anh cảm giác mung lung, như đang chờ đợi một cái gì đó xa xăm, có thể gặp mà cũng có thể không bao giờ gặp.

Từ năm 18 tuổi đến giờ, trong cuộc đời chiến sĩ, anh đã trải qua nhiều nổi gian truân, nhưng chưa bao giờ anh gặp cảnh ngộ oái ăm như lần này. Nghĩ lại chuyến đi cách đây không đầy một tháng, con tàu vỏ sắt đầu tiên đưa hàng vào Trà Vinh, đi gần tới bến thì bị mắc cạn ở gần đồn địch. Có người nêu ý kiến, ném bớt hàng xuống biển mới mong thoát nạn. Kiên đã cùng một số anh khác kiên quyết bác bỏ. Anh đã cùng các anh Tiến, Nuôi, Mai, Thắng tình nguyện ở lại trên tàu, sẵn sàng chiến đấu đến cùng để bảo vệ con tàu. Một ngày thi gan trước tình huống hiểm nghèo, cuối cùng anh em đã đưa được con tàu với số hàng mang theo vào bến an toàn.

Trên đời này, chẳng có khó khăn nào giống nhau, nhưng ai là người có ý chí, quyết tâm cao, thông minh gan góc và kiên trì thì người đó sẽ thắng. Nghĩ tới bài học của chuyến đi trước, niềm hy vọng lại nảy nở trong anh. Không được phép thất vọng, anh tự nhủ và cố gắng sức tìm cho ra nguyên nhân.

Kiên xuống buồng máy đưa tay lần theo đường ống dẫn dầu, không thấy hiện tượng gì khác, anh lại lên đứng lặng người suy nghĩ.

Thôi Văn Nam, thợ máy phụ cũng mang tâm trạng như Kiên. Nam nằm nhào người ra chui vào khoang chứa hàng, một hồi lâu rồi chui ra mặt mày nhễ nhại mồ hôi. Thấy Kiên đi tới gần, Nam nói :

- Vô lý, không thể có chuyện thiếu dầu.

-Mình cũng nghĩ như vậy. Cố tìm xem. Có thể có đoạn ống bị dò dầu chảy xuống đáy tàu cũng nên.

Con người tầm thường đứng trước tai biến thường suy nghĩ tìm cách cứu lấy bản thân mình trước đã. Anh em thủy thủ của chúng ta đã vượt lên được suy nghĩ bản năng đó. Trong gian nan họ càng tin nhau, cùng nhau phấn đấu. Trong tình huống như tuyệt vọng này, họ vẫn tiếp cho nhau niềm hy vọng.

Đội tàu 6 bị thả trôi, không định hướng, sang ngày thứ ba, tàu giạt vào gần một hòn đảo, không xác định được là đâu nữa. Anh em thủy thủ nhìn thấy lá cờ sọc dưa trên đảo. Đúng là bọn ngụy đóng trên đó, không còn sai nữa. Phải làm thế nào né xa chúng được chừng nào càng tốt chừng đó. Anh em tất bật lấy mền chần, bạt dẫy hàng, buộc nối vào nhau thành một cánh buồm. Gió đông nam nhẹ nhẹ đưa con tàu xa dần hòn đảo.

Tàu nhờ chiếc buồm đẩy đi mỗi giờ được một hải lý, làm bùng lên hy vọng trong lòng mọi người. Có thể đưa tàu trở về được, dù có kéo dài thời gian vẫn còn hơn để nó trôi giạt tự do. Không khí trên tàu trở lại nhộn nhịp vui vẻ. Số anh em bị say sóng cũng thấy tỉnh táo dễ chịu hơn. Họ nấu cơm ăn cho lại sức.

Mấy anh thợ máy vẫn sục tìm xem dầu chảy đi đâu. Nam lại mở sập chui xuống hầm hàng, dùng mũi người, tai nghe động tĩnh dưới đáy tàu. Một hồi lâu, Nam bò ra, gọi Kiên :

-Anh xuống mà xem, dưới hầm có mùi dầu !

Với tính hay đùa cợt, Kiên gọi mọi người :

-Các cậu ơi ! Lại đây ! Thử đánh hơi xem mũi đưa nào tinh.

Mỗi người xuống hầm hàng ngửi một hồi lâu. Bò ra ngoài, người nào cũng nói, cảm thấy có mùi dầu.

Kiên nói với anh em :

-Mỗi thằng một tay khênh bót hàng lên xem sao.

-Khênh nào .. nhanh lên.

Khênh hàng lên mặt khoang xong. Anh em thay nhau áp tai xuống lắng nghe dưới đáy tàu. Mỗi lần tàu lắc lại nghe thấy tiếng “óc ách”.

Đến lượt Kiên. Anh vừa chui ở hầm hàng ra , đã reo lên :

-Đúng rồi , Lãng ơi ! Chẻ cho một cái sào, chẻ làm tư.

-Sao lại chẻ sào ?

-Để chọc xuống xem có dầu không . Mau lên.

Lãng mang thanh trúc vừa chẻ đến. Kiên cầm thanh trúc xuyên qua khe những hòm vũ khí, xuống đáy tàu, rồi nhấc lên. Đầu thanh trúc ướt một đoạn. Anh em thay nhau ngửi chỗ ướt. Người nói “nước”, người nói “dầu”.

Kiên nói với Nam :

-Cậu xuống cho chạy máy bơm, để chúng tao theo dõi đường nước xem sao.

Máy bơm “xịch xịch” một hồi, vòi nước bên sườn tàu tuôn xuống biển, mặt nước có vầng dầu.

Anh em reo ầm lên :

-Đúng là có dầu rồi !

-Thôi ngừng bơm. Dứt khoát 100% là dầu xuống đáy tàu. Bây giờ chỉ còn tìm cách hút lên thôi.

Nghe tiếng reo có dầu, tất cả anh em chạy đến tụ tập xung quanh cửa hầm hàng. Mỗi người nói một câu, tự nhiên thành cuộc họp, và ra nghị quyết “Tối nay cho chạy máy phụ, mắc đèn lên giả làm tàu đánh cá, để có ánh sáng cho anh em chuyển hàng lên mặt khoang. Thối nôi cơm nếp và làm thịt nốt mấy con gà để bồi dưỡng .. ».

Anh em đưa những kiện hàng lên mặt khoang, bật tấm ván đáy rồi múc nước ra được một thùng dầu. Mọi người tranh nhau xem. Bây giờ đích thực là dầu rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Anh em ôm nhau mà nước mắt cứ tràn ra.

Cũng chỉ tại « mấy cha » xưởng đóng tàu chưa có kinh nghiệm, đặt ống dẫn dầu nổi ngay trên sạp chứa hàng. Hòm hàng đè lên ống dẫn. Sóng lắc đi lắc lại, thế là ông võ toác ra. Mấy cậu hậu cần suýt nữa mang tiếng oan. Lại khổ mấy thằng mang dầu đi cấp cứu, lang thang trên biển tìm mò chẳng được tích sự gì. Đánh điện báo cáo mấy ông ở nhà biết đã tìm thấy dầu rồi chắc các ông ấy tưởng cánh này điên. Sao lại có chuyện « hết dầu : lại « tìm thấy dầu » ở giữa biển ! Rồi thành chuyện cười đến vỡ bụng ra mất.

Lại nói tới đơn vị nhận nhiệm vụ tiếp dầu cho đội tàu 6.

Thời gian ấy, chiếc Phương Đông 2 còn đang mắc kẹt ở bến Kiến Vàng (Cà Mau) vì phải chờ con nước mới ra được.

Chiến dịch « Sóng tình thương » của địch càn quét vào vùng căn cứ mấy huyện phía nam Cà Mau. Tiếng bom đạn mỗi lúc một gần. Anh em bến, thuyền đều sốt ruột lo lắng. Nếu địch càn đến nơi, ta không đủ sức cản thì lộ bến và có khi lộ cả đường biển. Trong lúc rối bộn ấy lại nhận được điện của Bộ Tổng Tham Mưu « cho Phương Đông 2 rời bến ngay. Dem thêm 2 tấn dầu cấp cứu đội tàu 6 bị hết dầu ở khu vực đảo Trường Sa ».

Cái tin « hết dầu » giữa đường của đội 6 đến làm cho mọi người ngạc nhiên, bàng hoàng đến sững sờ. Sao lại hết dầu. Đi lạc đường ư ? Chỉ có cái thuyền gắp máy không có một thứ phương tiện kỹ thuật trong tay, làm sao tìm được nó. Lại còn việc « móc nối » tận trong vùng địch, mua mấy tấn dầu nữa ; giữa lúc địch càn sát nách thế này liệu có thoát được không ?.. Những câu hỏi cứ « mọc » ra trong đầu các cán bộ thuyền, bến không khác nấm mọc sau một trận mưa. Nhưng tất cả mọi đầu mối suy nghĩ lúc này, họ đều đổ dồn vào chiếc tàu hết dầu đang bơ vơ ngoài biển khơi.

Anh em bến đã tháo vát, dùng cảm đưa được mấy tấn dầu về căn cứ đúng ngày con nước lên.

Phương Đông 2 rời bến.

Đến đêm thứ hai nó lạc vào một quần đảo. Bỗng nhiên thấy thuyền đứng sững lại và dây thuyền va vào vật cứng . Anh thợ máy Phan Văn Nhạn vội vã tắt máy. Anh em vùng dậy hoảng hồn, chẳng hiểu đầu đuôi ra sao. Có tiếng hỏi và tiếng gắt gòn, đáp lại :

-Mắc cạn.

-« Lộp khộp » .. nghe thấy không ? Trèo lên đá rồi !

-Phải bình tĩnh. Lây sào đo nước thử xem !

Đi theo cùng đội tàu này có bác Năm Sao và một số thủy thủ Phương Đông 1

(vì thuyền Phương Đông 1 bị hỏng phải bỏ lại ở bến).

Bác Sao đứng nhìn những quãng sóng một hồi rồi nhận xét :

-Phía trước là nước sâu, ta lợi dụng từng đợt sóng kết hợp đẩy sào có thể thoát nạn.

-Bố già đứng đây mà biết nước sâu.

-Trông kia kìa, chỗ nước cạn gợn sóng mau, chỗ nước sâu thì nó tãi ra.

-Chịu bố.

Con tàu cứ dềnh lên lại dập xuống theo nhịp sóng ; đáy va vào san hô phát tiếng kêu « rộp rộp .. ». Nghe tiếng va của đáy tàu lúc này còn căng óc hơn tiếng nổ gần.

Cách chỗ Phương Đông 2 đang mắc cạn độ vài chục mét, có chiếc tàu đắm tự bao giờ không biết, nó còn nhô lên khỏi mặt nước một phần buồng chỉ huy. Trước mắt các thủy thủ lúc này, chiếc tàu đắm kia giống như hình ảnh thần chết .. Nhìn nó, họ liên hệ tới ngay số phận của mình.

Mọi người đồng ý với kế của bác Sao. Hai ba người túm lấy một đầu sào. Thuyền trưởng đứng ngoài quan sát sóng và chỉ huy. Nghe tiếng hô « hai .. ba » anh em lại « hò dô .. » đẩy mạnh con sào.

« Hò dô nào ! » . Một nhòai cả người mà cảm như con tàu vẫn đứng ì một chỗ. Tình trạng đó kéo dài hàng giờ liền. Một, nghỉ rồi lại túm lấy đầu sào « dô hò ». Bỗng nhiên, con tàu nhao về phía trước, làm cho mọi người mất đà suýt ngã.

Ôi ! Thế là thoát rồi. Họ ôm chặt lấy nhau, biểu lộ sự vui mừng.

Tàu vừa nổ máy, đột nhiên có tiếng « huých » nặng nề, như người ngã ở trên cao xuống sập thuyền. Ngọc đang cười nói với bạn bè về chuyện thoát nạn, nghe tiếng động sau lưng, anh giật mình ngoảnh lại. Ồ, một con cá dưa, dài tới 2 mét nằm ườn trên mặt khoang.

-Trời phù hộ, anh em ơi !

-Chim sa, cá nhảy. Độc lắm.

-Cậu nào sợ độc cho ra rìa. Đem sả ra làm một nồi cháo ngon tuyệt, còn lại phơi khô nhậu dần để giải độc ghen !

Tối lúc này anh em mới chú ý hiện tượng khác thường của mặt biển dưới ánh trăng thượng tuần. Sóng hơi gợn, êm ả như mặt hồ. Cá bơi, kẻ thành những vệt sáng mờ, ngang dọc. Chốc chốc lại thấy cái lưng đen nhẩy to như lưng trâu của một con cá bơi bên cạnh thuyền.

Tàu chạy chậm chậm, vừa đi vừa dò đường. Chạy về hướng bắc độ một vài giờ lại gặp đá ngầm. Quay sang hướng đông, cũng gặp đá ngầm.

Trăng đã lặn. Trời, biển một màu đen, khó có thể phân biệt đâu là luồng lạch, đâu là những hòn đảo san hô lập lờ dưới mặt nước.

Thuyền trưởng cho thả neo, chờ sáng.

Nồi cháo cá nhiều hơn gạo, đủ gia vị : hồ tiêu, hành thơm phức. Bác Sao nấu xong, đã đặt trên mặt khoang. Giá như « thuận buồm xuôi gió » thì bữa cháo đặc biệt này ngon lành vui vẻ biết bao. Nhưng họ đã không cảm thấy hết hương vị của nó, vì nỗi lo còn đang đè nặng.

Trời sáng, tàu chạy về hướng Bắc khoảng 5 hải lý, gặp bờ đá san hô kéo dài chắn lối ; lại chuyển hướng tây-bắc chạy 5, 6 hải lý vẫn gặp bờ san hô bao vây. Niềm hy vọng bị rạn nứt.

Họ họp bàn. Nếu không thoát khỏi cái hồ này thì sao ? Còn có cách nào đưa thuyền ra được không ? Nếu không thì hết phương cầu cứu (vì họ không mang điện đài), chỉ còn cách tìm một hòn đảo nào cạnh « hồ » sống thêm những ngày tháng mong manh. Gạo đâu, nước ngọt đâu để kéo dài cuộc sống .. Họ đã bàn tính tới tình huống khấp khểnh nhất, nhưng chưa hết hy vọng. Phải cố tìm lối ra, dù lối ra đó nước cạn, ta chờ thủy triều lên rồi dùng sào đẩy.

Tàu tiếp tục chạy. Tất cả những cặp mắt đổ dồn về một hướng, tìm tòi, sục sạo. Đã tìm ra một dòng chảy, nhưng cũng không hơn cái lối đã mắc cạn đêm qua. Tàu vào nửa thân đã chạm đáy. Anh em hò hục kéo, đẩy mấy giờ

liền vẫn không qua được. Chờ đợi thêm vài giờ chẳng thấy thủy triều. Họ đành phải quay lại chỗ nghỉ đêm trước, thả neo.

Các thủy thủ lại bàn bạc phương kế thoát nạn.

-Nếu thấy tàu thuyền nào đi gần, ta mang soong nồi ra gõ ầm lên cho họ đến cứu.

-Lỡ ra tàu thuyền đó của địch thì sao ?

-Cứ liều, một may , một rủi, còn hơn chết ở trong vịnh này.

-Phải hết sức bình tĩnh, đừng nóng vội. Tàu , máy còn nguyên, dầu nhiều, thả sức cho ra đi tìm. Thế nào cũng tìm được nổi ra.

Bàn bạc hồi lâu chẳng tìm ra kế gì cụ thể, nhưng cũng có tác dụng ngăn chặn sự tuyệt vọng đang xâm nhập.

Mặt trời như khối cầu lửa treo sát mép nước. Những đám mây màu vàng gạch rực rỡ, kéo từng vệt dài theo đường chân trời. Những hòn đảo san hô óng ánh như nạm vàng. Đàn hải âu đi kiếm ăn bay trở về đen cả vùng trời. Dưới mặt biển, sát con thuyền, hàng trăm, hàng ngàn con cá đủ loại đang tung tăng bơi lội. Cá đuối vuông vắn như mặt bàn đang khoe tấm lưng đen nhũ. Cá nhám, cá nhụ, cá xà như một đám trẻ con đang quây lộn đầu nghịch dưới nước. Cá và cá « đặc như trong chậu ». Mấy ông thủy thủ già tiếc rẻ, thả xuống sau tàu một tay lưới. Kéo lên một mẻ được gần hai tạ cá. Anh em vui vẻ reo hò quên cả tai họa đang đe dọa.

Niềm vui trước cảnh thiên nhiên giàu đẹp lại nhòe dần theo ánh hoàng hôn. Hoang đảo chìm vào trong bóng đêm. Tiếng sóng ngân đều đều, khơi sáu nỗi buồn lo day dứt. Mọi người thao thức, không ai ngủ tròn giấc.

Sớm hôm sau, Phương Đông 2 lại đi ngang, đi chéo trong « cái lồng chảo ». Tới gần trưa, anh em bàn tính cử người lên một hòn đảo san hô cao nhất, trinh sát nơi có thể trú ngụ lâu dài, khi không còn có con đường nào ra.

Lê Xuân Ngọc và Nguyễn Văn Dũng được trao nhiệm vụ lên đảo. Hai anh em vừa bước vừa thì thầm trao đổi :

-Chúng ta trở thành Ro-bin-xon mất. Nhưng ở đây không có rừng cây, muông thú.

-Có cá và rau dại là sống rồi, nhưng lo nhất là bão tố làm vỡ mất tàu.

-...

Họ xem xét mặt đảo. Chất kết cấu của đảo là cát và đá san hô. Những đám cỏ dại căn cổ thưa thớt. Cả hòn đảo nhỏ này có vài cây bàng là có bóng mát. Nhưng chim thì nhiều vô kể ..

Trở lại tàu, Ngọc báo cáo tình hình đảo với đơn vị. Mọi người im lặng suy nghĩ.

Tàu lại đi tìm lối ra cho tới gần tối. Mọi người đang mệt mỏi, chán nản, bỗng thấy ở phía trước cách vài chục mét có hiện tượng lạ. Những con cá lớn nhỏ nhảy vọt lên khỏi mặt nước, ông già Sao nhận xét :

-Cá nhảy thì nhất định có dòng chảy.

-Bố già có lý. Ta cho tàu lại đó xem.

Lúc này xuất hiện bất kỳ hy vọng nhỏ nhoi thế nào, họ cũng tìm cách níu lấy. Tàu chạy thẳng đến chỗ cá đang nhảy loang loáng.

Đến nơi, tàu dừng lại. Ngọc cầm sào chọc xuống nước, rồi kéo lên ngăm nhìn :

-Lần này nhất định tàu có thể qua được. Xem đây, trừ sóng lên, độ sâu vẫn còn gần hai mét.

Thăm dò xong. Con tàu đi từ từ vào dòng chảy. Đi được vài mét lại mắc cạn. Thủy thủ lại dò mức nước, thấy cạn lần này không nghiêm trọng. Thuyền trưởng quyết định vớt một số phuy dầu xuống biển cho nhẹ bớt, rồi dùng sức người đẩy sào kết hợp với máy.

Phương Đông 2 đã thoát khỏi sự bao vây của quần đảo san hô ngầm ấy. Trên đường về, ngày đêm cắt canh nhau quan sát để tìm tàu bạn. Nhưng làm sao tìm thấy, vì đội tàu 6 đã vào bến.

Khi về đến đơn vị, đoàn trưởng Hồng Phước tới thăm, thuyền trưởng Đạt báo cáo không gặp được đội tàu 6.

Anh Hồng Phước cười nói :

-Khỏi lo. Nó đã vào bến an toàn.

Anh em reo cười :

-Như thế là cả hai đội đều thoát nạn.

Đoàn trưởng ngơ ngác không hiểu ý anh em, tại sao lại “hai đội đều thoát nạn”.

Anh em vui vẻ kể lại đầu đuôi cho đoàn trưởng nghe câu chuyện bị đảo san hô “vây” trên đường đi cứu bạn.

Những cán bộ, chiến sĩ hải quân trẻ, có trình độ kỹ thuật đi biển mới được bổ sung về đoàn, lần lượt được trao những con tàu mới. Ngay từ chuyến đi đầu, hầu hết anh em đều biểu lộ có đủ tài năng và tinh thần dũng cảm để hoàn thành nhiệm vụ.

Đây là chuyến đi đầu tiên của thuyền trưởng Nguyễn Ngọc Ẩn. Anh thuộc lớp cán bộ thuyền được đào tạo qua trường hải quân. Việc chỉ huy một con tàu tuần tiểu ven biển đối với Ẩn đã trở thành bình thường, nhưng với một chiếc tàu không lớn hơn chiếc tàu tuần tiểu Tuần La (50 tấn) mà đi viễn dương thì anh chưa hình dung nổi.

Ẩn được trao nhiệm vụ chỉ huy đội tàu số 8. Anh em trong đội phần đông là những thủy thủ ở miền Nam đã đi nhiều chuyến.

Anh em đội 8 đón thuyền trưởng mới bằng một bữa liên hoan. Bác thuyền phó Lâm, tóc đã bạc quá nửa, tính tình trầm lặng. Mỗi cuộc họp, chủ tịch thường phải chỉ định bác mới phát biểu. Bữa liên hoan này có không khí vui vẻ đặc biệt, khiến bác Lâm lên tiếng đầu tiên :

-Chúng ta có tàu mới hiện đại, lại có thuyền trưởng mới hiểu biết kỹ thuật

hiện đại, nhất định đã lên đường là thắng lợi.

Lẽ thường tình, trước công việc chung khó khăn, nguy hiểm, ai dám xắn tay áo xông vào chia sẻ, tất nhiên người ấy sẽ nhanh chóng chiếm được tình cảm của người trong cuộc. Thuyền trưởng Ấn là người như vậy. Anh đã được anh em đón tiếp cởi mở chan hòa ngay từ phút đầu. Anh em kể lại kinh nghiệm chuyển đi, kể những tình huống thường gặp và cả chuyện riêng tư của mình.

Chiều ngày 3/7/1963, xe đưa đội 8 từ Hà Nội thẳng tới cảng bí mật ở Đồ Sơn. Đến nơi, Ấn đã thấy một số cán bộ cao cấp cả Hải quân và của Bộ Tổng Tham Mưu đang đứng trò chuyện.

Trung tá chính ủy Võ Huy Phúc giới thiệu với Ấn số khách đi tàu. Một người cao lớn, đưa bàn tay to bè ra nắm chặt bàn tay Ấn. Anh ta tự giới thiệu là đoàn trưởng đoàn khách của tàu :

-Chúng tôi có sáu người – Đoàn trưởng đoàn khách nói – Tất cả chúng tôi chưa đi biển bao giờ, nhờ các đồng chí giúp đỡ lúc sóng gió.

-Việc chung cả. Trên đường đi, chúng tôi cũng nhờ các đồng chí giúp đỡ.

Sau những lời chúc tụng dặn dò của các cán bộ cao cấp ra tiễn chân, các thủy thủ và khác xuống tàu.

Lúc nhổ neo, Ấn xem lại công tác chuẩn bị hàng hải và các trang bị trên tàu. Phương tiện dẫn đường vền vền chỉ có một cái la bàn , một tổng đồ 1/1.000.000 và cái thước đo góc. Anh không thất vọng. Vì điều đó các bạn bè đã cho anh biết trước. Anh mỉm cười tự động viên “Đi kiểu này nếu ỷ lại kỹ thuật đơn thuần thì té ngựa, phải dám chết để khắc phục điều kiện thiếu thốn phương tiện ..” Dù sao, anh cũng đã có nhiều thuận lợi hơn các bạn anh trước đây phải đi trên những con thuyền gỗ với cổ máy cộc cạch. Đoàn trưởng Phước giới thiệu với anh “đây là con tàu hiện đại” không phải là không có lý, nếu như có sự so sánh với cái đã có trước nó.

Vừa vào buồng ngủ, nơi khách đang ngồi chơi, Ấn đã được nghe một câu hỏi đến tức cười :

-Tại sao tàu ngụp mà có nhiều cửa thể thuyền trưởng ?

Ấn cố ghì mình không cười thành tiếng. Trước khi về đoàn 125 nghe anh em thì thầm với nhau “có tàu biển chở hàng vào miền Nam”, anh cũng có ý nghĩ, địch có nhiều phương tiện quan sát hiện đại, ta làm sao lọt qua được mắt chúng trên mặt biển trắng băng ấy.

Ấn nói đùa với khách :

-Cửa tàu đều có gioăng cao su, khi tàu ngụp sẽ đóng lại, nước không vào được.

Không dè anh em khách tưởng thuyền trưởng nói thật. Hôm sau lại có một vị khách hỏi hết sức chân thật :

-Đến bao giờ tàu mới lặn xuống anh ?

Một thủy thủ đùa dai :

-Vì phải tiết kiệm dưỡng khí. Khi nào tới khu vực địch kiểm soát mới cho nó ngụp xuống.

Lần đầu tiên trong đời lính hải quân, Ấn đi khơi xa. Đứng trên đài chỉ huy trông ra bốn hướng chỉ thấy mặt nước, chân mây. Biển trải rộng một màu tím thẫm tuyệt đẹp. Cảnh tình gợi anh cảm xúc , bồi hồi. Giá như biết làm thơ, thì đến đây đã có thể gieo vần.

Thiếu tá Huân là khách của tàu, lần đầu tiên đi trên biển. Các vị khách, bạn anh có người lần đầu tiên được nhìn thấy biển. Đêm đến họ thao thức không ngủ được, Huân rủ bạn ra ngoài mặt boong ngồi chơi.

Họ nói với nhau cảm nghĩ về chuyến đi đặc biệt này. Khi nhận lệnh vào chiến trường miền Nam, ai nấy đều cố gắng rèn đôi chân đôi vai để vượt Trường Sơn. Hôm nay đột nhiên họ được mời lên một chiếc xe buông mui kín, chạy mấy giờ liền, không hiểu đi đâu. Mãi đến lúc đứng trước cái cảng dã chiến, có con tàu chực sẵn mọi người mới biết rằng mình được đi bằng đường biển. Biết thêm con đường chiến lược mới này, họ như được tiếp thêm một niềm tin mới.

Sóng mỗi lúc một lớn dần. Anh em khách đã thấy say chuẩn choáng. Họ vào

trong khoang nằm nghỉ. Huân thấy đầu mình nặng nề, nhức nhối. Mỗi lần sóng lắc nghiêng con tàu, ruột gan anh như có một bàn tay đẩy lên mỗ ác, rồi nôn mửa thốc tháo kéo dài. Mồm cứ phải há ra sẵn để trong ruột có thứ gì trào ra nốt. Anh chưa bị trận ốm nào phải nôn ra mật vàng, mật xanh như vậy.

Những đợt sóng, nước trào vào sàn tàu. Mấy người nằm dưới sàn, ướt đầm cả quần áo mà không sao nhấc nổi đầu lên.

Thuyền trưởng Ân ngó vào khoang, nói vui :

- Bây giờ tàu ngụp xuống rồi đó.

Giá như cái đầu nhẹ nhõm một chút, Huân sẽ đáp câu nói vui của thuyền trưởng. Anh thầm cười cẩu câu hỏi ngây ngô của mình hôm trước. Thấy Ân vẫn đi lại khỏe khoắn, Huân ao ước có bộ thần kinh chịu đựng được sóng gió như Ân.

Tàu số 8 tiếp tục lườn qua những đợt sóng. Tàu nghiêng ngả. Bát, chén, mũ .. để trên mặt bàn bị hất xuống, ngổn ngang dưới mặt sàn tàu, chẳng ai còn sức đâu để thu dọn.

Tàu đang đi, bỗng có tiếng “àng” như bom nổ, và tàu nghiêng hẳn về một phía như muốn lật úp xuống. Nước chảy ào ào vào trong các buồng ở.

Có tiếng kêu thất thanh “tàu đắm”

Những người đang nằm mọp như cái xác chết, cũng vội vã vùng dậy, chạy đi tìm phao. Đại úy T là khách đi tàu đeo cái phao vào cổ chạy lên đài chỉ huy, chuẩn bị nhảy xuống biển. Một cảnh tượng hoảng hốt thực sự của một số người yếu bóng vía.

Thuyền trưởng Ân thấy anh em nháo nhác, quát to :

-Tất cả về vị trí của mình. Ai nói đắm tàu. Chỉ tầm bậy !

Nghe tiếng quát , số người hoảng hốt đã định thần lại. Con tàu vẫn lung lêng nghiêng ngả nhưng vẫn lao về phía trước. Nước tràn vào trong be tàu lại thoát ra ngoài.

Cả thủy thủ như bác Đẩu phải ngạc nhiên với hiện tượng vừa xảy ra. Lan can bằng sắt tròn 20 ly đường kính bị oằn xuống và mấy tấm ván sập gỗ lim dày 10 phân bị gãy đôi. Sức bủa của ngọn sóng có lẽ phải nặng hàng chục tấn mới tạo ra hiện tượng đó được.

Con tàu vừa đi vừa lườn lách tránh sóng. Anh em thủy thủ xếp bớt hàng ở hầm mũi xuống hầm lái, rồi lấy bạt đập chỗ sóng vừa phá vỡ lại.

Thuyền trưởng, thuyền phó và cán bộ hàng hải lại cầm cúi trên bản đồ hàng hải, kẻ đường đi và tính toán. Thuyền trưởng Ân hạ con tính xong, anh lắc đầu nói :

-Lạc hướng quá xa rồi. Nếu cứ tránh sóng như thế này thì việc bắt mục tiêu chưa biết sẽ ra sao.

-Chờ khi bớt sóng, ta bẻ về phía tây, một góc lớn hơn. Cố “bắt” cho được Hòn Hải – thuyền phó nói.

Đã 5 ngày đêm vật lộn với sóng gió. Đối với thuyền trưởng Ân, chuyến đi này sẽ là tiền đề thành công cho nhiều chuyến đi tiếp sau nữa. Anh theo dõi mọi chi tiết những tình huống xảy ra trên dọc đường. Mỗi đêm anh chỉ ngủ được 3, 4 tiếng đồng hồ, thậm chí thức trắng đêm để nắm chắc công tác chỉ huy.

Đêm ấy, Ân nằm ngay bên cạnh chân người lái. Anh vừa chớp mắt đã có tiếng la :

-Đảo !

Trong lúc mơ màng anh nghĩ tàu bị đảo. Anh nhắc Dĩ đang lái :

-Cậu lái làm sao để cho tàu bị đảo như vậy.

-Không phải tàu đảo, mà có đảo nào đó ở ngay trước mặt.

Ân vùng dậy chụp lấy ông nhòm. Anh nhìn ra phía trước, cách khoảng hơn 2 hải lý có một hòn đảo nhỏ. Anh nghĩ thầm “theo tính toán phải đi một ngày đường nữa mới tới Hòn Hải. Đây là đảo nào ?”.

Mấy ngày liền mịt mù trong sóng gió, nghe thấy “đã gặp đảo” các thủy thủ đều xô lên buồng lái để xem.

Những thủy thủ đã từng đi nhiều chuyến, bàn tán rộ lên. Có người nói “đây là Hòn Hai”, có người nói “đây là cù lao Bãi Sả” .. Mỗi người nói một phách, chẳng biết đường nào mà nghe. Thuyền trưởng yêu cầu mọi người về vị trí, để cấp ủy họp.

Ba đồng chí chi ủy cùng với Ân vào buồng hàng hải. Ân bật đèn công tắc rồi cầm bút chì chỉ vào một điểm trên hải đồ :

-Hòn Hải đây ! Nó có độ cao 110 mét. Còn đảo này có độ cao khoảng 50 mét. Các đ/c nhớ lại xem nó giống hòn đảo nào.

-Có lẽ là cù lao Bãi Sả.

-Đó là tên địa phương. Trong hải đồ không thấy cái tên cù lao Bãi sả.

Chi ủy bàn bạc một hồi rồi đi tới kết luận « Trao nhiệm vụ xác minh này cho thuyền trưởng và cố gắng bắt mục tiêu Hòn Hải ».

Ân lấy ống nhòm lên tầng chỉ huy, đo khoảng cách rồi xem la bàn. Cùng lúc đó, bác Đấu đo độ sâu theo luồng nhích dần về phía đảo. Ân thu các số liệu rồi trở lại phòng hàng hải. Anh đem ướm số liệu về hòn đảo trước mặt với các hòn đảo ở gần điểm đứng của con tàu. So với cù lao Thu cũng sai số rất lớn ; với Hòn Hải sai số lại càng lớn hơn. Anh bứt tóc suy nghĩ « đây là hòn đảo nào ? ». Chiếc kính lúp trong tay Ân vẫn rê xung quanh khu vực có chữ Hòn Hải rồi đưa tới chỗ Hòn Đèn. Ân reo lên :

-Hòn Đèn ! Cả độ sâu lẫn độ cao đều khớp. Ký hiệu trong bản đồ mờ tịt. Này chú xem. Cứ tưởng vết mực dấy vào cơ chứ.

Bác Lâm ghé cặp kính nhìn qua kính lúp một lát, rồi lắc đầu :

-Chẳng nhìn thấy quỷ gì.

Nhìn mặt mọi người vẫn ngơ ngác. Ân đoán : anh em vẫn chưa tin ở tính toán kỹ thuật. Phải làm thế nào cho mọi người tin tưởng vào tính toán hàng hải, nếu không, mỗi người lái lại tự điều chỉnh theo ý của mình sẽ gây khó khăn

thêm.

Nhân có cuộc hội ý chi bộ, Ấn phát biểu ý kiến ;

-Theo tôi tính toán, từ đây tới Côn Đảo còn 180 hải lý nữa. Khoảng 18 giờ ngày mai ta sẽ bắt được mục tiêu. Tôi đề nghị các đ/c trong phiên trực phải ghi nhật ký đầy đủ, lái đúng tuyến đường đã định. Tôi xin chịu trách nhiệm trước chi bộ về tính toán kỹ thuật là chính xác.

Một đảng viên đặt câu hỏi :

-Nếu trời xấu không bắt được đảo và không nhìn rõ núi thì sao ?

Bác Đấu đáp luôn :

-Mọi khi ta bắt Côn Đảo từ xa, khoảng 20 hải lý. Nếu trời xấu thế này, ta cho tàu vào gần hơn để bắt mục tiêu thật chắc.

Thảo luận gần một giờ, chi bộ ra nghị quyết « tin tưởng vào sự chỉ huy của thuyền trưởng và đề cao tính thần trách nhiệm của từng người trong các phiên trực. Khi tới giờ bắt mục tiêu, tất cả cấp ủy và cán bộ phải trực tiếp quan sát ».

Ba ngày liền không nấu được cơm, anh em phải ăn bánh bích quy hoặc bánh đa trừ bữa. Mọi người thêm một bữa cơm nóng, nhưng nồi nước đặt lên bếp chỉ huy được một lát lại bị sóng hất xuống.

Sáng hôm sau, sóng êm hơn một chút, bác Lâm và Đấu hí húi làm bữa ăn. Làm bữa ăn trên tàu nhỏ, giữa lúc sóng gió cũng là sự thử thách. Nếu không có sức chịu sóng và kiên nhẫn cũng không làm nổi. Hai bác Đấu, Lâm thay nhau giữ quai nồi, khi tàu lắc mạnh phải nhắc nồi lên cho khỏi đổ ..

Bữa cơm nóng sốt, có thịt gà, canh chua. Sau bữa ăn, cả những người bị sóng quật ốm dở cũng thấy khỏe khoắn dễ chịu hơn.

Không khí trên tàu trở lại vui vẻ, nhộn nhịp. Những người không phải phiên trực xúm quanh bàn cờ tướng, thỉnh thoảng lại rộ lên tiếng cười hoặc lời bàn tán. Thời gian qua đi nhanh chóng.

Theo tính toán của thuyền trưởng đã tới giờ bắt mục tiêu Côn Đảo. Tất cả cán bộ đã đứng tập trung trên đài quan sát. Nhiều thủy thủ không có việc gì làm, cũng lên đó xem.

Mọi người hồi hộp chờ đợi như sắp đến giờ giao thừa. Thuyền trưởng nhìn qua ống nhòm mỗi mắt không thấy gì, anh trao ống nhòm cho người đứng bên. Chính trị viên Lâm, bác thuyền phó chuyển tay nhau rồi chiếc ống nhòm lại trở về tay thuyền trưởng. Côn Đảo vẫn chưa vào tầm nhìn của mọi người. Phía trước, chỉ thấy những mảng mây đen sà thấp sát mặt biển.

Tàu đi được một giờ nữa, vẫn chưa bắt được vật chuẩn. Đường chân trời đang bị xóa mờ dần và những vì sao li ti đã bắt đầu lấp lánh.

Thuyền trưởng hạ lệnh qua ống loa :

-Hướng 270 độ.

Tiếng người lái nhắc lại :

-Hướng 270 độ.

Con tàu ngoan ngoãn rẽ về phía mạn phải , đuôi nó kéo theo vệt sáng mờ hình sao chổi.

Đi chừng 40 phút nữa, bỗng nghe tiếng reo :

-Côn Đảo kia rồi !

Ấn lấy ống nhòm nhìn đến một phút vẫn không thấy quả núi nào. Anh quay sang nói với Long :

-Mắt mày là mắt thần hay sao. Tao chẳng nhìn thấy gì. Đây chú Lâm xem thử.

Chiếc ống nhòm trở lại tay Ấn. Anh vừa nâng nó ngang tầm mắt chỉ trong vài tích tắc, đã thấy rặng núi nhấp nhô.

Ẩn vừa nói « Đúng nó rồi ! Rõ lắm », anh em đã reo lên và vỗ tay đôm đốp, như nhận được tin chiến thắng.

Tàu số 8 đi vào khu vực tàu địch thường tuần tiễu. Các thủy thủ vào vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Phía trước, xung quanh tàu số 8 vô số những ánh đèn của tàu thuyền đánh cá xa, gần. Anh em ở trạng thái tập trung căng thẳng để phân loại xem những chấm sáng kìa có kẻ thù lẫn quất bên trong không.

Một cơn gió thổi từ đất liền ra. Hương vị nồng nồng vị lá mục phả vào cảm giác. Ẩn chưa tin ở mũi mình, anh hỏi Long :

-Hương vị của đất liền, mà có thấy không > ?

-Đúng,

Tàu đi tiếp hơn một giờ, bỗng anh thợ máy Võ Văn Kỳ la lên mấy tiếng lặc lờng :

-Gian-ma kia rồi !

Ẩn giật mình, tưởng đâu Gian-ma là tàu địch. Anh xẵng giọng hỏi Kỳ :

-Cái gì thế ?

Kỳ mãi theo dõi chiếc thuyền chạy phía trước tàu của mình. Anh nhắc lại :

-Gian-ma kia rồi !

-Gian-ma là cái gì ?

-Cửa bến ra đón.

Lúc ấy Ẩn mới vỡ lẽ là, cái thuyền gần mà nhãn hiệu « Gian-ma ». Anh cho hướng tàu chạy theo chiếc thuyền dẫn đường của bến.

Chương bốn

MỞ BẾN MỚI

Lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam Bộ phát triển nhanh chóng. Hai trung đoàn chủ lực thuộc Bộ tư lệnh Miền Nam, năm 1962 mới chỉ có « khung » cán bộ, đến cuối năm 1963 đã đầy đủ quân số. Ngoài ra còn hàng chục phân đội độc lập trực thuộc. Quân số thuộc Bộ tư lệnh Miền lên tới 11.000 người đều trụ ở miền Đông. Riêng Quân khu miền Đông (tính từ bộ đội địa phương trở nên) lên tới 6.913 người.

Thời kỳ này, ở Nam Bộ, tuyển quân xây dựng vài ba trung đoàn và gạo nuôi quân đều có thể giải quyết tại chỗ được. Riêng việc cung cấp vũ khí thì con đường biển là nguồn duy nhất. Việc tự trang tự chế, thực ra chỉ có tác dụng nhiều đôi với lực lượng nửa vũ trang.

Nếu cứ giữ cung cách cũ : đường biển đưa hàng vào Cà Mau, Bến Tre, lập kho, rồi dùng thuyền nhỏ chuyển hàng từ những kho đó vượt qua vùng địch tạm chiếm tới miền Đông, như vậy rất khó khăn, diệu vợi.

Đoàn 125 đã có tàu chở 100 tấn, sức chở bằng 10 tới 15 lần thuyền thông thường đi đường sông, chỉ cần nó đưa được ba chuyến vào thẳng ven biển Bà Rịa là có thể dứt được cái diệu vợi nói trên. Sau khi tính toán lợi hại, Bộ tư lệnh Miền quyết định cử thiếu tá Th., cùng một phân đội đi nghiên cứu địa hình lập thêm bến mới ở ven biển Bà Rịa.

Chuyến đi mở bến chuẩn bị rất chu đáo. Chiếc tàu vỏ gỗ mang số hiệu 41 được tu sửa lại vững chắc. Số cán bộ thuyền và thủy thủ được lựa chọn những người ưu tú trong những người ưu tú của đoàn.

Ngày 26-3-1963, đội tàu 41 xuất phát. Hơn 6 ngày đường, ngược gió mùa đông nam gian khổ, tàu 41 đã đến vùng biển Bà Rịa.

.. Đêm hôm ấy, theo sự tính toán của thuyền trưởng Nguyễn Văn Một thì tàu đã tới cửa bến. Anh cho tàu chạy chậm, đi qua đi lại nơi dự đoán là bến hơn một km, vừa đi vừa phát tín hiệu. Các thủy thủ căng mắt nhìn về phía bờ chờ đón những cái « chớp xanh » thân thiết đáp lại, nhưng chỉ thấy mảng rừng đen thẫm trải dài bên một đồn địch đèn điện sáng choang.

Nỗi lo lạc bến, lo bị địch phát hiện mỗi lúc một căng lên trong óc mọi người. Vài thủy thủ quê ở Bà Rịa phân trần :

-Ta đi ở Long Hải ngược lên chỉ có một mình nó, như vậy là đã đi qua cửa rạch rồi sao không có người ra đón.

-Địa hình thay đổi quá xá, trước kia làm gì có đồn bốt.

Niềm hy vọng gặp bến đang lung lay, bỗng có ánh chớp xanh nhỏ xíu ở phía bờ. Một thủy thủ reo khe khẽ :

-Tín hiệu. Tín hiệu của bến kia rồi !

-Đâu ?

Những người chưa nhìn thấy, còn ngời vức « liệu có phải tín hiệu hay là hoa mắt ? ». Ngay lúc đó họ đã nhìn thấy ánh sáng lấp lóe như con đom đóm. Họ mừng rỡ ôm chặt lấy nhau mà reo « đúng bến rồi ».

Một lát sau, ở phía bờ có chiếc xuồng nhỏ bơi ra rồi cặp vào mạn thuyền.

Các thủy thủ xúm lại kéo tay, đỡ người của bến lên thuyền của mình.

Chính trị viên Đặng Văn Thanh hỏi chiến sĩ của bến :

-Bây giờ còn vào được nữa không hay cạn rồi ?

-Vô được.

Mọi người yên tâm đã có hoa tiêu dẫn đường. Thế là nỗi lo lắng, nghi ngờ ban nãy tan biến, chỉ còn niềm vui.

Đêm khuya. Những chùm sao lưa thưa, tỏa ánh sáng lạnh trên mặt biển. Ánh

sáng chỉ đủ nhìn rõ bàn tay của mình, nhưng cũng đủ để cảm thấy những nụ cười đang nở trên khuôn mặt khắc khổ của bạn bè.

Con tàu đang xăm xăm vào bến, bỗng khựng lại. Mọi người đứng trên mặt khoang chệnh choạng suýt ngã.

Tiếng máy rồ lên, cùng với tiếng chuông lệnh « tắt máy ». Tiếng máy tắt ngấm vài giây rồi vẫn nghe thấy tiếng « xàn xạt » của đáy tàu cạ lên bãi cát ngầm.

Tiếng chuông lệnh lại rung lên gắt gỏng trong buồng máy. Ông già Năm Sao nhanh nhẹn phát động máy. Chuông lệnh tiếp « gài số lùi ». Tiếng kêu của chân vịt « sùng sục » nặng nề như đang khoét từng mảng bùn tung lên. Con tàu lắc lư nhưng không lui được chút nào. Bác Sao nhìn đồng hồ báo nhiệt độ máy đã báo quá số cho phép. Bác tắt máy và báo cáo thuyền trưởng tìm cách khác, máy không đủ sức kéo tàu ra khỏi cạn.

Mọi người có tâm trạng như đang ở lưng lười bị hẫng chân tụt một lèo xuống vực. Họ xôn xao lo lắng. Tàu nằm lù lù ngay trước mũi địch, sao thoát khỏi lộ. Làm sao chuyển hết hàng trong đêm. Mất một chuyến vũ khí cũng đành, nhưng liệu có tránh khỏi lộ bến và đường biển không ?.. Có ý kiến ngược lại. Chắc gì địch đã biết được thuyền này chuyên chở gì, hay chúng cũng coi như các thuyền đánh cá khác. Niềm hy vọng cứ lóe lên rồi lại vụt tắt, rồi lại lóe lên trong tiếng bàn cãi.

Chính trị viên Đặng Văn Thanh (Anh được tuyên dương Anh hùng quân đội tháng 1 năm 1967) vẫn im lặng, lắng nghe anh em bàn cãi ; một lát sau anh nói với thuyền trưởng :

-Bây giờ chúng ta hội ý chi bộ, mời đồng chí phụ trách bến cùng dự tìm cách giải quyết. Ý tôi : cố gắng đưa hàng ngay đêm nay, được càng nhiều càng tốt.

Cuộc hội ý chớp nhoáng. Mọi người nhất trí với ý kiến của bí thư chi bộ.

Không khí làm việc rất khẩn trương. Sau lời động viên ngắn gọn của chính trị viên Thanh, các thủy thủ nhanh nhẹn bắt tay ngay vào công việc. Tất cả mọi người nhảy ào xuống bãi cát còn ngập nước tới đầu gối, xúm vào đẩy thuyền dọc theo hướng đồn địch.

Nam quê ở Bà Rịa, được phân công tới vận động bà con trên hai chiếc thuyền nhỏ đậu gần đó. Anh nói khẩn khoản hồi lâu, họ mới đưa thuyền tới cặp mạn tàu 41.

Các chủ thuyền được mời tới gặp chính trị viên Thanh trên tàu 41. Họ ngỡ ngác sợ hãi, khi lảng máng hiểu được chiếc tàu này không phải là tàu đánh cá thông thường. Thanh ôn tồn nói với chủ thuyền :

-Chúng tôi là bộ đội Giải phóng. Ghe chúng tôi chở vũ khí chiến lợi phẩm, chẳng may bị cạn. Nhờ các bác giúp đỡ một tay. Chắc các bác cũng biết, chiến lợi phẩm để ban ngày chỗ này không lợi. Vì việc nước, mong các bác vui lòng.

-Dạ.

Không khí khẩn trương kéo những người dân trên hai chiếc thuyền con vào công việc. Họ cùng với anh em nhanh nhẹn chuyển hàng xuống thuyền rồi đẩy vào bờ.

Anh em trong bến ra mỗi lúc một đông. Ai nấy đều hăng hái vội vã như muốn níu bóng đêm lại, làm màn che cho mình.

Chuyển được khoảng 4 tấn hàng vào bờ, thì nước đã cạn sạch, chiếc tàu nằm phơi trên bãi cát.

Đồng chí phụ trách bến nói với cán bộ thuyền :

-Hiện nay địch đang tập trung quân và xe thiết giáp ở Phước Hải để chuẩn bị càn què. Phước Hải tới đây chỉ độ hai, ba km. Tàu của ta nằm ngay trước mắt địch, không còn cách gì giấu được nó. Địch phát hiện thì nhất định sẽ cho quân càn tới. Vì vậy ta cố lấy hàng . Số vũ khí đó trang bị ngay cho bộ đội chuẩn bị chống càn, số còn lại ta phải chôn giấu. Các đồng chí phải phá tàu để khỏi lộ bến.

Nghe người chỉ huy bến nói « Phá tàu », Thanh giật nảy mình như vừa bị mũi kim chích vào da thịt. Của cải của nhân dân và bao nhiêu công sức mới mang được đến đây mà tự tay mình phá đi thì đau xót quá. Phá thì dễ, nhưng có nên phá khi địch chưa phát hiện không ? Không phải chỉ riêng con tàu của mình

đi lại ở vùng này. Bọn địch có thể nhìn con tàu này như con tàu đánh cá khác tới đậu ở đây thì sao ?.. Trong một loáng, những suy nghĩ nóng bỏng tràn qua óc Thanh. Anh không cãi lại người chỉ huy bến. Phá hay không, người chỉ huy cũng có quyền giữ lại, khi thấy tình huống chưa đáng phá.

Thanh triệu tập cuộc họp chi bộ ngay trên tàu. Anh trình bày vắn tắt những suy nghĩ của mình trước chi bộ. Chưa dứt lời, các đảng viên đã nhao nhao « xin có ý kiến ». Không khí tranh cướp thời gian như sự chậm một giây sẽ khó tránh được thiệt hại không cần thiết. Họ nói rất ngắn, cốt biểu thị được thái độ của mình.

-Bến đã có lệnh phá thì phá.

-Để tàu đây, trước sau trong ngày hôm nay cũng bị lộ. Phá trước chủ động hơn.

Ông già Sao lên tiếng :

-Đảng và Nhà nước trao cho chúng ta chiếc tàu này, phá hay không phá vào lúc nào, trước hết do chúng ta chịu trách nhiệm. Ai sợ chết thì lên bờ. Tôi xin ở lại cùng sống chết với chiếc tàu này.

Cuộc họp không đầy nửa giờ, chi bộ đã ra nghị quyết « Phải cố gắng lấy hết hàng. Sau đó chỉ để lại một số ít anh em trên tàu. Khi nào bị địch phát hiện mới phá ».

Thanh lội vào bến, báo cáo quyết tâm của chi bộ với đảng ủy của bến và trưởng bến.

Anh Th. trưởng bến tỏ ra nóng nảy :

-Nếu địch xông tới cướp tàu, các đồng chí phá không kịp. Ai chịu trách nhiệm ?

Thanh kiên nhẫn trình bày :

-Trên tàu vẫn còn nhiều hàng, bây giờ chưa lộ. Lợi dụng lúc còn sương mù, tôi đề nghị các đồng chí huy động người chuyển hết hàng vào bờ.

Nghe Thanh nói có lý, trưởng bến lại huy động người ra bốc dỡ hàng.

Anh em xếp thành hàng dài giống như những người kéo lưới. Sức mạnh bí ẩn nào đó đột nhập vào mọi người. Những lúc bình thường có người vác không nổi 30 kg, giờ đây chuyển hòm súng nặng 50, 60 kg họ vẫn đi băng băng.

Khi đồn Phước Hải hiện rõ trước mặt mọi người, cũng là lúc vũ khí dưới tàu đã chuyển hết.

Chính chỉ viên Thanh kéo lên cột buồm lá cờ ba que, giống như những thuyền khác trong vùng địch.

Số anh em xung phong ở trên thuyền gồm có: chính trị viên Đặng Văn Thanh, bác thợ máy Huỳnh Văn Sao, thủy thủ trưởng Lê Xuân Ngọc, thợ máy Thôi Văn Nam và bác Nhợ thủy thủ.

Anh em mang lưới ra phơi và dọn dẹp trên tàu như những người đánh cá vừa đi biển về bến.

Khoảng 10 giờ, chỉ huy bến lại cử người ra chuyển lệnh :” Nếu để địch cướp được tàu, các đồng chí hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Thanh trao đổi ý kiến với anh em ở trên tàu. Mọi người đều thấy hiện nay tàu chưa bị lộ. Tới tình huống cần phá, dù có phải hy sinh cũng phá bằng được.

Thanh nghĩ tới tình huống phải phá tàu, phải hy sinh tính mệnh là điều khó tránh, nhưng có cần đến chừng này người ở trên tàu không. Suy tính, rồi Thanh quyết định bác Nhợ và Ngọc vào bến.

Ông già Nhợ và Ngọc ngồi lý không chịu vào. Họ muốn chia sẻ sự hy sinh với đồng đội. Thanh phải gắt lên :

-Nhiệm vụ vận chuyển vũ khí còn lâu dài. Nếu tình huống xấu nhất xảy ra đến, các đồng chí cứ yên tâm, chúng tôi có thể hoàn thành. Bây giờ không có nhiều thời giờ để nói với nhau dài dòng.

Hai thủy thủ, một già một trẻ lững thững đi vào bến, thỉnh thoảng lại ngoái trông con tàu của mình. Ngọc thấy nước mắt mình ứa ra, suýt nữa anh bật tiếng khóc. Rồi con tàu, Ngọc có cảm giác thật nặng nề, đây là giờ phút vĩnh

biệt những đồng chí ở lại. Óc anh vụt nhớ đến những ngày tàu của mình lạc lõng trong cái “hồ” giữa những hoang đảo san hô. Nhớ lại lúc con tàu bị sóng gió muốn chìm .. Bây giờ lại gặp cảnh ngộ này, liệu có qua được không ?

Vào tới bờ, Ngọc ngồi bệt xuống cát, nhìn về con tàu của đội mình. Ánh sáng trên mặt biển mờ ảo, hay màng nước mắt của anh đã làm cho hình dáng con tày to lớn khác thường rồi nhòe lẫn vào màu xanh của biển ?

Khi cái chết được xác định rõ vì lý tưởng cao đẹp thì đứng trước nó cũng chẳng có gì đáng sợ.

Thanh bình thản ngắm biển. Màu xanh mênh mông trải rộng với những cánh buồm trắng nhấp nhô. Những con thuyền nhỏ nhoi mờ ảo, xa vời vợi .. Anh thấy tâm hồn mình thư thái. Vũ khí đã trao đầy đủ cho người nhận. Tàu vẫn nguyên vẹn trong tay mình, khi nào không giữ nổi thì ta phá. Và nếu địch không biết, thì nó sẽ là tài sản vô giá.

Ông già Sao đang lúi húi mổ gà để chuẩn bị cho bữa nhậu. Hình như bác quên bẵng đi rằng, con tàu của mình đang nằm phơi ra trước đồn địch. Tính bác thế, không bao giờ giấu được tình cảm của mình. Đã nói là không cần úp mở rào đón, có lúc nói to tiếng với nhau, nhưng xong việc thì thôi, không bao giờ để bụng.

Nghe tiếng máy bay tới gần, bác Sao bỏ con gà đang vặt lông, chạy lấy can xăng rồi xuống hầm máy.

Thanh và Nam đứng núp bên buồng lái, nhìn theo chiếc AD6. Nó vòng lượn , rồi bổ nhào thẳng hướng con tàu của họ. Rõ ràng địch đã nghi ngờ con tàu này.

Tim mọi người thắt lại, chờ trái bom xuống, chờ đợi phút cuối cùng của cuộc đời mình.

Không thấy bom nổ, máy bay đang vòng lượn lại, bác Sao hét to :

-Khi nào nó thả bom sẽ phá !

Chiếc AD6 lại hạ thấp độ cao lao thẳng hướng chiếc tàu như lần trước. Nó bổ nhào tới lần thứ ba rồi bỏ đi. Chẳng hiểu nó quan sát, chụp ảnh hay làm gì, chưa ai biết, nhưng nguy cơ đe dọa con tàu đang tăng lên.

Thanh vào buồng ngủ lấy giấy tờ và khẩu súng giấu bọc vào cái khăn rằn rồi giao cho Nam. Anh dặn dò nam :

-Cậu mang gói này vào bờ. Nếu trường hợp phải phá tàu, chúng tôi hy sinh, cậu báo cáo với đảng ủy và thủ trưởng đoàn rằng : chúng tôi đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của đoàn giao cho, giữ tàu cho tới giờ phút cuối cùng, khi thấy không giữ nổi mới phá.

Nam cầm gói lặng lẽ bước vào bờ. Một lát sau khi Nam đi, có một cán bộ của bến đi vội đến cạnh tàu , nói với lên :

-Thủ trưởng bến nhận định tình hình : địch đã phát hiện ra tàu của ta rồi. Lệnh cho các đồng chí phải phá ngay. Nếu các đồng chí để cho địch lấy được thì các đồng chí phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Anh cán bộ của bến tần ngần một lát rồi nói tiếp :

-Yêu cầu từng đồng chí ở lại cho biết họ, tên , quê quán.

-Chắc là để báo tử .. tôi là Huỳnh Văn Sao, xã Trung Nghĩa, Vũng Liêm, Trà Vinh.

-Tôi Đặng Văn Thanh, quê ở bà Rịa ..

Anh cán bộ của bến ghi nhanh vào sổ tay những điều mình vừa hỏi. Xong việc rồi, anh vẫn đứng lặng, nhìn những đồng chí gan góc của mình đứng trên tàu. Anh định nói điều gì đó, nhưng chỉ nói được hai tiếng “các chú “ .. rồi quay vào bờ.

Bác Sao lại tiếp tục làm bữa ăn , mà bác cho là rất đặc biệt. Có thể đây là bữa cơm vĩnh biệt.

Anh Thanh đi kiểm tra một lần nữa, nơi đặt kíp nổ , mở nắp can xăng để sẵn sàng, rồi đi vòng quanh tàu. Anh nhìn lại từng vị trí, từ chỗ ngủ còn ẩm mùi thuốc lá, buồng lái với cái la bàn xinh xắn, kim chỉ nam của nó vẫn lay động

.. Chợt nhìn thấy chai rượu Bông Lúa, anh nghĩ tới bác Sao. Cái ông già đến là, cả tới lúc nguy hiểm chết người vẫn điềm tĩnh như không.

Anh xách chai rượu tới dứ dứ trước bác Năm Sao :

-Bây giờ chú với tôi nhậu một chút. Một chút xíu thôi. Say là hỏng việc đó heng !

Ông già Năm Sao nhìn thấy rượu , cười “khà khà” ..

Vào mâm rượu, Thanh nói :

-Tôi nhắc lại sự phân công. Tôi nhìn hướng bờ, chú nhìn hướng biển. Nếu nó xấp dô. Tôi giật nù xòe, chú đổ xăng vào buồng máy nghen !

Bác Sao đưa chén rượu lên tợp một ngụm, rồi kể lại câu chuyện hồi bác công tác ở cục đường biển. Hồi ấy có người khuyên bác không nên uống rượu, bác lý sự “ Người già uống chút chút cho giãn xương giãn cốt, uống mà say bét nhè ra như thế mới có hại.”

Mỗi người vừa uống được một chén, thấy tàu của mình lúc lắc mạnh. Thanh buông chén rượu xuống sàn , đứng dậy.

Anh nói với giọng xúc động :

-Nước lên .. chú xuống mở máy, tôi lái.

Ông già tợp nốt chén rượu, rồi chạy xuống buồng máy.

Tiếng máy nổ, sạp tàu rung mạnh, chai rượu đổ kèn, rượu chảy tràn ra mặt khoang.

Con tàu ngoan ngoãn quay mũi theo luồng vào bến.

Thấy tiếng máy nổ, đoàn biết là tàu của mình đã vào, anh em đổ xô ra, mừng rỡ. Giá không phải giữ bí mật thì đã có một trận reo hò nổ trời.

Thủy thủ trưởng Ngọc, chạy theo tàu một đoạn, đến chỗ luồng hẹp, anh nhảy lên tàu rồi chộp lấy tay lái.

Thanh nhường Ngọc lái rồi nhảy xuống đất. Anh em xúm lại công kênh Thanh lên, không phải chờ Quốc hội tuyên dương mà ngay lúc đó anh đã được quần chúng suy tôn là anh hùng.

Anh Th. chỉ huy bến, không hiểu xúc động hay ân hận vì sự thiếu chín chắn mà nước mắt chảy tràn gò má. Th. cố lách qua đám đông tới gần Thanh.

Th. nghẹn ngào nói :

-Các đồng chí đã dừng cảm giữ tàu .. tôi có khuyết điểm đã đánh giá không đúng tình hình ..

Đường biển vẫn hoàn toàn giữ được bất ngờ đối với địch. Mặc dầu số tàu của hải quân ngụy thời nay được Mỹ viện trợ, đã có trên 300 tàu, cộng với hàng nghìn tàu thuyền đánh cá ở ven biển được Mỹ, ngụy gài mật vụ, tình báo để theo dõi hoạt động của ta trên biển. Trải qua gần 4 năm (từ những chuyến đi của các tỉnh ven biển Nam Bộ ra Bắc tới cuối năm 1963), trên đường biển, ta đi như đi chợ nhưng chúng vẫn không phát hiện thấy một dấu vết gì.

Những trận đánh vào chi khu Đầm Dơi, Cái Nước; trận chống càn đánh thắng chiến thuật “tân kỳ” “trực thăng vận” và “thiết xa vận” của Mỹ-ngụy bằng nhiều loại vũ khí bộ binh và có cả súng đại bác không giật cỡ 75. Trang bị vũ khí của lực lượng vũ trang Nam Bộ mạnh lên khác thường, điều đó không còn là bí mật đối với địch. Việt Cộng đã tuồn vũ khí bằng con đường nào vào ? Đó là một câu hỏi mà cơ quan nghiên cứu chiến lược của địch vò đầu bứt tai mò tìm. Tất nhiên, chúng có thể khẳng định chỉ có con đường biển, vì không có con đường bộ nào chuyển được hàng tấn vũ khí vào đây được. Vấn đề còn lại là “từ hướng nào tới”, “tuyến đường ngoài khơi hay ven bờ?”. Chúng cho rằng miền Bắc chưa có tàu viễn dương. Nếu tàu thuyền nhỏ họ không dám đi khơi xa dài ngày, như vậy khả năng của Việt cộng chỉ có thể đi từ hai hướng vào : một là vượt qua vĩ tuyến 17 rồi theo ven biển vào; hai là từ phía vịnh Thái Lan vào (vì thời kỳ đánh Pháp ta đã mua vũ khí của Thái Lan đi theo tuyến này). Chúng đã tăng lực lượng chủ yếu ngăn chặn rình mò, tuần tiễu hai hướng đó.

Như chúng ta đã biết, những con tàu nhỏ của đoàn 125 đã đi theo đường biển

quốc tế, rồi từ ngoài khơi xa phóng vào những điểm địch không ngờ ở khoảng giữa, còn chúng vẫn ráng sức tuần tiểu lục soát ở hai cực của miền Nam.

Sau hai năm (tính từ chuyển mở đường 11/10/1962-6/1964), ta đã đi 63 chuyến (trong đó có một chuyến bị mắc cạn phải phá hủy cả tàu và hàng hóa). Nhìn số vũ khí đã đưa tới Nam Bộ với khoảng thời gian ấy, không ai tưởng tượng ra được nó lại đạt được số lượng to lớn đến như vậy. Quân ủy TW, Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ Tư lệnh Hải Quân tới những thủy thủ của đoàn 125 đều vô cùng phấn khởi và đánh giá cao vai trò của đường biển. Mọi người thường gọi đường biển bằng cái tên trân trọng, tự hào và triu mến “Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển”.

Khoảng cuối năm 1964, đường Trường Sơn mới vươn tới vùng ba biên giới, chủ yếu chỉ viện cho Tây Nguyên và vùng giáp ranh Khu 5. Vùng đồng bằng ven biển Liên khu 5, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, nhiều làng xã được giải phóng và giành được quyền làm chủ, lực lượng vũ trang phát triển nhanh chóng, nhưng cũng gặp phải khó khăn lớn là thiếu thốn vũ khí. Các tỉnh Khu 6 liên tục đánh điện, xin Trung ương chi viện vũ khí đưa vào bằng đường biển. Có lần tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động đưa một chiếc thuyền ra miền Bắc xin vũ khí.

Nhìn vào khả năng gách vác của “Đường mòn trên biển”, các đ/c bộ phận B của Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ tư lệnh Hải quân đã nghiên cứu trao thêm nhiệm vụ chi viện vũ khí cho vùng ven biển Khu 5.

Phương án lựa chọn bến và chuyên chở làm xong, thượng tá Cục phó cục tác chiến Phan Hàm lên báo cáo Thường trực Quân ủy TW.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân Ủy TW thay mặt Quân ủy thông qua phương án. Nghe xong, đ/c thân mật nói với đ/c Phan Hàm :

-Đồng chí có biết đây là con đường duy nhất có thể chi viện cho đồng bằng Sông Cửu Long không ? Phải giữ cho được bí mật, bất ngờ. Năm thật chắc từng chuyến. Phải kiểm tra thật nhiều, thật kỹ. Đồng chí phải xuống trực tiếp kiểm tra. Xem từ bao thuốc lá, phong thư, tờ báo .. Ở đồng bằng sông Cửu

Long mà người ta thấy tờ báo Nhân Dân đến đó chỉ 8 đến 10 ngày. Đ/c làm tham mưu đồng chí nghĩ sao ? Phải quy định việc gửi thư từ. Coi chừng ngày tháng ghi trong thư. Tại sao ở ngoài này mà chỉ hơn một tuần sau những cán bộ vào Nam Bộ đã có “thư anh đã đến nơi” thế là hỏng rồi, lộ bí mật rồi ..

Sau này, mỗi chuyến đi hoặc chọn bến mới vào Khu 5, đ/c Phan Hàm lên báo cáo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thường nhắc lại “con đường biển dành cho đồng bằng sông Cửu Long” ý muốn nói : Khu 5 còn có khả năng chi viện bằng đường bộ, việc sử dụng đường biển vào khu 5 cần hạn chế.

Việc mở bến ở Khu 5, Bộ Tổng Tham Mưu đã tiến hành từng bước chặt chẽ. Anh Phan Võ, đại úy hải quân, cũng có một bộ phận có điện đài vào Bộ Tư Lệnh Khu 5 báo cáo lại kế hoạch chuyển hàng bằng đường biển. Khu 5 đã cử cán bộ tham mưu cùng với cán bộ của hải quân nghiên cứu thực địa mở bến.

Bến đầu tiên của Khu 5 được mở tại Lô Giao (Hoài Nhơn, Bình Định). Ở đó chỉ có con suối cạn, nếu tàu thuyền vào phải đậu ở bến ngang (Loại bến không có cầu, không có kênh rạch, đưa tàu vào dựa vào bãi cát bờ biển tự nhiên).

Sau bến Lô Giao, các bến Vũng Rô, Núi Đá Bia, Ba Làng An và Sa Huỳnh (đều là bến ngang) đã lần lượt mở để đón những con tàu của đoàn 125 đưa vũ khí vào.

Mỗi bến đều lưu lại những dấu vết anh hùng của con “Đường mòn trên biển”.

Mỗi chuyến đi mở bến, chưa kể những gì xảy ra trên dọc đường, riêng nhiệm vụ của nó cũng nặng nề hơn những chuyến bình thường. Vì vậy, mỗi đội tàu, thuyền đi chuyển đầu vào bến đều được chuẩn bị về tổ chức, tư tưởng thật chu đáo. Sau đây là một đoạn lịch sử của đội tàu 401 đã ghi trong một chuyến như vậy.

.. Đội tàu 401 thành lập ngày 20/6/1964 trong điều kiện công tác vận tải của đoàn 125 đang phát triển thuận lợi, nhưng chưa có một chuyến hàng nào đưa được vào Khu 5. Thành lập đội tàu này với mục đích xem xét bến bãi, luồng lạch và tình hình địch xung quanh Lô Giao (Bình Định), chi viện cho đồng

bào Khu 5, góp phần đưa phong trào cách mạng Khu 5 phát triển.

Thuyền trưởng là đ/c Phạm Vạn, trước kia là thủy thủ ở tàu quốc doanh, chính trị viên Đặng Văn Thanh và thuyền phó Phạm Khanh (Quân giải phóng) ở miền Nam ra năm 1961. Trình độ hàng hải của hầu hết cán bộ còn rất yếu.

Công tác chuẩn bị xong xuôi, cấp trên mới điều động thêm thuyền phó Trần Phấn về phụ trách việc hàng hải. Trong cả đội tàu chỉ có một mình Trần Phấn là cán bộ của hải quân được đào tạo qua trường của quân chủng.

Tàu 401 đóng theo kiểu miền Nam, chiều dài từ mũi đến lái khoảng 15 mét, rộng 4 mét. Các đường khằng đã mục, nước vào bơm ra không kịp. Mọi thiết bị chỉ còn lại hai cái trụ la bàn. Phải tu sửa lại gần ba tháng mới xong.

18 giờ ngày 14/9/1964, đội tàu làm lễ xuất phát tại hội trường của đoàn ở cảng Bình Đông. Buổi lễ rất trang nghiêm. Đại diện Bộ Tư lệnh Hải quân có đại tá Tư lệnh Nguyễn Bá Phát, thượng tá Chính ủy Hoàng Trà, thiếu tá Phó Tham Mưu trưởng Kim Sang và đại diện Bộ Tổng Tham Mưu có thượng tá cục phó cục tác chiến Phan Hàm. Các thủ trưởng đoàn 125 có mặt đông đủ.

Đại tá Nguyễn Bá Phát thay mặt Bộ tư lệnh phát biểu nêu tầm quan trọng chuyến đi có tính chất lịch sử này là một chuyến mở đường vào Khu 5 thực hiện quyết tâm của TW Đảng ta, tạo mọi điều kiện để chi viện cho chiến trường. Năm 1959 đã có chuyến đi không lọt, anh em thủy thủ của chuyến đó hiện còn đang bị địch giam giữ. Xác định chuyến đi của đội 401 có thể lọt và cũng có thể bị địch bắt. Đ/c Phát nói “Có thể chuyến đi này các đồng chí không trở về và chúng tôi không bao giờ gặp lại các đồng chí nữa. Nhưng chúng tôi đặt nhiều hy vọng, điều ấy sẽ không xảy ra. Bộ tư lệnh tin tưởng công tác chi viện cho miền Nam của chúng ta nhất định thắng lợi, nhưng chuyến đi của các đồng chí có nhiều khó khăn, nguy hiểm, điều ấy Bộ tư lệnh không giấu các đồng chí. Nhiệm vụ chiến đấu vì lợi ích cách mạng, không tránh khỏi tổn thất, hy sinh ..”.

Sau lời căn dặn của các thủ trưởng cấp trên, anh em đội 401 đã tuyên thệ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4 giờ 50 phút, ngày 15/9/1964, đội tàu 401 xuất phát. Tàu ra khỏi cửa Nam

Triệu gặp gió đông bắc thổi mạnh, sóng lên tới cấp 5, cấp 6. Ra khỏi Long Chua, sóng gió lên tới cấp 7, mỗi giờ tàu đi được không quá 4 hải lý. Hầu hết anh em bị say sóng. Đ/c Nốt nằm mê mệt, sóng lắc rơi từ trên giường xuống vẫn chịu, không nhồm dậy được. Tàu cứ như chui ở dưới sóng. Mỗi lần tàu lắc, nước lại ào vào khoang máy, bơm hút không kịp. Trừ đ/c thuyền trưởng ngồi lái, còn ai lết đi được đều phải thay nhau tát nước. Thấy tình hình đi không nổi, chỉ bộ quyết định quay trở lại.

Ngày 10 tháng 10, đội tàu 401 xuất phát lần thứ 2. Lúc đầu sóng gió cấp 4, cấp 5, ra tới vịnh Bắc Bộ lại gặp bão, tàu phải tạm lánh vào một hòn đảo.

Ngày 25 tháng 10, nghe đài khí tượng thông báo “.. ngoài vịnh Bắc Bộ, gió hạ xuống cấp 5, cấp 6”, tàu 401 quyết định tiếp tục hải trình.

Thực tế vịnh Bắc Bộ do rớt của bão còn lại, sóng vẫn lên tới cấp 5, cấp 7. Tàu vẫn chui qua sóng mà đi. Anh em nói đùa với nhau “tàu gỗ của ta đi hơn tàu ngầm, địch làm sao có thể phát hiện được!”. Trên quãng đường sóng gió đi mất 5 giờ, máy bị hỏng 5 lần. Có lần tàu bị thả trôi nửa giờ, chỉ vì một cái mũ ốc muốn phun dầu rơi xuống đáy khoang.

Tàu tới điểm chuyển hướng chậm mất 5 giờ. Sóng gió vẫn tăng lên. Có người nêu ra “có nên vào hòn Đông (Hoàng Sa) tạm tránh sóng gió không?”. Toàn đội bàn bạc và quyết định đi tiếp.

Thuyền phó Trần Phấn đo phương vị khoảng cách, xác định điểm chuyển hướng xong, anh em hạ buồm vớt lưới ngang, đúng như loại thuyền đánh cá của dân. Một số anh em khác bơm phao chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Chốc chốc, lại gặp tàu của hạm đội 7 Mỹ, nhưng chúng không ngờ rằng tàu Việt cộng lại dám ngang nhiên đi trước mặt chúng.

Trưa ngày 30 tháng 10, đang trên đường vào bờ, một máy bay địch bám theo. Thuyền phó Trần Phấn cầm lá cờ ba que phất phất ra hiệu cho chúng là thuyền đánh cá. Sau 10 phút nghiêng ngó, máy bay địch bay vào bờ. Chúng tôi nhận định : vào gần bờ có thể gặp tàu tuần tiễu của chúng. Cũng khoảng giờ đó, đoàn đã đánh điện cho tàu 401 biết, địch đang càn ở Mỹ Tho, cách bến khoảng chừng 20 km.

Đêm đến. Tàu 401 như một cái bóng, không một ánh sáng lóe ra ngoài. 21

giờ, phát hiện tàu địch cách 3 hải lý, ta vẫn giữ hướng. Khi còn cách 1 hải lý, thuyền phó Trần Phấn lái quặt ra 90 độ. Địch vừa đi qua, 401 lại quay về phía bờ. Vừa đi một đoạn lại gặp chiếc tàu thứ hai của địch ở mạn phải đang cắt qua mũi thuyền của mình. Tàu 401 chuyển hướng, khi tàu địch vượt qua, 401 mới chuyển hướng về hướng cũ.

Đến đúng nửa đêm ngày 11 tháng 11, chúng tôi mới bắt được bờ. Thuyền trưởng hạ lệnh tăng tốc độ. Máy lại bị trục trặc. Vòng độ xòe của chân vịt bị hỏng. Hai thợ máy không quay nổi. Thuyền phó Trần Phấn cùng hai thợ máy Hiền và Hoàng hì hục một hồi lâu mới điều chỉnh được.

Nhìn về phía đông nam, có hai hòn đảo kề nhau. Một hòn tròn như cái vung. Một hòn dài giống như hình vẽ trong bản đồ. Xác định vị trí tàu, Trần Phấn phát hiện tàu đã đi lệch vào phía nam mất 7 hải lý. Tàu đi trở lại hướng vào bến. Trời sắp sáng. Tàu ngược sóng đi rất chậm. Mãi đến 4 giờ sáng mới đến được bến.

Tàu thả neo. Anh em xuống hầm dỡ hàng đưa lên. Sóng lớn, người đứng không vững, không sao thả hàng được xuống biển. Đồn địch cách vài trăm mét. Tàu địch vẫn tuần tiểu phía ngoài. Chỉ còn một giờ nữa là trời sáng mà hàng vẫn còn đầy ắp trên tàu. Tình hình căng thẳng tột độ. Anh em quyết định cho tàu chạy sát vào bờ. Vừa đi được một đoạn đã bị mắc cạn, không lui được. Phấn nghĩ bụng “khó tránh khỏi việc phá hủy tàu” nên đã mở hết tốc độ cho tàu lao vào bờ.

Anh em thuyền, bến gặp nhau vui mừng khôn xiết. Gặp bến rồi không phải thả hàng xuống biển nữa. Nhưng còn lại một việc hóc búa là làm thế nào bốc được 30 tấn hàng giữa ban ngày ngay bên đồn địch ?

Anh em công tác ở bến có quyết tâm rất cao : một mặt huy động người dốc toàn lực bốc hàng, một mặt cử người tung tin “có ghe cá bị cạn” để đánh lạc hướng địch.

Suốt ngày, từ mờ sáng đến tối mịt, anh em bến và thủy thủ đã bốc hết hàng lên bờ. Ngay đêm đó, anh em đã phá hủy tàu và dọn sạch dấu vết.

Theo lệnh của đoàn, thuyền trưởng và một báo vụ ở lại nghiên cứu bến, còn toàn đội do chính trị viên Đặng Văn Thanh và thuyền phó Trần Phấn chỉ huy

sẽ đi bộ tới bến Vũng Rô (Phú Yên) , tàu của đoàn sẽ vào đón.

Cuộc hành quân bộ dài ngày đối với thủy thủ tàu 401 còn căng hơn chịu sóng gió của biển cả. Cũng súng đạn, gạo muối và ba lô như chiến sĩ bộ binh, anh em vượt qua đường số 1 phía nam Bồng Sơn. Lần thứ nhất, gặp địch phục kích, người dẫn đường hy sinh, anh em phải quay lại. Lần thứ hai lại bị pháo chặn lại quay trở về. Lần thứ ba mới vượt được. Cuộc hành quân đầy gian khổ, suốt ba tháng ròng mới đến Vũng Rô ..

Đường biển chiến lược giữ một vị trí đặc biệt trong công tác của Quân ủy TW. Đ/c Bí thư Quân ủy TW luôn dành ưu tiên thời gian cho công tác vận tải chiến lược đường biển. Bất kể lúc nào, kể cả đêm đang ngủ, khi có việc gấp của đường biển, đồng chí sẵn sàng tiếp.

Buổi sáng hôm ấy, nhận được điện báo cáo của đội tàu 401, ngay giờ đầu thượng tá Phan Hàm đã tới gõ cửa phòng làm việc của đ/c Bí thư Quân ủy.

Vừa nhìn thấy đ/c Hàm, đồng chí đã hỏi kết quả việc mở bến Lộ Giao. Đ/c Hàm báo cáo nội dung bức điện vừa nhận được của đội 401. Đồng chí lắng nghe với vẻ chăm chú. Nghe xong, đồng chí đứng lặng im giây lát rồi đi về phía khung tường có treo tấm bản đồ miền Nam.

Đồng chí cầm que chỉ bản đồ, đầu que xê dịch chậm chậm theo ven biển Nam Trung Bộ và dừng lại ở một điểm. Đồng chí hỏi :

-Bến Lộ Giao không sử dụng nữa. Nhưng các cậu phải chú ý theo dõi thật chặt chẽ, xem địch ở khu vực này có đánh hơi thấy gì không .

Đồng chí xê dịch đầu que xuống phía Nam, rồi nói tiếp :

- Tìm bến lui xuống Phú Yên. Đưa vũ khí vào khu vực này cần hơn. Việc tổ chức mở bến mới, các đồng chí phải hết sức lưu ý đến công tác bí mật. Phải liên hệ chặt chẽ với Bộ tư lệnh Quân khu 5, chuẩn bị bến đón anh em thật kỹ công tác bí mật. Đ/c Phan Hàm phải trực tiếp kiểm tra việc tổ chức và ý thức bảo mật của chuyến đi này.

Đội tàu 41 (cũng là đội 41 nhưng lần này đi với tàu vỏ sắt) vào Bến Tre về được một tuần lễ, đã có lệnh điều động thay một số thủy thủ. Anh em thủy thủ mới chuyển về đều là người Khu 5. Nhìn những thành viên trong đội, anh em đã đoán già đoán non “kiểu này chắc sẽ vào Khu 5”. Nghe các thủy thủ thì thầm với nhau, thuyền trưởng Hồ Đắc Thanh mỉm cười lắc đầu “chịu các tham mưu con”.

Thuyền trưởng Hồ Đắc Thanh vừa nhận lệnh sơ bộ, trở về. Trong mệnh lệnh nói rõ là mở bến mới vào Khu 5, không nói điểm cụ thể. Mệnh lệnh sơ bộ chỉ gợi ý “ Chỗ này vùng giải phóng hẹp, không có địa hình kín đáo, nếu đi trệch một chút là lạc vào vùng địch. Đường đi tới bến, địch phong tỏa rất chặt , Bên ngoài, hải thuyền có rada của địch theo dõi. Khi đến bến, mình phải tự lo xử trí mọi tình huống ..”. Thanh nhận thấy chuyến này có thể được trở về mảnh đất quê hương mình. Đã hơn 10 năm rồi, kể từ khi chuyển quân ra miền Bắc tập kết, anh mong mỗi từng ngày được trở về quê hương thân yêu “Được trở về quê” dù mới chỉ là cảm nghĩ, cũng làm cho Thanh bồi hồi , xúc động. Trước anh em thủy thủ, Thanh giấu kín tình cảm đó, coi chuyến đi này giống như những chuyến đi bình thường khác.

Thanh mời các cán bộ tới hội ý. Sau khi phổ biến lại mệnh lệnh sơ bộ, anh nói :

-Tuy chúng ta chưa nhận được địa điểm bến và ngày đi cụ thể nhưng kinh nghiệm cho thấy : thời gian nhận lệnh chính thức tới lúc xuất phát thường rất ngắn. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải bắt tay vào việc chuẩn bị. Tôi và đồng chí phụ trách hàng hải sẽ ôn lại tính toán thiên văn, nghiên cứu thủy triều vùng biển Khu 5 và tập nhận dạng địa hình qua cảnh đồ .. Bác Nhợ (thuyền phó), anh Chiến (chính trị viên) cho anh em tập ngụy trang, chuẩn bị cơ sở vật chất và động viên đơn vị sẵn sàng.

Ngay sau cuộc hội ý, từng người triển khai công việc được phân công. Không khí chuẩn bị cho chuyến đi trên tàu 41 sôi nổi, nhộn nhịp. Bác Nhợ kiểm tra lười ngụy trang, gạo, thực phẩm rồi lên đoàn bộ lĩnh thêm những thứ còn thiếu. Chính trị viên Chiến họp đơn vị triển khai công tác chính trị. Thuyền trưởng Thanh, thuyền phó Hồng Lý cầm cụ đo đạc tính toán trên hải đồ ..

Ngày 13/11/1969, đội nhận lệnh chính thức :” Đội 41 có nhiệm vụ mở bến Vũng Rô (Phú Yên)”.. Mặc dầu có dự cảm nhưng Thanh vẫn thấy đột ngột, bất ngờ. Các thủy thủ có quê Phú Yên cũng mang tình cảm như thuyền trưởng. Niềm vui mừng được trở lại mảnh đất quê cũ của họ như đợt sóng trào. Họ reo cười. Họ hồi tưởng những kỷ niệm xa xưa. Họ mừng tưởng buổi gặp gỡ lại những người thân quen .. Sau hai ngày, tờ báo tường của đội đã đầy ắp những bài viết bộc lộ cảm tưởng chuyển đi :

“ Phú Yên! Phú Yên! Phú Yên !

Tiếng sóng biển thân quen.

Dưới chân người, đều đều nhịp vỗ.

Có tiếng đưa con xa, gửi vào trong đó.

Con sẽ về, đất mẹ Phú Yên ơi !”

Đêm 16, tàu nhổ neo, rẽ sóng vượt qua cửa Nam Triệu ra khơi. Mọi tình cảm bồn chồn của họ nén xuống dành chỗ cho lý trí làm việc. Ai nấy đều tỏ ra cần mẫn, thận trọng. Sắp tới bữa, bác Lộc già lại lụm cụm nấu nướng, rồi mang cơm nước cho từng thủy thủ bị say sóng. Thủy thủ nào biếng ăn, bác dỗ dành trách mắng như đối xử với con cái của mình. Anh thợ máy Phan Nhạn tỉnh ngủ như gà trống, thức thâu đêm làm hết phiên việc của mình, lại làm thay đồng chí yếu mệt.

.. Tới giờ chuyển hướng vào bờ, toàn đội họp nghe thuyền trưởng nhắc nhở nhiệm vụ và cách xử trí khi gặp tình huống bất trắc. Đang họp nghe người trực trên đài quan sát báo cáo “đã nhìn thấy rặng núi ...; anh em đứng bật dậy, xôn xao cười nói và hướng về phía đó.

-Các đồng chí giữ trật tự nào !- Thuyền trưởng Thanh nói to – Tôi nói thêm một điều nữa. Trường hợp bất đắc dĩ, chưa giao hết hàng trong đêm, ta phải ở lại, toàn đội phải nhanh chóng ngủ trang tàu và sẵn sàng chiến đấu. Bây giờ các đồng chí về vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Cuộc họp xong, trời đã gần tối. Các cán bộ chỉ huy tàu lên đài quan sát. Thanh nâng ống nhòm nhìn về phía bờ. Rặng núi mờ nhạt xen lẫn những áng

mây xám lọt vào trong ống kính. Thanh buông ống nhòm treo lên cổ rồi nói với thuyền phó Lý :

-Đi lệch khoảng 5 độ.

-Rất may là không có mây mù, nên nhìn thấy nó ngay.

Thanh rất xúc động khi nhìn thấy dáng đất quen thuộc của quê mình. Nước mắt anh ứa ra, không sao ghìm được. Anh phải lấy khăn lau nước mắt mới tiếp tục quan sát được. Màu sắc của đất đá, núi non, cây cỏ qua ống kính vào cảm giác, dẫn anh liên tưởng tới những lối đi, những mái nhà và những người thân thương như hiện ra trước mắt.

-Uống cà phê nóng .. này.

Nghe tiếng nói đột ngột ở sau lưng, thuyền trưởng giật mình ngoảnh lại. Anh đỡ cốc cà phê còn nóng bỏng trong tay bác Nhợ.

-Bữa nay bố cho ăn gì thế ?

-Còn hai con gà, thịt nốt. Nấu miến, cơm. Thằng nào chịu thứ gì ăn thứ đó.

Anh em ăn cơm xong thì trên mặt biển đã thấp thoáng có ánh đèn. Tàu 41 tiến về phía trước mỗi lúc một gần những ánh đèn sáng của tàu thuyền đánh cá.

Anh em thủy thủ, từng đôi một ngồi ở vị trí sẵn sàng chiến đấu, bàn bạc với nhau về những hiện tượng trước mặt.

Các cán bộ thuyền đứng trên đài chỉ huy cũng đang bàn bạc, trao đổi :

-Nhiều vùng ánh sáng như có phố xá.

-Các anh có nhìn thấy đèn đỏ chớp không. Đó là sân bay Đông Tác. Phía sáng mờ hơn có thể là thị xã Tuy Hòa. Còn đèn phía ngoài là tàu thuyền đánh cá..

Thanh đang nói với Chiến, bỗng Lý xen ngang :

-Các anh có nhìn thấy ánh đèn đang ở phía bờ đi ra không ?

Thanh cũng để ý cái chấm sáng màu đỏ đang di chuyển ấy, thấy Lý hỏi, anh đáp ngay :

-Có ! Theo dõi xem. Tàu một đèn, không phải tàu buôn. Có thể là tàu tuần tiễu của địch.

Một lát sau lại có một ánh đèn nữa ở phía bờ đi ra và cạnh nó đang có ánh sáng đỏ chớp chớp. Đúng tàu tuần tiễu rồi, chúng đang phát tín hiệu cho nhau.

Các cán bộ thuyền hội ý chớp nhoáng bàn cách xử trí với tình huống vừa mới xuất hiện. Đáng lẽ tàu tiếp tục đi thẳng hướng, nhưng họ quyết định cho ngoặt vào phía trong, địch ở ngoài nhìn vào, tàu 41 có thể lẫn vào bóng núi và sương mù.

Anh em đã vượt qua tuyến tuần tiễu của địch. Thuyền trưởng Thanh suy nghĩ, nếu tắt hết đèn, những thuyền đánh cá nhìn thấy, họ sẽ nghi ngờ, chỉ bằng cho thấp đèn thả sát mép nước là họ tưởng tàu mình như thuyền đánh cá khác. Anh hạ lệnh cho thợ máy thực hiện ý vừa nghĩ.

Vượt qua khu vực tàu thuyền đánh cá, anh em nhìn thấy ánh đèn pha quét trên phía đường số 1, có lúc chiếu ra mặt biển. Mọi người chột dạ “hay là địch đã phát hiện ta từ xa nhưng cứ để ta lọt vào ổ phục kích”. Thuyền trưởng bình tĩnh hạ lệnh « tiến một » cho tàu đi chậm vào trong vùng.

Tàu 41 dừng lại, phát tín hiệu gọi bến. Rồi lại phát tín hiệu. Gần nửa giờ trôi qua không thấy tín hiệu của bến đáp lại.

Thuyền trưởng nói với các cán bộ :

-Chúng ta vào đây là chính xác rồi. Có thể anh em bến vì lý do gì đó không có người gác. Từ nãy tới giờ vẫn êm, như vậy là chúng ta vẫn giữ được bí mật. Bây giờ chúng ta cử người lên tìm bến, ý các cậu thế nào ?

-Đồng ý.

Chốc chốc lại có chiếc ô tô chạy trên đường 1, và đây đó những loạt đạn lửa

bay vọt lên trời. Ánh đèn pha ô tô lóe sáng giây phút rồi bóng đêm lại trùm lên khu vực đồi núi.

Tàu 41 thả trôi, ẩn dưới bóng núi. Anh em đứng bên mạn, thấp thỏm nhìn vào bờ chờ đợi. Những thủy thủ được cử lên tìm bến cũng mất hút, không thấy trở lại. Nỗi lo lắng của mọi người tăng dần theo thời gian chờ đợi. Thỉnh thoảng thuyền trưởng lại nhìn đồng hồ. Những suy nghĩ vẫn vơ nẩy nở. Nếu chờ lâu quá sẽ cho tàu quay ra, nhưng còn mấy người được cử đi tìm bến chưa về thì sao. Chẳng ai thần thánh mà có thể nghĩ ra hết mọi điều trước khi nó xảy ra. Lúc không liên lạc được với sbến thì thấy việc cử người tìm bến là hợp lý, nhưng bây giờ đứng chờ nhau, biết chờ đến bao giờ. Ngộ gần sáng mới liên lạc được thì làm sao ?

Thuyền trưởng Thanh nói với các cán bộ :

- Gần một giờ sáng rồi. Kiên trì nhất cũng chỉ chờ được đến ba giờ sáng. Nếu không liên lạc được với bến cũng phải quay ra thôi.

Thanh vừa nói xong, liền ngay đó phía bờ có hai chớp sáng xanh nhỏ xíu, và có người bơi xuống ra. Thanh vừa đáp tín hiệu vừa cười nói :

-Chờ mỏi mắt. Mấy ông tướng bến này chưa có kinh nghiệm.

Mấy người ở dưới xuống vừa bước lên tàu, anh em thủy thủ đã xúm lại thúc giục bốc hàng.

Bác Nhợ kéo tay đ/c bí thư tỉnh ủy Phú Yên tới gặp thuyền trưởng :

-Anh Sáu Suyền, bí thư tỉnh ủy đồng thời là người lãnh đạo ở bến này.

Nghe bác Nhợ giới thiệu anh Sáu Suyền, Thanh mừng quá quên cả công việc đang khẩn cấp, ôm lấy anh Sáu Suyền :

-Anh Sáu .. tôi là em anh Hưng đây.

-Ôi sướng quá ! Ai ngờ lại có chú mày trên con tàu này – Giọng anh Sáu Suyền run run như muốn khóc-Gần một tháng này chúng mình không có gạo, chỉ ăn củ mì và trái sung, chờ đợi các cậu mang vũ khí vào. Tưởng các cậu vào bằng ghe độ mười tấn, ai ngờ to như thế này. Anh em gác đã nhìn thấy

tàu từ lúc chiều nhưng lại cho rằng không phải tàu của mình. Bây giờ làm thế nào nhỉ ? Cánh mình chỉ có hai cái xuồng con thôi.

-Phải chuyển hàng hết sức khẩn trương anh ạ. Nếu tới bốn giờ sáng không hết hàng, chúng tôi vẫn phải cho tàu ra. Ở đây không được đâu.

-Yên trí, không sao. Nếu muện ở lại, mình sẽ cho anh em dẫn chỗ giấu tàu.

Anh em thủy thủ đã mở nắp hầm hàng và chuyển những hòm vũ khí lên sát be tàu. Anh em công tác ở bến loay hoay nhấc cái hòm nặng nề lên rồi lại đặt xuống, chưa tìm ra cách nào chuyển xuống xuồng.

Chính trị viên Chiến động viên các thủy thủ :

-Anh em bến chưa quen việc. Tất cả chúng ta cố gắng chuyển hàng xuống ghe. Anh em bến có nhiệm vụ chuyển lên bến. Nào nhanh lên không sáng mất.

Chính trị viên vừa dứt lời thì các thủy thủ đã tạo ra một dây chuyển hàng xuống những chiếc thuyền của bến.

Anh em dốc hết sức chuyển hàng, hy vọng làm xong trong đêm, chẳng dè gần sáng rồi mà mới hết một nửa. Đành phải nghỉ lại đây để mai giao nốt.

Anh Sáu Suyền cùng một đội viên du kích dẫn đường tới chỗ giấu tàu. Con tàu men theo sườn núi đá trống trải, không có vật gì che khuất. Đến gần cây nhội mọc ở vách đá, có tán lá bằng vài cái nong xòe ra mặt vịnh, anh du kích nói với thuyền trưởng :

-Chỗ kia kìa.

Thạnh nghĩ bụng « Mấy ông tưởng con tàu của mình giống cái ghe của mấy ông ». Mặc dầu đã chuẩn bị tư tưởng ở nhà, sẽ phải chấp nhận điều kiện giấu tàu như vậy, nhưng bây giờ Thạnh thấy mình đang phải làm một việc mạo hiểm quá sức.

Con tàu thả neo, ép mình vào vách đá, tán lá cây chỉ đủ che nửa thân nó, theo chiều nhìn thẳng đứng. Nếu địch quan sát từ phía mạn trái thì nó lộ ra trần trụi.

Thanh nói với các thủy thủ :

- Chúng ta cố gắng nguy trang xong trước khi trời sáng. Phải xóa hình thù con tàu, làm sao mọi người nhìn vào đây cũng chỉ thấy một lùm cây mọc ở vách đá ra.

Mấy đêm mất ngủ và đêm qua chuyển hàng nặng nhọc, ai nấy đã mệt nhoài , bây giờ lại phải leo núi chặt cây nguy trang, không chỉ là cành lá mà là những cây một người vác nặng, hoặc hai người mới kéo nổi từ trên núi xuống. Một mỗi muốn gục xuống ngay tại chỗ, nhưng thời gian để chống với cái tai họa « bị lộ » rất ngắn ngủi, nếu như không chạy đua với nó.

Nguy trang xong rồi, anh em vẫn chưa hết lo. Nếu thuyền bè của nhân dân qua lại gần đây, nhìn thấy con tàu nguy trang nằm sù đó, không khác gì « lạy ông tôi ở bụi này ».

Thuyền trưởng triển khai kế hoạch đối phó với tình huống bất trắc. Một bộ phận thủy thủ nhận lệnh đưa súng 12,7 lên núi, làm hầm hố sẵn sàng bắn máy bay địch, khi chúng phát hiện tàu của ta. Anh em bảo vệ bến dùng DKZ dán trận địa mai phục đối phó với tàu chiến của địch. Nếu trường hợp bị lộ con tàu, tất cả các đơn vị phải kiên quyết chiến đấu đến cùng không được để tàu lọt vào tay địch.

Ở lại dưới tàu có thuyền trưởng Thanh, thuyền phó Lộc, thợ máy Phan Nhạn, khi tình thế không giữ nổi tàu nữa, có nhiệm vụ phá hủy tàu (bằng 3 tấn thuốc nổ đã gài sẵn).

Anh Sáu Suyễn đi kiểm tra trận địa của đơn vị bảo vệ bến xong lại xuống tàu. Anh nói với Thanh :

-Mình sẽ cùng với các cậu ở trên tàu, nếu có chuyện gì xảy ra cùng nhau xử trí.

Tất cả cán bộ ở lại tàu kéo nhau vào buồng lái uống trà.

Thanh vừa đưa chén nước chè còn bốc hơi lên tới miệng, đã nghe tiếng máy bay rít trên đầu. Anh đặt vội chén nước xuống sàn, rồi chạy ra cửa nhìn theo

chiếc máy bay AD.6 đang bay theo trục quốc lộ. Mọi người đều chạy theo Thanh ra đứng bên cửa.

Tâm trạng của họ lo lắng giống nhau. Liệu có bị lộ không ? Nếu lộ phải làm gì ? Chiến đấu như thế nào để bảo vệ được tàu ? .. Hỏi rồi tự đáp. Đối với cán bộ thuyền những bài học « vấn, đáp » ấy đã thuộc lòng , nhưng lần « sát hạch » này mọi người vẫn không khỏi hồi hộp.

Thanh nói với Phan Nhạn :

-Anh xem lại hộp kíp và các đầu dây cháy chậm. Tôi lên trên kia xem lại ngụy trang một lần nữa.

Thanh leo lên đài chỉ huy, đứng ngắm nghía cánh lá ngụy trang quanh thân tàu.

Con tàu đã giống hệt một cụm cây xanh gắn liền với vách đá, nhưng Thanh vẫn thấy áy náy, như có sự gì sơ suất mà mình chưa biết.

Mọi người lại trở về buồng hàng hải tiếp tục uống trà.

Anh Sáu Suyền thông cảm nỗi lo của thuyền trưởng. Anh nói :

-Năm đây cạnh tuyến đường bay Đà Nẵng – Nha Trang và quốc lộ 1, máy bay và xe cộ qua lại luôn, hàng ngày có tới chục lần. Mặc nó chẳng ngại. Tàu của mình đã ngụy trang kỹ, lại bất ngờ đâu ở đây, nó không để ý. Xung quanh đây mình đã bố trí canh gác kỹ rồi.

Tiếng súng nổ từ phía núi cạnh đường 1 vọng tới, anh Sáu ngưng một lát rồi nói tiếp :

-Súng nổ đó ! Chỉ lát nữa lại có mấy xe tuần tiểu trên đường đi qua. Ở đây tiếng súng, tiếng xe, tiếng máy bay là chuyện bình thường , đừng bận tâm.

Anh Sáu kể tình hình cơ sở cách mạng ở xung quanh bến :

-Trước đây, vùng ven biển là cơ sở cách mạng vững vàng. Từ ngày chúng « tổ cộng », chúng bắt bớ, giết chóc dã man, như vụ Ngân Sơn, Chí Thanh, giết một lúc 300 người hầu hết là cán bộ cơ sở. Trong thời gian chúng « tổ cộng »,

khủng bố, có người không chịu nổi cực hình, tra khảo đã phản bội, làm cơ sở cách mạng bị bể vỡ. Những năm gần đây, ta xây dựng lại, nhiều cơ sở đã hồi phục. Lò một, lò hai nhà máy đường Hiệp Hòa đã trở thành cơ sở của ta .. Khoảng nửa tháng nay, chúng đưa quân bịt chặt đường số 1 , ở trên núi không xuống được. Trên đó có xuống được thì ven biển mới có gạo. Tỉnh ủy có bao nhiêu gạo dồn cho bộ phận bên, nhưng hơn một tuần lễ nay, mỗi ngày chỉ còn được bữa cháo với trái sung. Chúng mình ăn sung để chờ các cậu mang vũ khí vào. Có vũ khí sẽ tăng lực lượng giành dân, có dân mới có gạo.

Nghe anh Sáu Suyền nói, các cán bộ thuyền ứa nước mắt, vừa thương vừa mến phục những đồng chí của mình ở đây. Họ khổ cực và chịu đựng nguy hiểm không kể xiết, mà vẫn lạc quan, tin tưởng ở cách mạng. Anh em cán bộ thuyền tự liên hệ « ..mình có thuận lợi nhiều hơn các đồng chí đó. Lúc nào mình cũng có sẵn vũ khí, lương thực không phải thiếu thốn .. ».

Khi ánh nắng cuối cùng rời khỏi vùng núi Đá Bia, và bóng đêm đã đến đem điềm lạnh cho mọi người, anh em bến thuyền đều hân hoan cười nói. Mọi nỗi lo lắng căng thẳng đều tan biến.

Tối nay bến điều thêm người, thêm thuyền, nên việc bốc dỡ hàng xong rất sớm.

Chuyến hết hàng, bác Nhợ nói với thuyền trưởng :

-Tối hôm qua, lúc tôi nên bắt liên lạc gặp bữa ăn của anh em bến. Mỗi người được chia một mẩu củ mì bé xíu. Nhìn anh em tôi suýt khóc. Tôi đề nghị ta chỉ để đủ gạo ăn đường, còn bao nhiêu ủng hộ anh em bến.

Điều bác Nhợ nói cũng là điều cán bộ thuyền và thủy thủ đã nghĩ đến. Khi thuyền trưởng nói « đồng ý » lập tức anh em tranh nhau vào kho xúc gạo đổ xuống thuyền.

Mọi việc đã xong xuôi, thuyền trưởng và anh Sáu Suyền đứng tựa vào lan can tàu chuyện trò kể lại những ngày xa cách.

Mấy cô gái đơn vị bến đẩy nhau rồi lại cười khúc khích :

-Mi nói đi !

-Mi nói !

Anh Sáu biết các cô muốn hỏi điều gì đó nhưng còn e thẹn.

Anh hỏi :

-Bọn bay muốn nói gì với anh thì cứ tự nhiên. Có chi mà mắc cỡ.

-Chúng em muốn đi xem tàu.

-Tưởng chuyện cho .. chớ đi xem tàu thì xin mời các cô – Thanh vừa nói vừa nắm tay anh Sáu – Mời anh Sáu đi xem nơi ăn ở của chúng tôi.

Mọi người đi theo thuyền trưởng vào buồng hàng hải, buồng thông tin, rồi vào buồng thuyền trưởng. Đến mỗi buồng, Thanh bật đèn sáng. Các cô gái bị choáng ngợp bởi thứ ánh sáng mới lạ, không phải vì lần đầu tiên tiếp xúc với đèn điện mà vì các cô không ngờ miền Bắc đã sản xuất ra cái tàu hiện đại như vậy. Cô nào cô nấy mắt sáng ngời nhìn tiện nghi trong phòng. Từ cái quạt máy sơn trắng tinh, xinh xắn, cái bàn đánh vecni bóng loáng.. các cô đều khẽ đặt tay vào với niềm vui mới lạ.

-Tàu to quá hỉ ? Cái gì trong tàu cũng đẹp.

-Miền Bắc sung sướng quá !

-Ngoài biển tàu bè đi như mắc cửi, các anh làm thế nào mà đi lại vô đây được ?

-Tàu ngầm hỉ ?

Thanh cảm thấy mình đang sống trong những phút giây hạnh phúc, bởi âm thanh ngọt ngào của các cô gái quê mình.

Một cô gái mạnh dạn hỏi :

-Anh có thứ gì của miền Bắc mang vô, cho chúng em làm kỷ niệm.

Thanh nhìn anh Sáu có ý hỏi « Cho có sợ lộ bí mật không ? ». Anh Sáu hiểu ý và nói :

-Bọn nó giữ kín, không sao.

Thanh lấy gói thuốc lá Điện Biên đã bỏ vỏ ngoài, chia cho mỗi cô mấy điếu. Anh nói :

-Chẳng có thứ gì làm kỷ niệm cho mấy cô, chỉ có vài điếu thuốc lá quá của miền Bắc.

Các cô gái trân trọng đưa hai bàn tay , như nhận một phần thưởng rồi ngấm nhìn từng điếu thuốc. Có cô nhìn khá lâu vào hai chữ « Điện Biên » in ở đầu điếu thuốc, với cái nhìn chỉ có thể dành cho người yêu.

Đã đến giờ tàu phải rời bến. Tiếng chuông đã rung lên một hồi lâu dài báo cho các thủy thủ chuẩn bị, nhưng anh em bến vẫn không muốn rời tàu.

Hầu như mọi người chưa có đủ thì giờ để làm quen nhau, nhưng sao lưu luyến, nhớ thương, tưởng như phải dứt áo mới ra đi nổi.

Tiếng chào trong tiếng khóc nức nở của các cô gái :

-Các anh về bình an.

-Các anh lại vào nhé. Chúng em chờ.

-Chào các đồng chí. Cho chúng tôi gửi lời hỏi thăm sức khỏe của Bác Hồ, thăm nhân dân miền Bắc. Nói giúp rằng : dân Phú Yên luôn luôn hướng về Bác Hồ, về miền Bắc.

-..

Những người chỉ đạo công tác vận tải chiến lược đường biển ai cũng thấy được, nếu đưa tăng thêm một số chuyến vũ khí vào bến Phước Bửu (Bà Rịa) sẽ giảm bớt rất nhiều công sức, và cả xương máu nữa, so với việc chuyển tải nhỏ từ Cà Mau hoặc Bến Tre về miền Đông. Nhưng tại sao băng đi một thời

gian khá dài, không có chuyến tàu nào về bến Phước Bửu ? Chúng ta còn nhớ chuyến mở bến Phước Bửu, chiếc tàu 41 đã bị mắc cạn ngay trước đồn địch, nhờ có tinh thần gan góc mưu trí của chính trị viên Đặng Văn Thanh, bác thợ máy già Huỳnh Văn Sao và một số thủy thủ đã bảo vệ được tàu khỏi bị phá hủy. Nhưng từ đó một số cán bộ thuyền của đoàn 125 cũng hiểu ngầm Phước Bửu là một bến “khó xài”, luồng lạch hiểm hóc dễ bị cạn và dễ bị lộ. Vì vậy, cũng có đôi lần nhận lệnh đưa hàng vào Phước Bửu, khi tới gần, gặp một tình huống gì đó, anh em đã phóng thẳng vào Cà Mau cho “chắc ăn” hơn. Mỗi chuyến đi vượt sóng gió, vượt qua hàng rào ngăn chặn của địch, đưa được con tàu an toàn vào bất kỳ bến nào của miền Nam cũng là quý lắm rồi. Dù chuyến đi không vào được bến theo kế hoạch mà vào bến tự chọn trong quá trình đi, cũng chẳng bị ai kiểm điểm, phê bình. Vì vậy Quân Khu miền Tây, mấy năm nay thừa hưởng sự may mắn đó. Vũ khí lúc nào cũng dư dật, ngược lại Quân Khu miền Đông vẫn thiếu thốn và càng thiếu thốn hơn, khi các trung đoàn chủ lực của Bộ tư lệnh Miền được xây dựng và chuẩn bị đánh lớn. Tất nhiên số vũ khí vào các bến Nam Bộ, sau đó đều do Bộ tư lệnh Miền phân phối điều chỉnh lại, nhưng mỗi lần điều chỉnh phải tốn chi phí thời gian, sức lực, tiền của.

Một lần nữa, Bộ tư lệnh Miền điện ra Bộ Tổng Tham yêu cầu đưa tàu chở vũ khí thẳng vào bến Phước Bửu. Chuyến vũ khí ấy dành riêng cho chiến dịch Bình Giã sắp mở. Khi bức điện kia đến Bộ Tổng Tham Mưu, cũng là lúc một trung đoàn tay không súng ống tới Phước Bửu chờ đợi. Nếu tàu của đoàn 125 vào bến, trung đoàn này sẽ là người bốc dỡ và nhận số vũ khí ở tàu để trang bị ngay tại chỗ.

Đoàn 125 nhận lệnh của cấp trên , tổ chức đưa một chuyến hàng vào Phước Bửu (Bà Rịa). Chuyến đi có vẻ không bình thường.

Từ lúc nhận lệnh sơ bộ tới lúc nhổ neo, đội tàu 56 không ngày nào vắng cán bộ cấp trên. Đại diện Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Chính trị, Bộ tư lệnh Hải quân và thủ trưởng đoàn lần lượt đến giúp đỡ công tác tổ chức, chuẩn bị, kiểm tra cơ sở vật chất, công tác bí mật và quyết tâm của đơn vị. Thuyền trưởng Quốc Thân được điều đến làm cố vấn cho thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng. Một số thủy thủ đã đi mở bến Phước Bửu được lệnh thuyền chuyển về đội 56 .. Tính chất quan trọng của chuyến đi không chỉ nằm trong lời lẽ đã thông của cấp trên, mà ở ngay trong những công việc hàng ngày, từ lúc lệnh

sơ bộ phát xuống. Có một yêu cầu giống như chuyển đi mở bến, nghĩa là phải đến đúng bến quy định, gặp khó khăn trên dọc đường phải có quyết tâm rất cao để khắc phục, không được rẽ ngang sang bến khác.

..10 giờ đêm ngày 22-12-1963, tàu 56 đã tới trước cửa bến Phước Bửu. Anh em mừng kết quả chuyến đi coi như đạt 8/10 chỉ còn việc nhận được tín hiệu của bên nữa là yên tâm.

Cái đèn pin bật kin, chỉ để hờ một chấm sáng bằng đầu que tăm trên tay thuyền trưởng Thắng lập lòe như con đom đóm. Anh phát tín hiệu hai lần, ba lần không thấy phía bờ đáp lại. Tàu vẫn chạy chầm chậm theo tuyến song song với bờ. Thuyền trưởng tiếp tục phát tín hiệu.

Thuyền trưởng Thắng trao đổi với thuyền trưởng Lê Quốc Thân cách xử trí. Nếu cứ vòng đi vòng lại mãi có thể bị lộ, vì đồn địch gần đây có thể nhìn thấy, nên thả neo rồi cử người lên tìm bến.

Hai thủy thủ Thanh và Phú được trao nhiệm vụ lên bờ tìm gặp anh em đơn vị bến.

Thanh và Phú bước vào lùm cây ven bờ, thành linh có người xông ra giáng súng vào lưng, bắt đứng im rồi cả hai anh em đều bị trói chặt vào gốc cây. Sự việc diễn ra quá nhanh, các anh không kịp đối phó.

Trong rừng tối om, không nhìn rõ mặt nhau. Các anh phân vân không hiểu kẻ bắt mình là ai, là địch hay anh em bên lầm lẫn. Sao họ bắt mình, không hỏi han gì mà lại câm lặng như vậy.

Chỉ nghe tiếng bước chân thận trọng của vài ba người đang đi đi lại lại, đôi lúc họ thì thầm chuyện trò gì đó. Các anh cảm thấy những nòng súng của những người kia luôn chĩa về phía mình.

Thanh và Phú trấn tĩnh, nhưng chẳng còn cách gì để báo cho anh em trên tàu biết. Đàn muỗi bu kín mặt mũi, chân tay và thả sức hút máu các anh.

Thời gian trôi chậm chạp đáng sợ. Trong đầu óc các anh nhức nhối, lo lắng cho số phận mình và số phận anh em trên tàu. Có thể địch chờ cho tàu của ta vào sát bờ neo đậu rồi chúng mới xông ra, hoặc chờ lúc tàu quay ra chúng

mới nổ súng. Bao nhiêu phán đoán rồi tung, rồi mù lên nhưng các anh chẳng khẳng định được điều gì rõ ràng. Thà rằng kẻ bắt mình, đánh đập hoặc chửi mình vài câu, còn dễ chịu hơn là nó cứ lặng thinh như thế kai.

Hình như có nhiều người ở phía trong đang đi ra, vừa đi vừa chuyện trò, mỗi lúc một rõ.

-Các cậu thấy hiện tượng thế nào ?

-Tàu to lắm. Chúng tôi chắc là tàu địch.

-Đã hỏi người bị bắt chưa ?

-Chưa.

-Phải xem có tín hiệu gì không. Nếu là tàu địch, khi nó bị mất người mà nó để yên ư ?

-Có thấy đèn chớp chớp.

Nghe tới đó, Thanh và Phú đoán chắc chắn là anh em bên đã hiểu lầm. Các anh rất mừng, và gần như đồng thanh nói :

-Tàu của ta .. chúng tôi vào liên lạc với các đồng chí.

Chờ đợi hàng giờ rồi không thấy tăm hơi gì, anh em trên tàu phán đoán: người của mình cho đi liên lạc với bên đã bị bắt, nếu cứ đứng chờ ở đây bất lợi. Địch sẽ điều động lực lượng đến, việc xử trí thêm phức tạp.

Thuyền trưởng hạ lệnh nổ máy và nhổ neo.

Chiến sĩ hàng hải xoay vòng lái thấy chặt cứng. Thuyền phó Nguyễn Văn Ngọc giúp sức nhưng vòng lái không chuyển động. Ba thủy thủ nữa vào quay như quay tời, vòng lái mới nhúc nhích một chút. Tai họa cùng dồn đến một lúc, làm cho mọi người lo lắng thêm. Tại sao vòng lái nặng như vậy. Cáp lái vướng cái gì chẳng ? Thuyền phó Ngọc xem lại cáp lái rồi lại trở về, thử tay lái. Ngọc thở dài :

-Chết cha rồi, trục lái bị cong mới cứng như thế này. Còn đi mấy ngày đường nữa, làm sao đây.

Cảnh ngộ thật éo le, người liên lạc với bến mất hút, tàu lai bị hỏng lái. Thuyền trưởng suy nghĩ căng thẳng, mạch máu ở thái dương giật giật như muốn vỡ tung ra, khí trời đêm mát dịu mà mồ hôi trong người anh tuôn ra ướt đầm cả áo.

Chính trị viên Tuấn động viên anh em :

-Cố gắng đưa con tàu ra ngoài khơi xa rồi ta bàn tính thêm. Ở đây gần địch, kéo dài chừng nào bất lợi chừng ấy.

Mấy anh em vẫn cố sức đẩy vòng lái. Con tàu đã hướng ra khơi, bỗng có người nói :

-Khoan đã .. có tín hiệu trong bờ.

Tất cả mọi người nhìn xoáy vào bóng đêm bí ẩn. Ba chớp xanh nhỏ xiu lóe lên rồi vụt tắt, một lát sau lại lóe lên.

Bóng chiếc xuồng đen mờ từ bờ đang lao ra, mỗi lúc một gần. Không còn nghi ngờ gì nữa, đã bắt được liên lạc với bến. Anh em mừng quá, nước mắt chảy tràn trên má.

Tiếng cười nói khàn khàn còn đượm sự xúc động của Thanh vọng lên tàu :

-Thả thang xuống nào !

-Thả rồi đó. Có chuyện gì mà lâu thế. Suýt nữa thì ..

-Chúng mình bị bắt.

-Tàu lớn quá, anh em chúng tôi tưởng là tàu địch.

-Trời .. cũng còn may.

Lên tàu, anh em tíu tít kể cho nhau nghe những chuyện vừa xảy ra.

Thuyền trưởng Thắng nói :

-Bây giờ ta tập trung dùng sào đẩy tàu vào đã.

Con tàu ngoan ngoãn đi sâu vào trong lạch rồi dừng lại dưới một cây có tán lá xòe rộng.

Mặt trời buổi sớm đã đưa ánh sáng vào khu rừng. Anh em bộ binh đã chờ đợi mấy ngày, nghe tin tàu cập bến, họ ào ào như đàn ong vỡ tổ chạy đến. Họ nhanh nhẹn tự động đứng vào dây chuyền bốc dỡ, mỗi người vác một hòm từ hầm chứa hàng lên mặt khoang rồi chuyển đi, không đợi người chỉ huy phải đôn đốc.

Các cán bộ thuyền, cán bộ bến kể lại cho nhau nghe câu chuyện “lạnh người” đêm qua.

Trưởng bến chỉ vào đơn vị chuyển hàng :

-Những khó khăn các anh đã gặp, thì đây là sự đền bù.

Trưởng bến hạ thấp giọng thì thầm vẻ quan trọng :

-Các anh đã mang vũ khí vào rất đúng lúc, đáp ứng sự mong đợi của Bộ Tư lệnh Miền và của anh em . Các anh xem kìa, anh em vui mừng có khác chi trẻ được mẹ cho quà. Nhận vũ khí ở đây để bước vào chiến dịch.

Thuyền trưởng Thắng rất cảm động khi nhìn thấy những chiến sĩ mảnh khảnh vác cái nòng pháo DKZ nặng hơn cơ thể của mình hoặc khênh những hòm đạn mà lúc bình thường phải dùng cẩu mới chuyển xuống tàu được. Anh nói với niềm tin yêu đang trào lên :

- Các chiến sĩ của mình thật đáng yêu. Nếu như không có tinh thần cao cả, có tấm lòng nhiệt thành vì thắng lợi của Tổ quốc thì không thể có sức mạnh làm việc như thế.

Chương năm

VỤ VŨNG RÔ

Những thắng lợi liên tiếp kích thích tinh thần hăng hái, phấn khởi trong tất cả cán bộ lãnh đạo và chiến sĩ làm nhiệm vụ vận tải chiến lược đường biển, đồng thời cũng phát sinh trong mỗi người một chất men chủ quan, thiếu cảnh giác. Phương châm “du kích, bí mật, bất ngờ” Quân ủy TW nêu ra, nếu như lúc đầu thực hiện nghiêm ngặt trăm phần, tới từng việc nhỏ nhất nhất, thì qua “thời hoàng kim” đã làm lơ lửng vài mươi phần, có cả việc hệ trọng tới công tác bí mật cũng đã có hiện tượng thiếu xem xét cân nhắc nghiêm túc. Sự “chính quy hóa” công tác thông tin giữa chuyển đi của các con tàu với sở chỉ huy, mở bến đưa hàng vào Khu 5 một cách ào ạt, rộng rãi, nhưng giáo dục ý thức bảo mật của bến chưa kỹ càng .. Những hành động ấy không đúng với phương châm “du kích, bí mật, bất ngờ”.

.. Chuyển đi của đội tàu 143 được lệnh vào Nam Bộ, khi đi quá nửa đường, nhận được tin bến động có lệnh quay ra.

Bộ phận B của cục tác chiến Bộ Tổng Tham Mưu bàn bạc với Bộ tư lệnh Hải Quân “Nó đã vào được trong ấy, quay ra uống. Vào được chuyển nào hay chuyển đó ..”

Đội 143 trên đường quay ra đã nhận lệnh “vào bến Vũng Rô” (trong lúc bến Vũng Rô còn ứ đọng số hàng của chuyển trước chưa chuyển đi được)

Đội tàu 143 tới bến đêm 15-2-1965. Anh em đã bốc dỡ phần lớn số hàng đưa vào hang núi. Trời gần sáng, không còn đủ thời gian đưa tàu vượt qua tuyến tuần tiễu của địch. Tàu phải dừng lại bến. Anh em nguy trang cẩn thận, để lại vài người trên tàu, còn tất cả thủy thủ lên bến nghỉ ngơi.

Ngày 16 tháng 2, bị máy bay địch phát hiện, đánh phá, anh em đã phá hủy con tàu. Bộc phá gài sẵn trong tàu nổ không hết, nên tàu chỉ bị chìm tại chỗ.

Địch đưa hàng tiểu đoàn bộ binh có máy bay yểm hộ, tiến công vào bến Vũng Rô. Cuộc chiến đấu ngăn chặn địch của anh em bến và các thủy thủ tàu

143 rất kiên cường, kéo dài cho tới ngày hôm sau. Với lực lượng quá chênh lệch, quân ta đã phải rút lui.

Địch đã lấy toàn bộ số vũ khí của bến còn cất giấu trong hang núi và trục vớt chiếc tàu 143.

Con đường biển chiến lược mất nhiều công sức giữ gìn bí mật đã bộc lộ trước mắt kẻ thù.

Ngay sau khi lấy được chiếc tàu và số vũ khí của ta, Mỹ-ngụy đã làm rùm beng “Vụ Vũng Rô khẳng định điều đã ngờ vực trong thời gian dài, nhưng từ trước tới nay chưa có bằng chứng ..”.

Qua điện báo cáo của bến Vũng Rô, qua thu lượm tin tình báo, bộ phận B cục tác chiến đã khẳng định được cái tai họa diễn ra tới mức nào.

Đ/c Phan Hàm bồi hồi lo lắng. Dù sao anh và đại tá Nguyễn Bá Phát cũng có trách nhiệm lớn với cái tai họa vừa xảy ra. Khi bước vào văn phòng làm việc của đ/c Bí thư Quân ủy TW để báo cáo cái tin chẳng lành kia, anh đã sẵn sàng nhận lời khiển trách.

Nghe báo cáo xong, đ/c Bí thư Quân ủy nghiệm sắc mặt nói :

-Tôi đã căn dặn các đồng chí nhiều lần, làm ăn phải hết sức thận trọng.

Đồng chí rời khỏi chỗ ngồi, đi vài bước rồi dừng lại dăm chiêu nhìn qua cửa sổ. Một lát sau, đồng chí trở lại chỗ ngồi :

-Việc vận chuyển đường biển cho ngừng lại đã .. Quân ủy cũng biết trước sau rồi địch cũng phát hiện được. Ngay từ đầu, Quân ủy đã đề ra : dù có mất đi một nửa cũng là thắng lợi. Tư tưởng chỉ đạo là kiên quyết, mạnh dạn làm. Nhưng khi làm được rồi thì tuyệt đối không chủ quan. Kỷ luật đã đề ra phải chấp hành cho đúng. Sự việc đã xảy ra như thế rồi, phải rút kinh nghiệm thật sâu sắc, để còn làm tiếp.

Những câu nói của đ/c Bí thư Quân ủy làm dịu nỗi lo lắng , và anh nghĩ : nếu như trong chiến đấu, đã thắng hàng trăm trận mà mới thua một trận thì đừng

để phải bối rồi ..

Anh trở về phòng làm việc của mình, vào ngay nơi đặt máy điện thoại, quay máy.

-Alô ! Bạch Đằng phải không .. Ai đó .. Anh Phát đấy ư. Theo ý kiến anh Văn, công việc của 125 ngừng lại đã .. Có chỉ thị cụ thể thêm, tôi sẽ trao đổi với anh sau.

Chiến dịch Bình Giã như tiếng sét làm rung chuyển đến tận Nhà Trắng và Lầu Năm Góc. Tổng thống Mỹ Kenedy và các tướng của Lầu Năm Góc bàng hoàng nhìn nhận rằng nguy quân, nguy quyền miền Nam Việt Nam không còn đủ sức chống đỡ với Việt cộng. Nếu không nhanh chóng đưa quân Mỹ vào thì cơ đồ đã đổ ra hàng tỷ đô la , xây dựng hàng chục năm sẽ tan thành mây khói.

Chỉ trong thời gian rất ngắn (2/1965 – 12/1965), Mỹ đã ồ ạt đưa vào miền Nam nước ta đội quân “chữa cháy” tới 20 vạn tên cùng với vũ khí, kỹ thuật tối tân.

Ngay từ lúc đội quân “chữa cháy” Mỹ vù đặt chân đến mảnh đất của Tổ quốc ta, chúng đã liên tiếp ném đòn ở Núi Thành, Vạn Tường, Plây Cu, Biên Hòa. Trước cảnh ngộ thật éo le, Mỹ phải “nhảy tùm xuống nước” để cứu cho nguy khỏi chết chìm thì chính Mỹ lại bị dòng nước xoáy lôi đi. Phải làm một việc gì đấy để lấy lại tinh thần cho bọn tay sai, Lầu năm góc đi thêm một nước liều lĩnh nữa. Kế hoạch 34A được đề ra , đưa không quân Mỹ đánh ra miền Bắc và ngăn chặn Đường mòn Hồ Chí Minh . Bên cạnh đó là kế hoạch DESOTO đưa hạm đội 7 vào biển Đông để quấy rối miền Bắc.

Vụ Vũng Rô đã trở thành cái cớ cho Mỹ xúc tiến kế hoạch DESOTO triển khai sớm hơn. Ngày 21-2-1965 (chỉ sau vụ Vũng Rô xảy ra vài ngày), tư lệnh chỉ huy viện trợ Mỹ ở miền Nam yêu cầu tư lệnh Thái Bình Dương gửi đại diện đến Sài Gòn để vạch kế hoạch tuần tiễu, kết hợp hải quân Mỹ và hải quân nguy.

Một cuộc họp khẩn cấp của tướng tá Mỹ ở Sài Gòn do Westmolen cầm đầu.

Chúng cho rằng đơn vị vận tải biển của ta đã xuất phát từ miền Bắc ra khơi bằng tàu đánh cá, rồi đi lẫn lộn vào tàu đánh cá của miền Nam. Nếu muốn ngăn chặn lực lượng vận tải ấy, riêng hải quân ngụy không kham nổi, vì vậy phải nhanh chóng đưa lực lượng của hạm đội 7 vào tham gia. Hải quân Mỹ sẽ thành lập một đơn vị tuần tiễu thông thường bằng tàu và máy bay, chịu trách nhiệm phòng thủ vòng ngoài, hải quân ngụy vòng trong (từ bờ ra 12 hải lý là vòng trong, từ hải lý thứ 12 đến 40 là vòng ngoài). Tất cả lực lượng Mỹ có quyền ngăn chặn lực soát bất kỳ tàu thuyền nào nghi ngờ của đối phương.

Ngày 16-3-1965, tham mưu trưởng liên quân Mỹ đồng ý với kế hoạch của Westmolen đã vạch trong cuộc họp ở Sài Gòn. Cũng trong ngày đó, hai chiếc tàu đầu tiên của Mỹ là tàu khu trục DD806 và tàu khu trục DD 666 đã lên đường. Các chuyến bay trinh sát của máy bay SP2 cất cánh từ Tân Sơn Nhất đã bắt đầu hoạt động từ ngày 3-3-1965. (đoạn này được rút từ Tập San Quốc Phòng ngụy số 18).

Hải quân Mỹ mở chiến dịch cản trên biển Đông mang mật danh “ Mác-két Tai-mơ” triển khai ngày 24 tháng 4. Đầu tháng 8 đã có 28 tàu Mỹ tham gia, dưới sự chỉ huy của bộ tư lệnh đặc nhiệm 71 trên biển Canberra CA62.

Việc ngăn chặn đường vận tải biển của ta không riêng gì tàu chiến, chúng còn xây dựng một hệ thống thông tin quan sát, gồm hệ thống rada đối biển kết hợp với mạng lưới mật vụ nằm trong các tàu thuyền đánh cá và tàu buôn (kể cả nhiều nước tư bản).

Chỉ trong vài tháng, lực lượng địch trên biển đã mạnh và đông lên gấp nhiều lần, nhưng chúng chưa hết lo ngại. Phó đô đốc hải quân ngụy Đỗ Hữu Chí đã tự hỏi “Chiến hạm của Hoa Kỳ nhập cuộc rất đông, xem như vây kín duyên hải Việt Nam cộng hòa. Thế nhưng Cộng Sản Bắc Việt có chịu chùn bước xâm nhập không ?”

Vụ Vũng Rô đã tạo ra bước ngoặt nghiêm trọng của công tác vận tải biển. Cũng thời gian ấy, Mỹ đưa cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Những đội tàu của đoàn 125 liên tục hành quân di chuyển giấu tàu tránh né địch đánh phá. Đến địa điểm mới, ngụy trang tàu xong, họ lại mang súng 12,7 lên núi, đảo công sự sừ sẵn sàng giáng trả máy bay địch để bảo vệ tàu. Lúc bình

thường họ tập luyện bắn súng, ôn kỹ thuật hàng hải hoặc học tập chính trị. Những cuộc di chuyển hầu như vô tận, và những buổi học tập không sao thay thế được niềm háo hức của những chuyến đi khơi xa. Trong tình trạng chờ đợi, mới vài tháng mà không ít người nhìn về phía trước chỉ thấy một màu xám, muốn xin chuyển đi đơn vị khác để làm việc gì đó có hiệu quả.

Các thuyền trưởng, thuyền phó trẻ được tập trung học lớp hàng hải thiên văn của Bộ Tư Lệnh Hải quân mở. Mỗi giờ nghỉ họ lại xúm lại chuyện trò, ôn lại thời hoàng kim của đơn vị; họ lại xót xa nghĩ tới vụ Vũng Rô. Nhưng mỗi đêm tập luyện, ngắm lên bầu trời, tìm thấy những vì sao dẫn đường, lòng họ lại rộn ràng hy vọng những chuyến đi xa trong thời kỳ mới.

Bộ tư lệnh Hải quân đang nghiêm khắc nghiên ngẫm nguyên nhân gì đã dẫn tới vụ Vũng Rô. Thường vụ Đảng ủy Hải quân họp kiểm điểm rồi lại kiểm điểm. Mọi người đã nhận thức vụ Vũng Rô là một tổn thất nghiêm trọng có tính chất chiến lược .. Tại sao lại xảy ra ? Bởi ta nắm tình hình địch không vững. Khi tình hình địch thay đổi không nắm được để xử lý kịp thời; bởi việc chuẩn bị , kiểm tra tàu thuyền đi hoạt động chưa thật đầy đủ; giáo dục bộ đội chưa thật tốt, dĩ nhiên chuyển đi thuận lợi thì chủ quan để một số tài liệu lọt vào tay địch ..

Tuy những tin tức hoạt động trên biển của địch sau vụ Vũng Rô chưa nhiều lắm, nhưng cũng đủ để Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Hải quân đánh giá : địch tăng cường hoạt động phong tỏa nhưng vẫn còn những sơ hở.

Sự thiệt hại đáng tiếc ở Vũng Rô chỉ làm tăng thêm ý thức thận trọng và cảnh giác, chứ không hề làm mất lòng tin của những người lãnh đạo vận tải biển. Bởi lòng tin ấy còn nằm ở phía ta, được chuẩn bị tốt hơn trước. Cán bộ tàu thuyền, một số đã có khả năng sử dụng hàng hải thiên văn. Yêu cầu của nhiệm vụ vô cùng khẩn thiết nên Thường vụ Đảng ủy Hải quân đã đề nghị với Bộ chuẩn ý quyết tâm đã đề đạt trước đây : Cho sử dụng tàu hiện có, cải trang theo khả năng của ta, đi một chuyến mở đường QLV15 (Cà Mau).

Chương sáu

ĐI THEO CÁC VÌ SAO

Đoàn 125 phải tạm ngừng hoạt động vào giữa thời kỳ đất nước ta có nhiều sự kiện trọng đại nhất. Bác Hồ kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hạ quyết tâm : quyết đánh, quyết thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam và quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc. Phong trào thi đua “Làm theo lời Bác”, “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Tay búa tay súng”, “Tay liềm tay súng” .. lôi cuốn hàng triệu người sẵn sàng hy sinh vì nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước. Hầu như ngày nào trên trang các báo cũng dày đặc những tấm gương kiên cường, dũng cảm giết giặc, những trận đánh thắng ở cả hai miền.

Không khí sôi sục chưa từng có của cả nước đặt ra trước đoàn 125 một câu hỏi lớn “Phải làm gì ?”. Anh em thủy thủ nhiều đội tàu đề nghị lên cấp trên xin tình nguyện làm nhiệm vụ mở đường.

Khi được trao nhiệm vụ tiếp tục vận tải chi viện cho Nam Bộ, toàn đoàn 125 , từ thủ trưởng cơ quan đến từ thủy thủ đều hăng hái làm việc không kể ngày đêm để chuẩn bị cho mỗi chuyến đi thật chu đáo. Các đội tàu lao vào việc sơn ngụy trang tàu, xuống hàng .. Cơ quan tham mưu, chính trị làm kế hoạch và kiểm tra công tác chuẩn bị, động viên các đơn vị. Hậu cần tổ chức việc chuẩn hàng và chuẩn bị cơ sở vật chất cho từng đội tàu .. Công việc nhộn nhịp và bề bộn như sắp bước vào một chiến dịch.

.. Chuyến đi mở đường của giai đoạn mới này, do thuyền trưởng Nguyễn Văn Cứng và chính trị viên Trần Ấn phụ trách, vào bến Vàm Lũng (Cà Mau) ngày 23-10-1965. Thắng lợi mới ấy hết sức quan trọng, nó chứng minh rằng : nhận định của Thường vụ Đảng ủy Hải quân là chính xác và khôi phục niềm tin trong các thủy thủ. Nhưng chuyến đi ấy chưa đủ sức thuyết phục về phương pháp đi bằng hải thiên văn.

Thủ trưởng đoàn 125 quyết định lựa chọn cán bộ thuyền đi thí điểm một chuyến tiếp theo, để có thể rút ra kết luận vững chắc hơn. Nguyễn Ngọc Ấn – người thuyền trưởng giỏi về hàng hải, cứng sòng và dũng cảm đã được lựa chọn, đảm nhiệm chuyến đi đó.

Nguyễn Ngọc Ẩn đã cùng đội thuyền của mình đưa được mười chuyến vũ khí vào bến an toàn. Ngay trong lớp học bổ túc hàng hải thiên văn cấp tốc do Bộ tư lệnh Hải quân mở, anh là một học viên có quyết tâm học tập rất cao. Học hành mà vất vả đâu có kém một chuyến đi khơi xa. Thời gian vùn vện chỉ có mười ngày, nhưng đòi hỏi mỗi học viên phải tính toán thông thạo. Thật khó có thể “ăn tươi nuốt sống” những kiến thức khá trừu tượng ấy trong thời gian ngắn ngủi như vậy. Anh em cả lớp hock, ai cũng mê mải, quên ăn quên ngủ, có ngày học tới 16 giờ để nắm được bài giảng. Riêng Ẩn, cứ hết giờ lên lớp, anh lại tìm chỗ yên tĩnh để nghiền ngẫm lại bài học. Anh thường “khoan sâu” vào kiến thức bằng hàng loạt câu hỏi .. “thế nào?”, “tại sao?” để tự mình giải đáp, còn điều gì bí ẩn thì hỏi giáo viên. Đôi khi câu hỏi của anh vượt cả thời gian cho phép, giáo viên đã phải nhắc “anh hãy công nhận như thế đã, còn tại sao thì không đủ thời gian để giải đáp”. Tuy vậy, sự suy nghĩ không chịu xuôi chiều đã giúp Ẩn hiểu sâu bài giảng hơn.

Trong thời gian học căng thẳng, sức khỏe của Ẩn giảm sút, bệnh đau dạ dày nặng thêm, buộc anh phải vào bệnh viện. Trong balô của Ẩn đã giấu quyển vở ghi bài ở lớp học và một bản đồ thiên văn. Cứ sau giờ khám bệnh, làm thuốc xong, anh lại ôn bài. Những ngày học giấu giếm các thầy thuốc, anh hiểu ra nhiều điều mà khi ở lớp vẫn còn trong dấu hỏi. Anh vững tin hơn ở kiến thức mới sẽ giúp anh chuyển đi sắp tới kết quả.

Nghịệm trong đời mình : lòng tin và đức tính kiên trì phấn đấu đã giúp anh vượt tới hoàn thành mọi nhiệm vụ của cách mạng giao cho. Là một đứa trẻ mồ côi mẹ, bố đi hoạt động cách mạng, đã giao lại cho bà cô nghèo nuôi; đến năm 16 tuổi, Ẩn đã phải vào làm công nhân ở xưởng Ba Sơn để kiếm sống. Từ lâu anh đã ước ao theo con đường và sự nghiệp của cha mình, nhưng sống giữa vùng địch, không có người dẫn dắt.

Những ngày làm thợ (1947), Ẩn được anh Ph công nhân lớn tuổi rất yêu mến. Trong lúc tâm sự, Ẩn được biết Ph vốn là du kích ở Tân An, vì đời sống khó khăn đã bỏ nhiệm vụ, tới Sài Gòn làm ăn. Nghe Ph thì thầm kể lại chuyện sinh hoạt và chiến đấu của du kích, Ẩn càng nóng lòng muốn thoát khỏi cái công binh xưởng của giặc Pháp. Nhiều lần anh vận động anh Ph trở lại với đội du kích. Lúc đầu anh Ph ngần ngại, cuối cùng, do nhiệt tình của Ẩn đã thôi thúc đã thôi thúc Ph phải nghĩ lại.

Hai anh em đã trốn ra khỏi xưởng Ba Sơn, trở về vùng giải phóng.

Vừa ở vùng địch ra, đã bị công an bắt giam hơn 3 tháng, vì không có chứng thực cho các anh là người lương thiện. Khi công an xác minh là người tốt, được trả tự do, Ấn tình nguyện nhập vào đội du kích xã Tân An. Từ ngày đó, mặc dầu phải làm thư, làm mướn vất vả nhưng anh vẫn say mê với nhiệm vụ chiến đấu. Một lần, Ấn được trao nhiệm vụ dẫn đường cho bộ đội chủ lực, anh đã năn nỉ với người chỉ huy xin nhập ngũ. Trở thành chiến sĩ bộ đội chủ lực, anh đã chiến đấu trên khắp chiến trường miền Đông Nam Bộ cho tới ngày ra tập kết ở miền Bắc.

Năm 1961, anh được chuyển về Hải quân. Do tinh thần trách nhiệm, ham học hỏi, Ấn đã trở thành một thuyền trưởng đáng tin cậy.

.. Năm ở bệnh viện, những đêm nào da dầy bắt đầu, Ấn lại trốn khỏi giường bệnh để tập bài thiên văn.

Một lần, vào một đêm trời đầy trăng sao, Ấn lặng lẽ ra giữa cánh đồng, trải bản đồ Thiên văn ra trước mặt, rồi ngắm nhìn bầu trời một lượt. Anh dừng mắt ở cụm sao Thần Nông rồi chuyển sang nhận diện chùm sao Phi Mã .. Anh say mê ngắm những chấm sáng li ti trên bầu trời rồi lại rọi đèn soi vào bản đồ sao, cứ thế quên cả thời gian.

Khi trở về, trời quá khuya, gặp chị y sĩ trực đi kiểm tra nơi ngủ của bệnh nhân, chị y sĩ tỏ thái độ nghiêm khắc, nói :

-Chúng tôi yêu cầu anh giữ kỷ luật bệnh viện. Anh bỏ đi chơi khuya như vậy, điều trị còn có ý nghĩa gì nữa.

Ấn đứng lặng, như một cậu học trò bị cô giáo quở trách không biết thanh minh làm sao cho chị y sĩ hiểu ý nghĩa công việc mình vừa làm.

.. Mọi việc chuẩn bị cho chuyến đi đã xong, thuyền trưởng Ấn ra đứng ở mũi tàu, ngược nhìn lên vòm trời. Những vạt mây tầng tầng lớp lớp màu xám đang di động. Gió mùa đông bắc có triệu chứng tăng dần. Vùng biển đã vắng cánh chim hải âu, có lẽ loài chim này cũng biết tránh những cơn gió rét.

Ấn quan tâm nhiều đến thời tiết, anh ít để ý tới sóng lớn tăng dần, vì đó là điều kiện từ lâu đoàn 125 đã chấp nhận, nhưng những đám mây kia sẽ che mất “cặp mắt” của người bạn dẫn đường.

Ấn thấy lạnh, anh vào buồng ngủ tìm thêm áo ấm thì nghe tiếng hỏi :

-Tìm gì thế ?

Ấn không ngoảnh lại. Anh vừa xếp lại quần áo vừa than phiền :

-Quái lạ ! Cái áo len ban chiều của mình đi lao động bỏ vào đây mà tìm không ra, hay là mình bỏ quên ở chỗ nào.

-Khỏi phải tìm, lấy áo của tôi mà mặc.

Lúc đó Ấn mới biết người đang nói chuyện với mình là đoàn trưởng Hồng Phước. Ấn quay lại, đứng nghiêm :.

Thấy anh Hồng Phước đang cởi áo len, Ấn giữ lại và từ chối :

-Sức anh yếu, đi về cảm lạnh mất.

-Không sao. Ở nhà mình mặc thế nào cũng xong.

Nghe tiếng nói của Thiếu tướng Tạ Xuân Thu ở ngoài buồng lái, hai anh em trở ra.

Các thủy thủ đứng xúm quanh Thiếu tướng Chính ủy Hải quân.

Chính ủy đang căn dặn về mục đích, yêu cầu của chuyến đi và nhấn mạnh việc giữ gìn khí tiết khi bị địch bắt, rồi tặng anh em cuốn “Bất khuất” của đ/c Nguyễn Đức Thuận. Rõ ràng cấp trên đã nghĩ nhiều tới khả năng chiến đấu trên biển và tình huống xấu nhất phải phá tàu.

Từ những ngày chuẩn bị của chuyến đi, anh em thủy thủ tàu 69 đã chuẩn bị tư tưởng khá kỹ, nhưng đứng trước tình cảm của các cán bộ lãnh đạo quân chủng và đoàn vừa bộc lộ làm cho Ấn bồi hồi xúc động.

Khi các vị khách đã rời khỏi tàu, Ấn trở lại buồng tìm áo len. Nhìn thấy chiếc áo len của đoàn trưởng Hồng Phước đặt gọn nhẹ trên mặt bàn, Ấn lầm bầm “Khổ quá. Anh ấy có một cái áo len.. rét thế này ..”.

Ngoài trời, gió bắc rú lên từng hồi. Khí lạnh thấm vào người, Ấn bỗng rùng

mình. Anh vội vàng mặc cái áo len của đoàn trưởng để lại, rồi trở ra đứng cạnh chiến sĩ hàng hải và hạ lệnh nhổ neo.

Hoàng Thanh Loan, chiến sĩ hàng hải, gạt tay chuông. Tiếng chuông rền trong khoang máy,. Ngay sau đó, tiếng cuộn xích neo kêu cót két; máy rung runh, con tàu rời bến lao vào bóng đêm.

Mọi chuyến đi trước đây trên đoạn đường qua vịnh Bắc bộ, Ân được rảnh rang nghỉ ngơi, chuyến này khác hẳn. Ngay từ lúc tàu đi được vài chục hải lý, anh đã cầm máy đo thiên văn, chuẩn bị đoán những vì sao dẫn đường. Liệu những “bạn bè” quen thuộc ấy có hé mắt nhìn nhau đêm nay không ? Anh tựa lưng vào hàng lan can, hai tay giữ ống kính đặt trên ngực, mắt chăm chăm nhìn về hướng bắc. Mỗi lần vết rạn nứt của tầng mây đen hé ra một vệt sáng mờ mờ cũng làm anh hồi hộp hy vọng. Nhớ lại những đêm trời trong, chỉ cần hướng mắt về phương Bắc là có thể nhìn thấy ngay chùm sao có hình con gấu có cái đuôi dài. Nhưng bây giờ những vệt sáng vừa hiện ra, lại bị những tầng mây khác đè lên. Mãi tới gần sáng, chùm Đại Hùng Tinh mới lóe ra giây lát. Anh vội vàng đưa ống kính lên, nhưng chỉ chụp được sao Anpha. Thế cũng được ! Anh tự an ủi. Ngay lúc đó, nỗi lo khác lại hiện ra. Ngày mai không bắt được ánh mặt trời thì tính sao đây.

Ân vào buồng lái. Mùi tanh nồng xộc lên mũi, thứ mùi vị anh thường gặp khi sóng lớn. Nhìn thuyền phó Võ Dáng đang ghi nhật ký tàu, thỉnh thoảng lại cúi đầu xuống cái chậu, cậu Loan vừa lái tàu vừa lấy tay áo quệt nhớt rãi ứa ra miệng, Ân biết anh em yếu sóng lúc này đang phải chịu cực hình. Anh cố tìm chỗ khô ráo trong buồng lái để ngả lưng một chút.

Tiếng sóng va vào mạn tàu, quện trong tiếng ồn áo của biển cả. Âm thanh quen thuộc ấy khơi gợi sự suy nghĩ của thuyền trưởng tới đoạn đường có nhiều thử thách, anh không chớp mắt nổi.

Sớm nay, tàu 69 đã đi ngang đảo Hoàng Sa. Từ đây trở đi là khu vực địch hoạt động mạnh. Anh em đã được phổ biến tình hình ấy từ ở nhà. Nhiều người không phải phiên trực cũng đứng lên trên đài quan sát, hoặc thỉnh thoảng lại chạy tới ngó vào buồng hàng hải một lát, chừng như chỉ để nhìn thuyền trưởng một chút cho lòng dạ đỡ bồn chồn. Chưa bao giờ họ đi trên con đường lạ lẫm như thế này. Bốn năm ngày lên đèn chỉ thấy trời với nước, không có bóng dáng một hòn đảo nhỏ, một con thuyền. Liệu đi bằng phương pháp thiên văn có vào được bến không ? Họ gửi gắm vào việc đo mặt trời, đo sao , loại việc chỉ có thuyền trưởng, thuyền phó biết.

Qua ánh mắt, cử chỉ của anh em, thuyền trưởng Ân biết họ đang chờ đợi mình. Anh rất mừng, việc đo thiên thể mấy ngày qua đã tiến hành được thuận lợi.

Ấn vừa ngồi vào bàn, định ghi nhật ký hành trình, đã nghe tiếng của báo vụ trưởng Đoàn Văn Biết từ trên đài quan sát báo cáo :

-Có tàu, chưa rõ loại, đi ngược chiều, mạn trái 30 độ.

-Màu gì ?

-Trắng.

Ấn hạ lệnh đề lái phải 15 độ.

Chiếc tàu loại lớn sơn trắng toát, như từ dưới nước vừa mọc lên khỏi đường chân trời, mỗi lúc một lớn dần.

Ấn hạ ống nhòm xuống rồi thở dài nhẹ nhõm :

-Tàu buôn,

Từ lúc gặp chiếc tàu buôn, khoảng 9 giờ tới 14 giờ, tình huống diễn ra liên tục, lúc gặp tàu buôn đi ngược chiều, lúc khu trục hạm địch đi cắt phía sau. Báo động và báo động làm cho cả đơn vị mệt nhoài.

Khi vắng bóng tàu thuyền trong khu vực tàu 69 đang đi, Ấn xuống buồng hàng hải ghi nhật ký. Tàu lắc mạnh làm cho dòng viết của anh nguệch ngoạc :

“- 8 giờ ngày 6-11, sóng cấp 6. Gió tạt mạn phải 15 độ. Tốc độ tàu 10 hải lý/giờ.

-9 giờ, một tàu buôn đi mạn trái 30 độ, ngược chiều tàu ta. Sau 20 phút lại có một tàu buôn khác, ngược chiều trùng hướng. Ta đề lái phải 15 độ để tránh. 9 giờ 30 phút , tàu ta trở lại hướng cũ.

- 10 giờ một máy bay vận tải từ hướng Philippin tới, độ cao 3.000 mét, qua mạn phải.

- ... “.

Viết xong, Ấn cất bút vào ngăn kéo rồi đi về phía mặt khoang. Những thủy thủ trẻ ngồi xúm quanh Nguyễn Văn Bé – anh chàng thợ máy có dáng người

như quả chuối mắn với biệt danh “Bé lùn”, “cây” vui nhộn của đội tàu.

Câu chuyện gì đó Bé vừa kể làm cho anh em cười như nắc nẻ. Ẩn đến đúng lúc Bé lùn mở đầu câu chuyện khác :

-Năm ngoái, ở đoàn ta có một thuyền trưởng bị ngồi tù vì buôn lậu ..

Ngoảnh sang bên cạnh thấy thuyền trưởng, tự nhiên Bé cười rũ rượi :

-Chính ông này – Bé chỉ vào Ẩn – để ông nói bọn bay nghe,

-Mày cũng lại bôi bác ..

Ẩn phá lên cười vì một giai thoại do thuyền trưởng Phước lém lỉnh dựng lên.

Hồi ấy, các đội thuyền 125 còn ở Hải Phòng, mỗi khi rảnh việc, một số cán bộ thuyền trưởng ra nhà chính trị viên Đức chơi. Một lần đúng vào thời kỳ Ẩn bận rộn vào những chuyến đi liên tục, mấy tháng không ra nhà Đức, chị Tr (vợ Đức) hỏi “ Lâu lắm không thấy anh Ẩn tới ?”. Thuyền trưởng Phước tình khô trả lời “ Tội nghiệp nó. Nó ngồi tù cả tháng rồi mà chị không hay ư ?”. “Trời ! Sao anh ấy lại ngồi tù ?”. “Buôn thuốc phiện lậu chứ sao ?”. “Rõ tội nghiệp chưa. Ai có thể ngờ được người hiền khô như thế mà dám làm vậy ?”. Chị Tr đinh ninh là Ẩn bị tù thật. Khoảng tháng sau, Ẩn cùng vài anh em đến nhà Đức, vừa tới cửa, chị Tr đã trách Ẩn :” Anh có túng thiếu thì nhờ bạn bè giúp, việc chi mà phải đi buôn lậu ..”. Chị Tr chưa kịp nói hết câu, anh em đã cười ầm lên.

.. Những câu chuyện vui đã tiêu bớt nỗi lo lắng đang diễn ra trên đường dài.

Chập tối hôm đó, tàu đến điểm chuyển hướng. Đoạn đường từ lúc tàu chuyển hướng không khác giai đoạn vượt cửa mở của trận đánh đồn. Ngay từ lúc chuyển hướng, tất cả thủy thủ đã vào vị trí sẵn sàng chiến đấu. Các thủy thủ đều chăm chú theo dõi những hiện tượng trước mắt.

Miên – thủy thủ kỳ cựu, nằm bên cạnh chiến sĩ trẻ Cao Sĩ Thập, từ nãy đến giờ vẫn tâm sự với nhau.

Miên nói :

-Chuyến đi ấy bị mắc cạn ở cửa Vàm Lán Cháo. Đây là vùng quê mình. Tuy đã xa gia đình 10 năm rồi, nhớ lắm, nhưng mình biết khó có điều kiện để gặp dù chỉ là một người thân

Miên ngừng lại, khi thoáng thấy một đốm sáng sao, rồi lại chậm rãi kể tiếp :

-Cậu biết rồi đó. Công việc của mình phải hết sức bí mật, dù gặp người thân thiết nhất cũng phải né tránh, sợ gặp rồi làm lộ bí mật thì hỏng việc lớn. Mình và bác Đấu được cử lên bờ liên lạc với cán bộ địa phương vận động nhân dân cho mượn lưới để ngụy trang tàu. Vừa ở lối rẽ ra mình thấy ba mình đi ngược chiều. Trong bụng dạ mình cứ rối lên, vui mừng xen lẫn với lo lắng. Ba còn sống, mạnh khỏe thì mừng quá sá, nhưng gặp bây giờ ông cụ mà nhận ra thì lộ con tàu của mình vừa ở miền Bắc vào. Mình tự nhiên nảy ra cái hy vọng kỳ quặc : đi xa lâu rồi chắc ông không nhận ra mình. Ngay lúc đó, ba mình kêu “Thằng Miên đô bao giờ con ?” rồi ông giang rộng cánh tay như định ôm lấy mình. Mình chẳng còn hiểu lúc đó mình suy nghĩ ra sao, mình đã không kêu “Ba” một cách vui mừng, mà mình đã nói một câu lạnh lùng “Có lẽ bác lầm”. Mình đã nói với ba mình như vậy, có tội không. Khi mình lặng lẽ đi qua mặt ông già, ông già mặt tái ngắt, tay bỏ thông run run, rồi ba mình nói từng tiếng rời rạc “mày .. mày đúng là thằng Miên, mày vô nhân .. bạc nghĩa .. đi chừng ấy năm đã quên công cha mày. Mày .. là .. đồ .. bỏ”. Lúc đó tai mình cứ ù lên không còn nghe rõ ông già nói gì nữa và nước mắt mình cứ tuôn ra.

Gần một năm sau, nhân vào bến gần nhà, mình được cấp trên cho phép về thăm nhà. Trông thấy mình bước vào ngõ, ba mình té ra ngắt xiu. Khi tỉnh dậy, ông nhìn mình bằng con mắt giận dữ. Ông nói “Mày không phải là con tao, còn về cái đất này làm chi nữa ..”. Cực quá, không biết nói sao cho ông già thông cảm, nhiệm vụ của mình phải giữ bí mật như thế ..

Tiếng chuông báo động cắt ngang câu chuyện của Miên. Mọi người im lặng. Tiếng máy tàu nghe vang dội lạ thường. Thuyền trưởng đi một vòng kiểm tra các vị trí và nhắc nhở mọi người chú ý quan sát.

Miên nhìn thấy phía sau mạn phải tàu của mình có chiếc tàu lớn chắc là tàu buôn có nhiều đèn điện sáng lấp lánh. Lát sau thấy phía mạn trái có ba đốm sáng cách đều đang di động. Anh định báo cáo đã thấy tiếng thuyền trưởng nói to :

-Chú ý có tàu địch.

Tàu 69 chạy tốc độ lớn nhất, cố chạy song song bên mạn tàu buôn, để tránh quan sát tàu địch.

Những chấm sáng trên tàu địch lùi dần vào bóng đêm.

Tàu 69 đã rời khỏi tuyến đường của chiếc tàu buôn rồi tắt hết đèn chuyên hướng vào Cà Mau.

Thuyền trưởng Ân vừa bàn bạc với chính trị viên Huyền cách xử trí tình huống có thể gặp trong đoạn đường tới, tự nhiên trong óc anh duyệt lại từng thủy thủ trẻ mới bổ sung cho đội, xem có điều gì phải giúp đỡ họ khi chiến đấu xảy ra.

Trước khi đi chuyển này, Ân biết có đội tàu không muốn nhận “lính nghĩa vụ”, họ không tin anh em trẻ có thể hoàn thành nhiệm vụ. Đến đây đã có ít nhiều thực tế để kiểm tra điều đó. Chiến sĩ hàng hải Hoàng Thanh Loan chuyển đầu say sóng năm liệt, chuyển này cậu ấy lại tình nguyện xin đi, và bằng hành động, Loan đã chiếm được sự tin cậy của đội, mặc dầu bị say sóng nhưng vẫn làm tốt những phiên trực của mình. Thủy thủ Cao Sĩ Thập trẻ tuổi nhất đội, chịu sóng gió, việc gì cũng lặn vào và làm tốt không kém gì các thủy thủ lão luyện .. Kiểm lại toàn đội, Ân vững lòng tin, nếu gặp tình huống phức tạp, anh em có thể khắc phục được,

Mặt biển vẫn vắng lạnh. Những lớp sóng gợn lên vệt sáng vòng vèo mờ ảo quanh thân tàu. Hy vọng tàu sẽ vào bến an toàn đang bùng lên trong anh em, Họ đang căng mắt hướng về phía bờ, bỗng một đốm sáng xuất hiện trên bầu trời.

Hồi chuông báo đông vừa dứt, máy bay địch đã tới. Nó dùng đèn pha chiếu thẳng vào tàu 69. Ánh sáng hồ quang của đèn pha làm cho một mảng sáng xuất hiện lên xanh lét. Ánh sáng tiếp tục quay vòng xung quanh tàu 69. Ân suy nghĩ căng thẳng. Nó sẽ làm gì tiếp nữa. Nó sẽ gọi tàu chiến đấu, hay chúng nó đã phục sẵn ở đâu đó ! Phải làm gì ?

Ânh gọi đồng chí bào vụ tới, đọc điện báo cáo gấp về sở chỉ huy “Báo cáo, chúng tôi đang bị máy bay địch bám “.

Máy bay địch mở rộng vòng lượn rồi biến mất. Lát sau nó tới thả một dãy pháo sáng thẳng hướng Hòn Khoai. Màu sơn trắng của con tàu 69 lộ ra trên mặt biển đen thẫm, không còn chi tiết nào giấu giếm được.

Tàu 69 vẫn chạy theo hướng dãy pháo sáng như có ý để cho máy bay địch nhìn thấy mình. Đúng lúc máy bay địch vòng ra xa, nó lập tức chạy ngoặt vào phía bờ.

Khoảng 10 phút sau, máy bay địch tiếp tục thả một vệt pháo sáng nữa theo hướng cũ. Rõ ràng chúng mắc mưu thuyền trưởng Ấn.

Máy tàu rung mạnh như con ngựa chạy hết sức mình, nó chồm lên từng đợt sóng. Mặc dầu chưa nhìn rõ rừng dừa hương vị thoang thoảng của nó đã đến với cảm giác của các thủy thủ. Họ khấp khởi mừng thầm : sắp qua được đoạn đường nguy hiểm.

Máy bay địch mất hút mục tiêu, nó vội vã tuôn pháo sáng rộng ra xung quanh có ý tìm kiếm. Một lần nữa, màu trắng lấp của tàu 69 lại lồ lộ ra trên cái “phông” đen thẫm của mặt biển.

Bé nhận lệnh của thuyền trưởng : tháo cầu chì, mở hết công suất. Tàu chạy rất nhanh theo ven bờ về phía Rạch Gốc. Trong đầu thuyền trưởng hiện ra những hình ảnh ngăn ngủi như những ánh chớp “Tàu địch phục kích xuất hiện”, “máy bay địch thả bom”, “Tàu ta không gặp anh em bến “ ..

-Cửa Vàm !

-Cửa Vàm đây rồi !

Tiếng của Biết và tiếng của ai đó nữa hét to. Thuyền trưởng Ấn gạt tay chuông hạ lệnh ngừng lại.

Tàu chạy chậm chậm rẽ vào cửa Vàm. Những ánh chớp màu gạch phát ra từ chiếc tam bản, cách mũi tàu không xa. Thuyền trưởng nhận được đó là tín hiệu của bến. Anh gọi to :

-Các đồng chí ơi ! Thôi .. thôi đừng bật lửa nữa. Chng tôi thấy rồi.

Nghe thấy đã liên lạc được với bến giống như được uống một liều thuốc an

thần hiệu nghiệm, hệ thống thần kinh của mọi người đang căng thẳng bỗng trở lại dễ chịu. Tiếng cười, tiếng nói lại vọng lên khắp các vị trí trên tàu.

Tàu 69 rẽ vào cái rạch nhỏ kín đáo. Nghe tiếng nổ “bụp bụp” tiếp đó là một chùm ánh sáng đu đưa ở trên không, thuyền trưởng Ân nói vui :

- Giôn xơn tử tế quá, soi đèn cho chúng mình vào tận bến.

Chương bảy

NHỮNG TÌNH HUỐNG CĂNG THẲNG

Giống như đường mòn Trường Sơn, ban đầu có trục đường đi qua làng Ho, qua sông Sê-băng-hiêng, qua Bản Đông đi tới A Sầu .. nhưng rồi bị địch đánh phá ác liệt, nhiều đoạn đường trục không còn là một tuyến đường mà để ra nhiều đường vòng tránh; “Đường mòn trên biển” thời kỳ này cũng gặp nhiều trọng điểm phải vòng tránh, do đó tuyến đường phụ đội khi phải kéo dài tới gần HongKong hoặc sát tới Ấn Độ Dương.

Người ngoài cuộc khó có thể hình dung nổi, mỗi chuyến đi của con tàu vận tải nhỏ bé sẽ gặp những rắc rối gì trên con đường ngàn dặm đó.

Hạm đội 7 của Mỹ được xác định nhiệm vụ chiến lược : đối phó với Hạm đội Viễn Đông của Hải quân Liên Xô và Hải quân Trung Quốc. Phạm vi hoạt động của nó trải rộng khoảng 300 triệu hải lý vuông, kể từ eo biển Bê-ring (đồng Liên Xô) tới Nam Cực; phía đông tới đảo Gu-am; tây tới vùng Ấn Độ Dương. Nhưng thời gian này (sau năm 1965), chúng tập trung lực lượng chủ yếu vào vùng Đông Nam Á và dồn vào vùng biển Việt Nam tới 40% lực lượng với nhiệm vụ chiến lược số một là “ngăn chặn sự xâm nhập” từ miền Bắc vào miền Nam, thực chất là ngăn chặn tuyến vận tải của đoàn 125.

Lực lượng so sánh trên biển giữa ta và địch quá chênh lệch, gần nửa hạm đội 7 cộng với lực lượng hải quân ngụy chẳng ra, chưa kể không quân, để đối

phó với một hai chiếc tàu vận tải có lượng giãn nước một trăm tấn. Nếu như đội tàu vận tải của ta khéo léo, dùng cảm lườn lách vượt qua được cái hàng rào dày đặc đó, vào tới bến an toàn; hoặc chạm trán buộc phải chiến đấu mà giành được thắng lợi, thì quả là không có tính từ nào xứng đáng để ca ngợi chiến công của nó.

Thật vậy, với lực lượng địch đông và mạnh như thế, không thể không có sự lo ngại ám ảnh trong tư tưởng cán bộ và thủy thủ đoàn 125. Tuy vậy từ sau vụ Vũng Rô đến năm 1966 đã có 8 chuyến đi, chỉ có một chuyến phải quay về vì địch chặn đường, còn lại đã vào bến an toàn. Nhưng tính chất các liệt khó khăn ngày càng tăng, nên mỗi chuyến đi, từ lúc rời bến tới lúc trở về, không chỉ những người đi chịu đựng căng thẳng, mà cả người ở nhà cũng chia sẻ.

.. Đạo này đoàn trưởng Đoàn Hồng Phước ốm yếu luôn. Ngoài bệnh đau dạ dày, anh còn mắc nhiều thứ bệnh khác, do chín năm kháng chiến gian khổ để lại. Mỗi lần kiểm tra sức khỏe, bác sĩ lại ghi vào sổ khám bệnh “ .. Cần được an dưỡng hồi sức” .. Cấp trên khuyên “đi an dưỡng”, bạn đồng cấp khuyên “nên nghỉ ngơi cho lại sức”, anh chỉ cười xòa “ Cán bộ kháng chiến ai chẳng có vài ba bệnh mãn tính, nghỉ cũng chẳng khỏi, làm việc nó quên đi ..”.

Trung tá Vũ Huy Phúc biết rất rõ đặc tính người bạn cũ của mình. Từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp đến nay, Hồng Phước vẫn như thế. Lòng hăng hái với nhiệm vụ cách mạng của anh lúc nào cũng sôi nổi, trẻ trung, không biết mệt mỏi, chỉ khi nào bệnh tật làm anh không nhắc nổi cái đầu, mới chịu nằm một chỗ.

Mức độ ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại do giặc Mỹ gây ra ngày càng tăng. Các loại phương tiện của hải quân là một mục tiêu chúng tìm kiếm đánh phá. Để tránh thiệt hại, đoàn 125 phải phân tán tàu thuyền trên một vùng biển khá rộng. Giữa lúc gặp khó khăn tring nhiệm vụ vận tải, lại ở phân tán, khó tránh khỏi những diễn biến tư tưởng phức tạp, nếu thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ. Thời gian này, các thủ trưởng của đoàn hầu như không có ngày nghỉ và chẳng mấy đêm được ngủ trọn 8 tiếng đồng hồ. Họ phải thay phiên nhau đi kiểm tra , giáo dục bộ đội.

Hôm ấy đoàn trưởng Hồng Phước đi kiểm tra công tác chuẩn bị của tàu 100, sớm tối mới về. Anh không về phòng riêng mà đi thẳng tới sở chỉ huy.

Chính ủy Phúc và phó đoàn trưởng Huỳnh Công Đạo đang đứng trước bức hải đồ khổ lớn treo trên tường, trao đổi với nhau về tình hình đang diễn ra trong chuyến đi của tàu 69.

Thấy đoàn trưởng Phước đến, đồng chí Phúc nói :

-Anh về nghỉ đi, tôi với anh Đạo trực, có gì đặc biệt tôi sẽ gọi.

-Đêm nay khó có thể ngủ được. Về cũng thế thôi ! Anh em đã báo cáo gì chưa ?

-Có ! Hồi 8 giờ, máy bay địch vòng sát tàu ta hai vòng ở gần hòn Ngự.

Mắt đoàn trưởng dăm chiêu nhìn theo đầu cái que đang xê dịch trên hải đồ. Anh trầm ngâm :

-Tình hình ấy nhất định sẽ có tàu địch tới bám.

-Tôi đã nhắc anh em cảnh giác quan sát tàu khu trục.

Đoàn phó mắt vẫn không rời khỏi hải đồ, tưởng như anh nhìn thấy tàu 69 đang di động trên cái khoảng màu xanh lơ ấy.

Đoàn trưởng ngồi xuống chiếc ghế tựa, lấy thuốc hút, mắt anh đuổi theo làn khói mỏng manh bay lượn.

Tiếng chuông điện thoại trong phòng chỉ huy chốc chốc lại vang lên. Điện từ Bộ tư lệnh, từ Cục tác chiến hoặc từ phòng quân báo tới. Thông thường mỗi lần con tàu của đoàn 125 đi vào vùng trọng điểm, những người chỉ huy có liên quan tới việc vận tải biển ít ai được ngủ tròn giấc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng lo lắng và nhắc Cục phó Cục tác chiến Phan Hàm “Có tình huống cần, bất kỳ lúc nào cũng có thể đến báo cho tôi biết”.

Đêm nau tàu 69 đang đi ngang quần đảo Hoàng Sa, cái rốn của các trận bão và cũng là nơi hạm đội 7 Mỹ thường rình mò. Từ đoạn đường này trở đi, ở sở chỉ huy đoàn 125 ai cũng có tâm trạng bồn chồn mong đợi, muốn biết thật nhiều tin tức diễn ra đối với con tàu của mình.

Nhưng hàng giờ và có khi hàng ngày họ mới nhận được một bức điện cộc lốc

“Máy bay địch đang lượn trên đầu tôi”, “Một khu trục hạm đang bám tôi “ .. Không thể hỏi nhiều và càng không thể đàm thoại qua không gian một cách tùy tiện, vì như vậy có thể lộ bí mật và rối bận anh em. Đôi lúc thật khó xử. Giả sử khi xảy ra chiến đấu, anh em cần có sự chỉ huy (ở nhà) mà sở chỉ huy chỉ ném vào được lời khuyên chung chung “bình tĩnh xử trí” hoặc “cho quay trở về” .. rất có thể bức điện đó chưa kịp giải mã, thuyền trưởng đã phải hạ lệnh phá hủy con tàu rồi.

Trong sở chỉ huy, từ chập tối đến giờ đã gần nửa đêm mới nhận được một lần báo cáo của đội tàu 69. Bỗng có tiếng chuông điện thoại reo. Trợ lý tác chiến nghe điện xong, báo cáo :

-Hồi 21 giờ 35 phút, tàu khu trục địch đuổi theo tàu 69 ở tây nam Hoàng Sa.

Mọi người đều hướng về phía hải đồ như nhìn theo chiếc tàu địch đang đuổi tàu ta trên đó.

Một giờ sau lại nhận được bức điện của tàu 69 “Tàu chiến địch đang đuổi theo tôi. Máy bay địch đang vòng lượn xung quanh tôi”.

Đột nhiên có tiếng bom và tiếng súng cao xạ nổ rền phía Hạ Lý làm cho mọi người giật mình, và thoáng có sự lẩn lộn trong cảm nghĩ : tưởng như trận đánh đang diễn ra trên biển.

Sau đó nửa giờ, sở chỉ huy nhận được bức điện “ Tôi bị máy bay, tàu chiến địch bao vây. Vĩ độ 15 độ 20, kinh độ 113 độ 50”. Nghe xong bức điện, mọi người nhìn nhau lo lắng.

Tàu 69 đang bị địch bao vây ở ngoài khơi xa xôi ấy, có cách gì để cứu anh em. Hạ lệnh cho họ nổ súng, đã đúng lúc chưa ? Hạ lệnh cho anh em phải bình tĩnh khéo léo thoát vây. Thừa. Mọi người im lặng, bồn chồn và bất lực. Hồi lâu đoàn trưởng mới lên tiếng :

-Trên vùng biển quốc tế, nó không dám đánh, dù sao nó cũng còn phải dè dặt trong việc đụng chạm tới công pháp về hàng hải quốc tế. Đường biển quốc tế có nhiều tàu bè qua lại, nếu đánh lầm sẽ chấn động dư luận.

Mọi người thêm ý kiến vào điều đoàn trưởng vừa mới nêu ra. Tuy chưa chỉ ra

được cách giải quyết cụ thể, nhưng không khí trong sở chỉ huy đỡ căng hơn. Lát sau, đoàn trưởng nói với trợ lý tác chiến :

-Báo cho nó quay lại hướng Manila.

Bây giờ chúng ta hãy đi theo đội tàu 69.

Đội tàu 69 có 16 người, gồm 9 đảng viên, còn lại tất cả là đoàn viên. Hầu hết anh em đã dày dạn với sóng gió. Thợ máy Nguyễn Văn Bé, đảng viên, quê ở xã Biển Bạch, huyện An Biên, tỉnh Bạc Liêu, đã đi 12 chuyến. Nguyễn Hữu Phước, đảng viên, quê ở Vĩnh Hóa, huyện Hồng Dân, Bạc Liêu, đã đi 7 chuyến. Tăng Văn Huyền, chính trị viên, bí thư chi bộ, quê xã Tân Thới Bình, huyện Mỏ Cày, Bến Tre, đã đi 6 chuyến. Thủy thủ Nguyễn Ngọc Kiều, đảng viên, quê xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình, đi 6 chuyến. Nguyễn Tiến Hai, thuyền phó, quê xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, đi 5 chuyến. Phan Hải Hồ, báo vụ, đảng viên dự bị, quê ở xã Nam Vân, huyện Nam Trực, Nam Hà đã đi 3 chuyến .. Qua chất lượng của đội tàu 69, chúng ta có thể tin cậy anh em sẽ vượt qua được mọi thử thách khắc nghiệt.

.. Sau mấy ngày đường, tàu 69 đã đi ngang vùng quần đảo Hoàng Sa. Một chiếc máy bay bay rất thấp, nhìn rõ cả chữ “NAVY” sơn trắng dưới bụng. Nó vòng lượn nghiêng ngó mạn phải, mạn trái tàu 69 mấy vòng rồi bay đi. Máy bay vừa khuất sau những đám mây, thuyền phó Hai và Hải Hồ lại tiếp tục tâm tình, Hai hơn Hải Hồ sáu tuổi, nhưng đều là trai chưa vợ. Họ rất thân nhau, mỗi lúc rảnh rỗi là không dứt ra được. Hải Hồ mơ ước sau này hết chiến tranh sẽ tiếp tục theo chương trình đại học và làm nghề viết văn. Hai hy vọng sẽ viết được những chuyện hay mà đời lính hải quân mình đã trải qua.

Hải Hồ hỏi Hai :

-Anh có yêu thơ không ?

-Rất yêu, và say mê là đằng khác. Đôi khi tâm hồn trống trải, thơ là một thứ bù đắp lành mạnh.

-Và yêu biển nữa chứ ?

-Tất nhiên. Vì biển đã cho mình cái mệnh mệnh lãng mạn của tâm hồn, biển cũng nói những điều sâu kín như thơ ấy. Không phải là mơ mộng mà biển đã cho chúng ta nhiều thứ và sẽ còn cho chúng ta. Theo tin tức khoa học thế giới, ở thềm lục địa vùng biển của ta là vùng trũng của dầu mỏ. Có dầu mỏ, chúng ta sẽ có nhiều thứ : Ê-ti-len, A-mô-ni-ắc, Ptô-li-ê-ti-len , VPC , các hợp chất dầu thơm .. đều từ dầu mỏ mà ra. Thu nhập cá biển hàng năm cũng rất lớn. Nước ta có hàng nghìn cây số bờ biển, việc phát triển nghề đánh cá rất thuận lợi. Nếu nước Nhật, 50% nhu cầu đạm động vật đã được cung cấp cho đời sống là nhờ các sản phẩm của biển thì sau này đất nước ta thống nhất, chúng ta cũng có thể làm như vậy.

Thiên nhiên của đại dương cho ta cảm xúc về vẻ đẹp của đất nước, tài nguyên của nó đưa đến cho ta sự giàu có và niềm yêu biển sâu sắc. Có phải thế không ?

-Có lý. Kể từ ngày xa xưa, ông cha ta đã dạy cho con cháu yêu rừng, yêu biển. Câu chuyện cổ tích rừng vàng, biển bạc, chẳng đã nói điều đó ư !

Hải Hồ vừa ngắm những làn sóng đều đều đang xô đuôi nhau vừa kể câu chuyện cổ tích :

-Ngày xưa, sau một trận lụt lớn, người chết hết, chỉ còn lại một người con trai và một người con gái giạt lên núi. Trời cho phép hai người lấy nhau và đẻ ra một đàn con. Vùng núi dần dần trở nên chật chội. Trời thưởng cho hai kho vàng. Một kho ở rừng , một kho ở biển. Bố mẹ cho người anh cả (là người Kinh bây giờ) xuống núi. Người Kinh dần dần biết đánh cá, lấy nước biển khơi làm muối .. Tài nguyên của biển, các cụ ta xưa khai thác còn ít ỏi. Thế hệ của chúng ta, biết kho vàng của biển lớn gấp ngàn lần. Tôi cũng nghĩ như anh, biển đáng yêu và chúng ta đã yêu biển không chỉ vì cái màu sắc huyền ảo của nó. Thú thật với anh lắm khi đi biển gặp lúc nó nổi khùng lên cũng ớn nhưng xa nó ít ngày lại nhớ.

Hải Hồ ngâm nga :

Nếu anh không được về với biển

Thì khác nào máu chẳng chảy về tim

Nếu anh phải sống xa cách biển

Khác nào phải sống xa em.

-Nghe được chứ anh Hai !

-Được đấy. Nhưng mình muốn có những bài thơ nói về những con tàu của chúng ta, mà người đọc ở bất kỳ nơi nào đó cũng hình dung ra được sóng đang gầm thét muốn nuốt phăng con tàu, hoặc lúc con tàu đang lặng lẽ đi trên biển đầy thơ mộng như bây giờ đây, tâm hồn thủy thủ chúng ta thành thơ có thể nô đùa với cá heo ngay sau khi máy bay Mỹ nhòm ngó. Nghĩa là đừng thi vị hóa biển là cái gì mênh mông mơ hồ mà phải gọi được tình cảm người đọc yêu mến người bảo vệ biển, người khai thác biển và yêu cái gì biển đã làm lợi ích cho con người.

Hải Hồ chỉ tay về phía mặt trời đang lặn :

-Anh lý trí nhiều quá. Anh bảo hình ảnh kia không nên thơ à. Thiên nhiên trên biển thật tuyệt vời. Giá có một thứ hóa chất gì cực mạnh, rải một dùm xuống làm cho tuyến đường ta vừa qua đông cứng lại, giữ được cả hình ảnh mặt trời kia nữa trên biển, để sau này mọi người có thể xem con “đường mòn trên biển” đẹp như thế nào.

-Cậu lãng mạn quá đấy !

Hai người cùng cười và ngắm cảnh hoàng hôn trên biển.

Mặt trời như một quả cầu màu lửa đang rơi từ từ xuống sát mép nước. Ánh sáng dịu dần. Những ai chưa đi khơi xa khó có thể tưởng tượng ra được thứ ánh sáng huyền diệu ấy. Màu sắc của trời, của biển lúc này thay đổi từng giây. Đám mây xung quanh mặt trời lung linh như dát vàng, đang bị màu mây ánh bạc bên ngoài choán dần. Nhìn gần, biển giống tấm sa tanh khổng lồ từ màu tím xẫm chuyển sang màu đen mịn màng, càng xa, màu sắc càng kỳ lạ. Từ mặt trời đến mắt người nổi lên một vệt sóng lấp loáng như khảm bằng sà cừ. Vệt sáng đó cứ thu nhỏ dần và bỗng nhiên đứt quãng.

Hải Hồ reo lên :

-Thấy không anh Hai ! Kỳ lạ chưa, giây phút tận cùng của muôn màu sắc.

Từ ban nãy, thuyền trưởng Phước vẫn lắng nghe câu chuyện của đôi bạn trẻ; khi vọng gác cuối tàu báo cáo “có vật khối phía sau 30 độ góc mạn phải !” , lúc này anh mới tham gia câu nói vui :

-Có cả điểm khối ở nơi tận cùng phía sau ta nữa.

Hai và Hồ nhìn về phía sau tàu. Từ vật khối đó đã nhô lên sát gờ cong của chân trời một ánh đèn đỏ.

Hải Hồ cười nói với thuyền trưởng :

- Anh xem, thằng Mỹ là thằng kém văn hóa nhất thế giới, nó phá phách mọi cái đẹp trên đời này. Đến một chút xúi hạnh phúc thiên nhiên ban cho chúng mình nó cũng nhảy xổ vào phá rối.

Trời đêm. Biển như thu hẹp lại, nhưng trong cảm giác của thủy thủ tàu 69, chiều rộng của biển trở thành vô hạn. Có giây phút nào đó, tưởng như trên thế gian chỉ còn lại chiếc tàu con con này với cái chấm sáng đỏ ngẫu quỹ quái kia.

Thuyền trưởng cho chuyển góc lái 30 độ. Vài chục phút sau lại thấy “con quỷ mắt đỏ” ấy vẫn đi theo với góc mạn như cũ. Rõ ràng tàu chiến Mỹ rồi. Không chờ lệnh, anh em thủy thủ đã vào vị trí chiến đấu. Bỗng nhiên từ cái chấm sáng đỏ, bùng lên hàng trăm ngọn đèn, giống như căn nhà ba tầng lầu nổi trên biển vừa bật điện. Ái chà “sói đội lột cừu”. Thằng Mỹ xảo quyệt này giả đèn thắp đèn như tàu buôn. Làm sao mà giấu được tốc độ đang chạy và những khẩu pháo, những cột rada lờm chờm như răng cá sấu kia.

Khoảng cách của chiếc tuần dương hạm CLG Mỹ với tàu 69 rút ngắn dần. Năm hải lý, ba hải lý rồi đi song song cách nhau hơn một hải lý. Thân hình đồ sộ của tuần dương hạm địch gấp hơn trăm lần tàu 69. Nó tạo ra một luồng sóng làm cho tàu 69 lắc lư mạnh.

Tàu Mỹ vượt lên và đi vào tuyến đường tàu 69 đang đi. Nó vờ vịt đi thẳng như chẳng có chuyện gì xảy ra. Thuyền trưởng cho tàu mình trở lại hướng cũ, đi chừng hơn nửa giờ không còn thấy ánh sáng trên tàu địch.

Anh em trở lại sinh hoạt bình thường. Hải Hồ vào buồng lái, thấy thuyền phó Hai đang ghi nhật ký hành trình. Anh đứng im lặng nhìn bạn làm việc. Ánh đèn công tác hắt lên khuôn mặt hơi dài xương xương của Hai, trông anh già hơn tuổi, không còn vẻ trẻ trai như hồi chiều. Viết xong vài dòng nhật ký, Hai quăng bút chì xuống bàn rồi xoay người về phía Hải Hồ. Hai cười nói :

-Thế nào, nhà văn có ghi lại được gì trận chiến đấu không nổ súng sáng vừa qua không ? Có thấy căng không ?

-Khi cái gì mình đã đoán biết trước chắc chắn nó sẽ xảy ra như thế, thì khi xảy ra cũng chẳng có gì nặng nề lắm. Chúng ta đã nói với nhau nhiều lần : nếu cần, sẵn sàng lấy biển khơi làm nấm mồ, nhưng không bao giờ bỏ nhiệm vụ chi viện cho miền Nam. Trên biển, thằng Mỹ khiêu khích căng nhất đến mức dùng súng chọi nhau là cùng. Mà thực ra khi nổ súng cũng không dễ gì đưa nhau xuống mồ.

-Chúng ta đang đi trên đường hàng hải quốc tế, nó có gây gổ ..

Trên đài chỉ huy báo “có máy bay”, Hai dừng câu nói nửa chừng. Hải Hồ bước ra cửa, bám vào hàng lan can, nhìn lên trời. Ánh sáng đỏ từ trên máy bay dội xuống làm cho cả con tàu, mặt biển thành một màu thẫm dữ dội.

Thuyền trưởng Phước nói với chính trị viên Huyền :

-Thằng tuần dương bị mất mục tiêu, thằng máy bay đến phát tín hiệu chỉ điểm, thế nào thằng tuần dương cũng quay lại bám mình.

Phước xuống mặt khoang kiểm tra công tác trực canh ở các vị trí. Vừa bước đến mặt khoang đã nghe phía mạn có tiếng báo cáo “Có đèn tàu”. Qua ánh đèn, Phước đoán tốc độ của tàu kia khoảng 15 hải lý/giờ. Chỉ thằng tuần dương mới có tốc độ ấy. Anh hạ lệnh báo động.

Chuông đổ hồi dứt quãng dồn dập trong khoang máy và buồng ngủ. Mấy thủy thủ đang dở giấc, cúi tiết vừa chửi Giôn-xơn vừa vào vị trí sẵn sàng

chiến đấu.

Lần này tàu chiến Mỹ không giấu mặt, các nòng pháo để trần hướng cả về tàu 69. Đúng bộ mặt của tên cướp biển. Nó hùng hổ chạy vòng quanh tàu 69. Một chiếc tàu khác đón đầu tàu 69 ở góc mạn 25 độ. Máy bay lại bay tới vòng lượn trên đầu. Chúng muốn nuốt và thừa sức nuốt chửng chiếc tàu vận tải cỡ con này, nhưng tại sao chúng chỉ nhe nanh múa vuốt. Nó kèm ta tới gần bờ mới hành động chẳng. Các cán bộ thuyền đang trao đổi cách xử trí thì nhận được điện của sở chỉ huy “Quay lại hướng Manila”.

Chờ chiếc tàu địch vòng ra xa, thuyền trưởng Phước cho tàu mình ngoặt về phía sau.

Mấy chiếc tàu địch đi tiếp hướng cũ, chúng không ngờ tàu ta đã chuyển hướng.

Ánh đèn trên những chiếc tàu tuần dương chìm dần vào bóng đêm.

Đã qua 7 ngày đêm trên biển. Hầu như ngày đêm nào cũng có vài lần tàu chiến, máy bay địch do thám.

Sớm nay vừa bảnh mắt ra đã thấy một ngọn khói trắng từ mép nước bay lên, tàu 69 vẫn tiếp tục đi về phía HongKong. Anh em ta ai làm việc nấy, người lái tàu, người nấu cơm, số đông còn lại làm vệ sinh trên mặt boong và phơi lưới, giống như một chiếc tàu đánh cá đang trên đường về.

Thủy thủ trưởng Dĩ loi ở đám giẻ lau một cái áo va-rơ màu vàng, khoác lên người và chụp lên đầu cái mũ phớt “phở” chùm gáy, râu ria xồm xoàm với bộ quần áo loang lỗ đầu mỡ .. Cứ nhìn nhau “đóng kịch” trên mặt boong lúc này cũng tức cười.

Vừa làm việc, Bé “lùn” vừa kể đủ mọi thứ chuyện “cổ tích” của đơn vị . Nào chuyện ông Nguyễn già, thuyền trưởng bậc thầy về hàng hải của đoàn, một chuyến đi vào cái bến X hiểm hóc quá, tàu mắc cạn, đã phải phá tàu. Sau chuyến đi căng thẳng đó, ông đã bị đứt mạch máu não, được chữa chạy thoát chết, nhưng liệt một chân, phải bỏ nghề .

Khi Bé nói đến ông già Sang, thợ máy chuyên “ăn cắp” phụ tùng. Mấy cậu thủy thủ trẻ đứng thộn ra nghe, Bé lòn quát :

-Nói chuyện vui để bọn bay làm, chứ đừng như phỗng thế ư ?

Mọi người cười ồ lên và Bé lại tiếp tục kể :

-Ở đơn vị này mấy anh già kho sợ nhất ông Ba Sang. Ông ấy vào kho linh phụ tùng máy thì thế nào cũng kèo nèo thứ này thứ kia; thủ kho không phát ông cũng nhặt cho vào túi. Một lần thuyền trưởng Ba Râu nói đùa ông già trước mặt thủ kho “Anh Quang chú ý, khi anh Ba đã mặc áo mưa đi vào kho là phải coi chừng”. Ông Ba Sang xạc cho thuyền trưởng Ba Râu một chập “Tao ăn cắp đấy, nhưng tao có mang về cho vợ con tao đâu. Tàu về cảng còn có kỹ thuật đến sửa, ra giữa biển ở đâu”. Ông già có mấy me nghề nghiệp lạ lung. Đi dọc đường phố thấy một cái bu-lông hoặc một đoạn ống nước cũng nhặt tuốt. Trong hòm phụ tùng của ông thôi thì đủ thứ tầm tầm, rắc-co, đệm máy, muống phun cũ .. Mấy thằng thợ máy trẻ khôn lỏi lúc nào thiếu phụ tùng là mời chú Ba sang uống trà rồi nịnh chú chú cháu cháu. Uống trà xong, chú Ba đổ hòm phụ tùng ra, bới tìm bằng được thứ nó đang thiếu. Và có khi nó còn lỏi chú Ba xuống tàu sửa giúp nó cả buổi,

Mấy thằng tinh ma hay trêu chọc ông Ba. Biết tính ông Ba thích ăn cua biển. Một lần tàu vào bến, cậu Sinh “đen” bàn với cậu Phú đem luộc một con cua, mang giấu vào một cái hang gần chỗ tàu đậu. Phú ra gọi chú Ba về ăn cơm. Ông Ba hỏi “ Hôm nay chúng bay có bắt được cua không ?”. Phú trả lời “Chú xem nước trong thế kia làm gì có cua”. Phú cố ý làm cho ông ba nhìn thấy cái hang cua (đã giấu con cua luộc trong đó).

Ông Ba trợn mắt nói “Chúng bay là đồ lừa, cua ngay ở đây chứ có phải đi đâu xa ..”. Ông già vừa xăn quần lội vừa nói “Cả lũ lừa .. dấu chân cua còn mới thế này, không cua là cái gì đây”. Ông móc ở trong hang ra một con cua đã luộc, màu đỏ gạch. Biết bọn trẻ chơi khăm, ông vớt con cua xuống nước rồi chửi tục một câu. Cậu Phú chạy về , reo to “Chú Ba vừa bắt được con cua luộc anh em ơi”. Thế là một trận cười được nổ ra.

Khi cái ngọn khói “ma quái” ở sát mép nước biển mất, thuyền trưởng sà tới chỗ anh em định tán chuyện bù khú một chút. Nhưng anh lại đứng im lặng, để nhận thức một điều mới đến với mình. Với lớp thủy thủ trẻ, có lần anh đã

nhận xét “đi với họ sẽ không có cơm mà ăn”. Đến bây giờ anh đã sống với họ qua mấy ngày thử thách, anh tự nhủ “Mình làm. Họ là lớp người tuyệt diệu. Phải đánh giá như vậy mới công bằng”. Mấy hôm sóng gió, Hoàng Thanh Loan nôn ra máu, tự lấy dây buộc chặt vào ghế lái để hoàn thành nhiệm vụ. Phan Hai Hồ không vắng mặt trong bất cứ việc nặng nhọc nào. Hồ Quan Phụng, Lưu Kim Nhật, Bá Châu Báu, Cao Sĩ Thập, Lê Xuân Khảm .. mỗi người một vẻ. Họ hăng hái, bình thản bước vào những thử thách khắc nghiệt, như người ta nhón chân bước vào dạ hội.

Thấy thuyền trưởng đến, một thủy thủ hỏi :

-Ta đang đi ở đoạn nào đó anh ?

-Đang tới gần Manila, nếu nó còn bám, ta sẽ đi về phía Hong Kong.

Ngày thứ tám trên biển. Mưa dăng đầy trời. Mặt biển sa sầm giận dữ. Những cơn sóng màu đen đang khum tấm lưng mềm mại đùa giỡn tàu 69. Chiếc máy bay của hải quân Mỹ và tuần dương hạm Mỹ vẫn không bỏ cuộc. Thịnh thoảng chúng lại tới “kiểm tra” cái mục tiêu đã mất công bám mấy hôm nay.

Thuyền phó Hai làm công việc đo đạc và tính toán thiên văn, dở quyển nhật ký hành trình ra xem. Mới đi vài ngày mà đã ghi đầy gần bốn trang. Những nội dung lặp đi lặp lại như làn sóng đều, lướt qua mắt anh :

-21 giờ 23-6-1966, một tàu địch kèm mạn trái rất lâu. Ta chuyển hướng 69 độ, nó chuyển theo. Mất hút vài giờ lại thấy nó xuất hiện.

-7 giờ 30 phút, sáng 27-3, hai máy bay vòng rất thấp quanh tàu . Vừa bay vừa chớp đèn đỏ.

-22 giờ 27-3, một tàu cách ta hai hải lý, lúc lên đèn lúc không. 2 giờ 30 ngày 28-3, nó chuyển sang mạn trái.

-..

Hai bỏ quyển nhật ký vào ngăn kéo rồi lên đài chỉ huy. Thấy Hai tới, Phước hỏi :

-Nếu như tính toán của chúng ta đúng thì khoảng một giờ nữa sẽ tới mũi Thuận Xuyên.

Đôi mắt to tinh lợi của Hai thoáng đượm nỗi buồn .

-Kiểu này có khi phải quay về. Đi nữa cũng không vượt qua được mặt nó. Nó phát hiện ta rồi. Anh xem, hàng ba bốn giờ ta không thấy địch rồi bỗng chốc lại thấy nó bám đằng sau. Nó đã bám ta bằng rada, vì vậy khi thả tàu chiến bị mất hút mục tiêu thì lập tức có máy bay đến.

-Phải đưa “cái bà bụng mang dạ chửa” này về thì ngán không để đâu cho hết.

Phước xem đồng hồ rồi gọi Khảm lên đài chỉ huy. Khảm nhanh nhẹn tới đứng cạnh thuyền trưởng Phước và hỏi :

-Anh bảo gì ?

-Cậu qua lại đường này nhiều, xem đây thuộc khu vực nào.

Nhìn vùng biển trước mặt đen sẫm, phía tây nổi lên một quãng sáng như lúc mặt trời sắp mọc và phía đông có khoảng sáng rộng hơn, Khảm nói :

-Chỗ sáng nhiều kia là Hong Kong, nếu mình cứ đi thẳng thì có thể tới đất Quảng Châu.

Tàu chạy tốc độ chậm, anh em thủy thủ đo độ sâu và liên tiếp báo cáo “35 mét .. 30 mét, 20 mét, 15 mét “.

Thuyền trưởng hạ lệnh :

-Thả neo.

Tàu 69 dừng lại nghỉ một ngày cạnh hoang đảo ngang Thuận Xuyên (Trung Quốc) để tránh địch và né cơn bão.

Hai ngày sau lại tiến về phía Biển Đông, sóng gió vẫn chưa ngớt và địch lại bám. Chi bộ họp bàn “đi hay về?”. Tâm trạng anh em đều không muốn có cuộc hành quân chữ O (Hành quân chữ O hoặc chiến thuật chữ O có nghĩa là

mang hàng đi lại mang hàng về , hoặc chiến đấu phá tàu rồi hành quân bộ trở về). Nhưng thấy khả năng không thể lọt qua hàng rào của địch được, đành phải ra nghị quyết : Quay về.

Tàu 69 đã trở về đến vịnh Hạ Long. Như thường lệ, tàu vừa neo đậu vài giờ, đã có đoàn cán bộ cấp trên đến thăm hỏi, kiểm tra, và hậu cần cũng tới tiếp thêm nước ngọt và nhu yếu phẩm. Chẳng cần nói, anh em cũng ý thức rằng tầu của mình chuẩn bị đi tiếp chuyển đi bỏ dỡ. Độ này không riêng gì đội tàu 69 mà toàn đoàn 125 đã có nhiều tàu hành quân chữ O, thậm chí có tàu vào gần bến gặp địch đã chiến đấu dũng cảm rồi tự phá hủy tàu và hành quân bộ trở về.

Sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng ủy, Bộ tư lệnh Hải quân, đảng bộ đoàn 125 và cả những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ hàng ngày, hàng giờ dạy anh em lựa chọn cái sống, cái chết thế nào cho xứng đáng. Giải phóng miền Nam và chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ từ lâu đã trở thành nguyện vọng thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam yêu nước; đối với anh em đoàn 125, nguyện vọng đó đã trở thành hành động để đạt tới. Giờ đây trước mặt họ biết bao nhiêu khó khăn, nguy hiểm, và cái chết luôn vươn tay ra đón chờ; nhưng họ sẵn sàng lựa chọn cái chết để cuộc sống mai sau đâm chồi nảy lộc. Khó khăn, nguy hiểm gấp năm, gấp mười lần trước đây thì tinh thần kiên trì, dũng cảm của họ được trau giồi sâu sắc gấp mười gấp trăm lần làm cho kẻ thù kinh ngạc :” Việt cộng chuyên chở vũ khí bằng đường biển là mạo hiểm, cuồng tín, không hiểu nổi”. (Một đại tá phó đô đốc hải quân ngụy viết trong Tập san quốc phòng ngụy số 18) Thiết tưởng chúng ta không cần phải giải thích thêm điều đó.

.. Các cán bộ thuyền được mời về họp ở sở chỉ huy đoàn.

Sở chỉ huy ở hang Vua thuộc huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng), nơi theo truyền thuyết, khi chỉ huy trận đánh phục kích tiêu diệt cánh quân Ô mã nhi trên sông Bạch Đằng (3-1288), Trần Hưng Đạo đã dừng lại nơi đây.

Thuyền trưởng Phước , chính trị viên Huyền vừa bước tới cầu thang đã thấy đ/c chính ủy đoàn 125 ra đón. Đ/c chính ủy đoàn thân thiết bắt tay từng người :

-Anh em ta khỏe mạnh cả chứ ! Cánh mình ở nhà trông các cậu từng giờ, từng phút. Biết trước sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng nhiều lúc vẫn không khỏi hồi hộp, lo lắng.

Thấy thuyền trưởng Phước có vẻ tò mò nhìn chiếc án thư và bia đá bên cạnh lối đi, chính ủy chỉ tay vào tấm bia giới thiệu :

-Các ông có biết di tích gì đây không. Cái bia và án thư bằng đá này do nhân dân địa phương dựng lên rất lâu rồi, để tưởng nhớ tới công lao Trần Hưng Đạo. Nghe nói ngài đã ở trên hang kia. Vì vậy mới gọi là hang Vua.

Tiện dịp nhắc nhở truyền thống, chính ủy nói vui :

-Ngày xưa ông cha mình đã từng đánh tan thủy quân của giặc Nguyên, một đội quân xâm lược mạnh nhất thời kỳ ấy. Mang truyền thống ông cha, chẳng lẽ chúng ta không chọc thủng được sự phong tỏa của hải quân Mỹ ư ?

Cuộc họp đã đông đủ, chỉ còn chờ cán bộ thuyền 69 tới. Tư lệnh Hải quân, thủ trưởng đoàn 125, một số cán bộ tham mưu thuộc cục tác chiến và phòng tham mưu hải quân đã ngồi xung quanh chiếc bàn khá rộng trong hang Vua. Mọi người đang sôi nổi chuyện trò về thời cuộc thì cán bộ tàu 69 đến, tất cả đều ra khỏi chỗ ngồi bắt tay vồn vã như đón khách quý.

Trung tá Hồng Phước, giới thiệu thành phần và nội dung cuộc họp , rồi giới thiệu thuyền trưởng Phước báo cáo chuyển đi.

Thuyền trưởng Phước vừa nói vừa cầm que chỉ các vị trí trên hải đồ vùng biển Đông Nam Á treo ở vách sát đầu bàn họp.

Câu chuyện sinh động về chuyến đi của Phước kể có sức hấp dẫn các cử tọa, mỗi lúc nói đến địch bầm ai cũng tỏ thái độ lo lắng như chính mình đang ở trong tình huống ấy.

Sau báo cáo của thuyền trưởng 69, đoàn trưởng Hồng Phước nêu tóm tắt những đánh giá về ta, về địch. Cán bộ có mặt trong cuộc họp sôi nổi đóng góp ý kiến. Đ/c Nguyễn Bá Phát chăm chú lắng nghe ý kiến của hội nghị. Thịnh thoảng lại ghi chép một vài điều vào sổ tay của mình. Gần tới giờ kết thúc cuộc họp, đồng chí đứng lên phát biểu :

-Những chuyến đi vừa qua, kể cả đội 69, cho chúng ta thấy rõ, địch không những theo dõi ta ở ven bờ mà còn theo dõi ta từ ngoài khơi xa. Trên đường biển quốc tế, nhiều tàu bè nước ngoài đi lại, nhưng cũng có hành động hăm dọa, dò xét, để từ đó tìm ra và phân loại tàu nào là của ta. Ví dụ : vừa qua có hai tàu của Liên Xô và một tàu của Ba Lan chở hàng vào Hải Phòng. Chiếc thứ nhất của Liên Xô, chúng cho máy bay tới đánh tín hiệu hỏi “Chờ gì ?”. Trả lời “Chờ sửa”, nó cứ bám theo hỏi mãi “ Còn chờ gì nữa ?”. Chiếc thứ hai của Liên Xô chúng cũng hỏi “Chờ gì ?”, các đ/c Liên Xô trả lời “Cút đi, không có quyền hỏi “, và nó phải cút. Gặp tàu Ba Lan nó hỏi “ Đi đâu”, anh em trả lời “ Đi Việt Nam dân chủ cộng hòa” nó theo một đoạn rồi bỏ.

Chúng ta đi hợp pháp trên đường biển quốc tế, chúng ta phải triệt để khai thác tính chất hợp pháp ấy. Có thể nghiên cứu trả lời câu hỏi của nó một cách hợp lý. Cách xử trí chuyến vừa qua còn chưa thích hợp. Hướng tàu ta đang đi về vịnh Thái Lan, gặp chúng tự nhiên ta quay về phía Manila, như vậy chỉ làm cho chúng tăng thêm nghi ngờ..

Sau 10 ngày nghỉ ngơi và lấy thêm dầu mỡ, nước ngọt, thực phẩm. cải dạng tàu, ngày 15-4-1966, đội tàu 69 lại lên đường.

Tàu 69 vẫn đi theo đường cũ. Biển êm. Tàu buôn qua lại nhiều. Có vài lần tàu chiến, máy bay Mỹ tới thăm dò.

Chuyến đi này có kinh nghiệm hơn, từ việc nguy trang tàu đến động tác xử trí gặp địch không để lộ tung tích mình.

Đã đến điểm chuyển hướng, báo vụ Diệp Minh Hiếu nhận lệnh lên máy. Lần này Hiếu không say sóng và không có lúc nào phải buộc mình vào ghế khi làm việc; anh cảm thấy sảng khoái khi đặt ngón tay lên maníp. Tiếng tích tích ..tà vang bên tai ấm áp, nhẹ nhõm, tưởng như Hải Phòng với tàu mình không có khoảng cách hàng ngàn hải lý mà gần gũi đâu đây.

Hiếu đọc bức điện cho chính trị viên Huyền nghe :

-Đèn Hòn Khoai còn sáng. Chú ý : ban đêm thường có máy bay đi tuần tiểu , tàu chiến địch thả trôi trước bến, cách bờ năm đến mười hải lý. Tìm cách tránh. Vào bến Bồ Đề tốt hơn.

Huyền thì thầm nhắc lại bức điện :

-Tàu chiến thả trôi .. vào bến Bồ Đề tốt hơn.

Hiếu tướng chính trị viên hỏi gì mình, ngoảnh lại đã thấy Huyền bước ra khỏi phòng.

Trời trong xanh không có một gợn mây. Vào lúc này, người mới đi biển thường có nhiều cảm xúc, như muốn gieo vài vần thơ về cái mênh mông xao xuyến của bầu trời và mặt biển bao la. Trái lại các thủy thủ tàu 69 chỉ mong mưa lớn, hoặc đám sa mù nào đó bay tới che kín con tàu của mình. Nhưng thiên nhiên vô tri chẳng đáp lại chút nào những điều ao ước. Triệu triệu những vì sao vẫn tỏa ánh sáng lạnh lùng như cố tình làm cho con tàu trắng toát trần trụi phơi mình trên mặt biển tím thẫm.

Thuyền phó Hai ít có thì giờ suy nghĩ vào việc khác, ngoài việc tính toán hàng hải. Một câu hỏi luôn đến với anh “Liệu có sai lệch gì không?”. Từ tối đến giờ đã ba bốn lần anh cung cấp cho thuyền trưởng biết điểm dừng của con tàu, nhưng anh vẫn chưa yên tâm. Bây giờ là một giờ sáng rồi, nếu đi đúng đường thì phải bắt được đèn Hòn Khoai, tại sao vẫn mù mịt tăm hơi. Từ đây vào bờ là khu vực địch kiểm soát gắt gao, loay hoay ở đây vài giờ nữa thì khó thoát khỏi nguy hiểm. Quay ra chẳng ?

Các cán bộ thuyền cũng một tâm trạng như Hai. Chính trị viên Huyền đã tới từng vị trí chiến đấu của anh em thủy thủ để tham khảo ý kiến. Anh em nhất trí vào. Không dễ gì có thời cơ yên ổn lọt vào tới đây. Trờ ra bây giờ cũng muộn, vả lại ra rồi lại lệnh dênh vài ngày đêm nữa liệu có vào nổi không ? Nhưng có ý kiến ngược lại : chưa bắt được đèn Hòn Khoai, thì lấy gì làm căn cứ tàu mình đi đúng tuyến đường. Cứ lao bừa vào bờ, chỉ làm mồi ngon cho chúng .. Cán bộ thuyền vẫn chưa tìm cách gì giải quyết thỏa đáng. Giá như không có bức điện ở nhà báo đèn Hòn Khoai còn sáng lại đi một lẽ (thực ra hải đăng Hòn Khoai đã tắt hơn nửa tháng rồi, anh em bến không biết vẫn báo cáo ra Bộ nó còn sáng).

Con tàu vẫn chạy theo hướng đã tính toán. Hai lên đài chỉ huy, cầm ống nhòm nhìn phía trước. Một hòn núi lọt vào ống kính, lúc đầu mờ như ảo ảnh, rồi rõ dần.

-Có núi anh Phước ời !

-Cậu nhìn kỹ xem núi nào ?

-Chưa rõ lắm. Chẳng lẽ Hòn Khoai .. sao không có đèn ?

-Đi đo nước xem.

Vài phút sau, Dĩ báo cóa độ sâu 37 mét. Cán bộ thuyền bàn bạc và đi tới khẳng định : đây là vùng biển Cà Mau. Nhưng cái tin đèn Hòn Khoai còn sáng ám ảnh, làm cho họ nghi ngờ ở kỹ thuật hàng hải của mình.

Thấy thời gian gấp quá, rồi họ liều lĩnh xử trí : cứ vào tới bờ đã rồi tính sau. Nếu không tìm thấy bến, sẽ tạm giấu tàu, đêm hôm sau đi tiếp.

Tàu 69 đi gần tới bờ. Các loại ánh đèn đánh cá dăng thành hàng dài như một thành phố nổi, khó có thể phân biệt được đâu là ánh sáng của tàu địch len vào đó. Tàu 69 tìm cách né tránh khu vực có ánh đèn. Các thủy thủ vẫn trực sẵn ở vị trí chiến đấu, căng mắt nhìn phía trước

“Bờ kia rồi”. Tiếng của ai làm cho mọi người vui mừng nhìn về phía bờ. Rõ ràng rừng đước kia rồi. Cả hình dạng lồi lõm như răng cưa và mùi vị nồng nồng hăng hăng của nó đều rõ ràng. Nhưng điều quan trọng đây là chỗ nào thì không ai xác định được.

Tàu chạy chậm lại. Thuyền trưởng Phước phát đèn tín hiệu vào bờ. Không có ánh sáng nhỏ nào phía bờ đáp lại.

Phía ngoài biển có một chiếc tàu dạng cao tốc của địch đang chạy. Các cán bộ thuyền 69 hội ý xử trí khẩn cấp. Nếu tìm được cửa lạch nào cũng phải lao vào tìm chỗ giấu tàu, luồn quẩn ở đây khó tránh khỏi bị địch phát hiện. Thuyền trưởng đánh điện về sở chỉ huy : báo cáo bến đêm mai tiếp tục đón (Điện của tàu chỉ liên lạc được với sở chỉ huy, không chung mạng với bến).

Tàu 69 chạy vào sau hàng đáy. Những người dân làm đáy, thấy tàu lạ đến gần, họ hoảng hốt, kéo máy cho xuồng chạy. Còn lại một xuồng máy, người đàn ông mãi miết giật máy, người đàn bà hoảng sợ nhảy xuống nước hai tay vẫn bám vào mạn xuồng để trốn tránh.

Thuyền trưởng Phước hỏi :

-Ông làm ơn chỉ bảo, đây gần cửa vàm nào ?

Người dân đánh cá nói :

-Tôi từ xa tới làm ăn ở đây .. không biết.

-Chúng tôi đang đánh cá bị tàu nhà binh đuổi. Tên địa phương chỗ này là gì, ông chỉ giúp tôi xin hậu tạ.

Người dân cố ý trì hoãn, vừa kể dài dòng vừa giật máy đẩy. Máy vừa nổ, người phụ nữ nhanh như cắt vọt lên ngồi trên xuồng và chiếc xuồng lao như bay. Xuồng chạy một đoạn, tiếng người đàn ông vang lại một câu chửi tục “Con bà chúng mày, đây là Cà Mau hiểu chưa ?”

Tàu 69 chạy theo hút chiếc xuồng vừa ngoặt vào một cửa rạch nhỏ. Những cành cây vướng vào tàu, gây “rộp rộp”. Có tiếng súng trường bắn đuổi theo tàu.

Dĩ hô to :

-K.44 của du kích. Năm xuồng.

Nghe tiếng nổ của K.44, anh em vừa mừng vừa lo.

-Đừng bắn nữa, tàu của chúng tôi làm ăn lương thiện.

-Dẫn chúng tôi vào, chúng tôi xin biếu 500 đồng.

“Pằng, pằng, pằng “..

Tiếng súng ngưng nổ. Hai đứng lên thương lượng :

-Chúng tôi sẽ cho hai người vào làm tin, các anh cử một người ra tàu chúng tôi.

Một anh du kích đứng ở công sự gần đó ngờ là tàu của mình ở miền Bắc vào, anh hỏi :

-Chúng tôi hỏi thiệt, có phải tàu các anh ở ngoài kia đó ư, cứ nói thẳng tôi sẽ dẫn đường.

Nghe thuyền phó nói cử người vào, Dĩ làm ngay. Anh vừa bơi đến bờ, một chiến sĩ du kích hô :

-Giơ tay lên.

-Người ta đã đến đây rồi còn giơ tay, giơ chân gì nữa cha nội. Cho người dẫn nhanh lên, không sáng rồi.

Con tàu tiến thêm một đoạn nữa thì mắc cạn . “Thế là hỏng rồi”. Thuyền trưởng nóng nảy, gắt om sòm. Tưởng như chỉ còn một cách là : phá tàu. Anh em khuyên giải còn nước còn tát, thuyền trưởng mới trở lại bình tĩnh.

Tàu lui lại, thoát khỏi bãi cạn.

Trời đã sáng rõ. Nhân dân ở hai bên rạch thấy con tàu lạ họ la lối rồi bồng con bế cái chạy trốn. Mấy anh du kích phải dùng loa gọi “ Dừng lại, tàu của ta”, mọi người dừng lại ngơ ngác chưa hiểu đầu đuôi ra sao.

Con tàu tiếp tục chạy rồi rẽ vào một cái rạch nhỏ hơn, nó vừa rướn được quá nửa thân tàu vào thì bị mắc cạn. Chân vịt tàu vung vẩy hết sức trong đám bùn, nhưng không thể tiến thêm được một bước nào.

Bà con trong xóm xúm lại, mỗi người một câu, ồn ào như mỗ bò.

-Nào de chút nữa.

-Có phải ghe của nhà bà đầu mà de được.

-Tàu chi mà trắng lốp, trắng lạp.

-Trời, tàu của ta to, đẹp quá.

-Thôi .. người nào không có diêch, đề .. máy bay nó tới bom thấy mờ bây giờ.

-..

Anh em du kích vận động nhân dân mang cây tới ngụy trang và lấy bùn xoa lên chỗ sơn trắng của con tàu. Không đầy nửa giờ, con tàu đã lặn vào màu xanh của rừng đước.

Vừa giấu xong tàu, mấy cán bộ thuyền nằm ngủ thiếp ngay trên mặt khoang. Mấy anh em du kích nhìn cảnh tượng ấy, phát hoảng :

-Liệu có phải chích thuốc cho anh em không ?

Dĩ nghe mấy chiến sĩ du kích bàn bạc, anh cười nói :

- Không sao, cứ để họ ngủ hết ngày hôm nay sẽ tỉnh lại.

Ngày hôm đó, đội tàu 69 được nhân dân xã Rạch Gốc rất mực chiều chuộng. Du kích tổ chức cảnh giới bảo vệ tàu từ xa. Các mẹ, các chị khênh tới nồi cháo gà còn nóng bỏng và cả rổ cua luộc, mực nướng. Giả thử có thứ sơn hào hải vị ngày xưa chỉ dành cho việc tiến vua thì bà con cũng chẳng tiếc. Mấy bà mẹ xuýt xoa “Các con theo lệnh Bác từ miền Bắc đưa vũ khí vượt biển vô đây cho nhân dân Cà Mau đánh giặc .. thật là một kỳ công !”.

Anh em thủy thủ đưa mắt nhìn nhau, vừa cảm động trước sự săn sóc của bà con, vừa lo lộ bí mật. Có ai nói gì đâu, tự các bà mẹ đoán ra cả. Tàu to như thế này, chỉ có miền Bắc mới có, và từ miền Bắc vô đây, chắc chắn là chở vũ khí.

Bà con muốn được lên xem tàu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Mấy anh du kích ngăn lại. Mấy bà già bướng bỉnh lý sự :

-Tôi hỏi các anh ! Nếu Bác Hồ vô đây, để các anh cũng ngăn không cho chúng tôi gặp Người hả ?

-Bác Hồ vô thì khác. Đây là việc bí mật.

-Khác chi ? Đây là tàu Bác Hồ cho vô. Các anh biết bí mật, chúng tôi không để bụng những điều gì nói ra có hại cho nước cho dân sao ?

Mấy anh du kích thua lý các mẹ, và chính họ cũng muốn xem tàu, một anh đã

đến nói với cán bộ tàu “Dân yêu cầu quá xá”.

Bà con ùa lên. Anh em thủy thủ đành phải dẫn họ đi xem buồng lái, buồng ngủ của mình. Được xem tàu của ta, người nào người nấy đều tỏ ra rạng rỡ sung sướng. Mấy cô gái bầu chí nhau rồi cười khúc khích.

-Mấy xin các anh ấy cho đi theo.

-Được ở tàu này tao coi như ở nhà .. sợ các anh không cho đi.

Một thủy thủ nói vui :

-Xin mời các cô cứ ở lại.

Tiếng cười trẻ trung râm ran.

Mấy ông bà già đi lại ngắm nghía hết cái này đến cái khác. Có người khẽ đụng tay lên cái la bàn, làm cho nó lắc lư; có cụ xoa tay lên cái mặt bàn bóng loáng. Khi nói chuyện với nhau, ai cũng nhấn mạnh “tàu của ta” như nhắc tới niềm tự hào của chính mình. “Ta đã có tàu “ gọi các ông, bà già có liên tưởng. Tàu của ta kém gì tàu của nó. Trước kia ta chỉ có gậy tầm vông, bây giờ có tàu to và đẹp như thế này .. chở bao nhiêu là vũ khí nhất định sẽ đánh thắng Mỹ.

Làm xong nhiệm vụ triển lãm bất đắc dĩ, anh em thủy thủ lại quây quần trên mặt boong, kể với nhau những suy nghĩ riêng của mình về tình huống xảy ra hôm qua. Một chuyện lúc này đều trở thành lý thú : cả chuyện lúc xảy ra “muốn rụng tim” bây giờ cũng gây cười. Họ coi những nguy hiểm vừa vượt qua như một niềm vui hạnh phúc. Có lẽ những người có cuộc đời bằng phẳng, chẳng bao giờ được hưởng hạnh phúc này.

Thấy thuyền trưởng đi tới, Bé “lùn” đứng dậy trình trọng :

-Mời thuyền trưởng ngồi xuống đây, tôi xin biếu 500.

Bé nhại lại câu nói của thuyền trưởng lúc tàu bị du kích bắn, làm anh em cười bỏ ra.

Tính thuyền trưởng Phước đôi khi nóng nảy, nói năng “bạt chiêng”, nhưng

lúc bình thường lại rất cởi mở, dễ gần. Anh thanh minh :

-Lúc đó tao nghĩ, phải nói thế để giữ bí mật.

-Nhờ vậy mà suýt nữa thì xài đạn K.44

Nói chuyện vụ đùa, nhưng các cán bộ vẫn ngóng chờ anh em bên tới liên lạc. Khi nghe tiếng xuống máy, mọi người đều nhìn về phía đó. Một cô gái có nước da trắng, mặc bộ bà ba đen, ngồi trên xuồng đang giữ cái “đuôi tôm” cho nó khua trong không khí, để xuồng dừng lại. Cô cười và định nói gì đó với các thủy thủ, thì thuyền phó Hai đã reo lên :

-Ồ, cô Thanh Phương,

Cô gái không giấu nổi vui mừng, nói to :

-Anh Hai, anh Năm, các anh đã tới đây tối qua ư. Chúng em trông quá.

Vừa dứt câu nói, cô gái đã cho xuồng quay ngoắt và nói với lại.

-Em phải về ngay, kéo chú Tư chờ.

Mấy thủy thủ ngờ ngàng, chưa hiểu cô bé người ở đâu đến, sao nói năng thân thiết, mềm mỏng như vậy, mà đến rồi lại vụt đi như một ánh sao băng. Họ bàn tán vui vẻ :

-Cứ như nàng tiên trong quả thị vừa hiện ra ấy.

-Chắc ngày mai chúng ta sẽ đến chỗ nàng tiên ấy.

-Con người không hoa lá mà dễ thương làm sao. “Chú Hai” !

-Xin thôi! Người của bên đó !

-...

Tàu 69 đã được đón về bến. Chân vịt của tàu bị hỏng nặng. Hông chân vịt

khác chi người bị cụt chân, làm sao trở về được. Nghe biển gầm ầm ì anh em nghĩ tới đường trường càng lo. Tất nhiên phải sửa chân vịt, nhưng lấy phươg tiện đồ nghề ở đâu. Những thủy thủ chưa kịp hình dung ở giữa rừng sinh lầy này làm gì có đoc nâng được chiếc tàu 100 tấn lên mà sửa chân vịt.

Đối với anh em bến – đoàn 962 – gặp chuyện rắc rối như thế này không phải là lần đầu. Anh Tư Mao nói với các thủy thủ “ Các đồng chí cứ yên trí, khỏi lo ..”. Nhưng chẳng có phép gì làm cho anh em khỏi lo được. Trên thế giới này, chưa có nơi nào sửa chân vịt tàu khi nó nằm ở dưới nước. Chỉ có cách lôi nó vào xưởng rồi đưa vào đoc. Ở giữa rừng này không có công xưởng mà cũng chẳng kiếm đâu ra đoc nổi. Nhưng “ các đồng chí cứ yên trí ..”.

Thật đúng như có phép màu, chỉ sau một ngày, cái công trường thủ công làm xong loại giá đỡ đặc biệt để thay đoc nổi. Việc này phải nhắc đến vai trò của phó đoàn trưởng Tư Mao (đơn vị bến), một người chỉ huy thông minh và gan góc hiếm có. Với công việc khó khăn đại loại như thế bao giờ anh cũng là người dẫn đầu trong việc tháo gỡ.

Không khí nhộn nhịp trong khu rừng Vàm Cái Bần giống như một công trường mới bắt đầu xây dựng. Nhịp độ lao động rất khẩn trương .. Con tàu đã được đẩy vào rạch, giữa lúc thủy triều lớn nhất. Anh em dùng cây gỗ làm thành cái giá đỡ dưới đáy tàu. Nước triều rút xuống gần cạn khỏi rạch, con tàu nghiêng nhiên đứng trên giá đỡ, giống như lúc nó vào đoc. Xung quanh con tàu đắp đê cao để ngăn nước. Tuy vậy vẫn có nước ngấm, ngoài việc dùng máy, anh em phải dùng thùng, chậu thay nhau tát. Một đại đội của bến do anh Tư Mao chỉ huy cùng với thủy thủ tàu 69 đã làm việc cật lực, để tạo ra cái công trường đó, và phục vụ cho thợ máy có điều kiện sửa chữa tốt.

Bốn thợ máy do thợ cả Nguyễn Văn Bé phụ trách. Ngày nào họ cũng phải làm việc từ sớm tinh mơ đến khi mặt trời lặn. Họ dùng đèn khò (đèn hàn) nung nóng rồi dùng búa đập uốn lại chân vịt. Một việc tưởng như không thể khắc phục được bằng vài cái công cụ giản đơn, nhưng trái lại nó đã có hiệu quả cụ thể. Tàu 69 đã có “bộ chân” lành lặn và sẵn sàng lên đường.

Theo kế hoạch thì đêm 9-5-1966 nếu tàu 100 đến bến an toàn thì tàu 69 sẽ rời bến vào đêm sau, hoặc đêm sau nữa.

Chờ đợi tàu bạn và suy nghĩ tới đường ra của tàu mình, nhiều thủy thủ thấp thỏm khó ngủ. Có đôi bạn ngồi dậy hoặc nằm trong màn thì thầm tâm sự. Họ không hề nhắc đến điều lo lắng đang nảy nở, mà lại kể những chuyện riêng tư của mình. Mãi tới khuya mọi người mới ngủ được.

Nghe có tiếng nổ ở phía biển, có người vừa chớp mắt được một lát cũng vùng dậy. Mọi người ra khỏi lán nhìn theo những chớp pháo sáng của máy bay địch thả. Họ hồi hộp theo dõi và bàn tán :

-Chỗ nó đang quần ở khoảng nào ?

-Cửa Rạch Giá . Kiểu này là tàu 100 gặp địch rồi,

-Chưa thấy nổ súng ! Như vậy là chúng mới nghi ngờ.

-...

Trời sáng dần. Một số anh em bến nhận được lệnh hành quân cấp tốc ra bến Rạch Giá để bảo vệ tàu. Tại sao lại bảo vệ tàu ở cửa Rạch Giá ? Người nhận lệnh cũng chỉ biết tới chừng ấy, chẳng ai giải thích được rõ hơn. Anh em đội tàu 69 ngồi chờ đợi tin thêm về tàu 100. Vài giờ sau, anh em trên đài quan sát co biết tàu địch đang đi lại ở cửa Bồ Đề. Rồi lại bật tin. Ai cũng phán đoán : tàu 100 gặp nạn, nhưng vẫn nóng lòng muốn biết những gì đang diễn ra đối với nó.

Gần trưa, ba chiếc máy bay lên thẳng bay tới bắn phá ở khu vực Bồ Đề, tiếp theo là phản lực F.105 tới giội bom.

Tiếng bom nổ, tiếng đạn liên thanh và tiếng máy bay rộ lên hàng giờ liền như xối vào ruột gan các thủy thủ tàu 69. Họ vừa lo cho đội tàu 100, vừa lo cho chính mình. Việc lộ bến Bồ Đề, chắc chắn địch sẽ phong tỏa chặt chẽ khu vực này, sẽ không dễ dàng gì đưa được tàu ra tới đường biển quốc tế.

Chiều hôm sau vừa nhìn thấy bóng dáng lùn lùn của phó đoàn trưởng Tư Mao ở trong rừng ra, anh em đã chạy xô tới, vây xung quanh. Chỉ cần nhìn cái băng quần trên đầu còn thấm máu và khuôn mặt phờ phạc của anh Tư Mao, anh em đã đoán được tình thế không có gì sáng sủa.

-Tình hình ra sao anh Tư ?

-Anh em trên tàu có an toàn không ?

Tư Mao nhếch một nụ cười mệt mỏi, không đáp ngay vào những câu hỏi của anh em vừa tới rắp đặt ra, anh hỏi :

-Các cậu có nước cho mình uống một chút, khát khô cháy cổ.

Qua cử chỉ bình tĩnh của Tư Mao, làm mọi người bớt lo lắng. Họ đi theo anh vào trong lán.

Uống xong bát nước, Tư Mao chậm rãi kể :

-Tôi được tin của đài quan sát báo địch thả pháo sáng. Có hai chiếc tàu đi về phía cửa Rạch Giá, chiếc đi trước có thể là của ta, chiếc đi sau là tàu địch. Một mặt tôi cử người huy động lực lượng bảo vệ, mặt khác tôi và cậu Việt Hải chạy một mạch đến Rạch Giá. Lúc đó trời đã sáng rõ. Tôi thấy thuyền phó Diễn và anh Cốt thợ máy đang núp vào gốc cây nhìn ra biển. Tôi hỏi tình hình, Diễn nói : Khoảng ba giờ sáng tàu 100 đã tới gần bờ thì gặp tàu địch. Tàu ta kéo cờ Đái Loan, chúng phát tín hiệu tàu chờ gì, đi đâu. Anh em mình lặng thinh. Nó lại phát tín hiệu xin cập mạn. Ta vẫn lặng thinh. Nó chạy vượt lên có ý chặn đường, nhưng thấy tàu ta tiến thẳng, nó phải nhường đường. Anh em đã chuẩn bị nổ súng thì nhìn thấy đồng lửa (tín hiệu) ở cửa Bồ Đề.

Nói tới đó, Tư Mao thở dài lặng lẽ, một lát rồi mới móc bọc thuốc trong túi áo ra vê một điếu, với cử chỉ không giấu nổi xúc động. Châm thuốc hút một hơi, rồi anh nói tiếp :

-Chỉ sơ suất một chút xiu mà để xảy ra thiệt hại quá lớn. Đã quy định với ngoài kia là : nếu hải đăng Hòn Khoai không sáng, bến đốt lửa ở rạch Bồ Đề và tàu sẽ vào cửa Rạch Giá. Trục ban cho biết đèn Hòn Khoai sáng nhưng lại không quên báo cho anh em thôi đốt lửa mới nên cơ sự này .. Tôi ra xem, tàu của ta đã giạt vào chỗ cạn, tàu địch đứng bên ngoài không dám vào gần. Tôi hỏi anh Diễn đã xử trí thế nào. Diễn nói đã rút chốt an toàn rồi, không hiểu sao bọc phá vẫn chưa thấy nổ. Nghĩ đến cái tàu nguyên vẹn thế kia, địch chỉ trông cấp vào là lôi tuột đi mất, tôi bảo Diễn chạy về bến huy động thật nhanh lực lượng ra bảo vệ tàu.

Chiếc tàu của địch cách ta khoảng 200 mét, nó kéo còi xin cặp mạn. Chắc nó vẫn tưởng tàu của ta còn người. Kéo còi vài lần không thấy ta đáp lại, chúng cho một tên lội về phía tàu 100. Tiểu đội của Bảy Nhỏ đã bố trí xong, các cậu ấy bắn mấy loạt tiểu liên, tên địch vội chạy trở lại tàu của nó.

Tàu địch có thể kéo tới đông hơn và dùng máy bay bắn phá, khả năng giữ được con tàu cho đến tối thật khó. Nghĩ tới việc phải tranh thủ giữ lấy khẩu DKZ, thu nhặt giấy tờ anh em mình còn bỏ lại, tôi bảo Việt Hải và Cốt bơi ra tàu làm việc đó. Ra tới nơi thấy nước sâu, tôi bảo Cốt mở máy tôi lái cho tàu vào. Đi được 10 mét lại mắc cạn.

Thấy tàu ta chạy, địch giới đạn vào như mưa. Tàu ta chỉ cách bờ vài chục mét. Tôi giục Hải và Cốt tháo nhanh khẩu DKZ 57 đưa vào, thu thập số tài liệu, giấy tờ rồi ôm cuộn dây dứa, đã buộc một đầu vào lan can tàu, còn kéo đầu kia buộc vào một gốc cây trong bờ. Tính rằng : nếu giữ được đến tối sẽ có cách xử trí.

Khoảng gần trưa thêm hai chiếc tàu địch đến, chúng dàn đội hình sắp đô tàu 100, vừa đi chúng vừa trút đạn vào bờ. Tiểu đội của Bảy Nhỏ bắn trả dữ dội vào tàu địch, buộc chúng phải quay lui. Máy bay trực thăng, phản lực đến bắn phá, thả bom kéo dài mấy giờ liền. Chúng phát quang cả mảnh rừng kéo dài theo ven biển hàng kilômét.

Sau một đợt bắn phá, tàu địch lại vào, lại bị ta đánh giạt ra. Tiểu đội của Bảy Nhỏ rất dũng cảm, đã giữ tàu 100 được đến tối. Tôi đang mong lực lượng tiếp viện thì anh Hai Dĩa đưa thêm người tới. Tôi bàn với anh hai cử người cảnh giới, dồn sức xuống tàu lấy hàng. Anh em chúng tôi kéo đi, chỉ cách tàu khoảng 200 mét bỗng có tiếng nổ dữ dội, nhìn phía tàu 100 chỉ thấy một đám khói đen và những cụm lửa hoa cà hoa cải như pháo hoa, không thấy hình tàu 100 đâu. Lúc này vẫn có pháo sáng, sáng như ban ngày, không thấy có máy bay ném bom, như vậy là khối thuốc nổ gài sẵn ở tàu đã tự nổ.

Khi đám khói đen đã tan rồi, chúng tôi nhìn chỗ tàu 100 đậu ban nãy, chỉ còn lại một khoảng trống.

Bọn tàu địch bị mất mục tiêu, chúng kéo nhau ra xa hơn.

Một thủy thủ tàu 69 hỏi :

-Anh Tư .. anh em tàu 100 thế nào ?

-An toàn cả.

Trong chiến đấu giành giật với địch ba ngày liền, anh em bến đã lập công lớn : bắn chìm một tàu LCV của địch và không để một mảnh thép nào của tàu 100 lọt vào tay địch. Chiến thắng ấy không làm cho mọi người vui hơn. Trái lại, nỗi lo lắng ngày một đè nặng : từ nay các bến của Cà Mau không còn là nơi dễ đến, dễ đi của đoàn 125 nữa.

Hàng ngày máy bay địch đi bắn phá, xăm rộng ra vùng xung quanh. Anh em đội tàu 69 rất chật vật trong việc giữ gìn cho chiếc tàu của mình khỏi bị lộ. Lúc di chuyển tàu, lúc nguy trang, lúc chuẩn bị đánh quân địch đổ bộ .. làm cho các thủy thủ mệt mỏi.

Ba tháng trôi qua, không biết bao nhiêu lần tàu 69 chuẩn bị rời bến, rồi lại hoãn vì hàng rào tuần tiễu của địch vẫn khép kín. « Thôi thì bỏ quách cái tàu lại, đi bộ vượt Trường Sơn ra Bắc, lấy tàu khác ta lại vào ». Chẳng hiểu ai đã nêu ra ý kiến ấy, thế là việc tìm cách đưa tàu rời bến gần như quên lãng. Anh em thủy thủ lao vào chuẩn bị tinh thần, vật chất cho chuyến đi bộ 3000 cây số một cách hào hứng. Họ rèn dao găm, khâu bao gạo, tìm dây võng .. không cần ai đôn đốc.

Biết được tin đội tàu 69 ngăn trở về bằng đường biển, Đảng ủy đoàn 125 đã đánh điện chỉ thị « .. kiểm điểm sâu sắc tư tưởng tiêu cực, ngại gian khổ, hy sinh .. ». Chi bộ họp thực hiện chỉ thị của Đảng ủy, mất mười phút đầu trầm lắng. Mọi người như phải sắp xếp lại cách suy nghĩ của mình. Nhớ lại buổi họp chi bộ lần trước, ý kiến đi bộ trở về có lý do nghe rất hợp lý, cấp trên cho phép, trong trường hợp đặc biệt đưa tàu vào bến mà buộc phải phá tàu, cũng được coi là hoàn thành nhiệm vụ. Bây giờ những lý do « hợp lý » ấy đang được điều chỉnh lại bằng câu hỏi : Đến này đã hết thời cơ rời bến chưa ? Không khí đấu tranh tư tưởng bén dần vào những ý kiến tranh luận. Đi bộ ra để tiếp tục đi chuyển khác không chịu bó tay ngồi lì ở đây mà coi là tiêu cực ư ? Khi tàu còn tốt, dầu còn đủ chỉ do địch phong tỏa mà ta chịu bó tay, chẳng lẽ chúng ta không đủ can đảm tạo ra thời cơ để vượt qua khu tuần tiễu của địch ! Ý kiến ban đầu chưa gặp nhau, dần dần các đảng viên đều nhận

thấy mình đã có phần nào xao lãng quyết tâm ban đầu. Thế là cuộc họp của chi bộ lại lao vào bàn tính tới quyết tâm đi bằng đường biển.

Từ đó mỗi tháng hai lượt con nước ròng và cũng là hai lần đội tàu 69 bắt tay tạm biệt anh em bến. Có lần lên ngồi trên tàu, tàu đã mở máy, có lần tàu đã chạy được một đoạn, anh em bến gọi trở lại vì có tàu địch đã cặp kè ở cửa vàm.

Ngày 1 -1 -1967, ở các đài quan sát Hốt Nặng, Cái Bàu, Bồ Đề đều báo cáo quan sát tình hình biển yên tĩnh. Anh em hoan hỉ nói với nhau : Thời cơ đây rồi, bọn Mỹ-ngụy nghỉ ăn Tết. Đêm nay chúng chè chén phè phỡn chắc sẽ chệnh mảng việc tuần tiễu ..

Sao đêm bắt đầu lấp lánh trên bầu trời, cũng là lúc tàu 69 đã ra khỏi cửa Vàm Lũng. Thuyền trưởng Phước, chính trị viên Huyền đứng trên đài chỉ huy chăm chú quan sát. Biển vắng lặng không một ánh đèn, không một con thuyền qua lại. Toàn đội vẫn nêu cao tinh thần cảnh giác, Không khí yên lặng vắng vẻ này , có thể chỉ là tạm thời. Biết đâu địch chẳng dùng rada rình mò từ xa. Phải lợi dụng chúng chưa kịp tới, để vượt ra đường biển quốc tế.

Thuyền trưởng Phước hạ lệnh cho tàu chạy tiến ba.

Gió đông nam mát dịu, nền trời tím thẫm mịn màng như một thảm nhung vĩ đại, được đính vào đó triệu triệu hạt kim cương đang tỏa sáng. Giá như rời bến lúc bình thường chắc chắn sẽ có tiếng hát, giọng ngâm .. nhưng bây giờ mọi cặp mắt của các thủy thủ đang dõi vào bóng đêm và họ đang nghĩ tới thời cơ may mắn, hoặc một tình huống rất xấu sắp xảy ra.

-Báo cáo ở phía Rạch Gốc có pháo sáng bắn nhiều.

-Các vị trí chú ý tăng cường quan sát.

-Có thể đêm nay chúng vui tết, bắn chơi.

-Hình như có đèn tàu.

-Đèn tại chỗ hay đang đi ?

-Có thể địch đang xuống mũi, phải chú ý theo dõi.

-Báo cáo có đèn tàu, mạn phải 35 độ.

Thuyền trưởng Phước hạ lệnh :

-Ngoặt 15 độ trái.

Thuyền phó Hai ở trong phòng hải đồ mỗi lần nghe báo cáo lại ghi lên hải đồ một hình nửa quả trám, tượng trưng tàu địch. Hình nửa quả trám thứ hai đã đi song song với tàu ta, lúc ta chưa chuyển hướng.

Khoảng 20 phút sau, vị trí quan sát phía sau báo cáo, Hai lại vẽ nửa hình quả trám khác theo tọa độ được xác định. Thấy tàu địch vẫn đi song song với tàu của mình, anh quăng bút chì rồi báo cáo lên đài chỉ huy :

-Góc mạn phải đèn tàu phía sau không thay đổi, Như vậy là có con tàu đang đi theo ta cùng hướng, cùng tốc độ.

Phước cho tàu chạy về tuyến đường cũ vẫn thấy góc độ ánh đèn phía sau không thay đổi. Không còn nghi ngờ gì nữa, địch đang bám sát ta. Các thủy thủ nhận lệnh nạp đạn sẵn sàng, kiểm tra vòi rồng và sẵn sàng chiến đấu.

Tàu 69 đã cách bến gần 30 hải lý, đang cố hết sức để bỏ xa ánh sáng ma quái phía sau đang bám theo mình. Đột nhiên có một tàu cao tốc xuất hiện cách 69 không đầy một hải lý. Hồ Quan Phụng nhìn thấy một khối đen, đang vun vút lao vào mạn trái tàu của mình, anh chỉ kịp hét to :

-Tàu địch định chạy vượt qua .

Thuyền trưởng hạ lệnh cho Loan – chiến sĩ hàng hải :

-Đánh hết tay lái phải.

Tàu ta vừa chiếm được góc thuận lợi nhất thì tàu địch vào chỉ còn khoảng cách 20 đến 25 mét. Nó bật đèn pha và có tiếng kêu « Vi xi, vi xi .. ». Máy bay địch đến thả một tràng pháo sáng đang nổ lụp bụp trên đầu.

Khẩu đội 14,8 của Lưu Kim Nhật đã cướp thời cơ, găm vào tàu địch một loạt đạn dài, trung liên của Hải Hồ bồi tiếp. Khẩu trọng liên của địch nổ được nửa

băng vào tàu ta, còn nửa băng đạn lửa bay vọt lên trời. Tên Mỹ đứng trên đài quan sát, chiếu đèn pha bị trúng đạn, ngã bổ nhào xuống. Tàu địch bị hỏng máy, quay tròn tại chỗ.

Biên đội tàu địch ở phía sau xông tới, bắn như mưa vào tàu 69. Thủy thủ trưởng Dĩ hy sinh.

Thuyền trưởng Phước hạ lệnh thả thùng khói mù và cho quay tàu về hướng bến.

Đám khói đèn lên rồi trải rộng ra che khuất tàu của ta.

Chiếc máy bay C.130 thả một vành đai pháo sáng xung quanh đám khói. Biên đội tàu chiến địch xông vào tiến công đám khói. Chúng không ngờ tàu 69 đã ra khỏi đám khói mù từ lâu.

Tiếng súng địch xa dần. Lợi dụng khoảnh khắc yên tĩnh giữa hai đợt chiến đấu, anh em tranh thủ nạp đạn, thông nòng súng.

Chính trị viên Huyền thông báo động viên :

-Trong đợt chiến đấu vừa qua, chúng ta đã phá hủy một tàu và diệt một số tên địch. Toàn đội ta đã nêu cao tinh thần dũng cảm. Trận đánh còn có thể tiếp diễn, chúng ta phát huy tinh thần chiến thắng, kiên quyết đánh tan các đợt tiến công của địch, trả thù cho đ/c Dĩ

Tiếng nói của chính trị viên như thôi thúc, làm tăng thêm sự vững vàng, tin tưởng ở sức chiến đấu của đội mình. Ở các vị trí chiến đấu, anh em trao đổi với nhau những việc cần làm mà đợt chiến đấu vừa qua còn thiếu sót.

Nghe tiếng máy bay C.130 và một tràng tiếng nổ bực .. bực .. ở lưng trời, mọi người ngẩng nhìn chùm pháo sáng rồi lại nhìn khu vực mình được phân công quan sát.

Màu trắng của tàu 69 dần dần lộ rõ trên mặt biển. Cái màu trắng lúc bình thường duyên dáng đáng yêu, lúc này trở nên vô vị làm sao. Nhưng sự việc đã diễn ra như thế, không có cách nào lựa chọn khác là kiên quyết chiến đấu đến cùng.

Bé nhanh nhẹn trở về buồng máy. Nhật cầm còng súng 14,8 lia đường ngắm trên mặt biển. Hải Hồ đứng im lặng bên khẩu trung liên ghim trên trụ lan can tàu ..

Đạn pháo cỡ lớn từ chiếc hộ vệ hạm của Mỹ, từ hàng chục kilômet phóng về phía tàu 69 quả nổ xa, quả nổ gần. Thịnh thoảng lại có cột nước vọt lên cao, rồi như một trận mưa rắc xuống đầu mọi người.

Hải Hồ vẫn đứng ngắm về phía những tia chớp nhỏ chìm dưới chân sóng. Nếu đưa anh lên màn ảnh lúc này, người xem có thể tưởng đó là tư thế của nhà thơ, giữa lúc tứ thơ hình thành trong tư duy. Cái sống, cái chết của đợt chiến đấu sắp tới, anh đã dàn xếp ổn thỏa từ lúc bước chân xuống tàu. Trong tâm hồn anh lúc này không một chút rối ren mà chỉ thấy những hình ảnh chiến thắng ẩn hiện.

Anh em gác phía sau tàu báo cáo « Có ba chiếc CPF đang bám ta ». Hải Hồ nhanh nhẹn tì vai vào báng súng, quay nòng về phía địch chờ sẵn.

Bằng những chuỗi đạn lửa nối tiếp nhau không ngắt, từ tàu địch đạn chéo phía trước, phía sau tàu 69. Đạn va vào thành tàu kêu keng, keng ..

Chờ địch vào trong tầm bắn có hiệu quả, tàu 69 quật trả địch không kém phần ác liệt. Thập đặt nòng DKZ.57 lên vai quỳ bắn vào chiếc tàu gần nhất. Khẩu 14,8 do Lê Xuân Khảm siết cò, xia từng loạt đạn vào cái khối đen đang phun ra những chớp lửa. Những loạt đạn của Hải Hồ, của thuyền phó Hai Hân quyện vào muôn ngàn tiếng nổ khác.

Một viên đạn trúng bàn chân Hải Hồ. Anh cố giữ vững tư thế bắn để tiếp tục trận đánh, nhưng máu ra nhiều làm anh choáng váng, không còn nhìn thấy gì trước mặt. Hải Hồ bới Báu :

-Địch chỗ nào chỉ cho mình bắn với.

-Góc mạn phải phía sau 30 độ.

Hải Hồ nghiêng răng siết cò. Anh hy vọng đường đạn của mình sẽ góp phần uy hiếp kẻ địch.

Lát sau, Hải Hồ lại tỉnh táo. Anh cảm thấy bên bắp chân bị thương như có một sợi dây thép nung đỏ siết vào xương mình. Muốn chặt phăng cái bàn chân lắt lẻo vướng víu ấy, nhưng anh không còn đủ sức làm việc đó. Thấy thuyền phó Hân tới, Hải Hồ nói :

-Anh chặt cho tôi cái chân này, vướng quá.

-Ai lại làm thế.

Hải Hồ vẫn khấn khoản với Hân chặt đoạn ống chân bị gãy.

Hân ga rô lại vết thương cho Hải Hồ, rồi vội vã trở về vị trí của mình.

Trận chiến đang ở giờ phút nghiêm trọng nhất. Lời kêu gọi của bí thư chi bộ Tăng Văn Huyền vang lên « Các đồng chí hãy trả thù cho đồng chí Dĩ, hãy noi gương kiên cường dũng cảm chiến đấu của đ/c Hải Hồ. Tôi thay mặt chi bộ công nhận từ giờ phút này đ/c Hải hồ là đảng viên chính thức ».

Tiếng reo, tiếng kêu thét hòa vào tiếng nổ hỗn loạn.

-Trúng rồi, nó lui rồi.

-Thôi bắn, nó chạy xa rồi.

-Báo cáo thuyền trưởng : cháy .. cháy.

-Dập lửa ngay, ở đó có chất nổ.

-Vòi rồng đâu ?

Chính trị viên Huyền chạy bổ đến chỗ đám cháy ở cuối tàu. Máy thủy thủ đứng lặng trước cái vòi rồng đã bị đạn xuyên thủng nhiều chỗ. Ngọn lửa đỏ như máu đang phun ra trong đám khói đặc sệt. Làm gì để dập tắt đám cháy. Họ chờ đợi cái chết xem chừng khó tránh khỏi. Họ chờ khoảnh khắc nào đó, hàng tấn bộc phá sẽ nổ tung và thế là hết. Anh giáo viên trung cấp hàng hải Lê Xuân Khảm vẫn bình thản. Trong óc anh thoáng những hình ảnh xa xôi về người mẹ, người yêu và lời hứa hẹn lúc ra đi. « Chúng mình ra xa quá rồi, vào bờ không kịp nữa ». Nghe tiếng Nhật vừa nói như một âm thanh mơ hồ, không còn là tiếng nói của thường ngày.

-Các đồng chí hãy tìm cách cứu con tàu.

Chính Huyền cũng có khoảnh khắc đứng lặng bất lực, nhưng anh tự cảm thấy có điều gì hết sức vô lý với sự bất lực đó. Anh kêu lên « hãy tìm cách cứu tàu », nhưng chính anh cũng chưa nghĩ ra cách gì. Nói xong, Huyền chạy về phía buồng lái.

Câu nói của chính trị viên đến với Khảm niềm hy vọng mãnh liệt, sự băng lạnh của cái chết đã đến trong tâm hồn anh bỗng có một ngọn lửa xua tan. Khảm chạy theo sau Huyền.

Thanh Loan đang ngồi lái, nghe nói đám cháy phía sau chưa dập tắt được, vội rời bỏ vị trí, anh cố bới óc tìm cách cứu chữa và chợt nhớ tới nó. Mừng quá, Loan gọi Kiều lái thay, rồi vội vã chạy vào buồng lấy vòi rồng.

Vòi rồng dự trữ để trong buồng lái từ lâu, ít ai để ý đến, vì không ngờ lại có sự cố như thế này xảy ra.

Mọi người chạy theo Loan , vừa chạy vừa thúc nhau « nhanh lên ».

Phụng giật một đầu vòi rồng từ tay Loan để lắp vào máy bơm. Giây phút sau, một luồng nước từ vòi rồng phun ra trắng xóa dìm ngọn lửa xuống. Ngọn lửa dịu dần rồi tắt ngấm, chỉ còn những đụn khói đặc sệt tiếp tục tuôn ra.

Báu, Khảm, Nhật thay nhau chui vào đám khói để chặt đứt dây théo buộc những quả hỏa mù, rồi họ bưng những hộp sắt nóng bỏng đó vứt xuống biển. Bàn tay họ bị lột từng mảng da, nhưng họ cảm thấy vui mừng, sung sướng. Một lần nữa họ đã đẩy lùi được cái chết.

Ba chiếc tàu địch lại dàn đội hình tiến công vào tàu 69. Tiếng các loại đạn nổ dữ dội, những chuỗi lửa hình cầu vòng đan xung quanh tàu ta. Đơn vị bảo vệ bên đã nhìn rõ trận đánh đang diễn ra. Tàu 69 vừa chạy vừa bắn trả lại địch. Nhìn thấy bờ, mọi người mừng thầm. Phước bàn với Huyền : Tìm được cửa lạch là thượng sách, nếu không thì cứ lao vào bờ, nhanh chóng đưa thương binh tử sĩ lên bờ rồi phá hủy tàu.

Hai chiếc BCF (loại tàu tuần tiểu ven bờ cỡ nhỏ) cố ý chặn đường tàu 69. Thuyền trưởng vừa hạ lệnh « chú ý quan sát phía trước », ngay lúc đó, có lửa

đạn ở trong bờ bắn ra. Anh em sung sướng reo lên :

-Ở trong bờ chi viện cho chúng ta.

-Cửa vàm kia rồi.

Súng trong bờ, súng trên tàu 69 xả đạn như mưa, tạo ra một thế trận rất đẹp, vây địch từ hai phía. Hai chiếc tàu BCF vừa chống cự vừa tháo chạy.

Pháo sáng, máy bay địch thả cả một vùng rộng năm , sáu kilômet, sáng như ban ngày. Nhìn rõ cửa Vàm, Thanh Loan cho tàu lao vào.

Đến bến, anh chị em trong bến chạy xô tới, ôm lấy các thủy thủ. Vui mừng xúc động không ai cầm nổi nước mắt; mỗi người phải cố ghìm tiếng khóc đang nghẹn trong cổ họng cho khỏi bật ra.

Trên trời, 2 chiếc máy bay Thần sấm tức tối gào thét. Những loạt bom nổ vu vơ giữa rừng.

Một thủy thủ nhận xét :

- Cái thằng hải quân Mỹ ăn tham quá, khi không nuốt nổi mới gọi thằng không quân đến vét đĩa.

Chương tám

BỐN MŨI TIẾN CÔNG TÁO BẠO

Cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã tiến tới đỉnh cao quyết liệt nhất. Nhân dân và quân đội ta ở cả hai miền đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Khi đế quốc Mỹ ồ ạt tăng quân để thực hiện kế hoạch chiến lược “Tìm và diệt”, chúng huy động hầu hết những binh đoàn tinh nhuệ nhất : sư đoàn I “Anh cả đỏ”, sư đoàn “Lính cổ da” mở chiến dịch phản công

mang tên At-ten-bo-rơ nhưng đã thất bại thảm hại.

Cuộc chiến tranh phá hoại của chúng vào miền Bắc, với quy mô ngày càng ác liệt, muốn biến miền Bắc “trở lại thời kỳ đồ đá” không còn đủ sức chi viện cho miền Nam, nhưng trái lại miền Bắc vẫn đứng vững và việc chi viện cho tiền tuyến lớn không ngừng tăng lên. Trong lúc các mục tiêu chiến lược của Mỹ ở Việt Nam đều bị phá sản, thì phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới kể cả nhân dân Mỹ với khẩu hiệu “phản đối đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam” lên cao chưa từng thấy. Nhà trắng và Lầu Năm góc Mỹ lâm vào thế bị động, lúng túng đối phó ở mọi phía. Bộ Chính trị TW Đảng ra rất sáng suốt, nhìn thấy thời cơ chiến lược đã đến, đã lãnh đạo quân và dân miền Nam thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt giành thắng lợi to lớn vào giữa Tết Mậu Thân (1968).

Để góp phần chi viện cho tiền tuyến lớn giành thắng lợi trong trận đánh có ý nghĩa lịch sử ấy, Quân ủy TW và Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ đạo lực lượng vận tải chiến lược đường biển bằng mọi giá kịp thời tiếp tế vũ khí cho chiến trường.

Đoàn 125 nhận được một kế hoạch tuyệt mật từ Bộ Tổng tham mưu đưa xuống, chuẩn bị bốn chiếc tàu loại 100 tấn chở đầy vũ khí, sẽ vào bến đúng đêm ba mươi Tết. Mỗi chiếc tàu đi một hướng, nếu tàu nào bị lộ không được vào bến sẽ trở thành mũi nghi binh thu hút địch, để mũi khác rảnh rang tiến vào điểm đã định.

Tàu C.165 do thuyền trưởng Nguyễn Chánh Tâm chỉ huy đi vào bến Vàm Lũng (Cà Mau). Tàu C.235 do thuyền trưởng Phan Vinh chỉ huy, vào bến Hòn Hèo (Phú Khánh), tàu C.43 do thuyền trưởng Đắc Thắng chỉ huy, vào bên Đức Phổ (Quảng Ngãi), tàu C.56 do thuyền trưởng Ba (Râu) chỉ huy vào bến Bà Rịa.

Ngay từ đêm các đội tàu xuất phát, bộ phận B cục tác chiến, sở chỉ huy đoàn 125 luôn có người thường trực theo dõi. Những ngày đêm các đội tàu đã vào tới vùng biển địch kiểm soát, mỗi lo lắng của những người chỉ huy tăng lên. Tư lệnh Hải quân Nguyễn Bá Phát thường xuyên có mặt ở sở chỉ huy đoàn 125 để kịp thời giúp các đội tàu xử trí các tình huống phức tạp.

.. Khi nhận được bức điện của tàu C.235 “ Tôi đã thả hàng xong”, trong sở

chỉ huy đoàn 125 vui mừng xông vào. Thắng lợi ấy đã được tính toán tới ngay từ khi làm kế hoạch; đã gửi gắm hy vọng và tin tưởng vào đội tàu C.235, nhất là thuyền trưởng Phan Vinh, nhưng khi bức điện này tới, mọi người vẫn cảm thấy đột ngột.

Hồi 22 giờ 30 phút còn nhận được điện của thuyền trưởng Phan Vinh nói “Cách bờ 19 hải lý, gặp tàu và máy bay địch bám”, như vậy đội C.235 đã lườn lách thế nào mà vào được bến an toàn ?

Những người chỉ huy, ai cũng biết, đưa con tàu vào bến Hòn Hèo trong thời kỳ này là việc làm vượt xa sự táo bạo. Cái cửa hẹp để thắng lợi có thể lọt qua được là sự khéo léo, dũng cảm tuyệt vời trong việc lựa chọn thời cơ, mà thời cơ chỉ đến với không gian, thời gian ngắn ngủi nhỏ nhoi, đúng lúc, đúng chỗ địch sơ hở. Bến Hòn Hèo chỉ cách Nha Trang khoảng 12 kilomet, gần quân cảng Cam Ranh, nơi hang ổ của hải quân địch. Hai căn cứ rada gần đó, cùng với tàu chiến, máy bay trinh sát, tuần tiễu không hờ một phút.

Thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh thật xứng đáng với niềm tin cậy của lãnh đạo. Tên anh được những người chỉ huy hải quân có mặt ở sở chỉ huy đoàn 125 nhắc đến như niềm tự hào của chính mình. Người vui nhất lúc này là trung úy tiểu ban tác chiến Trần phong. Phan Vinh là bạn tri kỉ của anh. Cái thắng bạn con chấy cắn đôi ấy đã lập được kỳ công. Nó đã đem lại vinh dự cho bạn bè.

Các đồng chí chỉ huy người đứng, người ngồi trước một cái bàn lớn, trải hải đồ ở trên. Ngọn đèn măng-sông sáng lóa. Khói thuốc lá bay như một lớp sương mỏng khắp căn hầm. Từng nhóm trao đổi cảm nghĩ của mình. Tiếng chính ủy Phúc trầm ngâm :

-Bây giờ là 2 giờ 30, vẫn có khả năng ra kịp.

Chính ủy Phúc ngoảnh lại hỏi anh trợ lý thông tin :

-Bức điện biểu dương C.235 đã gửi chưa ?

-Báo cáo. Gửi rồi !

Tiếng trung tá Huỳnh Công Đạo vang lên :

-Alo .. này .. đồng chí động viên anh em canh máy theo dõi xem C.43 và C.165 có gọi về không. Alo .. C.56 à ..ừ ..ừ .. chúng tôi rất nóng mong tin của nó. Động viên anh em trực canh không được rời máy một phút.

Không khí trong sở chỉ huy bỗng lắng xuống. Mọi người nhìn về phía đoàn phó Huỳnh Công Đạo chờ đợi, lo lắng. Đạo bỗng ổng nghe, cúi xuống xem hải đồ, rồi nói :

-C.156 và C.43 có thể xảy ra chiến đấu, đến bây giờ vẫn chưa có tin gì. C.56 đang gặp ba tàu địch ở khoảng này. Đạo đưa ngón tay xuống một điểm trên hải đồ. Chúng phát tín hiệu yêu cầu ta dừng máy. Máy bay thả pháo sáng, tàu ta vẫn đi. Cán bộ thuyền C.56 nhận định có thể xảy ra chiến đấu. Khả năng C.56 hôm nay vẫn chưa có thể vào được.

Mọi người góp một ý kiến về cách xử trí cho tàu C.56. Nếu cứ cho tiếp tục vào sẽ xảy ra chiến đấu. Cho nó quay ra liệu có tránh được không. Thôi cứ cho nó ra để thu hút địch. Địch chẳng đã bám C.56 ba ngày liền mà không dám nổ súng là gì ..

Đang bàn bạc sôi nổi chưa ngã ngũ việc xử trí của C.56 nên thế nào, thì nhận được điện của tàu C.235. Bức điện cọc lốc “ Tôi bị tàu chiến, máy bay địch phát hiện – Phan Vinh”.

Sở chỉ huy bỗng im phắc. Tiếng rào rào nhẹ nhẹ của mấy con dơi đang chao đi chao lại xung quanh đèn. Khuôn mặt các cán bộ đều đăm chiêu.

Chưa năm hết kết quả trận tiến công “4 mũi” này, nhưng mọi người đều thấy thắng lợi rất hạn chế. Không biết những anh em đi trên những con tàu ấy ra sao. Trần Phong nghĩ nhiều đến Phan Vinh. Mới 10 ngày qua, hôm chia tay nhau, Vinh siết chặt tay mình tạm biệt “hẹn gặp nhau trong ngày quang vinh”, nhưng làm sao có thể lường hết được những gì xảy ra trong chiến tranh. Nỗi lo lắng chung, nỗi thương nhớ bạn cằn cào xé ruột, xé gan. Tiếng nói, hình ảnh của Vinh như còn đâu đây “ mày có bộ cánh nào khá hơn đưa tao mặc để đi kiếm cô vợ ..”, “Thôi hãy xếp lại. Tao thấy lúc này suy nghĩ nhiều đến riêng tư sẽ khó tiến bước”. “Trời gầm, cái đầu tao cũng không thay đổi .. tao đã tình nguyện làm con lạc đà trong bãi sa mạc cách mạng ..”, “Mày sẽ lục trong va-li của tao, cái gì cần mày cứ lấy, đưa cho thằng Châu hộp dao bào, cho thằng Thanh những thứ gì để nó chuẩn bị cưới vợ, đưa cho

anh Sử tao mấy chục ..”. Liệu những lời lẽ đó có phải là lời trắng chối cuối cùng không ? Đến nay là hơn hai chục năm liên tục chiến đấu, công tác chưa có lúc nào cậu ấy dừng lại tính toán cho riêng mình. Ngay cả số lương hàng tháng cậu ấy cũng đem chia cho bạn bè nào gặp khó khăn. Chưa bao giờ Trần Phong thấy rõ phẩm chất cao quý của Phan Vinh như giờ phút này. “ Dù có chết giữa biển cả vì lý tưởng cao đẹp còn hơn cuộc sống yên ổn tầm thường”. Lý tưởng ấy đã trở thành sức mạnh, không có khó khăn, nguy hiểm nào có thể lay chuyển được tinh thần cách mạng của Phan Vinh.

Phó đoàn Đạo , chính ủy Phúc trực suốt ngày đêm để chờ một dòng điện của các đội tàu C.235, C.165, C.43 gửi về, nhưng vẫn biệt vô âm tín.

Qua nhiều ngày không liên lạc được, thấy không còn hy vọng, Đạo hạ lệnh cho thông tin nghỉ thu canh.

Mọi người xoay sang tìm nguồn tin của những con tàu ấy qua các đài phát thanh công khai của địch. Vào các giờ chúng đưa tin chiến sự, các cán bộ chỉ huy, tham mưu cắt canh nhau nghe đài BBC, đài Tự do, đài phát thanh Sài Gòn.

Hồi 13 giờ ngày 24-3-1968 nghe đài Tự do giới thiệu có tường thuật đặc biệt một trận đánh trên biển. Các cán bộ chỉ huy đoàn 125 gọi nhau tới ngồi xúm quanh chiếc đài thu bán dẫn. Tiếng lè nhè của phát thanh viên nói :

“ Đây là bài tường thuật vụ đuổi bắt chiếc “tàu ma” ở Nha Trang”. Nghe tới đó mọi người biết là nó đang nói tới chiếc tàu của Nguyễn Phan Vinh. Chính ủy Phúc thở dài nặng nhọc. Anh vắn núm âm lượng cho đài nói to hơn.

..” Cộng sản được lệnh chuẩn bị tăng cường lực lượng vũ khí nhất là bằng đường biển ở Nha Trang.

Hồi 19 giờ 30 ngày 29 tháng 2, phi cơ không tuần của hải quân báo cáo phát hiện nhiều tàu lạ ở ngoài khơi hải phận quốc tế. Gần hải phận Việt Nam có ba, bốn tàu lạ sắp vào hải phận chúng ta ..

Sau khi một chiếc xâm nhập vùng 2 duyên hải lúc 22 giờ (29-2), chiến hạm Ngọc Hồi, H.Q 617, bốn thuyền của duyên đoàn 25 được chỉ thị chặn bắt sống tàu này. Công việc săn đuổi “tàu ma” vô cùng hồi hộp. Trong đêm tối,

tàu ta và tàu địch đuổi nhau trên biển. Lúc 22 giờ 30 tàu lạ còn cách Hòn Hèo 10 hải lý, có tốc độ 10 hải lý/giờ. Tàu ta không thả đèn phải theo dõi bằng rada. Tàu địch bị lộ. Lúc 2 giờ (1-3) cách Hòn Hèo năm hải lý, sau đó tàu lạ chạy vào bờ lẩn trốn. Hồi 1 giờ 36 phút, chiến hạm Ngọc Hồi dùng rada phát hiện được tàu địch, HQ.12. HQ.17 và các thuyền ta đang tìm cách chặn bắt tàu trên. Lúc này, tàu ta được lệnh thả đèn, tàu không thả đèn là tàu địch bị khép chặt vào giữa, trong là bờ cạn. Sau hơn một giờ tìm kiếm, địch không chạy thoát. Lúc 1 giờ 51 phút ngày 1 tháng 3, bộ chỉ huy ra lệnh bật đèn sáng và tàu ở sát bờ không đèn là tàu địch. Đến 2 giờ 20 phút, ta nhận thấy một tàu nằm sát bờ sau khi đã xác minh chính xác, các tàu được lệnh bắn các loại súng lớn nhỏ từ 12,7 trở xuống với ý định bắt sống tàu. Các pháo lớn bắn vào bờ không cho địch trên tàu tẩu thoát, đồng thời gọi phi cơ đến thả hỏa châu soi sáng. Biết không thể nào tẩu thoát, Việt Cộng ở trên tàu và ở trên bờ đã phản pháo. Lực lượng trên bờ của địch khoảng một tiểu đoàn, có lẽ đã nhận nhiệm vụ yểm trợ tàu. Biết vậy, các chiến hạm của ta đã lệnh bắn pháo lớn vào tàu địch. Sau 30 phút chống trả, tàu địch bốc cháy. Thời gian này phi cơ được gọi đến bắn phá dọn đường ở dọc biển cho một cuộc lục soát. Đến 2 giờ 41 phút (1-3), chỉ huy trưởng vùng 2 chiến thuật chỉ thị đổ bộ ngay trước khi trời sáng, nhưng vì hỏa lực Việt Cộng bắn ra dữ dội nên lực lượng đổ bộ phải rút lui chờ quân chi viện ..”.

Nghe xong bài tường thuật lung ca lung củng của đài Tự do, anh em đưa ra nhiều nhận xét. Bọn chúng không bao giờ dám đưa ra hết sự thật, mà đã phải nói tới một trận đánh trả quyết liệt và không thu được kết quả gì rõ rệt, như vậy chắc chắn chúng sẽ bị thiệt hại lớn. Ở bến, từ lâu ta đã mất liên lạc, lực lượng nào có pháo lớn phối hợp với tàu lên, đã bị đánh phải bốc quân đi. Anh em tàu C.235 hay ai đánh ? .. Cuối cùng, các thủ trưởng đoàn 125 dựa vào bức điện của thuyền trưởng Phan Vinh báo cáo “ .. đã thả hết hàng” và tin địch vừa đưa, để sơ bộ kết luận : .. như vậy là tàu C.235 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhiều công việc khác thúc bách cán bộ chỉ huy đoàn 125 rời khỏi sở chỉ huy. Nhưng những con tàu biệt tăm kia vẫn còn khắc khoải trong tâm trí mọi người. Mỗi lần họp với cấp trên hoặc có một chuyến đi nào đó vừa trở về, các thủ trưởng đoàn thường tìm hỏi : Có tin gì thêm không ? Và mỗi lần đồng chí trợ lý tác chiến báo cáo có tin của bến nói về tàu C.165, trên cho biết thêm về tàu C.43, là các anh lại vớ lấy cuốn sổ điện, đọc ngẫu nhiên.

Hôm ấy, chính ủy đoàn vừa đi họp trên Bộ tư lệnh để nhận nhiệm vụ mới trở về thì nhận được thư của căn cứ sơ tán di tham mưu trưởng Nguyễn Văn Tê viết .. “ Anh em tàu C.56 đã trở về an toàn” – Chính ủy đọc một đoạn lại dừng, vì hình ảnh anh em trên những con tàu biệt tăm kia dồn dập hiện lên trong óc, làm anh phân tán tư tưởng. Anh đọc tiếp “ Sức khỏe anh em giảm sút nhiều. Tinh thần căng thẳng mệt mỏi nhưng không có hiện tượng tỏ ra tiêu cực. Gần nửa tháng đi trên biển, địch bám sát, anh em dũng cảm mưu trí né tránh, quyết tâm đưa hàng vào bến”. Đ/c Ba (thuyền trưởng) kể : “ Khi chuyển hướng vào bờ có một máy bat trinh sát địch lượn hai vòng rồi đi thẳng. Không có hiện tượng rada theo dõi. Đến khoảng 7 giờ tối, có bảy, tám ánh đèn tàu dàn hình vòng cung chặn đường. Chúng tôi cho tàu lao thẳng chẻ đôi đội hình tàu kia. Đến nơi mới rõ là tàu địch cản đường mình. Tôi cho tàu bẻ góc 80 độ, tự nhiên dây đèn tàu kia tắt dần. Khi tàu ta lại quay hướng vào bờ, thì các đèn đó lại bật sáng. Cùng lúc, đ/c Ngọc thuyền phó phát hiện một tuyến đèn tàu nữa ở gần bờ, tôi lại cho tàu quặt lên hướng bắc 0 độ. Tất cả những tuyến đèn kia đều tắt hết. Cấp ủy, chúng tôi họp xác định : địch đã biết rõ hướng tàu ta vào, quyết định cho tàu mình quay ra. Vừa quay ra một đoạn, thì đèn pha trên một tàu địch phục sẵn chiếu thẳng vào chúng tôi. Nó phát tín hiệu “ đứng lại không sẽ bắn”. Tôi hội ý với anh Sạn chính trị viên thống nhất nhận định : có thể xảy ra chiến đấu. Toàn tàu anh em sẵn sàng đánh. Tôi hạ lệnh tàu bật đèn hành trình như các tàu đánh cá bình thường. Nó bắn một loạt đạn 20, hai phát đạn 57 phía trước mũi, và phía sau tàu ta. Tàu ta bị gãy cột ăng-ten. Ban chỉ huy tàu chúng tôi (Ba, Ngọc, Sạn) đứng trên đài chỉ huy thấy địch bắn cao, phán đoán như vậy là nó vẫn còn bắn dọa. Tôi nhắc anh em không được nổ súng khi chưa có lệnh.

Máy bay địch đến thả pháo sáng. Một tàu khu trục địch thả trôi đèn trước mũi tàu chúng tôi. Nó phát tín hiệu “ Dừng lại, không tôi bắn”. Chúng tôi tiếp tục đi tới gần, trông rõ cả số 67 trên mạn tàu khu trục. Anh em đều có ý nghĩ, chúng kèm chặt đến sáng mai chúng mới đánh. Sáng hôm sau, vẫn chiếc tàu khu trục 67 bám theo. Nó đi rất gần. Nó lại phát tín hiệu đòi chúng tôi dừng lại nếu không sẽ nổ súng. Chúng tôi không trả lời. Nó bắn một phát 57 đón trước mũi tàu ta. Ngay lúc đó chúng tôi nhận được lệnh cho tàu trở về ..

Thư này sơ bộ báo cáo các anh biết một vài diễn biến của tàu C.56. Tôi sẽ

hướng dẫn anh em rút kinh nghiệm gửi về sau. Hiện nay, anh em đang nghỉ. Râu tóc cậu nào cậu ấy mọc rậm cứ như người rừng. Nhất là Ba “Râu”, không còn nhận ra được nữa. Anh em gửi lời thăm sức khỏe các anh”.

Đọc xong bức thư, chính ủy nói với phó đoàn trưởng :

-Như vậy là đi bốn về được một. Chuyện hy sinh tổn thấy mình đã lường trước là khó tránh nhưng vẫn thấy đau quá. Tàu mất còn chịu được, chứ người thì .. toàn là những chiến sĩ ưu tú kiên cường, lão luyện đi biển. Đào tạo được một thuyền trưởng như Phan Vinh đâu phải dễ.

-Trước chuyến đi tôi nói đùa với cậu Vinh “ Việc lấy vợ cậu để chúng mình tìm cho, sau chuyến này về cưới” – Đoàn phó nhắc đến Phan Vinh bằng tình cảm hết sức đặc biệt, như nói tới người em ruột mình đang ở rất xa – Tính cậu ấy cũng lạ. Nói là kén vợ thì cũng chưa hẳn như vậy, nhưng chẳng hiểu nhiều đám cũng khá, nhìn hình thức thì ưng nhưng gặp gỡ nhau vài lần lại chê “lý tưởng yế”. Cậu ấy nêu tiêu chuẩn vợ đẹp cần vừa phải nhưng tâm hồn phải cao thượng. Có ai đó giới thiệu một cô chiến sĩ thi đua của nhà máy dệt Nam Định. Được mấy ngày phép, cậu ấy nhảy xổ xuống Nam Định để tìm hiểu. Khi trở về hỏi .. “ Thế nào ?” .. Cậu ấy trả lời “ Cô ầu có thể trở thành anh hùng, nhưng là vợ tôi thì còn phải xem xét đã”. Tôi có ý định bàn bạc kỹ với cậu ấy về việc lo liệu vợ con cho nó ổn định. Năm nay 32 tuổi rồi còn gì. Nhưng rồi công việc bận bịu cứ lôi đi, chưa giúp đỡ cậu ấy được gì cả. Bây giờ cảm thấy ân hận ..

Lắng nghe đoàn phó Đạo nói, mắt chính ủy Phúc nhìn đăm đăm vào khoảng không. Anh cũng có cảm nghĩ giống như Đạo : mình lo việc chung thì không đến nỗi .. nhưng chăm lo đến đời sống riêng của anh em thì chưa được bao nhiêu ..

Tuy chưa ai biết ai còn ai mất, nhưng cảm nghĩ chung của người ở nhà về tổn thất vừa qua là lớn. Mỗi lúc rảnh rỗi, anh em thường nhắc đến kỷ niệm của từng người đã đi xa ấy.

Bước vào năm 1968, đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề ở hai miền Nam – Bắc nước ta. Sau thắng lợi to lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt

Tết mậu thân của quân dân ta ở miền Nam. Giôn-xơn buộc phải ngừng ném bom miền Bắc. Nhưng bản chất ngoan cố, hiếu chiến và nham hiểm, xảo quyệt của chúng không hề thay đổi. Đế quốc Mỹ vẫn dồn sức vào ngăn chặn đường chiến lược Trường Sơn, gây cho ta không ít khó khăn. Đoàn 125 trong lúc tạm ngừng trên tuyến đường biển Nam-Bắc, đã ghé vai giải quyết một phần khó khăn của tuyến vận tải bộ, bằng cách đưa hàng từ Hải Phòng vào cảng Sông Gianh lập chân hàng cho Đường mòn Hồ Chí Minh. Công việc bề bộn xô tới nhưng không thể làm cho mọi người lãng quên “những chuyến tàu bất tin”. Họ vẫn theo dõi và lâu lâu lại có một tin đưa tới với nội dung thật bất ngờ và xúc động :

-Anh em đội tàu C.235 sau khi thả hết hàng, gặp địch đã chiến đấu dũng cảm, bắn đắm một tàu địch. Thuyền trưởng Phan Vinh cùng một số thủy thủ đã chiến đấu với một tiểu đoàn địch có máy bay, tàu chiến yểm hộ, buộc địch phải rút lui. Toàn đội C.235 còn lại năm người, đã mở một cuộc hành quân cực kỳ gian khổ để trở về đơn vị.

-Đội tàu C.43 do thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng và chính trị viên Tuấn chỉ huy, gặp địch còn cách bờ 20 hải lý, đã chiến đấu với tàu chiến và máy bay địch. Bắn chìm và bắn hỏng một tàu, bắn rơi một máy bay địch. Sau đó đã phá hủy tàu rồi bơi vào bờ. Anh em đã hành quân vượt Trường Sơn trở về đơn vị.

Riêng tàu C.165 lần lượt đưa về nhiều tin khác nhau. Anh em ở bến báo cáo : đêm 29 – 2 – 1968, anh em gác nhìn ra biển thấy có nhiều ánh chớp và đường đạn lửa vạch lên trời. Địch thả pháo sáng ở khu vực lửa đạn. Anh em phán đoán có một trận đánh ở khơi xa. Trận đánh kéo dài chừng 30 phút, bỗng có ánh chớp lóa phụt từ mặt biển lên cao rồi tung ra như pháo hoa. Chỉ thấy ánh đèn pha quét ngang dọc. Ngay hôm sau, anh em ở bến cử người đi ven theo biển tìm kiếm anh em ta có ai trôi giạt vào không. Mấy ngày đi tìm chỉ thấy những mảnh gỗ bị trôi giạt vào bờ. Ít lâu sau, anh em trong đoàn lại truyền nhau câu chuyện nữa về những chiến sĩ cảm tử C.165. Không rõ nguồn tin ở đâu ? Có người nói qua tình báo ta thu lượm, do một tên lính ngự đã dự trận chiến đấu đó kể lại. Khi gặp địch, anh em nổ súng trước bắn chìm một tuần tiễu của địch. Nhiều tàu địch dùng pháo bắn, tàu C.165 bị hỏng máy. Thấy anh em ngừng bắn, chúng cho hai chiếc tàu tuần tiễu (cỡ nhỏ) áp mạn C.165 với ý định bắt sống. Hai chiếc tàu địch vừa áp mạn thì C.165 nổ tung, cả ba

chiếc tàu cùng chìm nghỉm.

Tất cả những câu chuyện về những chiếc tàu “mất tích” lúc đầu chỉ có một số cán bộ biết, sau lan rộng dần ra toàn đoàn. Anh em say sưa kể cho nhau nghe về những truyền thuyết của những người bất tử.

Trong câu chuyện về “những đội tàu mất tích”, thực hư thế nào, chúng ta hãy theo dõi những gì đã diễn ra trong chuyến đi đặc biệt của họ.

.. Tàu C.235 đi trên biển đến ngày thứ năm thì máy bay địch phát hiện.

Thuyền trưởng Phan Vinh đứng trên đài quan sát, mắt anh không rời chiếc máy bay địch. Khi máy bay địch bay đi, Vinh ném theo một câu “chúng mày định giờ trò gì đây?”. Câu nói đó đang bắt thuyền trưởng phải giải đáp.

Mỗi khi gặp tình huống phức tạp, Lâm Quang Tuyến, chiến sĩ hàng hải thường thăm dò thái độ của thuyền trưởng. Dường như làm thế anh thấy vững tâm hơn. Lần này khi máy bay địch đã bay đi lâu rồi, chốc chốc Tuyến lại nhìn sang phía thuyền trưởng. Anh vẫn thấy thuyền trưởng của mình giữ vững tư thế, hai tay bám vào lan can, người hơi rướn về phía trước, khuôn mặt trái xoan gân guốc già hơn lúc bình thường tới vài tuổi. Dáng dấp tươi trẻ trên khuôn mặt đẹp trai của thuyền trưởng đã mất đi một phần. Nhưng vẻ đẹp khác của anh lại được biểu hiện rõ rệt hơn, đó là sự bình tĩnh, tự tin. Lúc bình thường, anh em thường nói đùa “thuyền trưởng có số đào hoa”, thì bây giờ anh có sức hấp dẫn cấp dưới mình sẵn sàng lao vào nơi nguy hiểm để giành thắng lợi.

Từ ngày đầu chung sống trong đội tàu, các thủy thủ đội C.235 đã “mê” thuyền trưởng Phan Vinh. Không riêng trong đội mà toàn đoàn 125 đều khen anh là người thuyền trưởng tài năng, dũng cảm, đã giành thắng lợi 11 chuyến đi. Không phạm sai sót gì đáng kể. Anh đã dành tình cảm của mình cho con tàu, cho con đường đầy sóng gió, cho các thủy thủ trong đội của mình. Hôm trước, trong lúc thư thái, Tuyến ngồi một mình ở mũi tàu ngắm trời, ngắm biển. Vinh lại ngồi bên, hỏi Tuyến :

-Cậu đang nhớ người ở đất liền phải không ?

Tuyển cười hóm hỉnh :

-Tôi đang nghĩ đến giải phóng miền Nam..

-Vào lúc rảnh rang như thế này, mình thường nghĩ đến một người bạn gái. Cho phép mình suy diễn nhé. Vừa rồi cậu nhớ đến cô ả nào đó chứ đâu có chuyện nghĩ tới quốc gia đại sự.

Tuyển cười xòa, thừa nhận như vậy, rồi cả hai thổ lộ chuyện riêng tư như đôi bạn. Lúc này, Tuyển càng thấy thương yêu và kính phục người chỉ huy của mình.

Mấy hôm nay, toàn đội ăn chế độ “tự do” có nhiều thức ăn, nhưng mỗi bữa Vinh chỉ ăn một lưng cơm và uống một ly rượu. Anh em tỏ ra lo lắng cho sức khỏe của thuyền trưởng.

Máy bay địch đi được một lát. Mùi mang lên đài chỉ huy một tô moến và một đĩa cỗ cánh gà. Vinh thấy tiếng bát đũa va nhau, anh ngoảnh lại hỏi Mùi :

- Có chất cay nữa chứ ?

Mùi rút chai rượu từ trong túi quần ra, giơ lên :

- Chừng này liệu đủ ấm bụng chưa ?

Vinh dặn Tuyển quan sát, rồi ngồi xuống mâm rượu. Anh đỡ ca rượu của Mùi đưa cho tợp một ngụm ngon lành. Vinh hỏi Mùi :

-Anh có biết tại sao khi uống một ly rượu vào làm trong người ta khoan khoái lâng lâng lúc đi khơi xa không ?

-Hơi men kích thích làm cho nhịp tim đập mạnh hơn, máu lưu thông thì trong cơ thể ta thấy dễ chịu.

-Còn gì nữa ?

-Càng uống thần kinh càng giãn nở và yếu dần không tiếp thu nổi các đề tài suy nghĩ phức tạp, lắt léo. Anh thấy đấy, người say rượu thường suy nghĩ thiếu chín chắn.

Phan Vinh cười ha hả thú vị :

- Suy luận về hoạt động chức năng của cơ thể con người của ông thợ máy thật dễ hiểu. Người say rượu giống bộ máy khi sợi dây chuyển lực bị nhúng vào dầu nhờn “ Khà .. khà . khà ..”. Thật tuyệt . Uống quá vào một chút, thần kinh lại bị tuột “cua roa”, khi gặp địch lại phải đâm vào ngực đọc bài thần chú mới tỉnh (Một câu chuyện vui, anh em đoàn 125 thương hay nhắc lại : Một lần tàu vào Trà Vinh mắc cạn. Đồng chí X, ở lại bảo vệ tàu. Thấy máy bay địch đến, anh hồi hộp quá nhưng tự trấn tĩnh, bằng cách đâm vào ngực mình và nói : X ơi ! Mày quên rồi à, hồi 9 năm mày đã từng là xạ thủ diệt bao nhiêu là địch).

Chuyện trò vui vẻ của thuyền trưởng làm cho mọi người vui lây.

Ăn uống xong, Mùi cầm bát xương gà hất xuống biển, tuột tay liệng luôn cả bát. Lại một trận cười nữa rộ lên.

Tàu sắp đến điểm chuyển hướng. Thuyền trưởng Vinh và thuyền phó Đàm Văn Nhi xách máy ra đo mặt trời. Thu thập được đủ số liệu thiên văn, hai anh cùng vào phòng hàng hải để tính toán. Trên bàn đặt một chồng sách bảng tra số liệu thiên văn. Mỗi tập sách dày hai ba trăm trang.

Vinh bảo Tuyển, chiến sĩ hàng hải :

-Cậu tìm cho “đen ta tê một” khoảng trang 15 – 16.

Tuyển giở trang 15 thấy ngay hàng số mình cần tìm.

Một lát sau Vinh lại bảo :

-Tìm bảng 8, số trang khoảng 50.

Tuyển giở bảng tra, thấy ngay tham số gốc X ở trang 50. Tuyển phục trí nhớ của thuyền trưởng. Cả về đo đạc tính toán, đáp số anh tìm được bao giờ cũng nhanh. Khi tính toán xong, Vinh có động tác như một thầy giáo, hỏi Pi bao nhiêu ? Lăm-đa bao nhiêu ? .. Anh xem xong mới xòe đáp số của mình ra.

Vinh đánh dấu lên hải đồ đoạn đường vừa tìm được. Nhìn đoạn đường vừa tính vượt qua điểm dự định chuyển hướng khoảng 10 hải lý về phía nam, Tuyến toan hỏi nhưng Vinh đã nói trước :

-Chúng ta sẽ đi vào con đường địch hoàn toàn bất ngờ.

Nhìn điểm chuyển hướng của thuyền trưởng vừa chấm trên hải đồ, Tuyến vẽ một con đường thẳng tưởng tượng trong óc, thấy tàu của mình sẽ qua Hòn Lớn sát Cam Ranh. Nếu đi đường này sẽ phải ngoặt trở lại phía bắc, qua sát một bãi cạn, “trèo” qua bãi đá ngầm có độ sâu chừng 10 mét, rồi vào Hòn Một ... Tuyến đường hết sức mạo hiểm, nếu người thuyền trưởng nào không gan góc và tự tin vào tài năng của mình thì không giám nghĩ đến.

Tàu C.235 vừa qua Hòn Một đã thấy dây đèn trước mặt. Dự kiến xử trí của thuyền trưởng : trong lúc địch không ngờ ta ở phía nam lên, tàu ta tắt hết đèn hành trình lách qua đội hình tàu địch, đã được chỉ ủy đồng ý.

Tất cả thủy thủ vào vị trí sẵn sàng chiến đấu. Thuyền phó Nhi đi tới từng vị trí kiểm tra và nhắc lại lệnh của thuyền trưởng “Khi nào có lệnh mới được nổ súng”. Không khí vô cùng căng thẳng. Liệu tàu của mình có lọt qua nổi không ?

Tàu địch vẫn dàn sẵn đội hình. Những tàu lớn cách vài hải lý, thả trôi phía ngoài, nhưng hải thuyền loại PCF, Bo Bo, Mai-cơ lừng xăng chạy ở tuyến trong.

Ta vừa bắt được tin qua máy bộ đàm của địch báo cho nhau “ Tối nay có một chiếc tàu Việt cộng chạy vào hướng nam, hiện nay mất hút, phải tuần cảnh cẩn mật. Tàu nào không có đèn là tàu Việt cộng “. Khi tới gần khu vực tàu địch, thuyền trưởng Phan Vinh hạ lệnh bật đèn hành trình và cho tàu đi xen vào đội hình hải thuyền địch. Con tàu dường như cũng có linh hồn, nó cảm thấy mình đang đi giữa nơi nguy hiểm, tiếng máy bỗng trầm xuống êm hơn tiếng sóng, chân vịt thôi không gây ra một vệt bọt sáng kéo dài như trước; nó nhẹ nhàng lách qua giữa khoảng cách của hai chiếc Mai-cơ như anh lính đặc công trườn mình qua hàng rào thép gai.

Nhìn thấy bờ chỉ còn cách vài trăm mét nữa, mà bọn địch chưa hề biết, anh em thở phào. Sắp ổn rồi, còn việc giao hàng nữa là hoàn thành nhiệm vụ.

Thuyền trưởng Phan Vinh từ đài chỉ huy xuống đứng bên mạn tàu, chớp đèn tín hiệu gọi bến. Một lần, hai lần, chớp đèn lần thứ ba .. thứ bốn, nhìn vào bờ vẫn thấy tối đen và lặng thinh không có tín hiệu đáp lại. Máy trưởng Mùi thở dài :

-Chờ khuya quá, chắc quân ta đi ngủ rồi, nên không có người đón.

Tiếp lời thuyền trưởng, chính trị viên Tương động viên :

-Đã năm sáu ngày đêm sóng gió vất vả, mệt mỏi .. nhưng không có cách nào khác. Địch đang ở bên cạnh chúng ta, nếu chờ đợi liên lạc với bến sẽ mất thời gian .. chúng ta hãy dồn sức lực làm thật nhanh ..

Chính trị viên chưa nói dứt lời, ở dưới hầm hàng đã nói :

-Nào .. chuyển nhanh lên !

-Chú ý nghe tôi phân công cảnh giới. Mai gác sườn phải. Tu sườn trái. Thứ sau lái .. Chú ý quan sát thấy hiện tượng gì khác báo cáo ngay.

-Xuống hầm hàng thêm một người nữa !

-Hai chúng tôi đủ rồi. Nào cố lên nào !

-Liệu con kiến có cống nổi con sâu to hơn mình không.

-Cứ yên trí !

Tiếng lịch kịch , lục cục, tiếng ho khan, tiếng thở dốc bị tiếng sóng biển đè lên. Dây chuyền chuyển hàng đã được luyện tập, bây giờ khép kín hơn, không có động tác thừa, không có khâu nào chậm chạp. Sức mỗi người như có liều thuốc thần diệu nào đó kích thích, tăng lên gấp rưỡi, gấp đôi. Hòm hàng 50 kilogam cùng một người vác, 60 kilogam cũng chỉ có một người. Những hòm hàng to nhỏ đang loang loáng tuôn chảy từ hầm tàu qua mặt khoang rồi xuống biển.

Mọi người vừa chuyển hàng vừa bàn tán :

-Ngoài biển sao có nhiều đèn sáng thế nhỉ ?

-Pháo sáng.

Thuyền trưởng gọi đồng chí báo vụ :

-Đồng chí đánh điện báo cáo về đoàn, tàu của chúng ta đã thả hết hàng.

Tiếng chuông điện báo động liên hồi, Không khí bỗng hết sức khẩn trương.
Tiếng chân chạy, tiếng gọi nhau vội vã :

-Báo động, về vị trí chiến đấu.

-Anh Vinh đâu ? Điện của đoàn chúc mừng thắng lợi của tàu chúng ta.

-Anh ấy trên đài chỉ huy.

-Phong hử ?

-Tuyển đó ư ? Tao lên đạn rồi, chỉ còn chờ nó tới gần.

-Tao mà tiếp đạn thì mày thả sức bắn.

Trên tàu C.235, trật tự lao động đã biến đổi thành trật tự của đội hình chiến đấu chỉ trong vài giây. Thuyền trưởng Phan Vinh, chính trị viên Tương đã đứng trên đài chỉ huy đang dõi theo những ánh đèn pha nhiều màu đan nhau ở phía ngoài tàu mình .

Tàu ta đã nổ máy sẵn sàng cơ động. Các thủy thủ đã đặt ngón tay lên cò súng , đợi lệnh.

Pháo sáng, ánh đèn pha, đèn tàu nhích dần vào trong vịnh. Bọn Mỹ ở đây hiện lên như những con quái vật , có những cặp mắt luôn luôn dõi mày và bàn tay xòe ra với các loại móng vuốt muốn bóp nát con tàu C.235 nhỏ bé.

Một chiếc PCF lao qua cửa vịnh, chiếc khác lao tiếp .. rồi chúng rọi đèn pha về phía tàu ta.

Thuyền trưởng Phan Vinh hét to :

-Bắn !

Hạ sĩ Hà Minh Nhật phóng một phát DKZ vào chiếc tàu PCF gần nhất, các loại hỏa lực khác của ta bồi tiếp theo. Chiếc PCF bị trúng đạn, tuôn ra một luồng khói đen, rồi chệnh choạng quay tròn tại chỗ. Một chiếc PCF khác vào tiếp.

Khẩu trọng liên của trung sĩ Nguyễn Văn Phong liên tiếp phun những luồng lửa vàng chói, giăng vào tàu địch. Các loại trung liên, tiểu liên trên tàu C.235 rung lên từng nhịp, hướng vào chiếc hải thuyền của địch. Tiếng đạn nổ, tiếng thép va vào thép, tiếng gầm rít của máy. Những chuỗi lửa đạn đan nhau rối mắt. Vùng biển Hòn Hèo như đang bị sấm sét đốt cháy.

Những tàu cỡ nhỏ của địch không chịu đựng được nổi cuộc tiến công của tàu C.235, phải lui ra phía ngoài. Một khoảnh khắc im lặng. Thuyền trưởng Phan Vinh đi quanh tàu kiểm tra lại lực lượng, chuẩn bị cho đợt chiến đấu mới. Gần nửa giờ chiến đấu, quân số tàu có 20 người, mất 5 người hy sinh, 2 bị thương nặng, 7 bị thương nhẹ. Chỉ còn 6 người lành lặn.

Đầu thuyền trưởng quần băng như đội một chiếc mũ nồi trắng, tay xách khẩu tiểu liên. Anh nói đồng dục :

-Chúng ta sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng trên con tàu này. Quyết tâm hực hiện phương án hai (khi bị lộ cho tàu chạy thẳng vào cảng Nha Tranh, áp tàu mình vào tàu địch hoặc áp sát vào cảng, rồi giật kíp cho 3 tấn bộc phá đã gài sẵn, phá hủy tàu mình đồng thời phá luôn bến cảng và tàu địch.

Âm thanh của thuyền trưởng lan nhanh ra khắp các vị trí chiến đấu như tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, dội vào tâm hồn mỗi thủy thủ. Những cảm nghĩ cháy bỏng như đang vọng lên lời trăng trối “ Chỉ còn giờ phút ngắn ngủi nữa, chiếc tàu của chúng ta sẽ cùng chiếc tàu nào đó của địch nổ tung. Thịt xương chúng ta sẽ nát vụn cùng với con tàu thân yêu của mình. Nhưng chúng ta tự hào ngay trong giây phút vĩnh biệt cõi đời này, chúng ta vẫn làm thêm một việc có ích cho Tổ quốc”.

Những điều suy nghĩ ấy, anh em đội tàu C.235 đã chuẩn bị từ nhiều chuyến đi trước nhưng chưa phải dùng đến, tới giờ phút này nó sắp sửa thành hiện thực.

Tàu C.235 rùng mình rồi lao ra cửa vịnh. Pháo địch từ các khu trục hạm, từ các căn cứ đất liền xối đạn tới. Những cột nước, những cột khói vụt lên chỉ chít trên mặt vịnh. Một quả đạn pháo trúng gần buồng máy, tàu C.235 bỗng nhiên chậm lại rồi dừng hẳn. Ý định thực hiện phương án hai của anh em buộc phải thay đổi.

Trung sĩ thợ máy Vũ Văn An từ buồng máy đi về buồng lái báo cáo với thuyền trưởng “ Máy tàu hỏng nặng”.

Ánh pháo sáng, ánh chớp của đạn pháo soi rõ vào buồng hàng hải. Buồng này trở nên chật chội, ngột ngạt và căng thẳng. Thuyền phó Nhi đứng tựa vào bàn hải đồ, máu đang chảy thành vũng dưới bàn chân. Máy trưởng Trương Văn Mùi nằm co người dưới sàn, một tay đặt vào nơi vết thương ở ngực, tay kia nắm chặt.

Một hồi chuông rền rĩ kéo dài, báo chuẩn bị phá tàu.

Tiếng chận chạy vội vã, tiếng gọi nhau, nhắc nhở nhau gấp gáp.

-Phao cứu sinh xuống chưa ?

-Đưa đồng chí Tương xuống.

-Tôi công đồng chí Hải.

-Ôi trời ! Đẳng nào tôi cũng chết, để cho tôi chết ở trên tàu.

-Báo cáo .. Hải không chịu đi.

-Tôi là thuyền trưởng hạ lệnh, anh có chấp hành không ?

-Tôi sẽ trở thành gánh nặng cho các anh.

-Không được ! Gắng chịu một chút nào.

-Cậu ấy bị cả hai chân, làm thế nào đưa xuống.

-Có áo phao, cứ đưa cậu ấy xuống .. Này này .. các cậu ở dưới kia nghe rõ không, đưa Hải lên phao cứu sinh nghe không ?

-Nhớ mang theo súng đạn.

-Kìa, nhảy xuống, thêm người đẩy phao cứu sinh, không nó giạt.

An và Thứ chạy theo thuyền trưởng xuống buồng máy. Tiếng máy phụ nổ trầm trầm. Ngọn đèn công tác lắc lư theo nhịp sóng.

Thuyền trưởng Phan Vinh nói bình thản :

-An đóng kíp, rút chốt an toàn. Bình tĩnh làm thật cẩn thận.

Một tay Thứ bị thương giơ lên ngang đầu máu đang nhỏ giọt, tay kia ôm chặt lấy chân An để An nhào người xuống hầm tàu. Vài phút sau, An đu người lên, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, anh giơ cái chốt an toàn ra trước mặt, có ý bào cáo với thuyền trưởng.

Vinh hỏi :

-Chắc chắn chưa ?

-Lửa xanh rì ra rồi. Tôi đã đập lỗ kíp.

-Vặn kíp hẹn giờ 15 phút.

Các vị trí phá hủy khác do Trung, Thật , Mai cũng đã rút chốt an toàn.

Phan Vinh giục mọi người :

-Các cậu xuống trước đi, mình còn kiểm tra lại xem.

An, Thật và Thứ nhanh nhẹn nhảy xuống biển.

Tuyến và Phong vẫn dùng khẩu 14,5 bắn máy bay địch. Thuyền trưởng vỗ vai Tuyến :

-Thôi bắn, rời tàu.

Phong chạy về buồng giặt vội cái ba lô khoác lên vai, chiếc bi đông buộc ở balô toong teng vướng vào chân.

Tuyển hét :

-Vứt cha nó đi ! Tàu nổ bây giờ ! Nhanh lên.

Phong vứt chiếc balô nhưng vẫn tiếc mấy bộ quần áo. Anh mặc mỗi bộ quần áo lót, xách khẩu súng nhảy xuống biển theo Tuyển.

Tuyển đang bơi nhìn sang bên cạnh, có người tỏ ra đuối sức lúc chìm ngấp, lúc nhô lên vằng trán hói. Trong lúc vội vã, Tuyển bơi tới dìu người đuối sức đó vào bờ, không kịp nhận mặt, anh chỉ có cảm nghĩ người đó là thuyền trưởng hoặc thuyền phó.

Một phát đạn pháo nổ gần, sóng mạnh xô Tuyển vào một tảng đá, và tay người bạn được anh cứu đã rời khỏi vai anh lúc nào không rõ. Tuyển ngoảnh lại tìm bạn, bỗng có tiếng nổ dữ dội và một đợt sóng lớn hất anh lên bờ. Trong vài giây, Tuyển bị choáng. Khi anh tỉnh lại, nhìn ra mặt vịnh thấy đám lửa cháy loang trên nước, không còn con tàu của mình nữa. Anh lẩm bẩm :

“ Tàu nổ rồi”.

-Ai đó ? Có tiếng hỏi bên cạnh, làm Tuyển giật mình.

-Tuyển đây.

Tuyển bò lên phía sau một tảng đá để tránh đạn. Người bên cạnh cũng bò theo :

-Phong đây ư ?

-Ừ. Các cậu ấy đâu cả rồi ?

-Mình bơi gần cậu. Pháo bắn quá chẳng nhìn thấy ai !

Chờ lúc địch ngớt bắn, Phong và Tuyển rủ nhau lên một ngọn đồi.

Tình huống khẩn trương, đêm tối, địch bắn đuổi theo, anh em bơi vào bờ mỗi người giạt một chỗ, mãi tới sáng hôm sau (1-3-1968), thiếu úy thuyền phó Đàm Văn Nhi mới tập hợp được 7 người gồm trung sĩ cơ điện Vũ Long An, hạ sĩ báo vụ Lê Duy Mai, hạ sĩ hàng hải Mai Văn Khung, Lâm Quang Tuyển,

hạ sĩ thủy thủ Hà Minh Nhật, trung sĩ thủy thủ Nguyễn Văn Phong. Trong số 7 người, có 2 người bị thương nặng và 5 người bị thương nhẹ. Họ cố dìu nhau lên núi để tìm căn cứ của bên.

Họ đã cố gắng hết sức đi gần hết buổi sáng rồi mà vẫn nghe thấy tiếng hò hét của bọn địch vừa đổ bộ ở dưới chân núi. Trong anh em đã có những ý nghĩ rồi ren nẩy nở “ Đã chắc gì anh em bên còn ở căn cứ, khi đã lộ như thế này”. Thôi .. cố đi thật nhanh ra khỏi chỗ nguy hiểm này đã ..”. Đi lầm vào vùng địch thì sao”. “Nó bắn rất gần rồi .. nhanh lên ... đã bảo cứ đi đã” !” Nhưng mà đi đâu mới được chứ ?”. “ .. Đi xa cái bọn kia kìa ..”.

Giục nhau, nhưng không làm sao có thể đi nhanh hơn được, vì sức lực của mọi người đã dốc vào những ngày đêm vất vả trên biển và vết thương đang rỉ máu. Thuyền phó Nhi bị thương cả hai chân. Hạ sĩ Khung bị thương vào ngực máu vẫn rỉ ra theo nhịp thở. Họ không kêu rên một lời. Sức chịu đựng của mỗi người ở đây đã vượt xa sự tưởng tượng. Giá ở lúc bình thường, họ đã gục xuống không thể gượng dậy nổi. Họ đang dìu nhau đi không phải do bản năng ham sống, mà do lý trí tỉnh táo của mỗi người tự nhắc nhở “mình cần phải sống, bạn mình cần phải sống để còn tiếp tục những chuyến đi khác vì sự nghiệp giải phóng miền Nam”.

Một chiếc máy bay lên thẳng bay rất thấp. Đám lá khô dưới nền đất bốc lên cao xoáy tròn như một trận gió lốc. Rừng cây lưa thưa, vào mùa thay lá càng trông trải. Anh em phải tạm chui vào bụi cây móm đầy gai, nằm ngửa mặt theo dõi xem máy bay địch làm gì. Một tên Mỹ mặt đỏ như mào gà chọi, ló cổ qua cửa sổ máy bay nhìn xuống. Chờ cho máy bay địch bay đi xa, anh em lại tiếp tục dìu nhau tiếp tục đi. Đến một gốc cây cổ thụ, có tán lá xòe rộng, anh em tạm dừng lại nghỉ.

Sau một đêm chiến đấu, bây giờ mới có thời giờ nhìn kỹ hình dạng của nhau. Ôi ! Lạ lùng quá. Người nào người nấy mặt mũi hốc hác, nhem nhuốc, quần áo rách toạc. Khuôn mặt vuông đầy đặn, đôi mắt hiền lành của cậu An lại thay đổi đến thế kia ư ? Hai gò má nhô cao lên, mặt gầy tọp, hai quầng mắt đầy bóng tối, râu ria xồm xoàm như một ông già chứ không phải con trai tuổi đôi mươi nữa. Anh Nhi nữa, nước da xám nhợt như người đã chết, đôi chân quần đầy băng, đôi môi lúc nào cũng mím chặt đè nén chịu sự đau đớn .. Liệu anh có đủ sức chống đỡ với sự thử thách đang tới nữa không ? ..

Nhi cố gắng mới nói thành lời :

-Có cậu nào .. gặp anh Vinh không ?

An trả lời :

-Anh Vinh và Thử đã lên bờ, tôi gặp. Anh ấy bảo cậu Thử đi cùng để kiểm tra nơi giấu các tử sĩ.

-Có thể anh ấy .. đi đường khác .. bây giờ làm thế nào gặp được.

Tiếng súng nổ rất dữ dội, rõ ràng có trận chiến đấu nổ ra ở rất gần. Mọi người im lặng lắng nghe. Trong mớ âm thanh hỗn độn ấy, anh em nhận ra sự khác biệt những tiếng nổ cách đây vài giờ.

-Các cậu có thấy AK nổ không .. đấy .. đấy. Trầm đục hơn tiếng nổ của M.16.

-Chắc bộ phận của anh Vinh gặp địch.

....

Mọi người lo lắng hướng về phía trận đánh đang diễn ra. Khoảng nửa giờ sau không thấy tiếng AK nổ nữa, chỉ thấy tiếng nổ liên hồi chông chéo của tiểu liên M.16, cối tay M.79 và đạn pháo. Như thế có nghĩa là anh em mình đã rút rồi. Mãi sau này anh em mới biết anh Vinh và Thử ở giữa hai gọng kìm của chúng. Các anh đã chiến đấu dũng cảm chặn cả hai mũi tiến công của địch. Chiến đấu khoảng nửa giờ, các anh đã hy sinh. Bọn địch tiếp tục nổ súng bắn vào nhau, hai cánh quân đều có nhiều thương vong và kêu ầm lên “đã gặp địch mạnh, buộc phải rút lui”.

.. Tiếng đạn pháo vẫn nổ thưa thớt đây đó bên sườn núi. Máy bay lên thẳng vòng lượn ngoài ven biển, chúng đến đổ quân hay làm gì chưa rõ.

Nhi bảo Phong và Tuyến là hai người khỏe nhất đi trinh sát tìm đường.

Hai anh em vừa đi vừa tránh đạn pháo của địch. Họ đi về phía tây bắc được hơn một kilomet , nghe tiếng động phía trước, họ dừng lại thận trọng xem xét. Đi thêm vài chục bước nữa họ nhìn thấy bọn lính Nam Triều Tiên đang đào công sự. Hai anh em quay lại đi hướng khác, vẫn gặp lại cảnh ấy.

Tuyển thở dài nói khẽ với bạn :

-Chúng ta bị bao vây rồi !

Thấy Tuyển và Phong trở về, anh em hỏi dồn :

-Lâu thế !

-Liệu có đi được không ?

Tuyển chống súng ngồi bệt xuống đất, ngẩng mặt nhìn theo tiếng máy bay bay qua. Anh thùng thảng trả lời các bạn :

-Phải mở đường máu.

-Đã cần làm thế chưa, hay ta chờ đến tối rồi tìm cách luồn qua.

Mọi người bàn bạc một hồi rồi lại im lặng nhìn nhau. Cảnh ngộ thật éo le, Những bài võ để đánh kẻ thù trên mặt biển, bây giờ dùng như thế nào đây. Từ này đến giờ , thuyền phi Nhi vẫn nằm gác đôi ống chân quần đầy băng ướt sũng máu lên một tảng đá, lưng anh tựa vào thân cây, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng không. Nhi phải cố gắng lắm mới nói được từng tiếng rời rạc :

-Tuyển hiểu về cách .. đánh của bộ binh .. hơn. Từ bây .. giờ sẽ phụ trách về .. quân sự.

Tuyển nhìn địa hình xung quanh rồi suy nghĩ về đội hình chiến đấu. Tuy là lính bộ binh chuyển sang hải quân, nhưng vốn liếng hiểu biết chiến thuật của anh quá ít ỏi, anh cố bối óc ra tìm tòi nhưng chẳng có gì rõ ràng. Vì anh chỉ mới tập luyện tới đội hình của tiểu đội cảnh giới. Có lẽ bây giờ cũng phải làm như vậy. Phải rồi, đội hình kiểu “trâu ngủ rừng” thì hướng nào cũng quan sát được. Tuyển xem địa hình xong, chỉ định từng người vào vị trí. Cái đội hình rất đặc biệt ấy hình thành. Dù sao có người đứng ra chỉ huy anh em cũng thấy yên tâm hơn.

Trời nắng khô như rang. Lần đầu tiên trong đời họ cảm thấy thứ nắng kỳ lạ ấy, nó như có những cái vòi vô hình hút cạn chất nước ở trong cơ thể mỗi người. Tuyển thấy miệng mình đắng ngắt, nước bọt giống như chất hồ dẻo quẹo không nuốt vào nổi. Tuyển nói với Khung :

-Được một bát hoặc chén nước lã thôi cũng dễ chịu.

-Giá mình mang theo được bi đông nước dừa thì ..

Nghe nói nước dừa, mọi người đều nuốt nước miếng.

Tiếng loa chiêu hồi ở trên máy bay trực thăng oang oang phóng xuống “ Các anh em đoàn 125. Anh em đã bị bao vây. Con đường sống của anh em là hồi chánh quốc gia ..”

-Hồi chánh cái thằng bố mày.

Nghe câu chửi của An, anh em bật cười.

Tiếng lòi vẫn lải nhải gọi từ trên trời xuống, từ sườn núi vọng lên, làm cho không khí càng oi ả thêm.

Thuyền phó Nhi nằm gối đầu lên mô đất cao, khẽ rên rỉ :

- Khát .. qu ..á ..

Những đám mây đen từ phía đông dồn lên cao rồi tản ra đầy trời. Khung trời dần dần hạ thấp xuống. Anh em nhìn qua khoảng trống của vòm cây, mắt sáng lên hy vọng. Nhưng hy vọng chẳng hề làm cho cơn khát dịu đi được phần nào, trái lại nó càng làm cho cơn đói, cơn khát hành hạ cơ thể các anh em thêm.

Mỗi người còn đem theo được một ít viên sinh tố, từ sáng đến giờ chỉ dám nhấm nháp một hai viên C. Họ coi đó là nguồn “lương thực” chủ yếu trong cuộc hành quân này, không ai dám sử dụng tùy tiện.

Tuyến nêu ý kiến :

-Đề nghị tập trung tất cả sinh tố lại giao cho một người giữ và cấp phát vào bữa ăn.

-Ai giữ ?

-Tôi đề nghị đồng chí Mai quản lý.

Mai là một đảng viên chín chắn, ít nói. Lúc bình thường cũng như lúc khó khăn, trong những chuyến đi biển anh luôn tận tình chăm sóc anh em yếu mệt. Nói tới Mai làm quản lý lập tức được mọi người ủng hộ.

-Mai này .. mình còn 10 viên pô-li.

-Mình còn 20 viên C.

-Mình còn 50 viên ..

-...

Mai dồn số “lương thực” vừa thu được vào một cái bao, rồi anh đổ ra đếm trước mặt mọi người.

-Tất cả được 123 viên. Mai nhìn anh em một lượt rồi nói tiếp – Tôi đề nghị phát cho hai đồng chí bị thương nặng mỗi ngày 4 viên pô-li; còn anh em ta mỗi ngày, mỗi người hai viên.

-Đồng ý.

-Đồng ý .. nhưng ngay bây giờ cấp cho mỗi người một suất, để lấy sức vượt vòng vây đêm nay.

Từng người nhận phần rồi bỏ viên sinh tố vào miệng nhai ngon lành. Anh em nói vui :

-Cảnh voi uống thuốc gió này sẽ kéo dài bao lâu nữa.

-Nhưng ít nhất cũng có tí chất vào ruột.

-Ngày mai sẽ phải cố tìm lá rừng.

Trời gần sáng. Mưa lâm thâm. Họ đi suốt một đêm trong mưa. Mỗi lúc tạm dừng lại, họ lại tranh thủ liếm những lá cây dính chút nước mưa. Cơn khát có

diu đi nhưng cơn rét lại đến. Không ai còn đủ sức điều khiển hai hàm răng của mình buộc nó thôi không gõ vào nhau. Tiếng thì thảo ngập ngừng run rẩy động viên nhau :

-Cố lên .. vượt qua được .. vòng vây của .. chúng nó rồi .. đi một đoạn nữa.

-Để tôi công anh Nhi một đoạn.

-Xốc nách .. mình .. đi được.

Trời sáng lâu rồi mà không gian vẫn xám xám như màu khói. Nghe tiếng súng liên thanh vọng rất xa ở phía sau. Anh em vui mừng đã vượt qua được đoạn đường khó khăn nhất. Họ tìm chỗ tạm nghỉ.

Tuyến trèo lên một cây cao, nhìn trở lại đoạn đường mình vừa đi qua. Biển hiện ra trước mắt, làm cho Tuyến giật mình. Như vậy là suốt đêm qua mình đi quanh co chỉ được hơn một kilômét thôi ư. Tàu địch vẫn xúm xít ở khu vực tàu của ta tự hủy. Tiếng loa chiêu hồi lại dội vào tai. Nghe chúng nó lắm nhảm làm cho Tuyến điên tiết, muốn chửi cha chúng một hồi. Giả sử có phép gì, tọng luôn vào họng cái con đĩ đang léo nhéo lếu lảo kia một quả lựu đạn thì mới hả.

Tuyến tụt từ trên cây xuống. Anh im lặng nhìn mọi người. Khung và Nhi nằm co quắp. Thấy Khung thở khó khăn, tiếng “ khò ọ ọ .. khò ọ ọ c” kéo dài như tiếng thở hắt ra của người đang hấp hối. Tuyến lo lắng , tới lay gọi bạn :

-Khung .. Khung tỉnh lại.

Khung mở to mắt bang hoàng, cổ nhòm dậy :

-Gì thế ?

-Tôi tưởng .. Vết thương còn ra máu không ?

-Cầm rồi.

Tuyến mừng thầm, sức khỏe của Khung không đến nỗi suy sụp lắm. Cậu ấy vẫn cố gắng đi được, không cần đến người dìu. Chỉ có sức khỏe của thuyền phó là đáng lo ngại.

Tuyến nói lại tình hình vừa quan sát được. Anh em bàn bạc một lát rồi tiếp tục đi.

.. Cuộc hành quân đã đến ngày thứ tư. Mỗi bữa vài viên sinh tố nhỏ xíu. Đói, khát đã lên tới mức cùng cực. Không riêng gì những người bị thương nặng mà cả những người bị thương nhẹ cũng đã kiệt sức. Nhiều lúc cậu Mai bước chệnh choạng và không đủ sức đeo khẩu súng, phải kéo lê nó dưới đất. Hôm nay mỗi đợt chỉ đi được nửa giờ lại phải ngồi nghỉ.

Tuyến và Phong sức khỏe còn khá hơn anh em khác. Mỗi lần dừng chân, hai anh lại đi kiếm một ít ngọn lá cơm tẻ mang về. Mùi vị hăng hăng nhờn nhớt của lá cơm tẻ rất khó nuốt. Có anh vừa ăn vài ngọn vào đã nôn ọe, nhưng rồi cũng phải cố nhai để có một thứ gì vò ruột cho đỡ đói, khát.

Từ hôm qua, cậu Mai đã phải tự uống nước đái của mình. Bây giờ Mai lại bưng cái lá rừng để lấy nước đái. Chỉ được một chén nước lờ lờ như máu loãng mà khai khủ không chịu nổi. Mai đưa lên miệng nhắm mắt định uống, nhưng anh nhăn mặt rùng mình rồi hắt toẹt nó xuống đất.

Tuyến và Phong vẫn cặm cui dùng que ngoáy vào một hốc cây. Thấy trong hốc có nước. Tuyến mừng quá gọi Mai.

Nghe nói có nước mọi người xô lại.

Cái hốc nằm sâu trong thân cây, gần ngập một cánh tay mới tới nơi, có ít nước lẫn vào mùn gỗ. Chẳng có ai mang theo bát. Tuyến xé phăng vạt áo của mình rồi nhúng vào nước trong hốc cây. Lần lượt mỗi người được nhận phần nước bằng cách vắt nước từ cái vạt áo vào miệng. Nước có mùi ung ung của gỗ mục, nhưng dù sao cũng còn dễ chịu hơn cái chất nhựa nhờn nhớt của lá cơm tẻ.

Được độ một bát nước mà chia đều cho 7 người, chẳng thấm tháp gì nhất là đối với những người bị thương đã mất nhiều máu. Thuyền phó Nhi bảo Tuyến và Phong bốc hết cả gỗ mục trong hốc ra chia đều cho mọi người. Mỗi người được chia ít mùn gỗ mục ẩm bỏ vào miệng nhai, rồi hít lấy nước như ăn mía.

Nhìn thấy một con ốc sên ở hốc cây bò ra, Nhi bảo Phong bắt lấy đưa cho

mình, anh lấy lưỡi lê gạt bỏ vỏ và lấy ruột ốc, bỏ vào miệng nhai ngon lành.

-Ăn được không anh ? – Khung hoii.

-Ngọt lắm .. ăn được.

Nghe Nhi nói ăn được, mấy anh em còn khỏe đi bắt về được khoảng hai chục con, chia cho nhau ăn thử. Có người ăn khen ngon, có người vừa bỏ vào miệng đã nôn ọe ra.

Mọi thứ vừa kiếm được chỉ làm dịu nỗi đói khát chút đỉnh, nhưng một lát sau thôi, khi nghe tiếng sóng biển ồn ào dưới chân núi thì cơn khát cháy ruột lại thức dậy. Anh em bàn bạc tìm cách xuống bãi biển tìm nước ngọt. Tuyến và Thật xung phong đi tìm, để anh em được nghỉ.

Phần vì đói khát quá, phần vì chờ đợi người đi tìm nước trở về, không ai ngủ được. Gần nửa đêm, có một con hổ lớn mò tới, nó vòng đi vòng lại xung quanh chỗ anh em đang nằm. Mùi mồ hôi và hơi thở của nó phả ra hôi thối. Tiếng chân nó đi “xầm xạp ..” trên lá khô nghe sồn tóc gáy. Những anh em khỏe nằm phía ngoài đã lên đạn, rê đầu súng theo bước chân của nó, nhưng không dám bóp cò vì sợ lộ bí mật. Khi con hổ chuồn đi chỗ khác, họ thì thầm kể với nhau câu chuyện “cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận”. Từ lúc con hổ đến đã làm tăng thêm vẻ bí ẩn hoang dã của rừng núi trong sự suy nghĩ của mọi người.

Sáng hôm sau vẫn không thấy Tuyến và Thật về. Anh em phán đoán đủ thứ tình huống các cậu ấy có thể gặp : hổ vồ, địch phục kích hoặc đi lạc đường. Họ phải lần theo dấu vết chân để tìm các bạn mình. Đến gần tối mới gặp Tuyến ngơ ngác trở về.

Anh em hỏi dồn :

-Cậu Thật đâu ?

-Có nước không ?

-Chờ lâu quá tưởng rằng phải vĩnh biệt nhau.

Tuyến buồn thiu, kể lại :

-Chúng tôi đi tìm gần đến sáng mới thấy có một vũng nước bắn lẫn bùn ở gần đây. Cậu Thật về đón các anh. Chắc là đi lạc rồi. Bây giờ làm thế nào ?

Lại thêm một tình huống éo le nữa. Biết tìm cậu Thật ở đâu, giữa nơi rừng núi xa lạ này. Sức lực của mọi người đã cạn rồi, bây giờ biết tính sao. Không lẽ đang tâm bỏ rơi đồng đội trong cơn hoạn nạn này ư ? Bàn bạc mãi không ra kế gì. Anh em quyết định ngủ lại một đêm bên cạnh vũng nước mà Thật đã biết. Nếu cậu ấy không trở về thì đành vậy.

Hướng theo ngọn núi cao, anh em lại tiếp tục cuộc hành trình đói, khát. Trong rừng không có một lối mòn, anh em lúc đi, lúc bò trong những lùm gai dại. Thuyền phó Nhi không còn sức đứng vững nếu không có hai người dìu hai bên. Đứng ra vết thương của anh phải nằm trên cáng hoặc chí ít cũng phải có người cõng, nhưng bây giờ chẳng ai có đủ sức làm việc đó.

Mấy ngày đạp lên gai góc, đôi bàn chân của họ đã mọng lên nhiều nốt mủ trắng. Những người không mang được giày dép, đều phải lấy cỏ quấn vào chân để đi cho bớt đau. Có đôi dép lúc này quý giá biết nhường nào.

Nhìn đôi bàn chân trần đỏ mọng của Nhi, rón rén đặt lên những gai đá, Phong thấy như chính mình đang chịu nỗi đau đớn, anh cởi đôi dép của mình đang đi đưa cho Nhi.

Cầm đôi dép , tay Nhi run run, nước mắt chảy vòng quanh. Anh không giấu nổi sự xúc động khi xỏ đôi dép vào chân mình. Cái nắng khô nó lại một lần nữa vắt kiệt nước trong cơ thể họ. Nghe tiếng sóng biển gầm, nhìn nước biển đầy như một mâm xôi càng thấy khát khô cháy cổ họng.

Khung rên rỉ :

-Xuống biển .. xuống.

-Xuống biển để chết ư ?

-Đằng nào .. cũng chết .. tôi không chịu được nữa. Tôi đi ..

Nói xong, Khung chống gậy đi xuống dốc.

Vì tìm nước uống đã mất một người rồi, không thể để mất thêm một người nữa. Họ tranh cãi nhau một hồi. Người tán thành, người không tán thành hành động của Khung. Dù sao Khung cũng đã đi rồi. Nhi bảo An đi theo giúp Khung.

Vết thương của An trên đùi đang sưng tấy, anh khập khiễng lần theo lối đi của Khung. Đi được khoảng vài trăm mét, An gặp những tảng đá to bằng mái nhà, xếp chồng lên nhau, từng tảng phẳng lỳ, có độ nghiêng tới 90 độ, không có chỗ bám víu, phải liều mạng lắm mới dám tụt xuống. Không hiểu Khung đi bằng cách nào, mà chỉ cách nhau nửa giờ đã mất hút. Có lẽ sự thôi thúc của cơn khát đã xô cậu ấy xuống những bậc đá kia.

An đang lần mò tìm lối xuống, bỗng có tiếng súng nổ ran ở bên dưới, cách chừng 100 mét. Anh vội vã nép mình vào sau một tảng đá nghe ngóng. An thở dài “ Nguy rồi. Bây giờ không còn cách gì cứu được cậu ấy”. Anh rút lựu đạn, để trước mắt , chờ địch.

Nghe tiếng súng và tiếng lựu đạn dưới sườn núi, tiếp theo đó là tiếng loa chiêu hồi oang oang “ Hỡi anh em binh sĩ đoàn 125, chúng tôi hẹn trong 15 phút nữa nếu không chịu hồi chánh sẽ bị tiêu diệt ..”.

Anh em nhìn nhau lo lắng. Không ai nói nửa lời. Họ đều tự hiểu sự việc gì đang xảy ra đối với Khung và An. Các cậu ấy có thể hy sinh hoặc bị bắt.

Chúng nỏ lải nhải “ chiêu hồi” chán rồi lại bắn. Bắn chán lại “chiêu hồi” .. Thời gian đã qua bốn lần 15 phút của chúng ra điều kiện, mà không thấy có hành động gì khác. Như thế có nghĩa là các cậu ấy đã hy sinh hoặc có bị bắt cũng không khai báo gì. Nếu có một người khai báo thì chúng ngốc gì không đẩy vòng vây gần lại .. Anh em nằm sát nhau trao đổi. Họ xác định : nếu địch tới sẽ chiến đấu tới cùng.

Tiếng súng xa dần và nổ về hướng khác.

Thuyền phó Nhi gọi anh em lại, ngồi xung quanh mình.

Anh nói :

-Cứ để tôi ở lại đây .. Các đồng chí còn sức .. cố gắng đi nhanh lên tìm căn cứ
- Nhi đứng lại đốt một liều thuốc lá, hít một hơi rồi nói tiếp. Tiếng nói của anh yếu dần – Đi đi .. dùng dằng sẽ chết tất cả. Để mình tôi ở đây chờ Khung và An ..

Tiếng nói khẳng khái của anh em :

-Chết thì cùng chết, không bỏ ai ở đây.

Anh em nói gần từng tiếng, gần như cãi nhau, với thuyền phó :

-Anh sợ chúng tôi không đủ sức dìu anh đi ư ! Bỏ nhau trong cơn hoạn nạn ở giữa rừng, lúc kẻ địch đang bám theo từng bước. Anh nghĩ xem, chúng tôi còn mặt mũi nào mà trở về đơn vị.

Lúc bình thường , tính tình Nhi rất điềm đạm, nhưng lúc này anh gắt lên :

-Thôi ! Không bàn nữa .. Tôi lệnh – Mặt anh trắng bệch như sáp, anh nói trong tiếng thở gấp – Nếu .. cứ để .. tôi .. đi cùng chết đói .. chết khát .. giữa rừng .. các cậu .. đi .. trước .. còn ... hy vọng.

Sự thật khắc nghiệt có thể xảy ra “chết đói, chết khát” như thuyền phó nói, anh em đã nghĩ đến điều đó. Hôm trước họ còn phủ định nó bằng những ảo tưởng gặp cái may mắn nào đó. Bây giờ cảnh ngộ Nhi vừa chỉ ra đã ở trong tầm tay rồi. Thuyền phó nói có lý và anh là người chỉ huy, có quyền ra lệnh. Có cách gì loại bỏ điều kiện cay đắng đó nữa không ? Để lại anh em bị thương nặng nằm giữa rừng. Liệu đến bao giờ mới đi đón các đồng chí đó ? Mọi người đều khóc, nước mắt chảy trên gò má, không giấu giếm. Đây là giờ phút tạm biệt hay vĩnh biệt nhau. Mặt thuyền phó vẫn khô lạnh, cố giấu sự xúc động, nhìn từng thủy thủ.

-Anh Nhi ! – Phong mếu máo và ôm chặt lấy Nhi – Chúng em hứa cố gắng tìm được anh em bên, sẽ tới đón anh ngay.

Nhi gỡ tay Phong và nói :

-Đi nhanh .. rồi đón mình và các cậu ấy.

Anh em cố gạt nỗi đau buồn bảo nhau thu xếp chỗ ở cho thuyền phó.

Không đầy một giờ, anh em đã làm xong công sự vừa là nơi ở phòng thú dữ và phòng địch đến. Tuyến và Phong bắt được khoảng hai ki lô ốc sên và một bó lá cơm tẻ. Mai kiểm tra lại “kho” còn 10 viên đa sinh tố cũng để lại cho Nhi.

Nhi không muốn anh em lưu luyến như vậy. Thỉnh thoảng anh lại nhắc “ Đi đi .. nhanh lên .. rồi đón mình”.

Mọi người lần lượt bắt tay thuyền phó, ai nấy đều lưu luyến, không muốn xa rời nhau. Trong cuộc đời mỗi thủy thủ, biết bao nhiêu lần tạm biệt người thân, nhưng chưa bao giờ họ đau buồn trước cảnh kẻ ở người đi như thế. Tuyến nhìn lại không thấy anh Nhi ngồi trên thành công sự nữa, chỉ thấy những tảng đá xếp lên nhau như một nấm mồ. Anh bàng hoàng. Và lúc đó nếu không nghe tiếng nói của anh Nhi thúc giục “ Đi đi .. nhanh lên! “ từ trong công sự vọng ra, thì không sao bước nổi.

Các cậu Tuyền, Mai và Phong vừa đi được một đoạn đường thì gặp An, khắp khiêng kéo lê khẩu súng đi tới. Mừng mừng, tủi tủi, họ kể lại cho nhau nghe câu chuyện vừa xảy ra, rồi động viên nhau “Đi nhanh lên, cố lên không được để anh Nhi chết đói, chết khát”. Nhưng đi hướng nào sẽ tới được căn cứ. Trong tay không có một phương tiện gì để định tọa độ, không có ai mà hỏi, làm sao có thể đi tới được. Giá bây giờ có cái địa bàn và mảnh bản đồ khu vực thì ổn quá. Thôi, hãy gạt bỏ mọi ảo tưởng, tìm cái gì thực tế hơn .. Khi bàn bạc, nghe thấy tiếng đại bác địch nổ không xa lắm. Một suy nghĩ táo bạo mới lạ vọt ra như ánh sao băng. Thôi đúng rồi, nơi đạn pháo địch nổ dứt khoát phải là nơi quân ta hoặc gần đâu đó là nơi quân ta ở. Sự lựa chọn đúng đắn và khắc nghiệt đến như thế là cùng. Anh em lại thúc giục nhau “Đi đi .. nhanh lên, hướng tiếng đạn nổ. Nhanh lên! Không thì chính mình chứ không riêng gì thuyền phó sẽ chết ở giữa khoảng rừng khô cằn này”.

Họ cẩn răng bước, cẩn răng trườn bò qua gai góc. Ba bốn giờ dài đằng đẳng như cả năm, khi ngoảnh lại nhìn cái cây của điểm xuất phát vẫn chẳng được bao xa. Sự chậm chạp của những bước chân sẽ trở thành nguyên nhân của cảnh chết đói, chết khát khó tránh khỏi. Họ nhìn rõ điều đó như nhìn vào bàn tay mình. Nếu cứ chui luồn trong những đám gai góc này khó có thể đi nhanh hơn được “Chúng ta đành phải xuống đi theo bãi cát ven biển. Đường đó dễ bị lộ, nhưng còn kiếm được con cua con ốc .. Có thể chết khi gặp địch phục kích, nhưng còn hơn là chết trong bụi gai mớim ..”. Tình thế đã dẫn đến buộc họ phải lựa chọn một lối đi nguy hiểm hơn, một lối đi hôm trước họ phải tránh né. Họ tiếp tục lê bước nhích dần xuống bờ cát ven biển.

Được nhìn thấy biển, được hít thở không khí của biển, được làn gió biển lùa vào mớ tóc rối bù, tâm hồn họ trở lại thanh thản hơn. Những cánh buồm, những con sóng xô đuổi nhau, những cánh chim hải âu chao lượn đưa họ trở lại những chuyến đi. Cảng Hải Phòng, vịnh Hạ Long, Vàm Lũng, cửa Bồ Đề .. và những hải đăng đã bị xóa mờ trong những chặng đường hành quân đói, khát vừa rồi, nay lại trở về xôn xao trong lòng họ. Và hy vọng được sống lại bừng lên mãnh liệt.

Đến hôm nay đã là ngày thứ 12 trong cuộc hành quân đặc biệt. Ban ngày họ giấu mình vào bụi gai mím hoặc một lùm cây kín đáo, chờ tới khi mặt trời lặn lại lên đường. Mấy hôm đi theo ven bờ cát, đôi khi cũng kiếm được quả cam thối, con ốc, con cua, nhưng chưa có cái gì làm nguôi được cơn đói, cơn khát.

Hôm ấy, anh em thu mình trong đám cây gai mủ quạ. Điều không ngờ ở đây lại có tổ kiến vổng khá lớn. Khi tan sương, kiến rủ nhau đi kiếm ăn, chúng kéo đàn kéo lũ qua cơ thể gần như trần trụi của anh em. Họ phải ngồi dậy xua đuổi lũ kiến đáng ghét ấy. Nhưng cứ phải được mấy con trên cổ rơi xuống, thì một lũ khác lại mò vào cạnh sườn. Không sao đánh bại được “các mũi tiến công” của chúng.

An nhón một con kiến, soi vào ánh nắng, thấy cái đuôi nó mọng như một giọt nước. Anh cấu phần mọng của nó cho vào miệng nhấm thử. Chao ! Một vị chua ngọt mát dịu tan trên đầu lưỡi. Vui mừng chỉ còn thiếu reo lên. An nói với vẻ hân diện như chính mình vừa phát minh ra một chất dinh dưỡng mới chưa hề có trong đời sống :

-Tao vừa tìm được ra sinh tố K .. tha hồ xài thoải mái.

An giơ một con kiến đang ngo ngoạy giữa hai ngón tay cho Tuyến xem.

Mỗi người đều ngắt phần bụng một con kiến, bỏ vào miệng nếm thử. “Quả là ngon thật”. Sau lời khen đó, họ không cảm thấy khó chịu khi bị đàn kiến leo lên cơ thể mình nữa. Lũ kiến lần lượt bị đối phương khổng lồ của nó dùng “chiến thuật gọng kìm” tiêu diệt. Chưa đủ, họ còn bò sang bụi rậm khác để thay thế công việc của chim gõ mõ.

12 ngày đêm, đến nay dạ dày của anh em mới được chứa chút thức ăn có chất dinh dưỡng. Ai nấy đều cảm thấy khoan khoái dễ chịu.

Nhìn ra biển đã vắng bóng hải âu, những con tàu đánh cá lên đèn. Tuyến đội mớ cỏ khô trên đầu rồi nhào người khỏi bụi gai. Anh đưa mắt quan sát dọc theo bờ cát. Cả một vùng ven biển vắng vẻ lạnh lẽo, chỉ có những đợt sóng vô tư đang nô đùa. Đã tới giờ có thể hành quân được rồi. Tuyến khẽ gọi các bạn :

-Dậy dậy ! Đi thôi!

Họ bước đi thất thểu, nghiêng ngả như người say rượu. Chốc chốc lại có người cố rảo bước theo con còng, nhưng hoài công vô ích, họ không còn đủ sức đuổi theo con vật cón con đó nữa. Anh thợ máy An gặp dịp may, nhặt được ở một chỗ ba con cua thọt. Những con cua này đã sống từ thuở lọt lòng

trong một cái vỏ ốc bằng ngón tay cái, lớn lên thân nó bị vỏ ốc bó cứng, chỉ thò ra được hai cái càng và vài cái chân để sinh sống. Vì thế An mới đủ sức vỏ được nó.

An chia cho Mai một con, vì cậu ấy đã kiệt sức, còn lại xé ra làm ba phần đều nhau để chia cho ba người. Bữa ăn hương hoa thể thôi nhưng cũng thấy dễ chịu.

Đang đi, Tuyến nhìn thấy có bóng người lội xuống mép nước, hình như người đó đang thả lưới.

Tuyến xử trí rất nhanh, anh khẽ nói với An :

-Cậu đi men theo bờ dừa, mình đi vòng phía sau vào thật gần bắt sống, để hỏi đường.

Tuyến ra hiệu cho anh em “có động”.

Mai và Phong núp vào bụi cây. Tuyến và An thực hiện kế hoạch. Người kia đang cúi húi kéo mảnh lưới rách, nghe thấy tiếng lên đạn và tiếng hô giờ tây lên bất ngờ, quay sau lưng. Anh ta hoảng hốt kêu lên :

-Đừng bắn !

-Anh phải dẫn chúng tôi vào chỗ có anh em du kích.

Anh Q người của bến đi kiếm cá, bị bất ngờ, buộc phải giơ tay, nhưng mắt vẫn cố liếc ngang xem kẻ nào lại bắt mình dẫn tìm du kích. Nhìn thấy một người gày yếu, mặc quần áo rách rưới đang chĩa súng vào sườn mình, anh nghĩ “ .. anh em đoàn 125 đây rồi”. Q vội hỏi mật khẩu “Kiến”. An đáp lại “Vàng”. Đúng rồi ! Không còn nghi ngờ gì nữa. Người của mình đây rồi. Q vui mừng quá ôm chầm lấy An.

-Ôi ! Các đồng chí ở dưới tàu lên phải không ? Chúng tôi đi đón các đồng chí mãi không gặp. Ba hôm trước đây, đồng chí Thật đã tới được căn cứ, dẫn chúng tôi đi tìm .. tưởng các đồng chí không còn nữa.

Tới căn cứ của bến, Q vừa báo cáo anh em ở tàu C.235 đã đến, đồng chí Hạnh , phó đại đội trưởng bến trong lán chạy vội ra, vui mừng, xúc động ôm chặt từng thủy thủ :

-Chúng tôi có tội với các đồng chí .. Một ngày nay đi tìm .. Anh Hạnh xúc động nói ngắt quãng không rõ ý. Đang nói với các thủy thủ, Hạnh chợt nhớ ra một việc phải làm gấp – Đây cô Hường đâu, lấy tất cả số gạo nấu cháo ngay, làm thịt hai con gà vừa bắt được .. nhanh lên nhé.

Hạnh mời anh em tạm ngồi nghỉ trên mấy chiếc võng treo ở gần đó, rồi nói tiếp :

-Chúng tôi có thiếu sót trong việc tổ chức canh gác không được chu đáo nên mới đến nỗi này.

-Nghe tiếng anh quen quá !

-Tôi là Hạnh, trước là thuyền trưởng ở đoàn 1 được cử vào đây làm phó đại đội trưởng của bến này.

-Trường ai xa lạ, ra cũng là người nhà cả. Anh vào đây lâu chưa ?

-Được ba năm rồi. Ở đây còn mấy anh nữa cũng ở quân chủng. Anh Kiên, anh Đối, anh Hường trước ở tàu Tuần la. Các đồng chí về được đây, chúng tôi mừng quá, không thì mang hận suốt đời.

-Chúng tôi còn để thuyền phó Nhi ở giữa rừng. Làm sao đi đón anh ấy về ngay được.

-Các anh còn nhớ phương hướng không ?

Không khí im lặng giây lát, rồi có tiếng đáp :

-Không còn nhớ ra phương hướng nào nữa. Chỉ nhớ ở đó có một cây bàng to.

-Nếu vậy. đành chờ đến sáng mai, một đồng chí nào khỏe dẫn chúng tôi đi.

Nghe các thủy thủ tàu C.235 đã đến, anh em công tác ở bến tìm tới thăm hỏi, chuyện trò mừng tủi không dứt.

Cô Hường đã mang nồi cháo đến. 12 ngày đêm đến giờ mới được ngửi mùi thức ăn quen thuộc. Anh em ăn ngẫu nhiên, xong rồi lẫn ngủ như chết.

Sáng hôm sau chỉ còn một mình trung sĩ Phong gượng dậy được.

Hạnh đã cùng một số anh em bên chuẩn bị đòn cáng, thấy Phong đến anh nói vồn vã :

-Anh em chúng tôi vắng các đồng chí đi quân y.

Phong nói :

-Tôi đề nghị anh cử người đi đón anh Nhi.

-Tôi và đồng chí .. chúng ta đi ngay thôi.

Cô Hường nuôi quân đưa cho Hạnh và Phong mỗi người vài miếng củ mài luộc.

Phong nói với cô Hường :

-Nếu có nước cháo, chị cho tôi xin một bi đông mang đi cho anh Nhi,

-Anh Hạnh tối hôm qua có dặn, tôi tưởng đưa cho mấy đồng chí thương binh kia.

Quăng dây bi đông bên vai , rồi xách khẩu tiểu liên, Phong xăm xăm bước. Lúc này anh chỉ nghĩ tới Nhi, không hề nhớ đến có Hạnh là người của bên đang đi cùng.

Hạnh phải gọi Phong:

-Anh đi đâu đấy ! Đường này kia mà ! Tối hôm qua tôi đã hỏi kỹ chỗ anh Nhi đang ở. Ở đây chúng tôi quen thuộc từng mô đá, cứ nói cây bàng thối một mảng góc là tôi biết rồi. Chỉ độ một tiếng rưỡi đồng hồ là đến nơi.

-Một tiếng rưỡi ư ? Thế mà chúng tôi phải đi mất 6 ngày đường.

Hai người vừa đi vừa chuyện trò. Khi nhìn thấy cái thành công sự xếp bằng

đá. Phong hồi hộp nói thì thầm “ Đây rồi ! Đây rồi ! Tay anh giữ chặt chiếc bi đông nước cháo còn ấm bên sườn, sung sướng như chính mình đang khát cháy cổ, được nhận phần nước”. “Anh Nhi ơi ! Tôi đã tới đón anh. Có nước đây rồi”. Phong muốn đánh tiếng trước cho Nhi biết, nhưng sự hồi hộp làm cho lưỡi anh cứng lại, không nói ra thành tiếng.

Nhìn vào trong công sự rỗng không, tự nhiên nước mắt Phong trào ra. Anh Nhi đâu rồi ! Trước mắt Phong hiện ra những hình ảnh hư ảo. Anh Nhi đang gác đôi chân đầy bông băng lên tảng đá. Anh Nhi đang há miệng hứng những giọt nước gỗ mục, từ cái giẻ vạt áo rơi xuống. Anh Nhi mắt sáng long lanh nhìn Phong và dặn dò “Nếu tới được căn cứ, thì tới đón mình”. Anh Nhi ơi, muộn rồi.

-Anh ấy đã đi cách đây ít nhất là hai ngày rồi. Nhìn cái băng kia đủ rõ.

Nghe tiếng Hạnh nói, Phong mới định thần, nhìn kỹ trong công sự. Mảnh vải băng dính đầy máu khô đen nằm dưới lớp lá khô. Đàn ruồi muỗi bay xung quanh đồng vỏ ốc.

Họ sục tìm sang những lùm cây xung quanh. Phong nhặt một cái nòng súng giấu dưới lá khô, trao cho Hạnh.

-Như vậy là anh ấy đã tháo súng ra từng bộ phận rồi giấu đi. Anh ấy đã đi khỏi nơi đây.

-Đây nữa, một cái khóa nòng. Hạnh nói – Theo mình, Nhi thấy không thể sống được nữa nên mới phá súng giấu mỗi nơi một bộ phận. Có thể cậu ấy sẽ cố sức bò xuống biển tìm nước.

Họ đã lần theo dấu vết của Nhi trườn bò, cách một quãng lại thấy một cái quần đã xé cụt hai ống, một cái áo dính đầy nhựa cây và máu, bao thuốc lá còn vài điếu .. Đến bãi cát không còn dấu vết gì nữa.

-Nhi đã bò xuống đây uống nước.. vì đuối sức quá rồi.. có thể bị sóng cuốn đi.

Nghe Hạnh nói, tiếng được, tiếng mất trộn lẫn vào âm thanh ồn ào của sóng. Phong đứng lặng im, nước mắt chảy dài, đăm đăm nhìn ra khơi. Ngọn sóng

suy tưởng đang trào lên trong anh. Một mái tóc đen, một vầng trán hói và một bàn tay nữa đang với với trên mặt sóng nhấp nhô. Anh Nhi ! Chúng ta đã thề với nhau “ Sống với biển, chết với biển để đánh thắng giặc Mỹ”, phải chăng khi vĩnh biệt cuộc đời, anh đã trở về với biển.

Bất giác Phong gào to :

-Anh Nhi ơi ! .. Anh Nhi ơi !

Tiếng “ ơ ơ ..ơ” trong hư vô đáp lại. Trong óc Phong lại đọc tiếp lời diếu. Anh Nhi ơi ! Mỗi lần nhìn sóng biển chúng tôi lại nhớ tới anh. Trước ngọn sóng kia, chúng tôi nguyện tiếp tục phấn đấu cho lý tưởng đến thắng lợi hoàn toàn. Vĩnh biệt anh ..

Những làn sóng lao vào bãi cát, tạo thành tiếng ì ầm rền rĩ vọng vào tai Phong như những giai điệu trầm của bản nhạc Hồn tử sĩ.

Tất cả anh em thủy thủ đều phải vào bệnh xá điều trị, chỉ riêng Phong ở lại căn cứ của bến. Phong được chăm sóc đặc biệt. Bữa nay riêng anh được ăn cơm với cá kho, còn tất cả anh em ở bến đều phải ăn củ khoai chấm muối. Cuộc sống của anh em bến rất cực, người nào người nấy đều gày guộc, xanh xao. Phong không muốn được biệt đãi, nhưng anh em bến không chịu. Mọi người yêu mến, chiều chuộng anh với cả tấm lòng chân thật. Đôi lúc Phong bắt gặp cử chỉ ngượng ngùng e ấp của một vài cán bộ. Mãi sau này anh mới hiểu được cái lý do tại sao họ lại có cử chỉ đó. Số là trước ngày tàu 235 đến, anh em bến vẫn phân công nhau canh gác đón tàu. Đúng ngày 29 tháng 2 (ngày tàu vào), một cán bộ trên tỉnh đội tới kiểm tra tình hình, thấy địa hình của bến phức tạp, tàu khó vào, và lúc đó điện đài của bến lại hỏng, không liên lạc được với đoàn 125. Bến đã đón nhiều đêm nhưng lại không thấy tàu đến, đồng chí cán bộ tỉnh đội cho rút một số vọng gác để anh em đi lấy gạo. Đêm 29 vẫn còn một tổ gác ở chân núi Bàn Thang phát hiện thấy tàu vào, cho người về báo cáo. Nhưng do chậm trễ, quá nửa đêm mới cử người đi đón. Anh em bến mới đi được nửa đường, nghe tiếng súng nổ nhiều ở Hòn Hèo, đã quay trở lại. Hôm sau địch đổ bộ xuống càn quét, bến không có hành động gì chi viện cho C.235.

Phong ăn cơm xong lên võng nằm nghỉ. Mấy năm trước, chiến đấu trên sông Mã, bom đạn không kém phần ác liệt, đồng đội có kẻ mất người còn, nhưng chưa bao giờ anh có nhiều suy tư như bây giờ. Anh mới sống cùng đội tàu C.235 trong một chuyến đi mà cứ tưởng như ăn ở với nhau từ thủa nằm trong nôi. Không có lời lẽ đẹp đẽ nào có thể xứng đáng để diễn tả tinh thần và cách sống cách mạng của anh em trong chuyến đi này. Hình ảnh cao cả xúc động ấy luôn luôn trôi dạt sống động trong óc anh. Tiếng kêu của Hải xin ở lại cùng chết với con tàu. Bóng dáng bình tĩnh đường hoàng của thuyền trưởng Phan Vinh giữa tình huống hiểm nghèo. Tiếng thúc giục “ Đi đi .. nhanh lên” của thuyền phó Nhi.

Trong người Phong mệt mỏi rã rời, anh thêm một giấc ngủ thật dài để bù lại cho những đêm thao thức mất ngủ. Nhưng nghĩ tới những người đã khuất, anh cảm thấy như mình có lỗi, không thể nằm yên được.

Phong cố cưỡng lại mệt mỏi, chống hai tay vào đầu gối định đứng dậy. Thấy cô Hường đi tới, anh lại ngồi xuống võng.

Cô Hường cười, nói :

-Em mang tới kính anh hộp sữa, mẹ em vừa gửi tới.

Nói xong, Hường đặt hai hộp sữa vào trong võng.

-Nhà chị ở gần đây ư ?

-Nhà em ở trong ấp chiến lược, ở đó ta có cơ sở, vẫn liên lạc được. Thịnh thoảng em cũng về trồng. Trồng có tin ra, nó bắt được một anh đã bị thương xuống biển uống nước ngày mùng 4. Chúng nó khát nhau, đã giết được hai người chỉ huy đi trinh sát trong ngày đầu tiên chúng càn quét. Các anh phải chịu cực nhiều quá ..

Tại Phong cứ ù lên, không biết đoạn sau Hường nói gì nữa. Những điều anh vừa suy nghĩ lại tiếp nối. Ai bị bắt ? Có thể là cậu Khung. Vì ngày mùng 4, anh Nhi vẫn đi cùng với anh em. Những người chỉ huy chết , có phải là anh Vinh và anh Thứ không ? Phải đi tìm các anh ấy. Chỉ có một mình mình ở đây ..

Phong vùng đứng dậy đi về phía lán của Hạnh.

Cô Hường ngỡ ngác không hiểu, tại sao đang nói chuyện. Phong lại bỏ đi.

-Kìa anh Phong. Anh cứ nghỉ ngơi. Cần nước uống biếu em lấy cho.

Hạnh đang hướng dẫn cho mấy chiến sĩ bên chặt ống pháo sáng ra từng mảnh hình chữ nhật. Thấy Phong tới, Hạnh nói :

-Phong về nằm nghỉ ngơi cho lại sức. Chúng mình đang ..

Phong ngắt lời Hạnh:

-Bây giờ anh đi ngay với tôi đi tìm các tử sĩ được không ?

-Tối qua các cậu An và Tuyến đã cho mình biết danh sách các đồng chí hy sinh và bị lạc. Theo tin tức chúng tôi thu lượm được, thì cậu Khung đã bị địch bắt. Chúng tôi đang chuẩn bị tú này để làm bia. Việc này phải sớm mai mới đi được. Phong cứ nghỉ cho lại sức để cánh mình lo.

Thấy Phong đứng im lặng, vẻ mặt xúc động, Hạnh khoác tay Phong trở về chỗ vắng.

-Trông cậu yếu lắm , cứ nghỉ ngơi. Khỏi lo. Chúng mình sẽ thu xếp chu đáo.

Phong nằm suy nghĩ miên man một lúc rồi ngủ thiếp đi. Cô Hường đi qua, thấy Phong ngủ không có màn. Cô rón rén bước tới lấy mảnh dù pháo sáng đắp trên mặt vắng.

Sáng hôm sau, Phong và anh em bên đã tìm được đầy đủ các đồng chí hy sinh.

Họ đã đứng rất lâu ở nơi diễn ra trận đánh không cân sức. Thuyền trưởng Phan Vinh và Ngô Văn Thứ, thợ máy đã chặn đứng hàng tiểu đoàn lính Nam Triều Tiên, buộc chúng phải rút lui. Các anh vẫn ở tư thế nằm bắn như giữa lúc các anh ghìm hai cánh quân của địch lại. Xung quanh các anh chỉ có những hố đạn ám khói, những cây cỏ gãy nát, cháy xám.

Chính nơi đây, bọn Mỹ-ngụy đã la lên rằng “ Một tiểu đoàn bộ binh Việt

cộng có pháo nặng yểm trợ” đã buộc một tiểu đoàn của chúng phải rút lui. Chính nơi đây đã diễn ra trận quyết chiến kiên cường của hai dũng sĩ hải quân đánh bại cuộc càn quét của địch. Điều ấy làm cho anh em rất tự hào.

Hạnh nói với anh em :

-Các đồng chí thân yêu của chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ rất vẻ vang. Trong tang lễ các đồng chí đó, không có hương khói, nhưng chúng ta có tấm lòng thành kính. Việc mai táng phải làm cho thật chu đáo.

Một chiến sĩ của bên phát biểu :

-Lúc sống , các anh ấy đã dũng cảm vượt qua biết bao hiểm nguy, sóng gió. Lúc hy sinh rất anh dũng, kiên cường vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tôi đề nghị hương mai táng để đầu về hướng Bắc, chân về hướng Nam.

Làm lễ hạ huyệt xong, khi đắp lên phần mộ liệt sĩ hòn đất cuối cùng, Phong cố ghìm tình cảm của mình để khỏi bật ra tiếng khóc :

“ Anh Vinh, anh Thứ, anh Tương, anh Hải ơi !” – Phong đọc lời điếu như nói chuyện với người đang sống trước mặt mình – “Các anh đã làm trọn lời thề với Tổ quốc, với Đảng. Cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời, các anh vẫn làm cho kẻ thù khiếp sợ. Chúng tôi xin hứa sẽ không ngừng phấn đấu noi theo gương sáng của các anh. Xin vĩnh biệt !”.

Tất cả anh em cúi đầu tưởng niệm những người đã khuất. Một cơn gió xoáy đưa tàn tro bay lên cao. Lá cây thiên tuế trồng trên những phần mộ đóng đưa như những cánh tay vẫy chào. Tiếng sóng biển trầm trầm như tiếng đổ hồi, như những lời đồng vọng thương cảm những chiến sĩ đã bỏ mình vì nước, vì dân.

..Sau một ngày xảy ra trận chiến đấu của đội tàu C.235 với địch ở Hòn Hèo, đội tàu C.43 mới chuyển hướng vào bờ.

Như thường lệ vào trước giờ tàu chuyển hướng, anh em chuẩn bị bữa ăn chu

đáo. Việc nấu nướng bữa nay do hai đầu bếp giỏi là các anh Nguyễn Trọng Tài, thợ máy và Phan Văn Kiểm, thủy thủ trưởng đảm nhiệm.

Nấu nướng xong, Tài và Kiểm khệ nệ bụng thức ăn và cả kết bia lên mặt boong.

Các thủy thủ thấy mùi mực nướng thơm phức bay vào khoang, không chờ đầu bếp gọi, đã kéo nhau ra. Ai thích rượu thì uống rượu, ai thích bia thì uống bia, nhắm với thịt gà luộc và mực nướng thả sức. Có anh vừa chạm môi tới cốc bia đã lè nhè nhại những người nát rượu. Chỉ sau hai lần chạm cốc, đủ các thứ chuyện bông phèng nở bung như ngô rang.

Anh thợ máy Nguyễn Trọng Tài trở thành đề tài châm chọc vui vẻ. Chuyện vui đùa về màu da đen của Tài không làm anh tự ái mà chỉ gợi nhớ chuyến đi đầy gian khổ, ác liệt. Cách đây hơn năm tháng, anh có nước da bình thường như anh em khác. Chuyến đưa hàng vào gần Ba Làng An (Quảng Ngãi) gặp địch, đội tàu C.43 đã chiến đấu và phá hủy tàu rồi lên bộ đi the đường Trường Sơn trở về Bắc. Trong cuộc hành quân chữ O ấy, Tài bị sốt rét ác tính, tưởng rằng sẽ vĩnh biệt đồng đội, nhưng anh đã trở về được với màu da đã chết. Những ngày mới ốm dậy, mỗi lần soi gương thấy mặt mình đen sạm, anh thấy phảng phất một nỗi buồn. Từ hôm trở về cùng anh em chuẩn bị đi chuyến này, chẳng còn thời giờ nào để ngắm mình và cũng không hề nghĩ tới màu da của mình.

Tàu chuyển hướng vào bờ.

Mặt biển êm ả. Những làn sóng nhẹ dập dìu xô vào mạn tàu. Con tàu lướt nhanh để lại phía sau một vệt dài màu trắng trên mặt nước tím thẫm. Mặt trời đã lặn. Phía tây còn bừng lên như một đám cháy dữ dội. Cảnh trời chiều phẳng lặng như gợi nỗi nhớ. Bỗng dưng Tài thấy lòng băng khuâng thương nhớ những người thân của mình. Hình ảnh người mẹ già gầy guộc tóc bạc phơ, sống cuộc đời góa bụa và đem tất cả sức lực để nuôi con khôn lớn. Hình ảnh người vợ trẻ tần tảo thay mình chăm sóc mẹ già, nuôi con. Hình ảnh thằng con ngây thơ luôn miệng mong “bố đánh giặc Mỹ rồi về đi chơi với con” . Tài nghĩ đến mình là đứa con độc nhất, nếu như mình hy sinh, mẹ kính yêu sẽ phải chịu một nỗi đau mất mát, nhưng mình tin rằng mẹ có đủ nghị lực vượt qua.

Trước khi lên đường, Tài đã nghĩ đến điều xảy ra đó và đã viết những bức thư “trăng trời” giấu ở dưới đáy vali dặn dò những người ở lại. Lúc này, những dòng chữ sâu nặng nghĩa tình ấy lại hiện lên trước mắt anh “ .. Dù ác liệt, nguy hiểm thế nào tôi cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ . Nếu tôi hy sinh trong chuyến đi này, nhờ tổ chức giúp gia đình tôi bớt một phần khó khăn và lần lượt gửi cho gia đình tôi những bức thư trước đây. Mỗi bức thư gửi cách nhau khoảng năm , sáu tháng ..”..Bức thư thứ nhất gửi gia đình “ .. Anh cũng như hàng triệu thanh niên khác lúc lên đường đánh giặc, cứu nước. Xa gia đình lúc này là chuyện thường tình. Lần này anh có thể đi xa lâu và ít biên thư về cho gia đình. Mọi công việc ở nhà đều trút lên vai em, anh thông cảm sâu sắc điều đó, nhưng làm sao khác được. Mong em cố gắng thay anh chăm sóc mẹ và dạy dỗ con nên người ..”.

Bức thư thứ hai “ .. Chiến đấu để giành lại độc lập, tự do và hòa bình cơ mà cho muôn đời mai sau, không thể không trả giá bằng sự hy sinh xương máu. Nếu anh có chết ở nơi chiến trường, thì em cố nén đau buồn và tự hào về anh. Em hãy dành nỗi tiếc thương anh vào việc chăm sóc mẹ già và nuôi dạy con thành người ..”.

Bức thư thứ ba “ .. Mẹ ơi ! Con ra đi mang theo công lao tày núi của mẹ mà con chưa có dịp đáp đền. Mẹ hãy tự hào vì đứa con thân yêu của mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc quang vinh ..”

-Ai cà phê nóng đây !

Tiếng reo đùa của Kiểm cắt đứt dòng suy nghĩ triền miên của Tài. Anh đổ cốc cà phê còn nóng ở tay Kiểm rồi rụt rè nhìn bạn như mình vừa phạm lỗi gì đó.

Tài leo lên khỏi buồng máy, đứng tựa vào lan can, đốt thuốc lá rồi vừa nhấm nháp cà phê vừa nhìn về những ngôi sao lấp lánh ở phía chân trời. Tâm tư nặng nề của anh tan dần trong các giả định tình huống trước mắt.

Mọi người đã vào vị trí chiến đấu nhưng chưa dứt tiếng chuyện trò, cười nói. Ruệ ngó đầu qua cửa buồng hàng hải, thấy Tài đang đứng ngắm biển, anh gọi to :

-Anh Tài ! Ban này đang uống bia bỏ đi đâu ? Vào đây, tôi lấy cháo về cùng

ăn.

-Khỏi phải lấy, chúng ta xuống bếp ăn luôn ở đó cho tiện.

Hai anh em xuống chạn bưng ra một soong chảo và soong miến nấu với thịt gà còn đang bốc hơi. Ruệ còn lấy thêm một tô đầy ú thịt gà luộc, mang ra chỗ đơn vị ăn cơm thường ngày.

Tài hỏi :

-Sao còn nhiều vậy. Còn ai chưa ăn ?

-Uống bia, ăn mực ngang dạ, các vị không xài nổi.

Trong bữa ăn, vừa chuyện trò, tự nhiên dẫn dắt tới câu chuyện về mối tình vừa bị cắt đứt trước chuyển đi của thủy thủ Nguyễn Đăng Nam.

-Cô ấy cũng xinh gái – Ruệ cười nói – Cô ta đang học Đại học Sư phạm năm thứ ba. Hai đứa theo đuổi nhau đã hai năm. Một hôm cô ta sục sùi với cậu Nam “Bố em bảo thời chiến này lấy bộ đội cũng như không .. bố em không bằng lòng. Em chẳng biết làm thế nào cả .. nếu em cứ tự ý, tình cảm trong gia đình em rạn nứt thì em khổ tâm lắm”.

-Kiểu này lại muốn ngãng ra. Thế cậu Năm xử ra sao ?

-Cậu ấy nói “ .. Tôi rất đau khổ phải nói ra điều này. Từ hôm nay trở đi, quan hệ giữa chúng ta chỉ còn là tình bạn thôi. Vì từ xưa tới nay, nếu là tình yêu thì người ta vượt qua tất cả để đi tới. Cô đã không vượt nổi được khó khăn đó, còn tôi thì chẳng muốn có ai thương hại ..”.

-Thằng Năm làm như vậy liệu có nóng vội không ?

-Kiểu cách ấy trước sau cô ta cũng chạy theo tiếng gọi ích kỷ của gia đình .. “phăng teo” cho đỡ vướng chân.

Ruệ vừa cười vừa bình luận :

-Như vậy là đội ta còn 14 cặp đang đeo đuổi. Giả dụ nếu gặp những cố như cô “sinh viên sư phạm” của cậu Năm, mà anh em mình lại yếu bóng vía thì

chuyến này có cố gắng cũng đẩy được con tàu đến phao số 0.

Câu nói đùa của Ruệ làm cho Tài bật cười và sau tiếng cười anh thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn.

Ăn xong, mỗi người lại lao vào công việc của mình . Cậu Giám đang ngồi nhìn chăm chăm vào số máy đang chạy, thấy Tài đi tới, anh lấy tay ra hiệu hỏi :

-Tình hình trên ấy có gì không ?

-Vẫn êm. Cậu lên nghỉ đi, được phút nào hay phút đó. Nếu có gì cũng phải vài giờ nữa.

Tàu C.43 đã đi bảy ngày đêm không gặp trở ngại gì. Anh em đặt nhiều hy vọng : đoạn đường trước mặt sẽ xuôi lọt, vào được bến, thả hàng rồi ra ngay. Ở các vị trí chiến đấu, vẫn vang lên tiếng cười nói lạc quan. Nhất là khẩu đội DKZ ở vị trí mũi tàu, gồm các xạ thủ Phan Văn Kiếm, Nguyễn Nho Tòng và Nguyễn Đăng Năm là nơi không mấy lúc vắng tiếng cười. Ở “trận địa mặt boong” không giống như bất kỳ trận địa nào trên mặt đất, mọi người bị câu thúc về địa điểm cơ động, nhưng chẳng ai hạn chế sự ồn ào, vì tầm nhìn của họ bao giờ cũng thoải mái, không đáng ngại kẻ địch xuất hiện bất kỳ.

Nhìn thấy ở phía bờ có nhiều pháo sáng bắn lên, làm rõ hình núi non, họ gọi nhau :

-Núi, núi .. kìa ! Các anh nhìn thấy không ? Chắc ăn rồi.

-Ừ nhĩ .. mình đưa được tàu vũ khí này vào thì Quảng Ngãi đánh thoải mái.

-Ta đang tiến công vào Sài Gòn, Huế .. nếu Quảng Ngãi đánh mạnh giải phóng được một vùng rộng nối vùng đồng bằng với Tây Nguyên thì cha con thằng Mỹ bỏ mẹ.

Lúc Năm và Kiếm đang nói chuyện, Tòng vào bếp lấy ra một đĩa xôi và một tô thịt gà rang. Tòng giục mọi người :

-Ăn đi .. ăn thật no, sắp sửa có việc làm rồi. Nếu vào được thì có sức chuyển

hàng, nếu gặp chúng thì có sức mà nện.

Họ chưa kịp ăn xong đã nghe tiếng thuyền trưởng nói to :

-Chú ý, có tàu địch đang theo phía sau ta.

Kiểm nói đùa :

-Mẹ nó ! Tưởng đã chắc ăn rồi, thế mà chúng nó lại đến phá thôi. Kệ xác chúng .. cứ ăn đi, hết đĩa xôi rồi tình chuyện với chúng sau cũng vừa.

Ánh đèn tàu địch vẫn bám phía sau. Tàu C.43 mở hết tốc độ chạy về phía bờ nhưng vẫn không bứt nổi khoảng cách với tàu địch đang thu hẹp dần.

Khoảng 24 giờ 15 phút, máy bay địch tới thả pháo sáng dọc theo hướng tàu ta đang tới. Và ngay sau đó vài phút, đạn pháo lớn của địch từ các chiến hạm rả như mưa vây lấy tàu C.43. Một lát sau nhiều tàu nhỏ của địch bật đèn pha đủ màu lấp loáng cắt đêm tối trên mặt biển thành những mảng nhỏ. Chúng chuyển dịch dần theo làn đạn pháo.

Kiểm sốt ruột đứng dậy nói to :

-Anh Thắng ! Không cho lệnh nổ súng để nó bắn chết anh em ư ?

-Phải bình tĩnh. Không có lệnh của tôi, tuyệt đối không ai được nổ súng.

Các nòng pháo trên tàu C.43 lặng lẽ re theo mục tiêu của mình lựa chọn.

Thuyền trưởng Thắng bình tĩnh quan sát xung quanh. Anh phán đoán “Đã có lần tàu địch bắn lẫn nhau. Việc bắn pháo vây rộng xung quanh, biểu hiện chúng chưa khẳng định là tàu của ta. Khoảng cách bờ còn 10 hải lý, ta có thể chạy thêm vào gần bờ đoạn nào hay đoạn ấy, chờ thời cơ thật thuận lợi ta hãy nổ súng.

Tiếng đạn pháo bỗng im bật. Hai chiếc tàu địch từ phía bắc lần lượt cắt qua trước mũi tàu của ta, cách khoảng 500 mét.

Thuyền trưởng Thắng hạ lệnh :

-Chiếm góc mạn phải 30 độ. Bắn.

Thuyền trưởng vừa dứt tiếng, tiếng chuông chuyển lệnh đã rung lên một hồi dài. Các khẩu pháo DKZ, 12,8 nổ đồng loạt vào mạn tàu địch. Một chiếc tàu địch bị trúng đạn, khói tuôn ra mù mịt.

Hàng chục tàu địch từ bên sườn, phía sau xối một trận bão đạn về phía tàu C.43. Những chuỗi đạn lửa đan chéo, đuổi nhau hình cầu vồng bay vút trên không hoặc cắm xuống mặt biển dày đặc trong khu vực C.43 đang đi.

Thuyền trưởng Thắng vẫn ở tư thế đường hoàng trên đài chỉ huy, quan sát và chỉ huy đơn vị tiếp tục chiến đấu. Ruệ đang ngồi ở ghế lái, bị trúng đạn ngã xuống. Thuyền phó Đức đứng bên lập tức lên lái thay Ruệ.

Chính trị viên Tuấn vào xốc Ruệ ngồi dậy và lay gọi :

-Ruệ ơi ! Bị thương ở đâu mình băng cho ?

Tiếng Ruệ trả lời yếu ớt :

-Còn người còn phải chiến đấu bảo vệ tàu. Tôi chết .. tôi gửi lời ..

Tuấn sờ tay Ruệ, thấy mạch cậu ấy không đập nữa, anh đặt Ruệ nằm sát vào vách.

Nghe tiếng gọi “ Anh Tuấn, tôi bị thương”. Tuấn vội vàng vào ghế lái thay cho thuyền phó Đức.

Tiếng đạn nổ liên hồi đình tai nhức óc, không còn phân biệt rõ tiếng nổ nào là của ta, của địch nữa. Tuấn đang hướng con tàu rẽ sóng chạy vào bờ, thấy tay mình tê dại không điều khiển nổi tay lái nữa, anh gọi Hào vào thay thế.

Hai chiếc máy bay lên thẳng của địch nhào tới xả rốc két xuống tàu. Khẩu đội cao xạ của ta kiên cường giáng trả, một chiếc bị trúng đạn, bụng nó phụt lửa sáng rực rồi rơi tõm xuống biển. Cùng lúc đó, tàu C.43 bị một phát rốc két trúng thùng dầu phụ, đám khói từ thùng dầu phụ đùn lên đen đặc. Năm rời vị trí súng nhảy vào dập lửa cứu tàu.

Thuyền trưởng Thắng nhìn thấy khẩu 12,8 của ta im lặng ngừng nòng lên

trời, mấy xạ thủ bị thương nằm dưới chân súng, trong lúc máy bay địch vẫn điên cuồng bắn xuống. Anh rời đài chỉ huy xuống làm xạ thủ. Những loạt đạn dữ dội của thuyền trưởng làm cho chiếc máy bay lên thẳng bay bổng lên cao ..

Từ lúc nổ súng, Tài đứng trong buồng máy, nhưng vẫn cảm nhận được sự ác liệt của trận đánh qua những mảnh đạn va vào thân tàu và những cái lắc lư đột ngột của con tàu. Mắt anh không rời cỗ máy đang chuyển động. Mỗi lần có tiếng va đập mạnh vào vỏ tàu, anh lo lắng nhìn xung quanh rồi nhìn vào máy, xem có xảy ra chuyện gì không.

Một tiếng động trầm đục, cùng lúc có cái gì rất nặng va vào thân tàu, làm cho nó chao đảo, làm cho máy , đèn , điện đều tắt ngấm. Tài thấy bàn chân mình như giẫm lên lửa, rất bỏng. Anh cúi xuống sờ soạng thấy máu nhớt nhớt cả dưới sàn.

Có ánh đèn pin soi xuống buồng máy, và ánh đèn theo nhịp bước của ai đó xuống dần rồi đến bên cạnh. Tài mới nhận ra chính trị viên Trần Anh Tuấn. Tiếng của Tuấn khô đặc, ghé sát vào tai Tài :

-Phá hủy tàu.

Tất cả anh em đã rời khỏi tàu.

Đạn pháo của các pháo hạm địch vẫn không ngớt vây bủa xung quanh tàu C.43.

Anh em cố hết sức bơi qua khu vực đạn pháo nổ dày đặc. Vừa bơi được một đoạn, Năm nhìn thấy một viên đạn pháo nổ gần Kiềm. Ngay lúc đó một đợt sóng nâng cả phao của Năm và thuyền trưởng Thắng đang bám lên cao 4 mét, rồi đẩy nhào xuống chân con sóng khác.

Pháo sáng vẫn soi rõ từng nếp sóng, nhưng Năm không nhìn thấy bóng Kiềm đâu nữa. Thay cho lời vĩnh biệt người bạn thân yêu, Năm chỉ kịp gào to một tiếng “ Kiềm !”.

Lúc đầu họ bơi gần nhau, vài phút sau do pháo địch bắn, và do chênh lệch về sức khỏe, đã tạo ra những khoảng cách xa dần. Tài vừa bơi vừa cố gắng đưa mắt nhìn xung quanh nhưng không thấy ai. Mỗi quả đạn pháo nổ làm cho ngực anh ép lại khó thở. Thời gian như ngưng đọng. Tài cảm thấy mình đã vùng vẫy rất lâu dưới biển lạnh mà chưa nhìn thấy bờ. Một đợt sóng do đạn pháo địch gây ra, ập đến. Tài dùng hết sức mình nhoài theo. Chân anh chạm bãi cát ngầm. Mừng quá, thế là sống rồi ! Nhưng làm sao thế này ? Một bên chân anh cứng đờ ra như khúc gỗ, không sao cử động được. Tài tự nhủ : Đến đây rồi mà chịu bó tay là hèn ! Anh dùng hết sức đạp chân xuống cát rồi nhoài người về phía trước. Tay anh đã sờ vào mặt cát mềm mịn, như nắm lấy cái quý giá vừa bị mất. Anh vừa lồm cồm định đứng dậy thì một đợt sóng khác chồm tới kéo anh ra xa tít. Anh lại cố hết sức quẫy. Chẳng phải chờ lâu, một đợt sóng lớn khác đã đẩy anh một mạch vào tới bờ, rồi lại kéo anh một mạch ra ngoài xa. Vết thương và những ngày đêm đi biển đã khiến anh không sao làm chủ được cơ thể mình. Sóng kéo co xô đẩy ba bốn lần như đùa giỡn với một khúc chuối.

Anh vẫn còn tỉnh táo, đủ sức hiểu tất cả những gì đang xảy ra và có thể xảy ra đối với mình. Không lý do gì đã cố gắng đến đây mà chịu thua những đợt sóng này. Không có lý do gì đã tới gần bờ lại để địch vớt lên tàu của chúng. Một lần nữa anh vận hết sức lực của mình để vùng vẫy ra khỏi bàn tay của thần chết.

Pháo sáng địch giúp anh nhìn rõ bờ không thiếu một chi tiết . Những con thuyền đánh cá nhỏ nằm úp trên bãi cát, những hàng cọc phơi lưới, những mảnh vỏ trai sáng loáng như bạc. Anh ước ao có một cái cọc cắm sát mép nước, sóng đưa tới anh sẽ ôm chặt lấy cọc để đứng dậy. Nhưng mép bờ cát phẳng lì, chẳng có một thứ gì khả dĩ bám víu được.

Đợt sóng mới, anh ước lượng thời gian, khi nó vừa xô vào bờ, lập tức anh dùng hết sức nhoài người lên, rồi bò thêm được một đoạn, thoát khỏi bàn tay của sóng. Tài mệt quá nằm ngửa lên để thở. Nhìn bầu trời thoáng rộng và những chùm sao lấp lánh, trí óc anh dịu bớt nỗi căng thẳng. Anh nghĩ tới con tàu và đồng đội của mình. Sao chưa thấy tiếng nổ của bộc phá phá hủy tàu. Anh em mình, ai còn ai mất ? Anh đang suy nghĩ miên man, một tiếng nổ lớn khác tiếng đạn pháo. Cùng lúc đó mặt đất rung mình nhắc người anh lên một chút rồi lại đặt xuống. “Nổ rồi”. Tài phấn khởi ngồi nhồm dậy, nhìn ra biển.

Một đám khói hình nấm từ mặt biển vụt lên cao dần, xung quanh nó vẫn còn đèn tàu địch đang di động.

Chính trị viên Tuấn đã tập hợp được một số thủy thủ, đang nằm chờ ở một khe nước, nhìn thấy Tài đi ngất ngưỡng như người say rượu, anh vội vã chạy ra đón. Vừa xốc nách Tài đi anh vừa hỏi dồn :

-Cậu bị thương ở đâu ? Trong lúc bơi có nhìn thấy ai không ?

Trận đánh kéo dài gần một giờ và bị đạn pháo nổ gần, tai họ đều điếc đặc, không nghe rõ tiếng nói của nhau, nên hỏi nhau vài câu rồi họ nín lặng bước đi.

Thuyền trưởng Thắng cũng vừa tới, anh lấy tay ra hiệu cho mọi người theo mình lên quả núi trước mặt. Năm và Thắng xốc nách Tài bước theo anh em. Nguyễn Xuân Thơm, thuyền phó khập khiễng đi cuối hàng quân. Lúc rời tàu, anh đã nhường phao cho Hoa, và trong lúc bơi anh lại dìu được một thương binh vào bờ. Không ngờ vết thương đã làm cho sức của anh xuống nhanh như vậy. Anh đang đi, tự nhiên thấy mắt mình tối sầm lại và trời đất như đảo lộn, rồi ngã nhào xuống bất tỉnh. Ở phía trước anh em vẫn rảo bước, không hề biết chuyện gì đã xảy ra đến với Thơm.

Anh em vừa lên được một đoạn trên sườn núi , gặp địch đi tuần lại vội vã quặt đi hướng khác. Đến một lùm cây, họ dừng lại để tìm hướng đi.

Năm nói với thuyền trưởng :

-Tôi có mang theo súng, để mình tôi đi trước, nếu gặp cơ sở của bên tôi quàn lại đón .. nghe thấy súng nổ, thì các anh đi tránh.

Thuyền trưởng căn dặn :

-Đi phải quan sát cẩn thận đề phòng nó phục kích.

Năm cởi cái võng và đôi dép đưa cho thuyền phó Đức rồi nhanh nhẹn theo con đường mòn lên núi.

Suy nghĩ một lát, Thắng thấy việc để Năm đi một mình có phần mạo hiểm. Anh nói với chính trị viên :

-Anh Tuấn đi với bộ phận sau, tôi đi cùng với Năm , sợ cậu ấy đi một mình không an toàn.

Thắng đi mãi miết vẫn không sao theo kịp được Năm; tới sườn núi chân lại giẫm lên chum gai mủ quạ, gỡ được gai thì Năm đã đi mất hút. Trời gần sáng, Thắng vừa bước vội vừa lo. Để đến trời sáng không đưa được đơn vị vào cơ sở, gặp địch càn thì tránh vào đâu. Thấy có tiếng người nói to, cách chừng 100 mét và có ánh đèn Thắng dừng lại lắng nghe. Anh đi giật lùi vài bước rồi quay ngoặt trở lại chạy xuống núi.

Bộ phận do chính trị viên phụ trách chờ đợi lâu quá, sốt ruột không theo hợp đồng cũ. Họ đi men theo những ruộng mía dưới chân núi. Dưới ánh pháo sáng, Tuấn nhìn thấy một em bé chừng 10 tuổi, đang lúi húi trong ruộng mía. Tuấn lấy tay ra hiệu cho anh em dừng lại, rồi một mình anh rón rén tới gần em bé. Bất thành linh anh chớp được em. Em nhỏ hoảng sợ kêu ú ớ một lát sau mới nói được :

-Tôi .. tôi đi nhặt dù hỏa châu.

-Du kích chỗ nào, đưa các anh tới.

Một tay bị thương, còn tay kia Tuấn giữ em bé. Trong lúc chờ nó bình tĩnh lại để trả lời, anh sơ hở để em chạy mất, Tuấn rượt theo.

Anh em du kích đứng trong bụi cây, nhìn thấy mấy người đầu trần, tay không súng đuổi theo em bé, họ đoàn “ Không phải là địch .. có thể là các thủy thủ”.

Tuấn đang mãi miết đuổi theo em bé, bỗng nghe thấy tiếng quát “ Dừng lại”, tiếp đó là một người lăm lăm khẩu tiểu liên bước ra khỏi lùm cây.

Tuấn vừa dừng lại, anh chưa kịp suy nghĩ xem tình huống gì đến với mình, thì người cầm súng kia nói dịu giọng :

- Có phải các anh vừa dưới tàu lên không ?

Tuấn vẫn bình tĩnh, tỉnh táo, nhưng anh không trả lời. Anh vỗ tay ba lần để

thay lời đáp. Người cầm súng vỗ tay hai lần vào báng súng.

Họ đã nhận ra nhau qua mặt hiệu ! Mọi người đều vui mừng xúc động, cùng reo lên một câu “ Các đồng chí ! ..”

Anh em du kích kéo ra mỗi lúc một đông. Họ phân công nhau cáng thương và diu thương binh vào xóm. Mọi người chuyện trò hỏi han nhau :

-Chúng tôi được lệnh đi đón các anh. Ngay từ lúc địch thả pháo sáng .. đã rất lo. Còn ai bị thương chưa tới không ?

- Đồng chí bị thương vào đâu để chúng tôi cáng .. thôi cứ để chúng tôi cáng .

- ...

Tuấn kiểm tra lại số người đã gặp nhau trên bờ, thấy thiếu Thơm và Đức. Một người đi trước tìm đường cũng chưa thấy tới. Tuấn vừa nói với chiến sĩ du kích tìm giúp đã thấy Năm xách súng đến.

-Anh Thắng đâu ? – Tuấn hỏi Năm.

-Tôi không gặp ai cả.

Một chiến sĩ du kích nói xen vào :

-Các anh khỏi lo. Nếu các anh em đã lên bờ được, chúng tôi sẽ tìm thấy ngay thôi. Các anh vào trông nghỉ ngơi đã !

Không đầy nửa giờ, các thủy thủ đã về đầy đủ. Họ đứng, ngồi thành từng nhóm trên một cái sân khá rộng. Riêng Thơm và Tài vẫn nằm liệt trên hai chiếc cáng.

Các mẹ, các chị em phụ nữ ngồi vây xung quanh Thơm và Tài vừa thăm hỏi vừa khóc nước mắt.

Tiếng đồng chí xã đội trưởng đồng dục :

-Khi anh em bộ đội ăn uống xong, theo như phân công, ai có trách nhiệm đưa thương binh xuống hầm nghỉ, ai dẫn anh em khỏe về từng nhà thì ở lại. Còn tất

cả về ngay vị trí của mình. Gần sáng rồi, phải khẩn trương.

Xã đội trưởng hạ nhỏ giọng nói với Thăng và Tuấn đứng bên cạnh :

- Ngày mai thế nào địch cũng càn tới đây. Chúng tôi đã xếp chỗ an toàn để các đồng chí đi nghỉ ngơi. Việc chống càn đã có chúng tôi lo liệu.

Chương chín

PHÁ PHONG TỎA

Đợt tiến công “bốn mũi” nếu xét về hiệu quả công tác vận tải thì không thành công, nhưng đứng trên bình diện chiến tranh để xét, lại hoàn toàn khác. Những đội tàu của chúng ta đã hành động vượt xa sự tưởng tượng bình thường, đã chiến đấu rất xuất sắc và giành được thắng lợi.

Dù sao thực tế trên biển vừa qua cũng buộc người chỉ huy vận tải phải dừng lại để tìm hiểu thêm về tình hình địch và nghiên cứu chiến thuật mới mới mong phá vỡ có hiệu quả sự phong tỏa của địch.

Tạm dừng vận tải đường dài trên biển lần này đúng vào thời kỳ mới của cuộc chiến tranh. Thời kỳ “chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam của ta sang một thời kỳ mới – thời kỳ giành thắng lợi quyết định” (Nghị quyết lần thứ 13 của Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng, tháng 1-1968). Thời kỳ “chúng ta đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn, đế quốc Mỹ đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược”. Sau những thất bại nặng nề ở cả hai miền, đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Ở miền bắc, chúng phải ngừng ném bom không điều kiện, ở miền Nam, chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị quân và dân ta đánh bại một bước rất cơ bản.

Việc mở rộng công tác vận tải trên tuyến đường Trường Sơn đang có nhiều thuận lợi. Trung đoàn 125 nhận lệnh của Bộ Tổng Tham mưu tham gia chiến dịch vận tải VT5, một chiến dịch đưa hàng ào ạt vào hậu phương cho công

tác vận tải đường bộ.

Cùng ngày Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom ở miền Bắc (1-11-1968), hai chiếc tàu của đoàn 125 đã di chuyển vào sông Gianh mở màn cho chiến dịch.

Khí thế thi đấu mới như một cơn lốc cuốn hút tâm trí các thủy thủ. Một lần nữa, đoàn 125 anh hùng nêu cao truyền thống vinh quang của mình. Qua 90 ngày đêm vận chuyển liên tục, đoàn đã vượt 217,3% chỉ tiêu của cấp trên đề ra.

Trong lúc đơn vị đang làm công tác vận tải trên miền Bắc, một kế hoạch tuyệt mật do Bộ tư lệnh Hải quân tiến hành nghiên cứu đã được Bộ Tổng Tham Mưu xét duyệt. Có thể gọi tên nó là “Kế hoạch phá phong tỏa “. Bản kế hoạch đó do Bộ tư lệnh Hải quân trực tiếp điều khiển từng bước rất chặt chẽ.

Ngày 12 – 8 -1969, đội tàu 42 nhận được lệnh vào Nghệ An, đưa tình ủy đi nghiên cứu một số hòn đảo và ven biển của tỉnh.

Lệnh đi gấp, không kịp chuẩn bị như các chuyến đi thường lệ. Anh em thủy thủ thắc mắc “Không hiểu tình ủy Nghệ An nghiên cứu gì mà vội vã thế. Nếu đi dài ngày thì lấy dầu mỡ , lương thực ở đâu ?”/

Đ/c Chi, phó tham mưu trưởng đoàn 125 là người chuyển đạt mệnh lệnh đã giải đáp gọn lỏn “Mọi thứ đã có tình ủy Nghệ An lo”.

Thuyền trưởng Trường Sơn hạ lệnh nhổ neo, nhưng anh vẫn chưa thông. Chỉ có một đoạn đường từ Hải Phòng vào Nghệ An mà phải đưa cán bộ nghiệp vụ hàng hải xuống làm hoa tiêu, sao không để cán bộ thuyền tự lo liệu.

Nghe tiếng chuông rung, các thủy thủ của tàu bạn ra chào hỏi xôn xao :

-Các cậu đi đâu đấy ?

-Nghệ An.

-Cặp ở Cửa Hội, tranh thủ tí, khoái nhỉ ?

-Tạm biệt nhé ! ..

Trường Sơn đứng bên cạnh phó tham mưu trưởng Chi và chính trị viên Trần Ngọc Ẩn trên đài chỉ huy : họ im lặng nhìn dọc theo dòng sông Cấm. Trường Sơn suy nghĩ miên man, quên phắt điều phó tham mưu trưởng đoàn nói trong mệnh lệnh “ Đồng chí Thu, trợ lý hàng hải của đoàn sẽ dẫn đường chuyển đi”. Khi thấy tàu ngoặt vào dòng sông đào, anh hét to :

-Sao lại ngoặt về hướng ấy ?

-Lệnh của đồng chí Thu.

Muốn đi Nghệ An phải qua cửa Nam Triệu ra vịnh Bắc Bộ, con đường ấy trình độ hàng hải hạng bét cũng hiểu. Sao Thu lại có thể lầm lẫn được.

Tuyến đường con tàu đang lao tới, sẽ về đâu, có người đã ngầm hiểu. Ẩn ghé vào tai Trường Sơn :

-Đến đây là rõ rồi.

-Sao ??

-Chậm hiểu quá. Đi chơi với hạm đội 7 chứ sao.

Trường Sơn cười cười mở và đưa bàn tay to bè ra nắm chặt lấy bàn tay Ẩn.

Cùng khoảng ngày tàu 42 nhổ neo, đoàn 125 có biến động nhỏ về nhân sự và vài cuộc chia tay vội vã.

Anh Thôi Văn Năm nghiệp vụ cơ điện của tiểu đoàn 4 nhận lệnh thuyền trưởng về trung đoàn 126. Y tá Dấu đang ở trạm xá, được lệnh chuyển về đoàn bộ ..

Riêng việc thuyền trưởng Nguyễn Văn Bé « bắt buộc » phải chia tay đột ngột, đã gây ra buồn phiền cho đội tàu 68. Cách đây ít bữa, viện kiểm soát của quân chủng đã gọi Bé lên hỏi cung về việc đơn vị anh đã để đắm một chiếc tàu trong chiến dịch VT5. Từ hôm đó, rộn lên dư luận « thuyền trưởng Bé có thể bị đi tù ». Anh em trong đoàn xôn xao về vụ này. Họ tỏ thái độ bênh vực thuyền trưởng Bé « Tòa án cũng phải xét chứ, cứ lý lẽ trần trụi như vậy nghe không xuôi ». « Việc xếp hàng không đúng quy cách để tàu đắm không phải do anh Bé gây ra. Chức trách của thuyền trưởng không phải là

xếp hàng hóa ». « Vả lại cũng phải chiều cố công lao của anh ấy. Vào sống ra chết, đi hàng chục chuyến đưa vũ khí vào chiến trường ». « Trình độ chuyên môn, tinh thần, đạo đức không chê vào đâu được, chỉ vì sơ ý có một lần mà xóa sạch cả cuộc đời người ta à ? ». Dư luận ồn ào một hồi rồi cũng lắng xuống, vì Bé vẫn là thuyền trưởng và chẳng có tòa án nào hỏi.

Mọi người vẫn đinh ninh rằng : Khuyết điểm của Bé chỉ đến hạ chức hoặc cảnh cáo là cùng. Đột nhiên hôm nay có lệnh của quân pháp xuống « bắt » thuyền trưởng Nguyễn Văn Bé.

Thủy thủ tàu 68 bàng hoàng trước giờ tạm biệt với người thuyền trưởng tài năng, dũng cảm và đáng yêu ; họ không biết nói gì với anh trước cảnh chia tay đáng buồn này.

Một thủy thủ không kiềm chế nổi xúc động, để nước mắt chảy tràn , xô tới ôm chặt thuyền trưởng Bé :

-Dù bao giờ .. dù thế nào tôi vẫn nghĩ rằng : anh là cán bộ tốt.

Chiếc com-măng-ca của Bộ tư lệnh Hải quân đã đứng chờ bên lề đường Hồng Bàng (Hải Phòng). Đại úy phó tham mưu trưởng Nguyễn Ngọc Ẩn đứng bên cạnh xe chờ đợi. Anh được giao nhiệm vụ đón một số anh em để đưa đến một địa điểm bí mật, không được phép phổ biến . Đến đó để làm gì, anh chưa hiểu. Từ lâu do yêu cầu của công tác đặc biệt, đã trở thành một thói quen, không phải việc của mình không hỏi, không nói, nhưng cái tên địa điểm kia, đã gợi anh nghĩ đến một chuyến đi xa.

Thượng úy Trần Phong đang công tác ở Hà Nội nhận được điện « về ngay ». Khi xe khách Hà Nội – Hải Phòng dừng lại bến, Phong lật đật đi bộ đến địa điểm hẹn. Gặp Ẩn, sau cái siết tay chặt , Phong hỏi ngay :

-Việc gì mà khẩn trương thế anh ?

-Họp hành gì đó.

-Không phải .. chắc có nhiệm vụ mới.

Ấn im lặng không tiếp câu hỏi của Phong đặt ra. Phong linh cảm thấy mình sắp nhận một nhiệm vụ gì đó hết sức quan trọng.

Một lát sau thấy anh thợ máy Thôi Văn Năm khệ nệ xách vali tới : tiếp đến một trợ lý bảo vệ của quân chủng đi cùng với thuyền trưởng Nguyễn Văn Bé ..

Số người đã tới đủ. Ấn cho xe chạy. Xe qua bến đò Bình, qua Thủy Nguyên .. rồi dừng lại ở Đá Bạc. Mọi người xuống xe, nhìn ra bến đã thấy tàu 42 đậu ở đó.

Thuyền trưởng Trường Sơn và chính trị viên Ấn mời họ xuống tàu. Tất cả những điều anh em suy nghĩ từ lúc nhận lệnh, đến đây đã bật lên tiếng nói « Vào Nam »..

Mắt thuyền trưởng Bé long lanh tha thiết, nhìn những nụ cười đang mở trên môi các bạn mình.

Đã lâu lắm rồi, anh em mới được nhận nhiệm vụ với không khí đặc biệt trọng thể như thế này. Đại tá Tư lệnh, đại tá chính ủy Quân chủng Hải quân, đại diện Bộ Tổng Tham Mưu tới động viên, kiểm tra. Cùng một lúc, hậu cần phát ba bộ quần áo, giày dép đúng thời trang Hong Kong. Các nhu yếu phẩm khác như thuốc lá, rượu, thuốc đánh răng .. đều được cấp bằng loại hàng của các nước phương Tây hoặc không có nhãn hiệu. Tất cả thứ gì, từ cái máy lửa, bút chì .. có dấu hiệu của miền Bắc đều gửi lại.

Tàu 42 đã được lột xác từ màu xám tro thành nhiều màu sắc : dưới mạn là màu xanh da trời, dải chỉ huy sơn trắng, các đường viền màu vàng đỏm dáng, với cái tên bằng chữ ngoại quốc. Cả trang phục của người và của con tàu đều mang dáng dấp nghiên cứu biển.

« Hoàn thành được chuyến đi này, là một thành công lớn, là một chuyến đi anh hùng ; một chuyến đi lịch sử nổi lại con đường biển chiến lược ; một chuyến đi phá vỡ thế phong tỏa của bọn Mỹ-ngụy. Trong lúc các đồng chí đi, không chỉ riêng Bộ tư lệnh mà Bộ Chính trị, Quân ủy TW cũng rất quan tâm theo dõi .. ».Tầm quan trọng được đ/c Chính ủy quân chủng chỉ ra và ngay cả trong công tác tổ chức chuyến đi cũng nói rõ điều đó. 100 % cán bộ và thủy thủ là đảng viên được lựa chọn. Thuyền trưởng Trường Sơn tạm xuống làm

phó cho thuyền trưởng Nguyễn Văn Bé. Ngoài ra còn tăng cường thêm hai thuyền phó nữa. Phó tham mưu trưởng Nguyễn Ân, thượng úy Trần Phong làm chuyên gia cho cán bộ thuyền. Đội ngũ từ máy trưởng , thủy thủ trưởng trở nên hầu hết là người tài năng, dũng cảm, đã lập nhiều chiến công trên đường biển.

Nhiệm vụ của đội là tìm một con đường bất ngờ đối với địch và trinh sát một số đảo đặt bến trung chuyển. Hải trình theo đường biển quốc tế qua Hoàng Sa, tới vùng biển Philipin , Malaysia rồi vòng về vịnh Thái Lan, tìm hiểu các đảo Nam Du, Thổ Châu ..đi chừng 4000 hải lý.

Chuyến đi viễn dương khó khăn nhất, đường dài nhất lần đầu tiên của quân chủng đã gây ra một tâm trạng chộn rộn khác thường. Ai cũng háo hức và lo lắng lao vào công tác chuẩn bị tất bật. Họ dồn hết sức lực để chuyến đi đạt kết quả cao nhất. Trong lúc các thủy thủ tập thao tác chiến đấu trên biển, cán bộ thuyền ngồi quây quần xung quanh hải đồ để nghiên cứu hướng đi và dự kiến đối phó với các tình huống.

Thuyền trưởng Bé vốn điềm đạm ít nói, cái « vấp » vừa rồi làm cho anh trầm lặng hơn. Mặc dầu đến lúc này trong lòng anh đã thanh thoát không bận bịu tới « vụ án » đắm tàu, nhưng anh vẫn ít cười ít nói. Sau khi nghiên cứu phương án hành quân xong, anh đến chỗ thủy thủ tập bắn, đến buồng máy kiểm tra, hỏi han từng thủy thủ.

Mọi công việc đã chuẩn bị xong. Buổi chiều, trước giờ xuất phát mới có chút ít thì giờ ngồi bù khú với nhau. Những chuyện do yêu cầu bí mật của chuyến đi sinh ra những giai thoại khá lý thú. Khi nói đến chuyện của thuyền trưởng Bé, đại úy Nguyễn Ngọc Ân hỏi Bé .

-Tôi là chánh án, kết án anh « tù đứng » lưu động một tháng trên biển. Chịu không ?

Bây giờ mới thấy thuyền trưởng Bé cười thực sự, cười mà nước mắt cứ trào ra. Bé nói :

-Trong cuộc đời bộ đội có việc gian khổ, nguy hiểm hơn cả ngồi tù .. mình

vẫn sẵn sàng chọn việc ấy. Nhưng nói đến ngồi tù thì thật đáng sợ, đáng nguyên rủa – Bé ngoảnh sang nói với Ấn – vì vậy cái án của tôi, tôi xin vui lòng chịu tù ba đến năm tháng tù như anh kết án.

Mọi người cười ; chuyện trò vui vẻ, cứ như thế kéo dài tới giờ tàu nhổ neo.

Đi được 4 ngày (24-8-1969), tàu 42 đã bắt được điểm chuẩn Hòn Đông như dự tính. Niềm tin ở sự dẫn đường của cán bộ thuyền trong anh em thủy thủ tăng lên. Các thuyền trưởng xếp Bé vào hàng « đáng kính nể về nghiệp vụ hàng hải thiên văn », điều đó không có gì quá đáng.

Sau khi bắt được Hòn Đông (quần đảo Hoàng Sa), tàu tiếp tục đi qua quần đảo Trường Sa ; đoạn đường này rất nhiều đá ngầm lập lờ dưới mặt nước. Nơi đây ít ra cũng có tới hàng chục tàu, thuyền bỏ xác lại, không bao giờ trở về được lục địa nữa. Luôn lách trên một phần đảo ngầm không chỉ là sự táo bạo, mà trước hết là phải tài năng mới có thể lọt qua được cái trận đồ bát quái ấy.

Thuyền trưởng Bé không giây phút nào rời mắt khỏi vùng biển lạ. Những quãng sáng lác lõng, những màu sắc thay đổi trên mặt biển cũng lưu ý anh. Hải đồ không thể nào chỉ dẫn hết được sự thay đổi địa hình dưới mặt nước. Và lại còn độ giạt, độ lệch do sóng gió, thủy lưu hoặc tính toán chưa chuẩn xác gây ra. Nếu sơ hở một chút thôi cũng có thể gánh lấy tai họa khôn lường.

Tàu vượt ra khỏi khu vực đá ngầm, đi theo tuyến đường quốc tế. Một chiếc máy bay P.3B đang vòng lượn trên một chiếc tàu buôn. Ấn nói với Bé «

-Nó vờ vịt làm như kiểm soát hết thấy các con tàu nhưng vẫn chú ý đến tàu của mình, mình cần đánh lạc hướng.

Bé hạ lệnh cho người lái :

-Bẻ góc lái 5 độ đông.

Tàu 42 chạy về hướng Phi-lip-pin như những tàu buôn khác . Chiếc P.3B bỏ tàu buôn tới vòng lượn trên tàu của ta.

Chính trị viên phó Nhậm xách máy ảnh trèo lên đài chỉ huy, mở ống kính chụp chiếc máy bay, rồi chỉ trỏ cười nói :

-Máy bat của nó bị hỏng rồi. Các anh xem kìa !

-Hỏng mà nó vẫn bay.

-Rõ ràng một cánh quạt không chạy nữa.

Ấn và Bé quá quen mặt bọn P.3B, các anh cười to. Ấn nói :

-Thôi ông ơi. Nó có 4 động cơ, khi lượn chậm cho một động cơ tạm ngừng .. đấy nó lại quay rồi .. cánh quạt bên trái lại ngừng .. thấy không.

Thuyền phó Trường Sơn dáng người to béo, mặt trắng trẻo, râu quai nón như một người châu Âu. Từ này vẫn đứng chống nạnh nhìn theo chiếc máy bay. Anh tức giận chửi thái độ hỗn xược của bọn Mỹ :

-Chúng nó có quyền gì mà kiểm soát tất cả các con tàu đi trên đường biển quốc tế. Mình không hiểu nổi sao các quốc gia có vai vế trên thế giới cũng cứ làm ngơ trước hành động ăn cướp của bọn này được !

Ấn cười lớn :

-Cậu có tưởng làm bộ trưởng ngoại giao. Với thằng Mỹ lên tiếng phản đối thì có nghĩa gì. Tên côn đồ ngoại hạng ấy không có nghe lời khuyên bảo mà chỉ có oánh !

Bé vẫn im lặng nhìn theo chiếc tàu buôn màu sơn trắng toát, còn cách mình năm sáu hải lý.

Tâm trạng chung của những người sống trên biển, lâu lâu mới gặp một con tàu, bất kỳ của quốc gia nào, cũng thấy vui và muốn tỏ cử chỉ ưu ái đối với nhau. Nhưng ở đây, do thằng Mỹ khốn nạn, nó đã phá vỡ mối quan hệ tốt vốn có của loài người. Khi nhìn con tàu buôn qua lại lần nào cũng vậy, niềm vui của Bé cũng bùng lên, nhưng lập tức bị tinh thần cảnh giác dập tắt. Biết đâu tàu kia cũng một giuộc với bọn Mỹ, và nó cũng được giao việc báo cáo tàu lạ qua lại đây.

Chiếc P.3B bay tới lượn vài vòng trên chiếc tàu buôn rồi bay về Phi-lip-pin. Thuyền trưởng Bé nhắc cán bộ đang trực dưới buồng hàng hải chú ý ghi nhật ký tỉ mỉ những việc diễn ra trên đoạn đường.

Thuyền phó Tam và thượng úy Trần Phong đang chụm đầu trên chiếc bàn có đặt tấm hải đồ khu vực vùng biển X, vừa đo đạc vừa rì rầm trao đổi. Tam lấy compa đo đoạn từ tọa độ tàu mình tới hải đăng Xu-ma-tơ-ra. Nghe thấy tiếng thuyền trưởng Bé, Tam báo cáo :

- Hiện nay tàu của ta đang đi vào tuyến đường HongKong – Philippin-Malaysia. Có thể gặp nhiều tàu buôn qua lại. Chiếc máy bay vừa rồi cũng hướng về Phi-lip-pin giống như lần trước, như vậy có thể đó là nơi nó xuất phát.

Phong nói với Tam :

-Tình hình thuận buồm xuôi gió cũng phải bà ngày nữa mới bắt được đèn Tăng-gôn.

-Chúng nó bị bất ngờ nên cũng không có hành động bám.

-Nhưng vẫn phải coi chừng .. vì chúng ta còn đang ở đường quốc tế ..

Hai người đang trao đổi, thấy phía ngoài có tiếng cười nói xôn xao và tiếng còi tàu kéo dài. Các anh chạy ra đứng bên lan can nhìn về chiếc tàu đi ngược chiều.

Hành khách của chiếc tàu kia ra đứng bên mạn vẫy tay. Có một hành khách cao hừng, tung mũ, chẳng may bị gió đưa mũ xuống biển. Anh em thủy thủ tàu 42 cũng ra đứng bên mạn vẫy vẫy đáp lại.

Những bàn tay của những người ngoại quốc xa lạ kia đã đưa tới anh em tàu 42 niềm tự hào, vì một sự liên tưởng tự nhiên. Nếu họ là những người thiện chí mà biết được tàu 42 đang đi đâu, chắc chắn sẽ cùng với những bàn tay thân ái đang vẫy kia là tiếng hô « Việt Nam – Hồ Chí Minh ». « Việt Nam là lương tri của thời đại .. » .. và đó sẽ là lời chào con tàu bé nhỏ, gan góc của mình.

Chiếc tàu lớn đi qua tạo ra những đợt sóng cấp năm, cấp sáu, làm cho tàu 42 chòng chành. Hai con cá chim từ dưới biển bay lên mặt boong. Các thủy thủ reo hò, chạy tới vồ cá :

-Hoan hô ! Được bữa nhậu rồi.

-Nhân dân thế giới ủng hộ đấy !

Ngày thứ chín, tàu 42 đã đến vùng biển gần Liên bang Malaysia. Lúc trời trong, nhìn bằng mắt thường đã thấy dáng dấp lô nhô của những hòn đảo. Có thể là quần đảo Na-tu-na.

Qua hai ba ngày không có địch theo dõi, mấy thủy thủ rồi rãi, tính tới chuyện câu cá. Họ buộc một mảnh vải trắng vào cái lưỡi câu cỡ đại ở đầu một sợi dây cáp nhỏ rồi thả xuống sau tàu. Khoảng 10 phút đã có tiếng reo « ăn rồi » !. Thuyền trưởng cho tàu chạy chậm lại để bắt cá.

Hai ba người xúm lại kéo sợi dây câu. Con cá gì đó rất lớn, phải hàng tạ chứ không ít, nó kéo ba người suýt ngã. Một cuộc kéo có với cá đầy thú vị. Những thủy thủ reo hò, văng tục, rồi cười với nhau. Con cá bị lợi đi gần một hải lý đã đuối sức, bụng nó thỉnh thoảng lật trắng lên mặt nước. Họ thả xuống cao su và cho hai người xuống để kéo cá lên. Một con cá khác, lưng bóng nhẫy nhô cái đầu khổng lồ lên đớp một miếng, con cá bị mắc câu đứt phăng một nửa. Máu loang đỏ mặt nước. Con cá « ăn cướp » nguầy cái lưng dài thườn, tạo ra quãng sóng làm nước tràn vào xuống cao su. Các thủy thủ la rầm lên :

-Kéo mau.

-Leo may lên không mất mạng bây giờ .

..

Một anh chàng thủy thủ gan lỳ tướng quân cổ đấm ăn xôi, vẫn kếp được khúc cá còn lại lên xuống của mình. Khúc cá còn lại nặng khoảng 60 kg, điều đó làm cho mọi người nhìn vùng biển màu xanh đen này mà dựng tóc gáy.

Chuyện ồn ào về con cá làm cho mọi người bớt căng thẳng lo lắng tới chuyện bắt đèn Tăng-gôn.

Trời mờ tối. Các cán bộ tranh thủ đo sao. Mắt thuyền trưởng Bé rất tinh, động tác thành thạo ; cùng một thời gian các cán bộ khác chỉ đo được bốn năm thiên thể. Bé đã đo được bảy thiên thể. Vị trí đứng hiện tại (tọa độ) của con tàu do anh tính toán ra, được anh em công nhận là chuẩn xác nhất.

Theo tính toán, thì tàu 42 đang nằm trong khu vực quần đảo A-nam-ba. Ngoài thực địa có một hòn đảo cách tàu khoảng 10 hải lý, tìm trong hải đồ lại không thấy. Các cán bộ bàn cãi :

-Hay đã tới Na-tu-ma.

-Cách xa nhau mấy trăm hải lý, sao lại có thể sai lệch đến thế.

-Ở đây còn quần đảo nào nữa, soi kỹ xem.

Họ thay nhau lấy kính lúp rê đi rê lại trên mặt hải đồ, rồi lại đặt xuống, nhìn nhau. Bé cầm kính lúp nhìn khá lâu vào một điểm, rồi lấy đầu nhọn com-pa găm xuống một cái chấm nhỏ như vết mực xiu dây vào. Anh khẳng định :

-Chỉ có điểm này, nó là cái đảo kia không thể khác .. hòn đảo này không có tên.

Mọi người lại chuyền tay nhau kính lúp, xem cái điểm Bé vừa chỉ và đều gật đầu công nhận sự phát hiện của Bé.

Tìm được tọa độ tàu làm cho không khí vui vẻ, hồ hởi. Như vậy là trong đêm nay có thể bắt được đèn Tăng-gôn rồi.

Con tàu đi lách qua quần đảo. Đêm tối. Mặt biển phẳng lặng như mặt hồ. Chưa bao giờ, ngay ở vịnh Hạ Long, họ cũng không thấy mặt biển lại êm ả đến thế. Nếu thỉnh thoảng không có con cá bơi vẽ lên một đường xanh lét, thì tưởng như mặt nước đã đông cứng.

Anh em cán bộ bàn tính. Nên vào gần để « bắt » cho chắc, hay « bắt » hải đăng từ xa. Vào gần lỡ ra xâm phạm hải phận của họ thì phiền. Cũng có ý kiến : liều một phen cho chắc ăn hơn. Hải đăng ở đây chắc không có người ..

Bàn vậy thôi, hải đăng Tăng-gôn có thể bắt từ xa 20 hải lý, việc gì phải làm như thế.

Bàn tính nhưng mắt họ vẫn chăm chú nhìn mặt biển. Trường Sơn nhìn thấy một bóng đen mờ, anh nói :

-Hình như có tàu .. không lên đèn.

Bé chụp lấy cái ống nhòm, nhìn về hướng Trường Sơn chỉ rồi nói :

-Tàu đang đi về hướng mình.

-Không có đèn .. chỉ có tàu quân sự mới làm như thế. Ân nói và chìa tay nhận ống nhòm ở Bé. Nhìn vài giây Ân nói tiếp :

-Đúng rồi ! Thôi tránh voi chẳng xấu mặt nào !

Họ quyết định mở hết tốc độ chạy trở lại, tạm né tàu kia đêm mai sẽ quay trở lại.

Nghe thấy tiếng chuông báo động. Máy thủy thủ đang nghỉ vùng dậy, chẳng hiểu nấp tẻ gì, chạy ra ngồi cạnh súng. Họ văng tục chửi bới Giôn-xơn một hồi.

Chiếc tàu lạ lẫm nhặng bám tàu 42 chừng hơn chục hải lý rồi quay trở lại. Có thể chiếc tàu kia là của “anh bạn” Malaysia chứ không phải của Mỹ. Ta chẳng có ý gì xấu với họ. Có thể vì chưa nhận rõ hải phận của họ mà “dẫn qua vài bước” thôi !

Chiều hôm sau, tàu 42 quay trở lại. Ý định của họ là cố gắng bắt đèn vào lúc hoàng hôn. Khi mặt trời vừa rời sát mép nước, thuyền trưởng đã cho vời tất cả “những cặp mắt tinh tường” lên đài quan sát. Hàng chục cặp mắt hướng về phía trước, lục lọi trong khoảng không tranh tối tranh sáng. Không khí hồi hộp, im lặng. Chốc chốc lại có người nói “hình như có ánh đèn ..”. Lòng mong mỏi đã đánh lừa cảm giác của họ. Tới lúc nhìn thấy ánh chớp đều mờ mờ, thì họ lại chưa tin rằng đó là hải đăng, e cảm giác lại lừa mình lần nữa. Mãi tới khi có sự xác nhận “Bây giờ mới đúng ..” của thuyền trưởng Bé, thì tiếng cười nói vui vẻ mới bùng ra.

Ánh chớp đều của hải đăng Tăng-gôn sáng đậm dần trước mặt họ.

Ngày 30 tháng 8, tàu 42 đã vào gần vịnh Thái Lan. Sắp đến khu vực địch phong tỏa dày đặc , và sắp đến những mục tiêu trinh sát chủ yếu.

Qua gần mười ngày đêm vừa sóng gió vừa tránh né địch, anh em đã mệt mỏi, cần tìm một chỗ nghỉ ngơi lấy lại sức, chuẩn bị đối phó với những tình huống khó khăn. Nếu là toán trinh sát trên bộ chắc dễ dàng hơn, lúc mệt có thể tìm tới một khu rừng, một căn nhà bỏ hoang nơi địch ít chú ý, treo võng lên là có thể đánh một giấc ngon lành. Trên mặt biển chẳng có gì giấu nổi con tàu. Nếu vào cạnh đảo nào đó có thể che khuất, nhưng là nơi địch thường nhòm ngó. Các cán bộ bàn đi tính lại rồi quyết định một “cú” táo bạo : Đưa tàu vào thương cảng X, thuộc một quốc gia Y gần đó.

Thuyền trưởng Bé cho tàu mình kẻ thẳng một đường vào thương cảng X. Anh em thủy thủ tháo luôn biển số tàu 632 thay bằng bốn chữ Trung Quốc “Nguyên Xương Nhất Hiệu”, tên một công ty thăm dò biển của Đài Loan.

Trời chạng vạng tối. Thành phố và tàu bè đã lên đèn. Những cụm ánh sáng lòe loẹt sắc sỡ nhấp nháy xung quanh những bảng quảng cáo phô ra cửa biển. Thứ ánh sáng nhảy múa kia dù sao cũng còn dễ chịu hơn cái thứ ánh sáng lảo xược của P.3B hoặc đèn pha của tuần dương hạm.

Tàu 42 tới thả neo khuất sau một chiếc tàu buôn lớn. Neo chạm đất cũng là lúc hàng đông việc xô tới. Cảnh giới, sẵn sàng chiến đấu, tổ chức mừng ngày Quốc khánh .. Việc nặng nhất là ngụy trang lại tàu, sau một hai ngày phải choàng lên con tàu “tắm áo” màu hoàn toàn khác.

Anh trợ lý tác chiến Trần Phong đã nắm trong tay một xếp giấy có vẽ cảnh đồ của các đảo; phó chính trị viên Nhậm đã chụp được ba cuộn phim những hình ảnh có liên quan tới tuyến đường mới. Những trang nhật ký hành trình đây ấp các sự kiện ..Đây là những nhát dao chém vào thân cây để đánh dấu đường của các chiến sĩ trinh sát.

Thuyền trưởng Bé rất quan tâm đến việc ghi chép nhật ký hành trình. Những trang viết đó sẽ giúp anh và cấp trên nghiên cứu nắm được tình hình thực tế

trên tuyến đường dễ dàng hơn. Vừa họp rút kinh nghiệm xong, Bé tới lục nhật ký ra đọc lại.

.. “ Ngày 30 tháng 8 hồi 4 giờ 40 phút, có tiếng máy bay cánh quạt bay thấp từ đông sang tây. Có thể là máy bay trinh sát.

5 giờ 30 phút, phát hiện đảo Thổ Chu ở 78 độ cách 18 hải lý. Ta giảm tốc độ để nhận dạng.

5 giờ 40 phút, một máy bay trinh sát P.3B từ phía đảo Thổ Chu tới lượn ba vòng.

6 giờ 35 phút, có một tàu buôn loại vừa ở phía sau. Ta tăng tốc độ đi về phía quần đảo Vay ..”.

Anh dừng lại khá lâu ở đoạn ghi “ .. Phát hiện một tàu cách sáu hải lý cùng chiều. Lúc đầu tưởng tàu đánh cá Nhật. Nhìn trước mũi có hàng chữ la tinh, mạn phải có hàng chữ lớn giống chữ Nhật. Boong sau có hai khối hình vại lớn sơn xanh đỏ giống như ống khói tàu buôn Nhật Bản. Sau cùng, đằng lái có thiết bị cần cẩu của tàu thả phao. 14 giờ ta gặp nó cặp tàu công trình đang nghiên cứu đáy biển (có lẽ đang thăm dò mỏ dầu). Chiếc tàu công trình rất lớn, có thiết bị boong rộng đủ chỗ cho máy bay lên thẳng đậu. Có dàn dựng ống khoan. Ống khoan cao 50 mét đến 70 mét “

Những dòng nhật ký vừa đọc lu lại trong Bé một sự giận dữ. Anh nói với các bạn :

Nó chuẩn bị khai thác dầu lửa. Có thể bọn Mỹ và bọn Nhật đã bí mật làm việc này. Xem hàng phao ngăn cấm các tàu bè qua lại, rõ ràng công việc của nó quy mô. Vùng biển của mình mà chúng ngang nhiê..

Trường Sơn chỉ huy công việc làm vệ sinh boong xong cũng vào tham gia bàn tán về cái dàn khoan. Và từ “ .. cái dàn khoan” lan tới chuyện công nghiệp dầu mỏ; khai thác tài nguyên và hàng hải trên đại dương .. Những câu chuyện ấy dẫn tới những liên hệ xa xôi và rộng lớn về tiền đồ xán lạn của đất nước.

Qua một đêm ngủ ngon lành, mờ sáng các thủy thủ đã xắn tay chuẩn bị bữa

liên hoan chào mừng Quốc Khánh.

.. Mới có 10 ngày đêm trên đường biển quốc tế, mà trong cảm giác của mọi người tưởng như mình ở xa đất nước 10 năm. Khi trở về vùng biển Tổ quốc trong lòng họ cũng rộn ràng, xúc động, vui mừng không khác người đi xa về thăm quê trong lòng địch.

Tàu đã vào vùng biển Phú Quốc. Các thủy thủ đứng ở vị trí sẵn sàng chiến đấu nhìn về quãng sáng mờ nhạt của thị trấn Dương Đông. Họ thầm ước ao : giá mình có con tàu lớn hơn, chở quân đổ bộ lên đảo để giải phóng cho anh em đang bị tù đầy.

Tàu đi ngang qua quần đảo An Thới (gần đảo Phú Quốc), những ý nghĩa mới mẻ, táo bạo nảy nở trong các cán bộ thuyền : Nhân đà thuận lợi, địch không bám, ta đi thẳng vào đảo Phú Quốc, tìm nơi đặt bến trung chuyển ở đó không được hay sao ? Một hòn đảo với 99 ngọn núi cao, với một vạn rưỡi dân mà hơn chục năm nay Mỹ-ngụy không bình định nổi; phong trào chiến tranh du kích vẫn lớn mạnh. Hẳn rằng nơi đây phải có căn cứ rất vững chắc, việc lập một cái bến bí mật đâu phải là chuyện không thể làm được. Thuyền trưởng Bé đánh điện về sở chỉ huy “Chúng tôi có thể vào Phú Quốc tìm nơi đặt bến. Xin ý kiến”. Ở sở chỉ huy điện trả lời “Đi đảo Nam Du theo kế hoạch”.

Vùng biển đen tối vắng lặng. Bỗng một cơn mưa dông ào đến. Tình trạng thiếu nước tắm, mồ hôi nhớp nháp khó chịu, ai cũng thèm được tắm một bữa thỏa thích. Nghe tiếng những hạt mưa rơi trên vải bạt, những thủy thủ không phải phiêu trực, vội cởi quần áo và reo mừng, chạy ra ngoài mặt boong. Nhịp mưa mau thêm, niềm khoái trá tăng lên, họ nhảy tưng tưng, cười nói :

-Tắm kiểu này chỉ có nhất.

-Đưa mình bánh xà phòng.

-Xăng-gai chính hiệu đấy.

-Em ơi ! . tắm nước mưa giữa biển sung sướng nào bằng ..

-Chết cha .. tạnh rồi, làm sao bây giờ. Thuyền phó ời, nói tay cho anh em xin một xô nước.

Họ chưng hửng ngửa mặt nhìn thấy khoảng trời trên đầu mình đầy sao. Mấy chàng đầy bọt xà phòng trên người, vừa cười rũ rượi vừa chạy đi lấy gàu múc nước biển tắm vậy. Họ biết rõ khối lượng nước ngọt mang theo phải tằn tiện mới đủ. Mỗi người một tuần lễ được một xô để lau người, hôm trước họ đã lĩnh rồi, bây giờ có nài xin cũng chẳng được. Chi bằng xối vài xô nước biển cho xong chuyện.

Các cán bộ chỉ huy vẫn không rời đài quan sát. Một ánh đèn vừa xuất hiện ở rất xa. Nơi đó là vùng dân chài lưới làm ăn, nhưng khó mà phân biệt đó là tàu đánh cá hay tàu chiến của địch.

Tàu 42 vẫn giữ nguyên tốc độ chạy về phía cái chấm sáng chập chờn ấy. Họ không chú ý nghe tin tức trên đài phát thanh, mà lắng nghe tiếng nhiều rào rào để xem rada của địch có theo dõi tàu mình không. Nhậm vừa xoay cái đài đi hướng khác, ngẫu nhiên gặp đài Tiếng nói Việt Nam đang thông báo tin Bác Hồ ốm nặng .

Mọi người nhìn nhau lo lắng. Nếu Bác .. Họ sợ phải nói ra từ “chết” đối với Bác. Nghĩ rằng Bác Hồ chết là ý nghĩ đại dột. Từ xưa tới nay không ai dám nghĩ đến Bác Hồ chết. Trong niềm kính yêu của mọi người. Bác Hồ đã trở thành bất tử. Giây phút xúc động tràn ngập, tâm hồn họ đang gửi về nơi thiêng liêng xa vời, họ quên phắt tất cả nỗi nguy hiểm đang rình mò xung quanh.

Nghe tiếng máy bay qua và tiếng thuyền trưởng nhắc nhở việc sẵn sàng chiến đấu. Nhậm mới nhớ công việc mình đang làm. Anh xoay lại chiếc đài để tìm xem có làn sóng bí ẩn nào bám tàu mình không.

Thuyền trưởng Bé cùng Nguyễn Ân, Trần Phong, Trường Sơn bàn bạc về những tình huống vừa diễn ra. Ánh đèn ban nãy vẫn đứng nguyên tại chỗ, xung quanh nó có thêm vài chấm sáng lơ mờ khác. Có thể là thuyền đánh cá. Nếu tàu chiến nó quăng tại chỗ làm gì. Liệu tàu địch có trà trộn trong đó không ?

Chính trị viên Trần Ân từ phòng hải đồ lên đứng bên cạnh Bé. Anh toan

thông báo cái tin vừa nhận được về sức khỏe của Bác. Nghĩ lại, anh thấy chưa cần thiết, và im lặng lắng nghe các bạn đang chuyện trò.

Đoạn đường này là một “cửa ải” phải vượt qua. Dù biết rằng phái trước mình, địch đang ẩn nấp, rình mò, nhưng quyết tâm của họ không thay đổi. Tàu 42 lên đèn đi lách qua khoảng cách của các tàu đánh cá.

Hòn Hoa Lư, hòn Tổ Yến, hòn Nham, hòn Mộc .. vài phút trước đây họ biết chúng trên hải đồ, bây giờ chúng lần lượt hiện ra trước mắt. Dưới ánh trăng suông, những hòn đảo thấp, cao nổi trên mặt biển giống như ở vịnh Hạ Long, Nam Du đó : Một quần đảo khá hẹp, thuận lợi cho ngư dân cư trú, cách mũi Cà Mau 64 hải lý, có diện tích 60 kilômét vuông, gồm 12 hòn đảo nhỏ, thành hai dãy; nhìn trên cao xuống như hai chuỗi hạt cườm, ở giữa có dòng hẹp, thuyền ghe nhỏ có thể qua lại. Khoảng 600 dân ngụ trên đảo sống bằng nghề đánh cá.

Dựa vào tài liệu đã biết và vừa thu được, các cán bộ thuyền có ý định thả 40 tấn hàng xuống ven đảo, rồi báo tọa độ cho anh em bến Cà Mau biết cho thuyền nhỏ ra lấy. Thuyền trưởng Bé đánh điện hỏi ý kiến sở chỉ huy. Vài phút sau nhận được điện trả lời “Tiếp tục trinh sát đảo Thổ Chu”.

Mờ sáng ngày mùng 1 tháng 2, tàu 42 đã tới bắc đảo Thổ Chu. Đây là mục tiêu trinh sát cuối cùng. Anh em tỏ ra phấn chấn vì chuyến đi sắp kết thúc tốt đẹp. Các cán bộ làm việc thư thái đường hoàng như buổi tập trên biển. Bé đứng trên đài chỉ huy, nói đồng đạc những kết quả vừa quan sát được.

Thuyền phó Duy Tam ngồi ở phòng hải đồ, lắng nghe và lần lượt ghi lên nhật ký hành trình.

“- 6 giờ 30 . phía sườn bắc đảo có vách núi đứng, cây thấp, đất đỏ có lẫn những tảng đá lớn, không có nhà cửa.

8 giờ 20 phút, tàu chuyển hướng xuống vịnh phía tây, phía này cây cối rậm rạp, nhiều tre nứa. thấy một dãy nhà mái tôn. Ở bãi khô có cột tiêu đóng thấp trên cột cờ bằng hình tam giác, bên cạnh cột cờ có một thuyền bỏ đã lâu. Đây có thể là căn cứ hải thuyền cũ của địch.

- 9 giờ 30 phút, tàu đến trước vịnh phía đông thấy 30 nóc nhà sát nhau trên bãi, nhiều cây xanh có hàng lối, bốn thuyền lắp máy đang đậu trong vịnh ..

Qua 2000 hải lý, với bao nhiêu nỗi vất vả lo âu, đội tàu 42 đã đến những nơi cần đến. Họ là những chiến sĩ trình sát dũng cảm, mưu trí vượt qua vùng địch tạm chiếm, cầm những “lộ tiêu” đầu tiên cho tuyến đường mới hình thành.

Tàu vừa chuyển hướng, có một máy bay P.3B bay lướt qua, nửa giờ sau lại có một chiếc máy bay khác tới lượn vòng trên chiếc tàu buôn rồi bay sang quan sát tàu của ta. Từ đó đến trưa chốc chốc lại có máy bay địch tới nhòm ngó. Anh em phán đoán thế nào chúng cho tàu chiến tới khiêu khích. Họ chuẩn bị tinh thần đối phó. Cùng những ngày đó, sóng gió tăng dần. Những đợt sóng tạt sườn, tàu lắc ngang làm cho người yếu chịu sóng thật khổ.

Sóng biển làm cho tàu nghiêng, dầu đựng trong bể chứa bằng cao su dồn về một phía, túi cao su căng phồng một bên, dầu chưa kịp trở về vị trí cũ đã bị cơn sóng tạt sườn khác đánh tới, làm cho độ nghiêng của tàu quá lớn. Nhiều phen nó muốn lật úp xuống. Nguy cơ đắm tàu hiện ra trước mắt. Có nhiều ý kiến giải quyết khác nhau. “ Đổ bớt dầu xuống biển”. “ Nếu đổ dầu gặp tình huống phải kéo dài ngày đường thì sao ? “ ..

Những thuyền trưởng cự phách như Ân, Bé, Trần Phong vẫn thay nhau đứng cạnh tay lái để chỉ huy luôn lách tránh sóng. Họ quyết định phải chuyển hướng đi sớm hơn để tránh sóng lắc ngang; mặt khác cho chằng buộc lại bể dầu.

Hầu hết các thủy thủ có sức chịu đựng sóng trung bình đã bị sóng đánh gục. Tàu lắc mạnh quá không sao nấu nổi nồi cơm, hai ngày liền phải ăn lương khô.

Đại úy Ân nói với Trường Sơn :

-Nhớ cơm lắm, cậu xem có cách gì nấu được không ?

-Hết cách : Vừa rồi mấy cậu thay nhau bê nồi nước hơ lên ngọn lửa, nước gần sôi, sơ ý sóng đánh ngã, suất nữa bị bỏng.

-Tàu mình phải sắm loại nồi có gioăng cao su và vít chặt vào bếp mới chịu được sóng.

Trường Sơn reo lên :

-Có cách rồi .. Nhất định nấu được !

-Cách gì thế ?

-Rất đơn giản. Anh có thấy mấy bà gánh nước bỏ vào thùng mảnh lá chuối không náo. Cậu Hạc tìm cho mình một mảnh vải nhỏ, giặt sạch đi. Ta đặt mảnh vải lên mặt nước của nồi cơm .. sẽ hạn chế được sóng.

Hơn nửa giờ, anh em đã xúm lại quanh nồi cơm đang bốc hơi. Thuyền phó Trường Sơn rất vui vì cái sáng kiến của mình đã đem lại kết quả.

Mỗi người vừa ăn được miệng bát cơm, đã nghe thấy chuông báo động đổ hồi. Họ buông bát chạy vội vào vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Trường Sơn trở về buồng lái, nhìn phía trước đã thấy cột rada và ống khói của chiến hạm nhô lên khỏi mép nước. Ngay lúc đó, một chiếc máy bay trinh sát bay trước mũi tàu.

Chiếc tàu chiến sơn màu xám sáng hiện rõ dần mọi chi tiết. Ăng ten rada quay liên tục. Hai tầng súng pháo trên chiến hạm im lặng không thấy quân lính đi lại. Đường như chiếc tàu này đi có việc khác không dính gì tới việc săn tìm tàu 42; nó cứ đi thẳng hướng cũ.

Một giờ sau lại có một chiếc tàu chiến khác lẳng nhặng bám tàu 42 cách khoảng 10 hải lý.

Nguyễn Ân nói vui :

-Thằng ăn trộm đang rình mò. Sẽ lòì đuôi ra cho mà xem.

Các cán bộ thuyền bàn luận :

-Nó bám ở xa nhằm biết rõ tuyến đường của mình. Ta không nên chuyển hướng theo kế hoạch mà cứ thẳng tiến về phía Hong Kong, khi nào nó rời ta,

ta quay lại.

-Nó cứ bám tới cùng thì sao ?

-Đến một điểm nào đó ta rẽ vào Hoàng Sa tạm lánh. Nó không thể theo mình vào đó được.

Chính trị viên phó Nhậm ở dưới buồng hàng hải đi lên, mặt anh tái nhợt, nước mắt chảy vòng quanh, tay xách chiếc đài bán dẫn đang nói về lễ tang Bác. Nhìn thấy Nhậm, anh em đã cảm thấy có chuyện gì chẳng lành. Họ hỏi dồn :

-Có tin về Bác hả ! Sức khỏe của Bác thế nào rồi ?

-Sao ?

-Bác .. mất .. rồi !

-Nghe có chắc không ?

Nhậm vắn núm âm lượng, đài phát thanh đang phát lời kêu gọi của Ban chấp hành TW Đảng.

Mọi người bàng hoàng, xúc động, nước mắt trào ra. Bác đã đi xa .. Trong cảm nghĩ của họ trở nên mừng lung, mơ hồ, không tin ở điều mình vừa nghe. Bác mất rồi ư ? Không thể xảy ra điều ấy được. Không bao giờ .. Bác vẫn hằng theo dõi những chuyến đi của chúng con. Trên mặt biển mênh mông này, mỗi lần nghĩ đến Bác, chúng con thêm vững lòng. Bác không bao giờ mất. Bác còn sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta .. Tiếng nói của đài phát thanh nghe tiếng được, tiếng mất giống hết diễn biến trong tâm trạng của anh em.

Chính trị viên Ân lấy mùi xoa lau nước mắt rồi nói với các cán bộ :

-Tình hình này chưa để tang Bác được, tôi đề nghị tổ chức lễ truy điệu Bác tại vị trí chiến đấu.

Đêm đã khuya.

Kiểm tra thấy sóng rada vẫn quét theo tàu mình, anh em biết chắc tàu địch vẫn còn bám. Các cán bộ quyết định cho tàu tắt đèn và chuyển hướng một góc độ lớn để đánh lạc hướng địch.

Thuyền trưởng Bé thông báo “ Chuẩn bị đối phó với địch, khi chúng mất mục tiêu chúng sẽ lúng sục ráo riết và không giấu mặt nữa ..” Quả nhiên, tàu 42 chuyển hướng được hơn nửa giờ đã thấy pháo sáng sáng trưng cả một góc trời.

Nhìn những tín hiệu đỏ chớp chớp trên máy bay, họ khoái chí cười nói :

-Nào, bây giờ chúng bay không giấu mặt nữa chứ !

-Con cáo đã lòi cái đuôi ra.

Sớm hôm sau, một chiếc tuần dương hạm chạy ngược chiều với tàu 42. Cách nhau khoảng bảy, tám hải lý, 42 rẽ sang trái 5 độ để né nó. Chiến hạm địch chạy sang bên phải chặn đường. Tàu 42 trở lại tuyến đường cũ, chiến hạm địch cũng trở lại tuyến cũ. Thằng địch ương bướng , xỏ lá, thuyền trưởng Bé cho tàu mình lao thẳng. Hai con tàu chỉ còn cách nhau mười phút thì chúng húc vào nhau. Chiếc tuần dương hạm với lượng giãn nước một vạn tấn, hay chiếc tàu vận tải 100 tấn sẽ thắng cuộc. Nếu có người thứ ba đứng xem, sẽ lo cho số phận con tàu 42 nhỏ bé.

Tàu 42 vẫn giữ nguyên tốc độ không nhân nhượng. Tàu Mỹ to xác quen lối xử sự “mềm thì nắn “ .. vội vàng ngoặt hướng khác để nhường đường cho tàu 42.

Vài giờ sau, chúng tăng cường thêm lực lượng. Một chiếc kèm mạn phải, một chiếc kèm mạn trái của tàu 42 với góc độ 140 đến 150, cự ly cách đều sáu đến bảy hải lý. Chúng bao vây tàu 42 theo kiểu đó, kéo dài gần một ngày đêm.

Các cán bộ thuyền quyết định thực hiện phương án đã dự định. Cho tàu tắt đèn hành trình ngoặt vào quần đảo Hoàng Sa. Tàu địch vẫn bám theo. Tàu 42 lách qua một luồng hẹp có nhiều đá ngầm. Chiếc tàu Mỹ to kênh càng chưa

quen luồng lạch, đành chịu bỏ mục tiêu.

Trời nổi gió và mưa lớn. Thậỵ là một ngày “đẹp trời”.

Tàu 42 neo cạnh một hòn đảo hoang. Hải âu từng đàn từ xa bay tới đậu trên tàu để tránh gió. Năm sáu con chui hẳn vào trong khoang. Các thủy thủ trẻ hò nhau bắt chim hải âu; họ đóng sập cửa lại. Những con chim biển ngây ngô bay lao vào cửa kính rồi rơi xuống. Anh em được bữa reo cười thỏa thích. Chim hải âu màu đen to như con ngỗng, có cặp mỏ bè ra đến lạ. Họ chuyển tay bóp vào cái điều no căng của nó, nó nhè ra ba con cá mực. Thấy hiện tượng lạ, anh em cười nói ồn ào :

-Sơ sơ cũng gần một kilôgam mực. Nếu nuôi được ba con anỵ, bắt nó đi kiếm cá là đủ cho gia đình xài phong lưu.\

-Nhưng cả gia đình đi kiếm cá cũng không nuôi đủ ba con hải âu này.

-Há há .. làm thịt, nấu cari, mình đang thiếu thức ăn.

Hùng, Hạc xúm lại vật lông chim. Vài thủy thủ ham câu cá, tìm ra mỗi câu, khoái trá reo lên :

-Đây rồi, chim ăn cá, bây giờ ta cho cá ăn chim.

-Thôi các ông ơi. Lấy vừa thôi còn để làm bữa ca-ri chim.

-Tanh ngòm, đã chắc gì ăn được, để mình kiếm con cá hồng ăn chơi.

Vừa thả câu vài phút đã có tiếng reo hò. Một anh câu được con cá bống mú nặng tới 50 kg và con cá nhồng đang dẩy đàn đạch trên mặt boong.

-Đổ thịt chim để lấy nôi nấu cá đây !

-Vùng biển này cá cứ như thả trong chậu ấy. Vừa thả câu xuống đã có cá cắn rồi. Sau này bình yên, đến đây đánh cá, bắt chim đời sống cũng đủ ung dung.

- ...

Trời có triệu chứng sắp bão. Mưa gió tăng dần . Con tàu lắc lư như điên. Để

tàu ở đây khó tránh khỏi chìm nếu bão đến. Chi bộ bàn bạc và quyết định nhổ neo, tiếp tục hành trình, lợi dụng thời tiết xấu để né tránh địch.

Sáng ngày mùng 7 tháng 9 năm 1967, tàu 42 đã vượt qua đảo Hoàng Sa về phía tây bắc. Mưa dữ dội, tầm nhìn bầu trời nổi với mặt biển một màu xám đục, tầm nhìn không vượt quá một hải lý. Con tàu 42 nhào lên ngọn núi nước khổng lồ, rồi lại ở dưới vực sâu thẳm. Suốt một ngày đường không gặp bóng tàu thuyền qua lại.

Nhận được điện tàu 42 đã về đến vịnh Bắc Bộ an toàn, đại diện Bộ tư lệnh Hải quân, đại diện Bộ Tổng Tham mưu đã đến bến Đá Bạc chờ đợi. Tàu vừa cập bến, mọi người không kìm được xúc động. Đồng chí Tư lệnh Hải quân, nước mắt chảy tràn, ôm lấy thuyền trưởng Bé và nói trong tiếng nấc :

- Các đồng chí thành công trở về thật đáng mừng .. Nhưng .. nhưng .. các đồng chí về .. Bác Hồ đã đi xa. Giá Bác còn sống, chắc Bác sẽ khen ngợi .. chuyến đi này.

Năm 1970, quân khu 9 ở vào tình thế rất khó khăn. Vùng giải phóng ven vịnh còn lại một phần rừng U Minh và rừng Đước – Cà Mau. Bộ đội phải chiến đấu triền miên, nhưng các nguồn bổ sung quân số và vũ khí hầu như không có.

Từng ngày, những khó khăn chung của quân khu đều tác động tới đoàn 962, đơn vị bến mặt. Nhiều cán bộ, chiến sĩ làm công tác ở bến, chuyển về bổ sung cho đơn vị chiến đấu. Số thủy thủ của tàu 100, tàu 69 (đoàn 125) mắc kẹt ở bến Vàm Lũng, được biên chế thành một phân đội thuộc đoàn 962, nghiêm nhiên trở thành lực lượng bảo vệ bến. Riêng đội tàu 69 có thêm nhiệm vụ bảo vệ con tàu của mình.

Con tàu nằm buồn thảm trên cái rạch cạn, những vết thương chẳng chịt trên thân nó chưa được hàn vá, những đám gỉ mỗi ngày một loang rộng không được sơn lại. Hàng ngày anh em đến thăm con tàu đã cùng mình sinh tử trong trận chiến đấu để vào bến, nhưng chẳng có cách gì để hồi phục nó như xưa. Ngày tháng qua đi, càng với dần hy vọng con tàu này sẽ cùng với mình về miền Bắc.

Những khó khăn dồn đến, những trận chiến đấu liên tiếp, anh em thủy thủ quên mình là người lính biển, hòa mình vào cuộc sống chung của bến. Đã hơn một tháng náy trên không cấp sinh hoạt phí, phải tự lo liệu lấy để sống. Giá như lúc này căn cứ của bến ở thời kỳ thịnh vượng, một người có thể chạy vạy nuôi được hai người. Độ này một bước đi cũng canh cánh việc sẵn sàng chiến đấu, thời gian để săn bắt còn rất ít ỏi. Từ sáng sớm, Thập rủ Hai, thuyền phò đi câu cá. Vừa ra khỏi lán đã nghe thấy tiếng súng nổ như pháo rang ở phía Rạch Gốc.

Hai nói với Thập :

-Ta ra câu ở cửa Vàm vừa xem hoạt động của địch thế nào – Hai nói với anh em ở nhà – Các cậu ở nhà đừng lặn ra ngủ hết, nó đến là ăn cá đó. Nghe súng gần lắm !

Hai anh em ra đến cửa Vàm, nhìn mặt biển vắng ngắt không có một bóng thuyền. Tiếng súng nổ ở phía Rạch Gốc thưa dần rồi im lặng. Họ yên tâm quăng mỗi câu xuống nước. Không đầy ba phút, Thập đã giựt lên con cá ngát, nặng tới một ki-lô. Anh dựa tay nắm lấy đầu cá gỡ ra khỏi lưỡi câu, nhưng tỏ ra không hào hứng lắm.

-Ăn mãi loại cá “rau muống” này phát ngán lên được ! – Thập nhét con cá vào bao bố rồi đẩy về phía sau, nói tiếp – Anh xem hàng ngày chúng ta có thể cử một người đi đánh bẫy lợn rừng xa hơn được không.

Hai vẫn im lặng nhìn cái phao bị gió đưa lắc lư. Thập nói tiếp :

-Giá như độ này còn con Giôn cũng có thể cải thiện bữa ăn khá hơn.

-Mình nhớ mãi lần bắt con kỳ đà trên cây mắm. nó nhào xuống, nếu như không gặp con Giôn thì mất tong. Con kỳ đà ấy bự nhất trong số chúng ta bắt được.

Câu chuyện đã gợi họ hồi tưởng vài kỷ niệm vui nho nhỏ về săn thú, từ khi bị mắc kẹt ở bến. Hồi đó, mấy ngày đầu chẳng có việc gì để làm, mấy cậu máu mê đi săn cứ bám riết lấy anh Ba Cụt (Ba Trung) để học nghề săn bắt. Những câu chuyện đã pha chút huyền thoại về những chuyến đi săn thú của anh Ba Cụt càng làm tăng thêm sự hấp dẫn mấy thủy thủ trẻ. “Ông chúa sơn

lâm” ấy đã đi vào rừng là không bao giờ chịu về tay không; chí ít cũng phải xách về một con cầy hoặc con kỳ đà. Có lần anh Ba đánh bắt được ba con lợn, con lớn nhất nặng hơn một tạ, nó bị đâm một nhát, nhưng đã giựt chân ra khỏi bẫy, rồi nhào tới húc vào anh Ba. Anh chỉ kịp né một bước, con lợn hung dữ đã vượt qua trước mắt. Như người khác, thì chắc là sẽ bỏ chạy, nhưng anh Ba lập tức nhảy một bước dài theo con lợn và phóng mũi lao cắm ngập vào sườn nó, rồi ấn mũi lao cho tới khi nó chết mới thôi. Nhiều chuyện đại loại như vậy nói về người thương binh đã cụt một bên tay. Cậu Thập đã được anh Ba Trung truyền nghề cho và thực hành có kết quả. Đôi khi trong đội đã được ăn bữa thịt kỳ đà, hoặc bữa chè trứng kỳ đà lạ miệng. Thập luôn ước ao có một con chó săn. Ai đã sống ở rừng đều thấy được giá trị của con chó săn, nếu có nó sẽ làm cho người đi săn đỡ tốn sức và hiệu quả tăng lên. Nhưng các thủy thủ không có một đồng xu dính túi, thì cái biết và ước muốn cũng đành xếp lại.

Một lần đi công tác, ở nhờ nhà dân, nhà chủ có ba con chó con gầy guộc, ghẻ lở, Thập chăm sóc mấy con chó đó như của chính mình, đun nước lá đắng tắm cho chúng, câu cá cho chúng ăn. Chỉ hơn một tuần lễ, đám chó con đã hết ghẻ. Bà chủ nhà thấy vậy mừng quá, nói với Thập :

-Nếu không có chú chữa chạy thì nó cũng đến chết mất. Chú thích nuôi tôi biếu chú một con.

Thập khiêm tốn nhận con chó còi nhắt đàn. Anh bế nó về đơn vị.

Anh đặt tên con chó là Giôn. Được chăm sóc đặc biệt, không mấy bữa thiếu cá hoặc cua trộn với cơm, bụng cu cậu lúc nào cũng no căng và Giôn lớn nhanh như thổi. Sớm sớm, Giôn chạy theo Thập vào rừng để tập luyện, tìm hang cầy cáo hoặc theo dõi dấu chân của lợn cỏ. Giôn tỏ ra con nhà dòng dõi đi săn, có cái mũi rất tinh, thoáng thấy hơi con mồi là sủa nhặng xì lên. Một vài lần nó đã đuổi theo kỳ đà nhưng nó cũng chưa lập được kỳ công nào.

Buổi chiều hôm ấy, sau bữa cơm anh em đang ngồi bù khù với nhau, nghe tiếng con Giôn sủa rất dữ. Anh em phán đoán «

-Cái thằng này lại gặp hang chồn gì đó thôi.

-Có thể là kỳ đà, nếu thấy hơi không thôi thì không sủa như vậy.

Nhiều anh em còn chưa tin Giôn giữ nổi đối thủ lớn hơn mình. Riêng Thập hiểu kỹ về nó, nghe tiếng sủa vọt vả thúc giục như thế, chắc chắn sẽ gặp con mồi to. Anh ra khỏi lán, cầm theo mũi lao chạy nhanh về phía con Giôn đang sủa.

Con lợn rừng bị Giôn đẩy lui vào đám rế đước, đang ngoạc cái mõm sần sẹo « học .. học .. » đớp vào không khí. Ăn chắc rồi « Suyt .. suyt, suyt » Thập ra hiệu cho con Giôn tiến công mạnh hơn. Con chó tinh khôn quá thể, vừa thấy chủ để nó đã xô vào gần con lợn. Lợn đang mãi nhìn chó, Thập tới được khoảng cách thuận tiện, phóng mũi lao xuyên qua mạng sườn con lợn. Nó kêu « ẹc, ẹc » như bị cắt tiết. Mấy cậu khoái chí reo lên :

-Hoan hô Thập .. hoan hô cả Giôn nữa.

-Đừng xỏ xiên nhau nữa .. thôi xắn tay lên khênh về đi.

-Phải có chất cay vào mùi dậy mũi .. cậu nào xung phong đi kiểm.

Thật thú vị, khi cuộc đi săn không tốn sức mà đạt kết quả. Giôn càng được đơn vị cưng, nhất là Thập. Một lần Giôn bị rắn hổ đước cắn, sưng phù người lên, tưởng chết. Tới bữa, Thập đổ cháo, đổ sữa cho nó ăn. Nửa đêm thấy nó rên ư ử, anh vùng dậy vuốt ve, an ủi nó. Cũng may cơn hoạn nạn của Giôn qua khỏi. Thập càng quý con Giôn bội phần. Thỉnh thoảng anh lại bắt nó há mõm, thè cái lưỡi đốm đen ra khoe với mọi người « Đó thấy không, loài chó đốm lưỡi này hổ đước cắn không chết đâu nhé ».

Sau những vũ khí, Giôn trở thành tài sản rất quý của đội tàu 69. Ở vùng rừng đước này nếu ai có đàn chó săn khoảng bốn, năm con là có thể nuôi cả gia đình sống đường hoàng. Khi người ta lùa đàn chó ấy ra rừng, trong một ngày chỉ ít cũng đưa về cho chủ ba đến năm ki lô thịt thú rừng. Con Giôn đã góp công vào việc cải thiện bữa ăn của đội tàu 69. Những bữa thịt gà xé phay, những bữa thịt chồn đậm đà, những bữa thịt lợn rừng .. nặng đũa ngon lành. Nhiều lần săn về, ăn không hết, anh em đã nhờ dân đem bán lấy tiền mua các thứ cần dùng khác.

.. Hai anh em chuyện trò về thời hoàng kim của việc săn bắt, nhưng thỉnh thoảng lại nhìn ra biển. Tiếng súng ở phía Rạch Gốc chừng như xê dịch vào bên trong, mỗi lúc một tăng lên. Nghĩ tới tình huống địch có thể nghi binh,

Hai sốt ruột, cầm cần câu trở về.

Vài chục phút sau, từ cửa Rạch Gốc có bảy chiếc tàu BCF lao ra biển hướng về cửa Lũng.

Ở nhà nghe thấy tiếng động cơ tàu, anh em đã chuẩn bị sẵn sàng. Thấy Thập hốt hải chạy về, không cần hỏi, mọi người đã biết có tàu địch vào cửa vàm.

- Bảy chiếc .. có thể vào chỗ chúng ta.

Nghe Thập nói dứt câu, mọi người đã vác súng chạy ra trận địa. Anh em nhanh nhẹn vào các vị trí đã quy định.

Thuyền phó Hai nhìn dọc sông ra phía biển. Dòng sông nước đục ngầu uốn khúc vào sau rừng đước. Anh nghĩ tới trận đánh sắp diễn ra. Lực lượng của mình vền vẹn chỉ có sáu người, khẩu B.40 có hai quả đạn, khẩu đại liên và hai tiểu liên. Nếu địch đổ quân lên, giới lăm kéo dài trận đánh được một ngày, rồi sau đó ra sao ..

Ý nghĩ đó của Hải bị cắt đứt bởi những tiếng gầm rú của tàu địch tới gần. Hai nắm chặt bình ắc quy, sẵn sàng cho nổ quả mìn định hướng vào tàu địch. Các mũi súng của Thập, Kiểu, Khảm, Đính đều hướng về cửa vàm.

Trận địa im lặng căng thẳng. Một chiếc tàu nhỏ màu xám vừa hiện ra ở chỗ ngoặt.

-Chuẩn bị !

Hai vừa dứt lời, một chiếc tàu đã vụt qua trước mặt. Quý bắn hụt. Quý lắp vội viên đạn thứ hai vào súng. Chiếc tàu thứ hai của địch vừa tầm bắn, lập tức viên đạn B.40 của Quý lao tới, đồng thời một đám lửa hình sao chổi ở quả mìn định hướng của Hai chụp lên tàu địch. Chiếc tàu bốc cháy, bọn lính trên tàu hoảng hốt nhào xuống sông. Ngay lúc đó, đại liên, tiểu liên của Đính, Thập bắn quét làm chúng gục ngã, chết chìm không đứa nào thoát. Những chiếc tàu khác vội vã quay ra biển.

Băng đi một thời gian dài không có trận đánh nào xảy ra ở khu vực cửa

Lũng. Lúc nhàn rỗi trong rừng, những thủy thủ càng cảm thấy mình bị tù túng. Tiếng sóng ầm ì của biển và khi nước triều lên lại gợi họ nhớ tới những chuyến đi. Họ thường gặp nhau để ôn lại những ngày sống phóng khoáng trên biển.

Sớm nay, anh em ngồi xúm xung quanh ấm trà. Nghe tiếng « xành xạch » của máy « đuôi tôm » đi qua, thuyền trưởng Xả nói :

-Tao thấy sáng sớm này xuống máy của anh Ba Cụt đi ra cửa vàm, hình như có tàu vào.

Anh em nín thở nghe cái tin của Xả đưa , rồi ồn ào bàn tán :

-Cần quá rồi ! Chỉ cần một chuyến tàu vào lúc này cũng có ý nghĩa rất lớn. Đẩy các anh xem, súng đạn của đoàn này còn có gì nữa. Đánh tàu mà cứ phải mót từng viên đạn b.40 thôi, đi kiếm từng quả bom lép như du kích thời đánh Tây ấy. Chọi với thằng Mỹ mà vũ khí của quân chủ lực như thế thì cò cựa đến bao giờ. Tôi tin chắc Trung ương đã nắm được tình hình này. Nghe tin các cậu ấy chiến đấu ở trên lộ Vòng Cung (Cần Thơ) còn cực gấp mười lần ở đây.

-Thế cậu tưởng ngoài kia không tích cực à ? Chẳng qua khó khăn quá, thì phải chịu chứ. Chúng mình chỉ còn thiếu chết mới vào tới đây rồi đành mắc kẹt.

-Vấn đề là thời cơ. Chẳng lẽ để chúng vậy mãi.

-Thời cơ ! Chuyện đó chẳng đơn giản chút nào. Tôi thấy chỉ còn một cách cho đi nhiều chuyến theo đường biển quốc tế. Bến phải có điện đài liên lạc với tàu, khi bến êm là gọi tàu vào.

-Thôi ông ơi ! Điều đó không phải chờ ông mách nước. Tôi hỏi mắt của bến nhìn xa được bao nhiêu hải lý nào.

-Tranh luận làm quái gì. Có nóng ruột cũng vô ích. Lúc nào có thời cơ, suy mình ra, cũng không bỏ lỡ.

Nhiều lần họ đã trao đổi với nhau nội dung như vậy. Lần nào bàn bạc cũng

sôi nổi, có khi nóng mặt to tiếng rồi lại xẹp đi và chuyển nội dung sang hướng khác.

Thấy mọi người im lặng, vừa lúc đó có tiếng bìm bịp kêu, Bé pha trò :

-« Kịp .. kịp .. kịp » .. đổ biết tại sao con bìm bịp lại kêu như vậy ?

-Cậu thử kể nghe chơi.

-Ngày xưa có một người cho ông bạn láng giềng bên kia sông mượn một cái chảo, lúc nước đang lên thì ông ta đòi. Người mượn bảo không kịp. Ông ta la lên « kịp kịp kịp ». Ông bạn hàng xóm đội chảo ra tới giữa sông, nước lên to lôi đi và chết đuối. Hồn ông ta hóa ra con bìm bịp. Và từ đó, cứ lúc triều lên thì bìm bịp lại kêu lên ai oán « kịp kịp kịp ».

Cô giao liên đến, nói xen vào giữa tiếng cười vui vẻ :

-Các anh có chuyện gì vui thế ?

-Chuyện riêng không kể cho đàn bà con gái nghe được ?

-Em cũng chẳng cần nghe .. Lệnh của thủ trưởng đoàn : Anh Xả và anh Hai bàn giao công việc lại cho anh Bé, đi về đoàn ngay nhận công tác.

-Việc gì mà gấp thế.

-Em chịu .. không biết.

Hai và Xả bàn giao công việc, đeo bông lên lưng rồi tạm chia tay với đơn vị.

Chính ủy đoàn khi trao việc chỉ nói với họ vài câu “ Các đồng chí quen sông nước.. Đoàn tổ chức một bộ phận đi đo lại độ sâu của các bến, anh em đã tập trung đầy đủ. Tối nay có xuồng đưa các đồng chí tới đó để hướng dẫn anh em.

Hai thầm nghĩ : một việc bình thường của bến, sao lại phải làm gấp vội như vậy. Chắc có gì bí mật, chính ủy chưa tiện nói .

Đêm hôm đó, xuồng đưa họ vượt qua sông Thủ vào Lán Nước, nhìn thấy ánh

đèn xanh chớp, người lái xuồng tắt máy, rồi cặp mạn chiếc xuồng vừa phát tín hiệu.

-Các anh chuyển sang xuồng này.

-Anh Xả, anh Hai phải không ? Khỏe chứ ?

-A cánh ta cả.

Hai và Xả bước sang chiếc xuồng bến, cùng ngồi lên những hòm đạn. Ở dưới chân họ là những bó súng AK vẫn còn lớp mỡ bảo vệ.

Hai rỉ tai với Xả :

-Cái gì đây, ông thử đoán xem.

-Súng đạn, thuốc men vừa mới đưa vào.

Xả nắm tay Hai, biểu thị sự thông cảm niềm vui vừa được phát hiện. Nhìn hai bên bờ rạch thấy từng đám cây đước vừa bị chặt, họ càng tin điều mình vừa phán đoán là đúng.

Đến địa điểm tập trung « Những người đi đo mức nước ». Hai chiều đèn pin vào tring lán, thấy màn mắc chặt ních. Anh lật màn nhìn từng người. Tuy đã nghĩ đến, nhưng được nhìn thấy anh em cùng đơn vị vừa từ miền Bắc vào vẫn làm cho Hai sung sướng bất ngờ. Thuyền trưởng Đỗ Văn Bé, thuyền trưởng La Văn Tốt, chính trị viên Viễn ..

Tốt đang nói chuyện với Viễn, thấy ánh đèn chiếu vào màn, anh ngồi dậy hỏi :

-Ai đó ?

-Hai, Xả đây. Anh em chúng tôi chờ đợi ..

Họ xúc động vui mừng ôm chặt lấy nhau không nói lên lời. Rất lâu câu chuyện mới trở lại mạch lạc. Theo yêu cầu của Hai và Xả, Tốt và Viễn kể lại chuyến đi và tình hình đơn vị ngoài Bắc ..

-Trước chuyến đi vào đây đã có chuyến đi trinh sát – Tốt thì thăm kẻ - chuyến đi trinh sát ấy do cậu Bé phụ trách đã tìm một con đường tránh sự theo dõi của địch. Chuyến đi này ngang tới Côn Đảo, máy bay địch bay thấp qua trước mũi tàu của mình. Ngay từ khi nghe có tiếng máy bay, tàu mình đã tắt đèn hành trình. Nó bay qua rồi không thấy trở lại, không biết nó đã phát hiện được mình chưa. Khi vào gần bờ khoảng mười hải lý, gặp ba ánh đèn tàu ngược chiều, chúng mình cho tàu chạy bọc hậu những tàu kia rồi vào bờ an toàn.

-Các anh vào chuyến này đẹp quá. Đúng lúc các đơn vị chiến đấu đã cạn nguồn vũ khí.

-Chuyến đi này , cả lãnh đạo cũng như anh em mình quyết tâm rất cao. Sẵn sàng chấp nhận một trận đánh ác liệt, kể cả phá tàu. Ngoài đó cũng biết tin trong này đang thiếu vũ khí. Chuyến đi này có hai nhiệm vụ, một là đưa kỳ được tàu vào bến dù có trả giá để anh em mình có vũ khí, hai là đón các cậu về ngoài ấy.

-...

Đã lâu ngày sống trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, bạn bè xa cách nhau, bây giờ mới được gặp lại, họ kể cho nhau nghe hết chuyện này đến chuyện khác, tưởng như không bao giờ dứt.

Chương mười

CHI VIỆN ĐẶC BIỆT

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt xuân Mậu Thân (1968), ta sơ hở ở vùng nông thôn đồng bằng, địch lợi dụng sơ hở ấy phản công quyết liệt bằng « bình định » càn quét lần chiếm, đẩy chủ lực ta lui xa các thị trấn, thành phố. Cho đến năm 1970, thực hiện « Việt Nam hóa chiến tranh », Mỹ-

ngụy đã chiếm lại gần hết vùng nông thôn đồng bằng, kể cả những vùng ta giải phóng từ lâu. Về phía ta, đây là một thời kỳ khó khăn nhứt của cuộc chiến tranh. Có chiến trường đã buộc phải quay trở lại hình thức tác chiến du kích, bởi chủ lực đã mất địa bàn đứng chân và thiếu thốn lương thực, vũ khí, nhất là chiến trường miền Trung và miền Tây Nam Bộ.

Với bản chất cực kỳ phản động, kẻ thù Mỹ-ngụy còn muốn tiến xa hơn những mục tiêu đã giành được. Chúng ép bọn tay sai làm cuộc đảo chính ở Campuchia (18-3-1970), phá vỡ tuyến đường vận tải bí mật của ta qua cảng Công Pông Xôm vào miền Nam. Chúng tăng cường đánh phá ngăn chặn đường Trường Sơn và đường biển chiến lược với hy vọng « bóp nghẹt tới mức tối đa » làm cho cuộc chiến tranh giải phóng của chúng ta ở miền Nam « tàn lụi dần ».

Điều không ngờ đối với đế quốc Mỹ, là muốn « bóp nghẹt » đối phương, phải mở rộng chiến tranh ra khắp bán đảo Đông Dương, nhưng chúng đã bị thực tế phản lại. Chẳng những chúng không xóa nổi vùng « đất thánh » của Việt cộng, không bóp nghẹt được « cổ họng » hậu cần chiến lược mà bị rải mỏng lực lượng ra, để chịu đòn ở khắp mọi nơi. Chỉ trong một thời gian ngắn, quân dân Campuchia và Lào được sự giúp đỡ có hiệu quả của quân tình nguyện Việt Nam, đã giải phóng một vùng rộng lớn, nhiều tỉnh nối liền, biến Đông Dương thành một chiến trường hoàn chỉnh hỗ trợ lẫn nhau. Con đường bộ chiến lược từ miền Bắc qua Lào – Campuchia của chúng ta, nghiêm nhiên công khai được mở rộng và việc tiếp tế hậu cần tại chỗ cho lực lượng vũ trang Khu 5 và B.2 cũng có nhiều thuận lợi hơn. Kết cục, « cuộc chiến tranh bóp nghẹt » của đế quốc Mỹ thời gian này chỉ có ý nghĩa đối với một số vùng mà con đường bộ chiến lược của ta chưa vươn tới được ; đó là các tỉnh miền Trung và miền Tây Nam Bộ.

Nhiều bức điện từ Quân khu 8 ,Quân khu 9 đến Bộ Tổng Tham mưu và Bộ tư lệnh Hải quân đã toát lên tinh thần « Chúng tôi sắp phải lấy cùi tay để đánh giặc », « Chúng tôi sắp phải lấy cây để đánh giặc .. », « Đoàn 125 giải tán rồi chẳng ? »

Những người trực tiếp chỉ đạo công tác vận tải chiến lược đường biển biết rất rõ mình phải làm gì trong thời gian này. Nếu đưa được vũ khí vào cho Quân khu 8 và quân khu 9, không chỉ có ý nghĩa giải quyết khó khăn cho địa phương ấy giành lại quyền chủ động ở chiến trường, mà còn tác động phối

hợp tới các chiến trường khác. Lúc này, Thiếu tướng Phó Tổng Tham Mưu trưởng Nguyễn Đôn được phân công trực tiếp chỉ đạo vận tải chiến lược. Cục nghiên cứu nhận lệnh bám sát và báo cáo hàng ngày về tình hình địch hoạt động ở ven biển Khu 8 và Khu 9. Bộ phận B cục tác chiến thay nhau thường trực suốt ngày đêm để nắm tình hình địch và chỉ huy những chuyến đi. Nhiều cuộc họp giữa Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ tư lệnh Hải quân và đoàn 125 về các phương án cải dạng tàu, thả hàng bến ngang và nhất là việc đưa vũ khí đến Quân khu 8 được tổ chức khẩn trương.

Nghे tin Bộ Giao thông vận tải mới nhận được 10 chiếc tàu cỡ 200 tấn, bộ phận B cục tác chiến vội đến thương lượng. Tất cả cho công tác chi viện miền Nam ruột thịt, Bộ Giao thông vận tải đã bàn giao cho Bộ tư lệnh Hải quân số tàu nói trên.

Có tàu mới, bộ phận B cục tác chiến lập tức xây dựng phương án đưa hàng cho Quân khu 8. Phương án đã đặt ra những khả năng : nếu vào gặp bến thuận lợi, nhưng không ra được thì dùng tàu đó làm kho chứa. Nếu không gặp bến, sẽ thả hàng bến ngang, cử một tổ người nhái tìm liên lạc với bến. Tàu thả hàng xong quay ra. Tổ người nhái sẽ cùng anh em bến vớt hàng lên...

Được cấp trên chuẩn y phương án, bộ phận B cục tác chiến thay nhau đồn đốc, kiểm tra việc triển khai phương án. Người đi kiểm tra việc đóng gói hàng hóa ; người đi kiểm tra việc tổ chức tập luyện của đội tàu. Hầu như họ không còn ngày nghỉ, giờ nghỉ. Khi công tác chuẩn bị cho chuyến đi của đội tàu 121 đã đầy đủ, đồng chí Phan Hàm từ đoàn 125 trở về, vào thẳng cơ quan. Đồng chí Hữu Tâm ở bộ phận B đang ngồi đọc lại những bức điện của các bến gửi về trong ngày. Thấy nah Hàm tới, anh đặt cuốn sổ điện xuống mặt bàn và nói :

-Mấy hôm nay không có tàu địch hoạt động ở khu vực bến Cồn Lợi (Bến Tre) và bến Vàm Lũng (Cà Mau). Có thể địch cho rằng ta không đủ gan để đưa tàu đến bến này, cũng có thể chúng tăng cường kiểm soát vòng ngoài mà lơ là vòng trong ..

-Tôi cũng nghĩ thế - Đồng chí Hàm cười nói – Vì rất lâu rồi ta không có một chuyến nào vào được bến Cồn Lợi. Tôi hy vọng nhiều vào chuyến này. Dù sao cũng phải hết sức thận trọng. Tôi sẽ gửi điện cho bến Cồn Lợi kiểm tra lại.

Đồng chí mở tủ lấy cuốn sổ điện, rồi ngồi viết :

« Ngày 28-9-1970

Gửi J.310

Đã nhận được các điện của anh và đã nắm được tình hình ở chỗ anh. Tôi đang chuẩn bị gấp để có thể đến thăm anh sớm. Vị trí X và Y tôi đã nắm được.

Anh cho biết ngay kế hoạch tiếp nhận của X gồm các việc triển khai lực lượng đón, quy định ám hiệu nhận nhau, xử trí các tình huống có thể xảy ra ..

Phan Hàm «

Viết xong bức điện, anh dặn anh Hữu Tâm :

-Nếu có điện của Cồn Lợi, bất kể lúc nào anh cũng gọi tôi nhé !

Khoảng 22 giờ đêm hôm đó, thiếu tá Hữu Tâm đã nhận được bức điện của bến Cồn Lợi. Anh nhẩm đọc :

« Tình hình ở X.2 vẫn thuận lợi. Cần chú ý , ban đêm thỉnh thoảng có một tàu lồng cu đậu ở Tân Thủy, lạch Bà Đông, có lúc hải thuyền đậu ở eo cột đáy sông Cầu đuôi cồn Chiêm, cồn Nhàn , cồn Hồ qua cửa sông Ba Lai.

Điểm Y ở X.2 như đã báo cáo, nên tạm dùng tín hiệu đã quy định.

Đã triển khai đón theo thời gian anh quy định.

Tư Chương ».

Đọc xong bức điện, Hữu Tâm mừng thầm : đội tàu 121 có thể xuất phát được rồi ! Anh cầm sổ ghi điện đi tới chỗ máy điện thoại, báo tin cho phó cục trưởng Phan Hàm.

Đã mấy năm nay không có chuyến tàu nào đến bến Cồn Lợi. Mỗi lần nhận

được điện của Bộ Tổng Tham Mưu « .. đón tàu vào », anh em lại cắt cử nhau canh gác ngày đêm, kéo dài hàng nửa tháng liền. Trông chờ mỗi mắt không thấy tàu của mình vào, họ mới rút khỏi vọng gác đi làm việc khác..

Suốt từ năm 1969 đến năm 1970, địch càn quét liên miên, chúng lấn dần vào căn cứ. Tiểu đoàn 518 phụ trách bến, nghiêm nhiên trở thành đơn vị chiến đấu. Họ tổ chức nhiều trận chống càn thắng lợi. Trong hoàn cảnh rất khó khăn về vũ khí và lương thực, họ vẫn bám trụ bảo vệ được căn cứ của bến. Hồi tháng 3 năm 1970, địch đổ bộ bằng trực thăng xuống một đại đội, ta chỉ có một trung đội xuất kích. Trong trận đánh giáp lá cà, quân ta rất kiên cường, diệt 70 tên địch tại chỗ. Và, những trận đánh tiếp sau đó, tiểu đoàn đã tiêu diệt 370 tên địch, phá vỡ trận càn của địch.

Sau những trận đánh, tất cả cán bộ chiến sĩ trong đơn vị lại tỏa ra các ngôi lạch kiếm cua, kiếm cá để đổi gạo, tự nuôi sống mình.

.. Khi nhận được tin có tàu vào lần này, số anh em trực tiếp làm công tác bến chỉ còn lại 25 người, tổ chức thành ba trạm gác. Những cặp mắt trông đợi suốt ngày đêm lại nhìn ra biển. Vùng biển trước cửa bến vẫn yên tĩnh, không có tàu bè của địch hoạt động, anh em nuôi hy vọng tàu mình sẽ vào bến an toàn.

Thời gian đón theo kế hoạch đã hết, vẫn chưa thấy tàu đến. Anh em bến lo lắng : không hiểu tàu của ta gặp trắc trở gì ở ngoài khơi mà không đúng hẹn.

Đảng ủy bến quyết định kéo dài thời gian gác thêm hai ngày đêm nữa. Đêm gác cuối cùng, anh em nhìn thấy một chiếc tàu lạ, ngỡ là tàu địch, họ vội rút vọng gác vào trong rừng. Tiểu đoàn trưởng Tư Sơn đi kiểm tra, thấy tổ gác bỏ vị trí, anh hỏi :

-Sao lại bỏ gác vào trong này ?

-Báo cáo : có một chiếc tàu to lắm, chắc là tàu của địch, nó đang đi vào .

-Có khi là tàu của ta thì sao ..

Chưa dứt câu, anh Tư Sơn đã chạy vội ra bãi biển. Nhìn thấy một chiếc tàu lớn, không giống như những chiếc tàu của đoàn 125 đã vào bến trước đây,

trong lòng nửa tin nửa ngờ, nhưng anh vẫn đuổi theo nó. Chạy vấp vào gốc
mắm ngã, lại vùng dậy tiếp tục chạy. Anh quên cả dùng tín hiệu, vừa chạy
vừa gọi to – Có phải Phan Vinh , Tư Nguyên .. đó không ? Tư Nguyên đó
phải không ? .. Phan Vinh ơi !

Lúc đó, anh Tư Sơn chỉ nhớ tên mấy thuyền trưởng đã vào bến này nhiều
chuyến, anh đâu biết Phan Vinh đã hy sinh và thuyền trưởng Tư Nguyên đã
mất sức chiến đấu rồi.

Nghe thấy có tiếng ở trên tàu đáp lại « Có phải Tư Sơn không ? ». Anh mừng
quá, để nguyên cả áo quần nhảy ùa xuống nước, bơi về phía tàu.

... Số là anh em đội tàu 121 vừa đi một chuyến trình sát gần một tháng trời trở về lại nhận lệnh chuẩn bị chuyển đi khác.

Thuyền trưởng Dương Tấn Kịch, thuyền phó Thơm và Vũ Hữu Suồng, chính trị viên Nguyễn Kim Danh, bộ tứ ấy đã trải qua nhiều chuyến đi chạm trán với những tình huống phức tạp ; nhất là thuyền trưởng Kịch đã tỏ ra là người chỉ huy dũng cảm, tài năng. Đội còn bổ sung thêm thuyền trưởng La Minh Tốt là người đã góp vào sự thành công trong chuyến đi Vàm Lũng – Cà Mau cuối năm 1969 và một số thủy thủ giỏi từ đội khác chuyển sang.

Sau công tác tổ chức biên chế và sơn ngụy trang tàu xong, anh em bắt tay vào tập luyện. Hàng tháng liền, đêm nào cũng vậy tàu chạy từ vịnh Hạ long tới sau Hòn Dấu (Đồ Sơn) các thủy thủ tập thả hàng bến ngang. Tổ công tác người nhái tập mò lặn vớt hàng và bơi hàng chục kilômét vào liên lạc với bến.

Sự chuẩn bị cho chuyến đi đặc biệt này được kiểm tra đi kiểm tra lại nhiều lần về mọi mặt. Cán bộ lãnh đạo cho đến thủy thủ không còn điều gì phải áy náy trong công tác chuẩn bị.

Tàu 121 xuất phát vào ban đêm như thường lệ.

.. Đến đêm thứ ba, tàu đã vượt qua luồng nước chảy xiết bên đảo Song Tử Tây. Trên đoạn đường dài yên tĩnh, sang tới ngày thứ sáu, máy bay trinh sát của địch gặp tàu ta một lần. Anh em lo bị lộ, nếu cứ theo tuyến đường của những chuyến trước, nhất định tàu chiến của địch sẽ tới bám. Mấy chuyến trước đều bắt mục tiêu Na-tu-na bắc rồi chuyển vào Khu 9. Chi bộ họp ra quyết nghị chuyển hướng sớm, gây cho địch bất ngờ.

Mờ tối hôm đó bắt được điểm Côn Đảo. Tàu chuyển hướng .. Vào cách bờ khoảng 10 kilômét, ta phát hiện một tàu địch đi từ sông Cổ Chiên ra. Thuyền trưởng Kịch hạ lệnh bẻ góc lái cho tàu mình chạy vào dòng chảy của cồn « La Làng » (Cồn Sứa Lửa nằm ngầm dưới mặt nước, nhiều tàu thuyền qua đây đã bị mắc cạn, bà con đã đặt lại tên cho nó là cồn La Làng) .. một dòng chảy hiểm hóc (nếu trình độ hàng hải non nớt vào đây chỉ có la làng vì cạn). Tàu địch chạy song song một đoạn rồi mất hút.

10 giờ đêm, đội tàu 121 đã quan sát thấy cây dừa, nơi hẹn của bến. Tàu chạy chậm dọc ven bờ. Thuyền trưởng phát tín hiệu nhiều lần không có tín hiệu đáp lại, anh hạ lệnh thả hàng, và cho tổ công tác do thiếu úy Giai đổ bộ vào liên lạc với bến. Anh em ném được vài tấn hàng xuống biển, thấy những kiện hàng nổi trắng theo ven bờ. Nhìn vào bờ thấy có bóng người chạy theo và có tiếng gọi Phan Vinh, Tư Nguyên, thuyền trưởng cho tàu dừng lại.

Kịch hét to :

-Có phải anh Tư Sơn không ?

-Tư Sơn đây.

Anh em thủy thủ thả thang dây cho Tư Sơn lên tàu. Tư Sơn mừng quá ôm chặt lấy Kịch vừa nói vừa khóc :

-Có phải mày không Kịch .. tao không ngờ tàu lớn thế này ?

Tổ công tác do thiếu úy Giai phụ trách vào bờ, sục sạo vào sau bìa rừng không gặp người của bến. Anh em trở lại bờ cát, ngồi cảnh giới cho đơn vị mình thả hàng. Ngồi một lát, Giai suy nghĩ : Dù sớm muộn cũng phải tìm cách bắt liên lạc bằng được với bến, anh bảo Loát đi theo mình. Hai người cởi quần áo theo con lạch nước ngập đến ngang ngực, đi mãi, đi mãi khoảng 4 kilômet mới thấy một ánh đèn nhỏ lọt qua vách.

Giai nói khẽ vào tai Loát :

-Mình cảnh giới, cậu tới xem nếu là thuyền của dân thì hỏi thăm.

Loát lội tới, nhìn rõ ánh đèn trong một căn lán nhỏ, anh quanh trở lại chỗ Giai đứng. Hai anh em bàn bạc nhận định : đây là nhân dân hoặc cơ quan của ta ở.

Giai vào lán gọi :

-Anh ơi ! .. anh ơi ! .. ai ở trong đó cho tôi hỏi.

Có tiếng « ừ ừ » của phụ nữ đang mê sảng. Một lát sau có tiếng phụ nữ nói nhỏ « Có ai gọi anh ơi ở ngoài kia », rồi tiếp theo đó là tiếng hỏi to :

-Ai ?

-Tôi là thủ trưởng ..

Giai nói ám hiệu. Cô Thu Vân, người của bên đang ngái ngủ tưởng Giai là thủ trưởng của đơn vị mình. Cô sang buồng bên gọi anh Bình dậy xem thủ trưởng nào.

Bình ra cửa rọi đèn pin xuống lạch, đúng vào mặt Giai. Nhìn thấy người lạ, mặt đội mũ cối, đeo tiểu liên, Bình vẫn tưởng là địch, anh vội vàng chạy lao vào rừng, cô Thu Vân cũng hoảng hốt chạy theo. Hai người chạy đến chỗ ở của tiểu đoàn phó H.

Nghe Bình nói lú lú rú rú mãi không thành câu, tiểu đoàn phó gắt lên :

-Cái gì nào .. bình tĩnh nói đi.

-Người gì mà nói chọ chệ kỳ lắm .. chú ơi. Cháu nghe không rõ .. đội mũ cối.

-Người của mình đó, về tìm ngay, không vương vào mìn chết bây giờ. Mau lên.

Lúc này Bình mới hoàn hồn. Anh quay trở về lán của mình ở, rồi gọi to :

- Anh lạc đường ơi ! Tôi là con Tư Hoàng đây.

Nghe thấy người gọi đúng ám hiệu. Giai gọi Loát ra khỏi bụi cây và đi vào lán .

Mọi việc đều êm đẹp, và trong chuyến đi ấy, đội tàu 121 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chuyển vào Quân khu 9 một khối lượng lớn vũ khí , đáp ứng được yêu cầu của lực lượng vũ trang quân khu đang đói súng đạn.

Bức điện khẩn nói tiếng lóng « Vợ tôi đã đến thăm, nó vẫn mạnh giỏi », từ bến Cồn Lợi gửi ra, Bộ tư lệnh Hải quân và Bộ Tổng Tham mưu cùng nhận được. Cái tin vui ấy lập tức được báo cáo lên Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương và Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng tham mưu

trưởng.

Các đồng chí lãnh đạo công tác vận tải chiến lược coi chuyến đi của đội tàu 121 có giá trị ngang một trận đánh thắng lớn.

.. Khi tàu 121 về tới bến Bình Đông, các đại biểu Bộ tư lệnh Hải quân, đại biểu Bộ Tổng Tham mưu, thủ trưởng và anh em trong đoàn 125 đã túc trực rất đông trên cầu tàu, như chờ đón những người anh hùng thắng trận trở về. Tư lệnh Nguyễn Bá Phát, Phó cục trưởng Cục tác chiến Phan Hàm và mọi người xúc động vui mừng bước xuống tàu ôm hôn các thủy thủ.

Sau khi thăm hỏi và nghe anh em kể tóm tắt chuyến đi, đồng chí Tư lệnh Hải quân thông báo Quân ủy Trung ương gửi lời biểu dương đội tàu 121 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, và mời các cán bộ thuyền tới gặp đồng chí Bí thư Quân ủy Trung ương.

Đ/c Bí thư Quân ủy Trung ương đang ngồi trao đổi về tình hình chiến trường với đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng trong một căn nhà nghỉ mát ở Đồ Sơn được báo cáo các cán bộ đội tàu 121 đã tới, liền đứng lên ra cửa đón. Cán bộ thuyền vừa đặt chân lên thềm nhà, hai đồng chí đã vồn vã bước tới thân mật , ôm hôn từng người.

Đ/c Bí thư Quân ủy Trung ương vỗ nhẹ lên vai thuyền trưởng Dương Tấn Kịch và nói :

-Các đồng chí xứng đáng với lòng tin cậy của Bộ Chính Trị và Quân ủy Trung ương.

Trên bàn trong phòng khách đã bày sẵn bia, nước ngọt và bánh kẹo. Đồng chí mời anh em ngồi vào bàn và cười nói cởi mở :

-Để quốc Mỹ tưởng có thể bóp nghẹt được con đường biển của chúng ta, nhưng các đồng chí đã chọc thủng sự phong tỏa của chúng .. Nào, vừa uống vừa nói chuyện. Ta chạm cốc mừng chuyến đi thắng lợi.

Đồng chí tươi cười nâng cốc bia, chạm cốc với từng người.

Tiếng sóng biển ầm ì ngoài xa dội vào trong phòng, ánh nắng chiếu xuyên

chênh chênh cửa sổ, gió biển đầu mùa thu mát dịu, thuyền trưởng Kịch có cảm giác mình đang ngồi trên con tàu. Và, những chi tiết đáng nhớ trong chuyến đi bỗng sống động trong hồi tưởng giúp anh kể lại rất tự nhiên. Tình huống gặp tàu địch, tàu ta ngoặt vào dòng chảy hiểm hóc trên cồn « La Làng ». Một chiến sĩ gái của bến vượt ve khẩu súng mới lĩnh nước mắt sung sướng chảy tràn trên gò má .. Câu chuyện của thuyền trưởng Kịch kể làm cho cán bộ lãnh đạo có mặt hồi hộp xúc động.

Khi nói đến tình trạng thiếu vũ khí, anh dẫn câu chuyện của anh em bến kể lại. Một lần có đồng chí bị địch bắt, bị chúng đánh đập tại chỗ. Anh em nấp ở trong rừng nhìn thấy và nghe rõ tiếng kêu la của bạn mình. Có đồng chí cảm giận quá giương súng lên bắn tên địch kia, khi nín cò chỉ nghe thấy kim hỏa gõ vào khoảng không, lúc đó mới nhớ ra mình đã hết đạn từ ngày hôm trước.

Nghe câu chuyện đó, mọi người không cầm nổi nước mắt. Đồng chí Bí thư Quân ủy Trung ương lấy khăn tay lau nước mắt và nói :

- Để anh em ở chiến trường phải chịu sự thiếu thốn vũ khí khi chúng ta có thể khắc phục khó khăn để đưa tới được, như vậy là có nổi lớn. Tất nhiên kẻ địch sẽ tìm cách ngăn chặn, nhưng chúng ta phải tìm mọi cách, dù có phải trả giá nào chăng nữa ; đưa được vũ khí vào chiến trường vừa giảm bớt sự hy sinh xương máu của chiến sĩ , đồng bào, vừa tiêu diệt được địch và giành được thắng lợi.

Chương mười một

TÌM BẾN TRUNG CHUYỂN

Từ năm 1971 đến năm 1972, trên các chiến trường Đông Dương quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã giành được những thắng lợi to lớn. Nhất là đầu năm 1972, quân dân miền Nam đã giành thắng lợi vang dội, giải phóng đường 9 – Quảng Trị ; tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở Tây Nguyên, An

Lộc .. buộc Mỹ - ngụy phải căng lực lượng ra để đối phó với những nơi chiến sự đang diễn ra nóng bỏng. Vùng 4 chiến thuật của địch (tương đương với Quân khu 8 và Quân khu 9 của ta) chỉ còn lại quân địa phương.

Trước tình hình phát triển thuận lợi của các chiến trường, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thấy lúc này là thời cơ thuận lợi, cho các Quân khu 8 và 9 tranh thủ mở rộng vùng giải phóng của mình. Nhưng do tình trạng thiếu thốn vũ khí nghiêm trọng nên các quân khu vùng đồng bằng sông Cửu Long đã không tận dụng được thời cơ tốt đó để hiệp đồng với các chiến trường khác.

Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu khá « nhứt đầu » trong việc bàn tính cách chi viện vũ khí cho đồng bằng sông Cửu Long trong hoàn cảnh « Đường mòn trên biển » đang bị hải quân địch phong tỏa. Cái « kế hoạch bến trung chuyển » có từ khi mở đường biển năm 1961 chưa phải dùng đến, nay lại được triển khai. Tháng 3 năm 1971, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho Bộ tư lệnh Quân khu 9 tổ chức một đoàn tàu bí mật hoạt động hợp pháp trong vùng địch. Khi nào đoàn 125 hải quân tìm đặt được bến trung chuyển, đoàn tàu bí mật ấy sẽ tới vận chuyển hàng về đất liền.

Trong mấy năm liền, kể từ khi có chuyến hàng đưa vào Cồn Lợi, Bến Tre từ tháng 9 năm 1970 trở đi, hầu như tháng nào tàu của đoàn 125 cũng có một lần, thậm chí tới bốn lần chuyển đi trên con đường đầy sóng gió nguy hiểm. Những con tàu được nguy trang bằng đủ các hình thức : tàu chở dầu, tàu nghiên cứu biển, tàu đánh cá .. như những con tàu của các quốc gia khác, thường đi lại trên vùng biển quốc tế để trinh sát và nếu có thời cơ là đưa hàng vào bến. Phải né tránh sự săn đuổi của các loại tàu chiến địch, con tàu vận tải bé nhỏ của ta không ít lần phải đi vòng vèo kéo dài tuyến đường của mình gần nửa vòng trái đất ; chỉ khi nào thấy hết khả năng tránh được chúng, anh em mới chịu vòng trở về nơi xuất phát. Mỗi chuyến đi đến sự thành công thường phải chấp nhận khá nhiều yếu tố ngẫu nhiên, đòi hỏi phải bù đắp vào đó bằng trí thông minh, lòng dũng cảm, tinh thần kiên trì và tính năng động của cán bộ và thủy thủ của mỗi đội tàu. Thành ngữ « Trăm bó đuốc thế nào cũng vớ được con ếch » đã trở thành một khẩu hiệu động viên anh em kiên trì vượt khó khăn. Trải qua gần hai năm căng thẳng thần kinh đối phó với mọi mưu chước của kẻ địch và vật lộn với giông bão, sóng gió, đoàn 125 mới đưa thêm được một chuyến hàng vào bến. Một chuyến hàng có một không hai ấy

được coi như chiến công rực rỡ nhất của thời kỳ cuối của phương thức vận tải công khai trên tuyến đường biển chiến lược. Chiến công ấy biểu hiện tài năng và tinh thần dũng cảm gan góc của đoàn 125 hải quân anh hùng.

Đội tàu 649 cùng xuất phát với ba đội tàu 643, 75 và 49. Riêng tàu 649 đã tìm con đường tránh lượn qua quần đảo Trường Sa đi Sơn Tử Tây đầy đá ngầm và vẫn giữ được bí mật. Khoảng ba giờ chiều ngày hôm ấy, anh em phát hiện một chiếc tàu giống tàu của đơn vị mình. Thuyền trưởng Nguyễn Sơn hạ lệnh sẵn sàng chiến đấu. Anh em nhanh nhẹn vào vị trí chiến đấu của mình. Tiểu đoàn trưởng Vũ Hán, thuyền trưởng Nguyễn Sơn và chính trị viên Đỗ Sạn ngồi trong khoang lái trao đổi tình hình :

-Đây là cái vịnh có độ sâu một nghìn mét – Nguyễn Sơn nói – Tàu ngầm của Mỹ thường tập luyện ở vịnh này. Quần đảo ta nhìn thấy ở phía tây là thuộc Indonesia. Chúng ta đến vùng này có thể bị hải quân của nhiều nước theo dõi.

-Tàu kia giống hệt tàu của đoàn mình – Chính trị viên Đỗ Sạn từ nãy không rời mắt khỏi con tàu đánh cá. Anh nói tiếp – Thử cho tàu ta vào gần xem sao.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Hán nói :

-Đừng làm thế ! Dù biết chắc là tàu của ta, cũng không nên. Mình ép vào, anh em nghi ngờ bỏ chạy ; như vậy tự nhiên gây thêm khó khăn cho nhau. Nếu tàu đó là địch, thì tự rước nguy hiểm.

Tàu 649 giữ nguyên tốc độ chạy theo hướng cũ. Chiếc tàu « quen thuộc » kia tiếp tục đi theo và vẫn giữ khoảng cách 15 hải lý. Để kiểm tra xem chiếc tàu kia có ý gian không, thuyền trưởng Nguyễn Sơn cho tàu của mình giảm tốc độ. Nếu là con tàu làm ăn bình thường thì nó sẽ giữ nguyên tốc độ, trái lại con tàu « quen thuộc » ấy cũng giảm tốc độ thì đáng khả nghi. « Tránh voi chẳng xấu mặt nào », tàu 649 bẻ góc lái 270 độ về phía tây. Tàu « quen thuộc » đang đi nam 180 độ, nó quay về hướng Bắc (khi trở về mới biết tàu quen thuộc đó do thuyền trưởng Trường Sơn và chính trị viên Bắc phụ trách).

Mờ tối tàu 649 trở về hướng cũ. Đến nửa đêm có ba chiếc tàu khu trục hạm bám theo tàu 649. Trong buồng lái, các cán bộ chỉ huy tàu lại bàn bạc sôi nổi.

-Ta cứ đi về hướng Singapore, nếu nó vẫn bám, ta đi về hướng Úc, bắt đèn

Tăng-gôn trên đường biển quốc tế.

-Đi thế nguy hiểm lắm !

Càng về khuya, sóng càng lớn. Tiếng sóng gào thét trù lên tiếng bàn bạc của họ.

-Sóng to như thế này, khu trục hạm của chúng có thể bị mất mục tiêu, ta chỉnh lại theo hướng cũ.

-Khoan đã, về hướng cũ sớm quá sợ nó lại bám theo mất công.

-Sóng gió càng lớn, địch càng khó bám, nếu ta đi thế này kéo dài thêm vài ba tiếng đồng hồ nữa, e vào bến muộn.

-Dứt khoát ta phải chuyển ! Theo kế hoạch ở nhà đi thế này đã quá xa điểm dự kiến, thời gian đã trễ hơn một ngày..

-Ta đi như thế là bỏ kế hoạch của trên.

-Tình hình này chúng ta dám làm dám chịu, cốt sao đưa được hàng vào bến –
Thuyền trưởng Nguyễn Sơn gọi báo vụ viên tới giao nhiệm vụ :

-Đồng chí Liên .. điện về sở chỉ huy « Do tình hình không thể vào được khu 9, tôi đã vào Cô-công ».

Liên vào buồng điện báo khoảng 20 phút, rồi lại ra buồng lái báo cáo với thuyền trưởng :

-Không sao liên lạc được với ở nhà ;

-Máy hỏng ư ?

-Có lẽ ở đây xa quá, đài của ta không đủ sức với tới, hoặc có thể bị chệch hướng ăng ten.

-Ta cho xoay hướng tàu thử xem.

Một lát sau Liên ra báo cáo với thuyền trưởng đã chuyển xong điện về sở chỉ

huy.

Đi ba ngày liền bằng phương pháp đo thiên văn, khi nhìn thấy dải núi của Cô-công, tất cả anh em reo lên. Thuyền trưởng Nguyễn Sơn , thuyền phó Nhu đo địa văn rồi kẻ lên hải đồ. So với kết quả đo thiên văn thì tàu đã đi chệch mất hai mươi hải lý. Sơn không dấu sự băn khoăn nói với Vũ Hán :

-Lấy kết quả thiên văn làm chuẩn hay lấy địa văn ? Ý kiến anh thế nào ?

Vũ Hán đang ăn, đặt bát cơm xuống sàn tàu rồi nhìn về phía dải núi mờ trước mặt. Suy nghĩ một lát, anh trả lời Nguyễn Sơn :

-Do tổng đồ nhỏ quá nên ta nhận dạng núi sai, cứ giữ hướng cũ đi theo thiên văn là chính xác.

20 giờ ngày 7-2-1972, tàu 649 đã áp sát bờ để tìm địa điểm quy định của bến. Một chiếc tàu nhỏ bám theo 649. Thuyền trưởng Nguyễn Sơn hỏi Vũ Hán :

- Tình hình này có thể bị bọn cảnh sát hải thuyền phát hiện. Đêm nay ta tạm lui ra, anh xem thế nào ?

- Cái tàu bé nhãi ấy ta táng một phát B.41 thì chìm nghime. Khu vực này là tổ chầy của bọn buôn lậu, ta luồn lách tránh né, việc gì phải lui ra.

Khoảng nửa giờ sau mất hút chiếc tàu nhỏ. Tàu 649 đã tới trước hòn đảo đúng như cảnh đồ chỉ dẫn. Chính trị viên Đỗ Sạn đứng trước mũi tàu dùng đèn pin phát hiện tín hiệu. Trong bờ có ánh đèn pin đáp lại.

-Nó đáp lại không đúng tín hiệu .. tính thế nào ?

-Nếu không phải người của ta nó bắn rồi chứ việc gì nó phải đáp lại bằng tín hiệu.

-Ta đứng lại chờ. Theo quy định, họ phải cho xuống ra.

Các cán bộ trao đổi với nhau vài lời ngắn ngủi rồi ngóng vào bến, hồi hộp chờ đợi.

Tàu 649 lui ra ngoài xa hơn một chút để tránh bắt trắc. Tất cả thủy thủ đều hướng mặt vào hòn đảo nhỏ đầy cây cối rậm rạp. Dưới ánh sao , hòn đảo giống như một quả bóng đen khổng lồ đang trôi trên mặt nước. Chờ gần một tiếng đồng hồ, không thấy con xuồng nào từ đảo ra. Thuyền trưởng lại cho tàu vào gần đảo và phát tín hiệu một lần nữa. Lần này trong bờ đáp lại đúng tín hiệu, nhưng vẫn không thấy cho xuồng ra liên lạc.

-Chiến đấu mà làm như trò đùa – Tiểu đoàn trưởng Vũ Hán vốn nóng tính, thấy bên làm không đúng hiệp đồng, gất ngậy lên – Hiệp đồng một đường thực hiện một nẻo, chờ đợi hàng tiếng đồng hồ không cho thuyền ra lấy hàng.

Vũ Hán nói với thuyền trưởng Nguyễn Sơn :

-Cho một tổ dùng xuồng cao su vào trong đó xem tình hình thế nào.

Thuyền phó Chế đứng cạnh Sơn, nói :

-Cho tôi đi !

-Nhớ khi vào vẫn phải đề phòng. Đến gần phát tín hiệu , thấy có người phải chọn vị trí chiến đấu, tư thế sẵn sàng chiến đấu rồi mới hỏi khẩu lệnh. Mọi người đi ngoài súng phải mang theo ba quả lựu đạn.

Thuyền phó Chế :

-Rõ ! Đề nghị cho chúng tôi xuất phát.

Chiếc xuồng vừa thả xuống, anh em mãi miết dùng tay, dùng mái chèo quạt nước nhưng xuồng vẫn trôi ra biển.

Nhìn thấy xuồng bị trôi, thuyền trưởng Nguyễn Sơn biết anh em đang ở giữa dòng chảy, anh cho tàu chạy vòng ra đón, rồi kéo xuồng trở lại.

Chế dẫn đầu tổ ba người lên đảo, đến gần chỗ có tiếng người nói. Họ tản đội hình ra sau gốc cây. Chế hô mật khẩu rồi ám hiệu. Có tiếng đáp lại đúng ám hiệu.

-Các đồng chí là người của bên phải không ?

-Đúng rồi !

-Sao không cho xuống đón tàu vào ? Chúng tôi chờ mãi mãi.

-Chúng tôi không có phương tiện gì cả.

-Một đồng chí đi với chúng tôi dẫn tàu vào thả hàng.

Anh em bơi xuống ra, chưa kịp cặp mạn tàu đã có tiếng từ trên tàu hỏi vọng xuống :

-Gặp anh em bến chưa ?

-Có người ra đây rồi !

Mọi người lên tàu. Anh chiến sĩ người của bến tỏ ra hoang mang, không tin rằng tàu của miền Bắc là có thể đi lọt vào cái góc biển xa xôi, hẻo lánh này.

Cán bộ thuyền xúm quanh anh lính trẻ đang ngỡ ngàng.

-Đồng chí có biết nơi nào thả hàng không ?

-Tôi biết, nhưng không chắc chắn lắm .

-Sao lại thế .. thôi được, ta đi khẩn trương lên.

-Tôi có nghe cán bộ nói với nhau, nếu tàu vào sẽ đưa vào trong kia. Anh lính chỉ tay.

Con tàu chạy chầm chậm theo hướng người của bến vừa chỉ.

Các cán bộ thuyền tiếp tục hỏi chuyện anh lính trẻ.

-Họ có nói vào cách bờ bao nhiêu mét không ?

-Tôi quên mất rồi.

-Ta cứ cho vào, nếu vào được càng gần bờ càng tốt.

-Các anh bấm đèn tín hiệu sang hòn đảo bên kia kìa. Bên đó cũng có người, anh em có thể biết.

-Anh Sơn phát tín hiệu sang bên ấy xem thế nào !

-Khoảng chỗ này.

-Chế độ sâu xem thế nào.

-Đảo bên kia có tín hiệu đáp lại.

-Độ sâu năm mét .. nhìn rõ bãi cát dưới đáy.

-Tất cả các đồng chí về vị trí thả hàng.

Các thủy thủ nhanh nhẹn đứng thành băng chuyền hàng. Họ lặng lẽ chuyển qua tay nhau những hòm vũ khí như một dòng nước chảy từ hầm tàu xuống biển. Sáu mươi tấn hàng đã thả gần hết mới thấy mấy chiếc thuyền của bên đi tới.

Hai cán bộ của bến lên tàu gặp cán bộ thuyền. Họ vừa nói vừa khóc :

- Chúng tôi chờ các đồng chí .. không ngờ các đồng chí lại có thể đến được tối hôm nay. Chúng tôi thay mặt quân khu gửi lời cảm ơn tất cả các đồng chí ngoài ấy .. Chúng tôi biết .. các đồng chí đi được đến đây không ít khó khăn gian khổ ..

Bến trung chuyển vẫn chưa nằm trong sự ước vọng, rất khó có thể trở thành hiện thực. Những hoang đảo ở Cực Nam và Tây Nam Nam Bộ nơi nào có khả năng đặt được bến là anh em thủy thủ của đoàn 125 đã đặt chân đến, nhưng chẳng có hòn đảo nào đạt được những yêu cầu cơ bản của loại bến đặc biệt ấy. Thời gian chờ đợi càng kéo dài, tình trạng thiếu thốn vũ khí của Quân khu 9 càng trở nên nghiêm trọng hơn. Bộ tư lệnh quân khu đã chủ động dùng đội tàu bí mật của mình tham gia vào việc trinh sát những hòn đảo gần bờ hơn để đặt bến trung chuyển. Niềm hy vọng gần như duy nhất của đồng bằng Nam Bộ lúc đó có thể nhận được chi viện vũ khí của Trung ương là một chuyến tàu nào đó của đoàn 125 chở thẳng vào những bến cũ.

Nỗi mong chờ cháy lòng của chiến trường đã trở thành sức mạnh thiêng liêng, thôi thúc đối với mỗi người làm công tác vận tải chiến lược trên biển. Vì vậy, dù họ biết những chuyến đi dù có nhiều khó khăn, gian khổ, thậm chí phải hy sinh, nhưng không ai nản lòng. Họ biết rõ một chuyến vũ khí của họ đưa tới chiến trường có thể góp vào một trận đánh thắng và giảm bớt sự hy sinh của đồng đội, nên mỗi chuyến đi dù gian khổ nguy hiểm đến thế nào, họ vẫn sẵn sàng chấp nhận.

Sau 11 chuyến đi “chữ O” của các đội tàu khác, ngày 12-4-1972 đội tàu 645 lại lên đường. Cũng như với các đội tàu khác, từ lúc 645 nhổ neo, Bộ tư lệnh, Bộ Tham mưu hải quân cùng các thủ trưởng đoàn 125 lo lắng theo dõi từng giây từng phút.

.. Nửa đêm 24 tháng 4, sở chỉ huy Bộ tư lệnh Hải quân nhận được điện của tàu 645 “Chúng tôi đã vào tọa độ N, không có hiện tượng địch theo dõi”.

Tư lệnh Hải quân nói với Phó Tham mưu trưởng Kim Sang :

-Điện cho 645 tiếp tục vào bến.

Nhận được tin 645 chuyển hướng vào bến không có địch bám, không khí trong sở chỉ huy trở nên sôi nổi.

-Đến bây giờ mới chuyển hướng kể vẫn hơi muộn.

-Vào vòng trong chúng sơ hở hơn. Chỉ cần chui được vào trong lạch của bến, dù lúc đó trời bắt đầu sáng cũng yên trí.

-Đến đây vẫn còn nhiều may rủi ..

Trong lúc chờ đợi một bức điện tiếp theo của tàu 645, Phó Tham mưu trưởng Kim Sang đã kể lại câu chuyện “tàu đầu không van”, chuyến đi cách đây hai tháng do thuyền trưởng Dương Tấn Kịch phụ trách. Đồng chí nói :

-Cậu Kịch xử trí tình huống ấy khá, lúc đó phải rất gan góc và bình tĩnh, chứ hấp tấp một tí là mắc mưu của chúng. Hai chiếc khu trục địch kèm sát, chiếc đi bên mạn chỉ cách 50 mét, chiếc đi sau chỉ cách vài liên, nó đánh đèn tín hiệu “ Các anh đi đâu?” . Lần đầu các cậu ấy gặp tình huống địch kèm sát

như thế. Lúc đó sở chỉ huy nhận được điện của Kịch. Chúng ta cũng nhận định địch cũng không dám liều lĩnh nổ súng, vì tàu của ta đang đi trên đường hàng hải quốc tế. Từ lúc nó hỏi tới khi trả lời nó mất 20 phút. Nó sẽ đánh dấu hỏi, tại sao lại trả lời chậm như vậy ! Cậu Kịch phải đóng một vở kịch ngắn để giải đáp câu hỏi của chúng. Cậu Tiêu báo vụ vừa ôm cờ tín hiệu ra mặt khoang, bị Kịch bạt tai mấy cái ngã giúi xuống. Tiêu vội vã leo lên treo cờ trả lời nó “Tôi đi về phía bắc”. Cứ như là việc trả lời chậm là do cái anh thủy thủ này lè mề. Kịch thì cứ kịch chứ chúng nó đã nghi rồi. Nó lại hỏi “Các anh chờ gì ?”. Bây giờ thì trả lời ngay được “Chúng tôi chờ dầu”. Nó chõ loa sang nói luôn “Các anh đoàn 125 ơi ! Các anh thuyền trưởng, chính trị viên và thủy thủ đi làm chi phiêu lưu mạo hiểm cho khổ, hãy quy chính nghĩa quốc gia ..”. Chúng nói nói gì mặc kệ. Đến trưa chúng gọi chiếc HQ.4 của bọn ngụy tới kèm. Chiếc HQ.4 lao thẳng tới như có ý định húc vào tàu của ta, tới gần nó mới bẻ góc lại. Lan can tàu của nó quệt sứt một mảng cầu thang của tàu ta. Cứ như thế, nó bám sát suốt tới ngày hôm sau. Như những bức điện mà chúng ta thu được của bọn HQ.4 báo cáo về bộ tư lệnh hải quân của chúng, thì không một chi tiết nào trên tàu của ta là chúng không nhìn rõ. Lúc đầu chúng báo cáo với nhau màu sơn, chữ đề trên tàu .. thì chưa có chuyện gì, tới lúc nó điện cho nhau “Không thấy van dầu và ống bơm dầu như tàu chở dầu khác”. Lúc đó mình toát mồ hôi. Tàu của mình chữa lại theo hình dạng tàu chở dầu, chỉ chú ý tới đại thể, ai dè nó lại nhìn kỹ như vậy. Anh em rút được một bài học kinh nghiệm thấm thía về ngụy trang. Tưởng sau đó nó sẽ làm to chuyện, nhưng rồi ..

Nghe tiếng chuông điện thoại reo, anh dừng câu chuyện lại. Thượng úy Thanh cầm tổ hợp đặt vào tai rồi nói :

-Có điện của 645 ư ! Nói đi .. Nghe rõ rồi !

Thanh vừa đặt tổ hợp vào máy, chưa kịp báo cáo nội dung bức điện vừa nhận với các cán bộ có mặt, thì phía bàn đặt máy điện thoại trước mặt chuẩn úy quân báo Cao Văn Nghiễm cũng đổ chuông. Trong tình hình mọi người đã cảm thấy có tình huống gì đó, không lạnh đối với tàu 645. Mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía Thanh chờ đợi.

Thanh đọc to bức điện vừa nhận được :

-Máy bay địch đang bám tôi, vòng lượn thấp, xin chỉ thị gấp. Hiệu ký điện.

Nghiêm đọc tiếp :

-Bộ tư lệnh hải thuyền địch thông báo cho HQ.4 : Hồi 02 giờ, không tuần Mỹ gặp một tàu lạ dạng “SL4” tại đông – đông nam Phú Quốc 20 hải lý, hướng đi N, vận tốc 10 hải lý. HQ.4 đến vùng Phú Quốc theo dõi.

Phó tham mưu trưởng và các cán bộ tham mưu có mặt vừa trao đổi chớp nhoáng về cách xử trí xong thì Tư lệnh Hải quân cũng vừa tới. Đồng chí hỏi :

-Tình hình diễn biến ra sao ?

Phó Tham mưu trưởng báo cáo lại những bức điện vừa nhận được.

-Các anh định xử trí thế nào ?

Phó tham mưu trưởng nói :

-Như vậy là lộ rồi, nếu tiếp tục vào, địch có thể để cho vào tới bến mới đánh, như vậy sẽ mất cả tàu, cả bến. HQ.4 của địch có gặp được tàu ta, ít ra cũng phải bốn giờ nữa, nếu đang đi tuần tra khoảng giữa Côn Đảo và Phú Quốc, thì cũng đủ thời gian cho tàu ta quay ra tới đường hàng hải quốc tế.

Tư lệnh ngồi suy nghĩ giây lát rồi ra lệnh :

-Điện cho nó quay ra, phải bình tĩnh tránh sự khiêu khích của kẻ địch.

Đã quá nửa đêm, lúc mệt mỏi và dễ ngủ gật nhất, nhưng mọi người lúc này lại rất tỉnh táo, chăm chú lắng nghe một điều gì đó hệ trọng tới đời mình. Trong phòng chỉ huy im ắng. Từ tư lệnh tới các trợ lý tham mưu đều đang suy nghĩ về con tàu của đơn vị đang lênh đênh ở một vùng biển phía nam Tổ quốc. Bây giờ anh em đang làm gì ? Chắc họ đang cố gắng cho tàu chạy thật nhanh để thoát sự săn đuổi của địch. Chắc pháo sáng trên máy bay địch đang rải xuống soi sáng mặt biển để sục tìm chiếc tàu của ta mà chúng vừa mất hút ..

6 giờ sáng ngày hôm sau (24-4-1972), đài kỹ thuật của quân báo đã lượm được tin địch báo cho nhau. Chiếc HQ.4 đã nhìn thấy tàu 645 bằng mắt thường. Ngay sau đó tư lệnh vùng 4 (ngụy) đã ra lệnh cho kiểm tra theo luật hàng hải quốc tế. Từ lúc tàu HQ.4 nhận được dạng tàu nó đang bám là của

đoàn 125 (theo ký hiệu chúng gọi tàu 645 là SL.4), chúng liên tiếp trao đổi với nhau trên sóng điện và quân báo của hải quân ta đã thu được tất cả những bức điện ấy.

- Tàu HQ.4 báo cáo : hồi 6 giờ 20 phút, hai tàu cách nhau hai hải lý.

- 6 giờ 25 phút, cách 2 hải lý. SL.4 ở bên phải HQ.4. HQ.4 đi hướng 245 và bắt đầu chuyển quang hiệu cho SL.4.

Tư lệnh tỏ ra sốt ruột, ông đứng dậy nhìn về phía đồng chí trợ lý quân báo và nói :

-Nó hỏi gì và anh em trả lời thế nào ?

-Nó hỏi đi đâu ? Anh em trả lời : Đi Cam-pu-chia.

Tư lệnh gật đầu tỏ ý bằng lòng với xử trí của anh em tàu 645.

Nếu ở sở chỉ huy cấp sư đoàn bộ binh, trong một trận đánh thì hầu như không có lấy một phút im lìm như thế này, hoặc nghe báo cáo của đơn vị, hoặc nghe báo cáo từ đài quan sát gọi về và bàn tới những diễn biến có thể xảy ra rồi quyết định cách xử trí. Ở đây, khoảng cách giữa người chỉ huy với những người đang cần được sự chỉ huy xa hàng nghìn kilômét, chỉ nhận được tin nhau bằng những dòng điện ngắt ngụt. Do đó, nhiều lúc trong sở chỉ huy tình trạng phải kéo dài cái thời gian căng thẳng và tẻ nhạt mà không có cách nào khắc phục .

Chính ủy Nghiễm lại đọc những bức điện vừa thu được.

HQ.4 báo cáo.

-Đã nhìn thấy đài chỉ huy SL.4 có hai người và một khẩu đại liên. Xác định đúng SL.4. Khoảng cách hai tàu 700 yard (1 yard = 0,9 mét). Vỏ tàu SL.4 màu ngà, có cột buồm sau lái. Thân tàu dài 30 mét, ngang khoảng 5,8 mét. Cột cờ màu vàng, phía dưới cột cờ có một ổ súng, HQ.4 xin vào gần hơn để quan sát.

Bộ tư lệnh hải thuyền địch đã ra lệnh hồi 7 giờ :

-HQ.4 chuẩn bị ba quả đạn sẵn sàng sử dụng.

Không khí của sở chỉ huy của ta bỗng hầm hập như lên cơn sốt. Ai cũng muốn được nói ý kiến của mình. Cuộc trao đổi ý kiến bị ngắt quãng bởi tiếng chuông điện thoại từ các đơn vị thông tin, quân báo báo cáo những bức điện mới thu được.

-Tàu 645 báo cáo “địch vào cách khoảng 100 mét, các cỡ súng của địch hướng vào ta”.

Nghe được tin đó, đồng chí Tư lệnh hải quân hạ lệnh :

-Điện ngay cho 645 sẵn sàng chủ động, nếu xảy ra chiến đấu, linh hoạt xử trí, giảm bớt tổn thất.

Chưa bao giờ ở sở chỉ huy không khí lại căng thẳng như vậy. Những tình huống ác liệt không diễn ra tức khắc như trong óc của mọi người tưởng tượng. Thời gian vẫn nặng nề trôi, các tình huống căng thẳng vẫn tiếp tục trải dài theo các bức điện thu được của địch :

-7 giờ , HQ.4 cách SL.4 100 yard (Tất cả những tư liệu về địch viết ở đoạn này là trích đúng nguyên bản các bức điện của địch ta thu được. Hồ sơ lưu trữ tại phòng bảo mật Bộ tư lệnh Hải quân)

-7 giờ 5 phút , HQ.4 nhìn thấy trên đài chỉ huy của SL.4 có 3 người ngồi. Tàu không treo cờ quốc tịch nào. Sau đuôi tàu có viết hai chữ FU ZAN.

-7 giờ 10 phút, HQ.4 thấy SL.4 có ba cánh cửa kính xung quanh đài chỉ huy. Ba người ngồi trên đài chỉ huy đang ghi chép gì đó.

-7 giờ 52 phút, bộ tư lệnh hải thuyền cho HQ.4 tách ra xa 600 – 900 mét, bắn một phát 76 milimét trước mũi SL.4.

8 giờ, HQ.4 đã bắn, SL.4 vẫn không trả lời.

- 8 giờ 12 phút, bộ tư lệnh hải thuyền cho HQ.4 bắn thêm một phát nữa trước mũi SL.4.

- 8 giờ 20 phút, HQ.4 đã bắn. Tốc độ của SL.4 vẫn không thay đổi. Ba người

ngồi trên đài chỉ huy vẫn bình tĩnh không hề có cử chỉ gì lúng túng.

- 9 giờ 5 phút, HQ.4 đã bắn trúng bánh lái, SL.4 vẫn chạy qua chạy lại được.

- 9 giờ 6 phút, SL.4 dùng đại bác không giật bắn lại HQ.4.

Nghe thấy địch bắn trúng tàu 645 mọi người đều giật thót người như chính cơ thể mình vừa bị trúng đạn. Ngay lúc đó sở chỉ huy lại nhận được điện của 645. Mọi người chăm chú lắng nghe đồng chí trợ lý tác chiến đọc :

-Nhờ các đồng chí báo cáo lên Đảng ủy, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của Đảng giao cho. Chúng tôi xin gửi lời chào vĩnh biệt.

Chuông điện thoại reo một hồi dài. Trợ lý quân báo cầm tổ hợp nghe và nhắc lại bức điện vừa nhận được :

-HQ. 4 địch báo : SL.4 có tiếng nổ lớn, tan khói không nhìn thấy SL.4 nữa.

Sự xúc động không còn kiềm chế nổi, tất cả cán bộ có mặt trong sở chỉ huy đều lau nước mắt rồi lặng lẽ đứng dậy tưởng niệm những đồng chí của mình anh dũng hy sinh vì nhiệm vụ cách mạng.

Chờ đợi mãi vẫn không thấy tàu của đoàn 125 vào bến cũ, cũng chưa lập được bến trung chuyển, đầu năm 1972. Bộ tư lệnh Quân khu dự định mở một chiến dịch dài ngày để chủ động phối hợp với các chiến trường và mở rộng địa bàn chiến tranh nhân dân ở địa phương mình, nhưng kiểm lại số vũ khí không đủ bảo đảm cho việc thực hiện ý định. Không thể chờ đợi lâu hơn được nữa, Bộ tư lệnh đề nghị với Quân ủy Trung ương cho phép sử dụng đoàn tàu bí mật S.950 ra miền Bắc lấy vũ khí và chở về bằng phương thức hợp pháp. Đề nghị của Quân khu 9 được Quân ủy Trung ương chuẩn y.

Ngày 25 tháng 2 năm 1972, đoàn tàu gồm 2 chiếc mang số 3308 và 3465 đã xuất phát ở ngư cảng Rạch Giá, giữa lòng địch do đoàn trưởng Tư Mao trực chỉ huy, lên đường ra miền Bắc. Và đoàn tàu đã trở về an toàn ngày 8 tháng 4 năm 1972 với 30 tấn đạn. Thắng lợi ấy đã mở ra một phương thức vận chuyển mới trên con đường biển chiến lược. Sau chuyến đi đầu tiên

thành công, Trung ương đã chi viện thêm cán bộ, phương tiện và tiền vốn cho quân khu để phát triển nhanh phương thức vận tải hợp pháp. Hàng chục cán bộ thuyền, thợ máy của đoàn 125 được lệnh chuyển về đoàn S.950 Quân khu 9, xưởng X.46 Hải quân nhận lệnh bí mật khẩn trương đóng 10 chiếc tàu vỏ gỗ theo mẫu của đoàn S.950 vừa đưa ra.

Không đầy một năm, đoàn S.950 đã có hàng chục con tàu đánh cá hoạt động, ở vùng biển Rạch Giá và vùng biển Vũng Tàu, với đầy đủ giấy tờ hợp pháp. Và cũng từ sau chuyển ra Bắc tháng 2 năm 1972, hàng tháng, đoàn S.950 liên tiếp có một hai lần ra Bắc chở vũ khí về. Phương thức vận tải mới đã phục vụ tích cực cho nhu cầu vũ khí của Quân khu 9.

Hạm đội Mỹ huênh hoang tuyên bố “đã kiểm soát từng lớp sóng” của biển Đông, trong lúc đó các thủy thủ của đoàn S.950 vẫn đi qua trước mũi chúng. Không mấy ngày, đoàn S.950 không có một vài cuộc tiếp xúc với bon cảnh sát hải thuyền và bọn hải quân ngụy, thậm chí chúng tới nhậu nhẹt trên tàu của mình. Sự thông minh, khôn khéo và gan góc của anh em đã trở thành bảo bối tàng hình, làm cho quân thù mất nhiều công phu xoi mói nhưng vẫn không tìm ra dấu vết.

Ngay từ đầu, Quân ủy Trung ương đã thấy được triển vọng của phương pháp mới trong công tác vận tải chiến lược trên biển. Nó không chỉ thành công đối với Quân khu 9, mà tương lai nó có thể phục vụ cho nhiều chiến trường của Nam Bộ. Trung ương đã tăng cường cán bộ, đầu tư vốn ngày một nhiều cho đoàn S.950. Sang tới năm 1973, đoàn đã có nhiều biến đổi mới. Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Quân ủy khu 9 đã đề ra nhiệm vụ cụ thể cho đoàn S.950 :

-Phải chọn mua thêm tàu lớn, tốt, mỗi tàu chở được 15 tấn hàng trở lên, chia thành ba cặp luân phiên nhau đi vận chuyển.

-Mua thêm một số tàu khác dùng quần chúng thường làm ngư phủ, làm ăn thực sự để che mắt địch. Bá bớt một số tàu nhỏ cũ; tổ chức mua hoặc đóng một hai tàu lớn ở hướng Sài Gòn , ngăn cách với các đội tàu đang hoạt động để dự bị và khi cần có thể vận chuyển cho hướng Sài Gòn và hướng Quân khu 7.

-Củng cố các bến, các đầu cầu giao nhận hàng chặt chẽ, bí mật để bảo đảm

hoạt động vận chuyển lâu dài.

-Đồng chí Tư Mao tạo điều kiện mua nhà ở Sài Gòn, đóng vai một tư sản nhỏ, có nhiệm vụ nghiên cứu tìm chỗ cất giấu hàng, bến đậu tàu trong nội thành Sài Gòn và gần sân bay Biên Hòa để đưa hàng phục vụ cho chiến đấu được thuận tiện.

Những năm tháng hoạt động ở Rạch Giá, đồng chí Tư Mao đã đóng vai một tài công cho chủ tàu. Do tháo vát, chăm chỉ và biết cách làm ăn, từ tài công, đồng chí đã có một số vốn liếng khá góp cổ phần cùng với chủ mở rộng kinh doanh. Trên ngư trường Rạch Giá, Tư Mao đã trở thành ông chủ “có máu mặt” , bắt đầu có tiếng tăm. Việc ông chủ tàu Nam Nhật (mật danh Tư Mao) giàu có, làm ăn đang thời kỳ hưng thịnh chuyển về Sài Gòn để có điều kiện kinh doanh lớn hơn là điều dĩ nhiên.

Chỉ thị của Quân khu ủy như phát pháo hiệu phát lệnh xung phong đúng vào lúc cửa mở đã mở xong. Đồng chí Tư Mao dẫn đầu đoàn S.950 tiến vào tận hang ổ của địch để xây dựng chỗ đứng mới của đơn vị. Cái neo lớn của đoàn S.950 đã buông giữa Sài Gòn – mắt của cơn bão. Neo đã cắm sâu xuống đáy một cách êm ả. Thời gian chẳng bao lâu, đồng chí Tư Mao đã làm một loạt công việc : mua nhà ở cầu Rạch Ông ngay gần nơi tàu thuyền tới đậu ; lập công ty tàu đánh cá biển mang tên Ngư Long; góp cổ phần với một tư sản Hoa kiều, mở xưởng xẻ gỗ , mua thêm ba cặp tàu; chuẩn bị lậ xưởng đóng vỏ tàu ở Biên Hòa ...

Lần lượt những con tàu có ký hiệu “SG”, đứng trước những con số đăng ký đã xuất phát từ thương cảng nhỏ cầu Rạch Ông hoặc Nhị Thiên Đường (Sài Gòn) ra miền Bắc lấy vũ khí, rồi lại trở về chính nơi đó để nghỉ ngơi và tu sửa tàu. Khoảng một năm, từ cuối năm 1972 đến cuối năm 1973, nhiều phen ông chủ Tư Mao và anh em trong đơn vị suýt bị lộ nguyên hình. Tư Mao và anh em phải liên tục xóa dấu vết hoạt động của đơn vị mới tránh được sự sục sạo, đánh hơi của bọn mật vụ Mỹ-ngụy.

Nhưng một điều đã ngờ rồi vẫn còn bị bất ngờ. Khoảng cuối năm 1973, một cặp tàu của đoàn đưa Tư lệnh Lê Đức Anh ra miền Bắc họp, đồng thời lấy vũ khí về. Tới gần Vũng Tàu đoàn tàu bị bão đắm một chiếc. Số thủy thủ trên chiếc tàu bị đắm đã kịp chuyển sang chiếc còn lại. Phần vì chiếc tàu còn lại cũng phá nước, phần vì số thủy thủ trên chiếc tàu đắm không có danh sách

hợp pháp trên tàu này, nên đoàn trưởng Tư Mao quyết định đưa tàu vào Vũng Tàu để giải quyết vấn đề trên.

Trong quá trình vào Vũng Tàu để gửi lại số thủy thủ của chiếc tàu bị đắm, trong cơ sở của đoàn tại đây có một tên phản bội cách mạng. Tên này trước đây bị địch bắt, không chịu nổi tra tấn đã phản bội, làm tay sai cho địch. Thấy tàu đồng chí Tư Mao vào, nó đi báo cho địch. Do có sự cố đó, một số cơ sở trên bờ bị địch bắt. Chúng còn tổ chức rượt đuổi, nhằm bắt sống chiếc tàu của ta. Nhưng với sự khôn ngoan, tháo vát và đầy kinh nghiệm của mình, đồng chí Tư Mao và đoàn thủy thủ đã thoát khỏi nanh vuốt của giặc, tiếp tục cuộc hành trình ra Bắc.

Chương mười hai

CÁNH QUÂN TRÊN BIỂN

Chuyến tàu đưa đồng chí Lê Đức Anh thoát khỏi cơn bão và sự săn đuổi của địch đã cập cảng Bình Đông, Hải Phòng. Sau giây phút gặp gỡ đầy xúc động. Tư lệnh Hải quân nói riêng với Tư lệnh Lê Đức Anh và đoàn trưởng Tư Mao cái tin dữ vừa nhận được của tình báo kỹ thuật :

-Chúng tôi rất lo. Thấy các anh ra muện, chúng tôi tưởng các anh đã bị địch bắt rồi. Vừa rồi tình báo kỹ thuật của chúng tôi nhận được tin nội bộ đoàn S.950 có tên phản bội đã báo cho địch. Chúng đã bắt của ta một số người và một cái tàu. Không hiểu sao chiếc tàu chúng bắt cũng trùng với số tàu các anh đi ra ..

Những ngày tiếp sau đó, Bộ Tổng Tham mưu liên tiếp thông báo cho các đồng chí Lê Đức Anh và Tư Mao biết những tổn thất do tên phản bội gây ra.

Trước tình hình đó, thường trực Quân ủy Trung ương chủ trương : số người và cơ sở vật chất của đoàn S.950 còn lại sẽ rút về căn cứ tạm lánh một thời

gian, chờ đồng chí Tư Mao cải dạng xong sẽ tiếp tục hoạt động.

Tư Mao – người anh hùng của tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển, một lần nữa lại chứng tỏ tinh thần gan góc, sắt đá của mình trước thử thách mới. Anh vui vẻ tình nguyện vào khoa chỉnh hình của một quân y viện để cho bác sĩ chuyên khoa thay đổi hình dạng của mình.

Anh phải qua năm ca mổ. Ca mổ thứ nhất, thay đổi lông mày hơi xếch thành nét ngang và làm cho mắt một mí thành hai mí. Ca mổ thứ hai, làm cho gò mũi cao hơn trước. Ca mổ thứ ba, làm cho cằm to hơn trước. Ca thứ tư, làm thay đổi đường vân trên mười đầu ngón tay. Cuối cùng là ca mổ lớn, đổi chỗ cho mảng da có tóc ở sau gáy về phía trước che cái trán hói.

Trong thời gian đồng chí Tư Mao cải dạng, tình báo của quân khu tung ra cái tin “Tư Mao bị đắm tàu chết rồi” ở khắp các nơi đoàn S.950 có cơ sở.

Cải dạng xong, đồng chí Tư Mao mang khuôn mặt khác và cái tên khác trở về vùng rừng đước Cà Mau. Anh cùng đơn vị tổ chức móc nối lại cơ sở trong vùng địch. Và ngày 13 – 9 – 1974, Quân khu ủy 9 đã ra nghị quyết : “ .. xây dựng lại cơ sở, cho mua một tàu với đầy đủ thủ tục hợp pháp, đủ dụng cụ hợp pháp, nghi trang làm ăn để có thể ra miền Bắc được .. Tổ chức làm giấy tờ và các thủ tục hành nghề cho bốn con tàu còn ở miền Bắc, đăng ký ở các tỉnh Mỹ Tho và Bạc Liêu để đánh lạc hướng địch .. Cùng cố các bến vững chắc, chuẩn bị sẵn sàng có thể đón nhận hàng lúc nào cũng được ..”.

Đã một năm trôi qua, đến ngày 27 – 1 -1975, con tàu bí mật lại xuất hiện ở Gành Hào, Cà Mau giữa nơi kiểm soát nghiêm ngặt của địch. Tư Mao đã cùng anh em đưa con tàu vượt sóng gió biển Đông ra miền Bắc.

Cơ lốc của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã quét sạch bóng quân thù trên đất Tây Nguyên, tiếp đến giải phóng Huế, Đà Nẵng và Cam Ranh. Lúc này tuyến “Đường mòn trên biển” đã mở rộng, không còn phải ngụy trang che giấu. Những đoàn tàu của Hải quân trở thành một cánh quân trên đường biển đang tranh thủ thời gian để tiến vào giải phóng vùng đảo ven biển và tiếp quản các căn cứ hải quân của Mỹ - ngụy. Đoàn tàu chở đầy vũ khí của đoàn S.950 cũng xen vào trong đội hình trùng điệp ấy tiến về vùng biển Nam Bộ.

Trong những ngày tổng tiến công và nổi dậy, đoàn 125 vận tải chiến lược biển luôn tiến song song với những mũi tiến công khác. Họ chở xe tăng, chở quân đổ bộ đánh chiếm và tiếp quản thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng và các đảo ..

Đại úy thuyền trưởng Trần Phấn cùng đồng đội của mình vừa tới tiếp quản bán đảo Sơn Trà. Kiểm tra thu dọn chiến lợi phẩm vừa xong, anh đứng ngắm trung tâm thông tin tầm xa của bọn Mỹ để lại. Anh liên tưởng những chuyến đi khi vượt qua vĩ tuyến 17 không hề gặp sự kiểm soát của máy bay và tàu chiến địch, nhưng khi vượt qua quần đảo Trường Sa lại gặp bọn chúng đón đường. Anh ném cái nhìn lên cái dàn ăng ten cao lớn, đồ sộ như căn nhà hai tầng “Thì ra chính mày đã làm khổ chúng tao”. Anh lăm bắm rồi mỉm cười một mình .. Nghe tiếng gọi phía sau, Phấn ngoảnh lại. Một chiến sĩ cầm sổ ghi điện đưa cho anh. Anh đọc bức điện “ .. Đồng chí Trần Phấn, cấp bậc đại úy, bàn giao ngay công việc ở căn cứ Sơn Trà cho cấp phó của mình, Bộ tư lệnh bổ nhiệm đồng chí Phấn làm phó tham mưu trưởng đoàn 125, có nhiệm vụ cấp tốc vào tiếp quản căn cứ hải quân nguy ở Quy Nhơn”. Nhận lệnh vào tiếp quản Quy Nhơn, Trần Phấn sung sướng hơn bất được vàng. Hơn 20 năm xa quê, biết bao nhiêu nhớ thương mong mỏi đợi chờ ngày đoàn tụ với gia đình làng xóm. Và ngày ấy đã đến. Niềm vui xúc động làm nước mắt anh chảy tràn trên má. Anh ôm hôn chiến sĩ cầm sổ điện và muốn ôm hôn tất cả đồng đội để chia sẻ niềm vui sướng của mình.

Cảng Quy Nhơn còn giữ nguyên hiện trường của quân ta truy kích bọn chủ lực nguy. Những chiếc xe tăng chạy thực mạng xuống biển rồi nằm chết tại chỗ. Có chiếc chìm nghiêng, chỉ sau mỗi đợt sóng mới nhô lên cái tháp pháo. Có chiếc chìm nửa thân xuống nước biển. Xung quanh đó xác những tên lính nguy nằm rải ra trên bãi cát với đủ các tư thế hoảng loạn. Tiếp quản căn cứ Quy Nhơn chưa được một ngày, Trần Phấn lại được giao nhiệm vụ mới.

-Theo nhiệm vụ của Quân ủy Trung ương giao cho quân chúng ta – Tư lệnh Hải quân nói với đại úy Trần Phấn bằng giọng trầm, cố nhấn mạnh tính chất đặc biệt của nhiệm vụ - Bộ tư lệnh giao cho đồng chí làm chỉ huy trưởng một biên đội chở một phân đội của trung đoàn 125 và một phân đội đặc công của Khu 5 phối thuộc cho quân chúng ta đánh chiếm quần đảo Trường Sa. Phải tranh thủ thời cơ giải phóng quần đảo Trường Sa, kiên quyết không để lực

lượng nào khác đánh chiếm quần đảo ấy trước. Đồng chí đã trình sát quần đảo Trường Sa, Bộ tư lệnh tin tưởng giao đồng chí nhiệm vụ này. Tối ngày mai có mặt ở Đà Nẵng để hiệp đồng.

21 giờ, ngày 10 tháng 4 đã hiệp đồng xong với lực lượng đánh chiếm quần đảo Trường Sa ở quân cảng Đà Nẵng. Làm nhiệm vụ chở quân trận này có đại úy Vũ Hán, các thuyền trưởng Ngô Sở, Võ Kim Toàn và thuyền trưởng Thuận. Hiệp đồng xong, mọi người xuống tàu và cho tàu nhổ neo. Vũ Hán và Võ Kim Toàn đi trên chiếc tàu vỏ gỗ như những chiếc tàu chở người di tản. Trần Phấn đi trên tàu 673. Khi tàu rời bến, anh mới chú ý tới người đại đội trưởng bộ binh tên Tựu, ngồi ở buồng lái ngay bên cạnh mình. Nghe Tựu nói tiếng vùng Bình Định và có khuôn mặt quen thuộc, Trần Phấn có cảm nghĩ người này mình đã gặp ở đâu nhưng rất lâu rồi không nhớ.

Phấn hỏi anh đại đội trưởng bộ binh :

-Anh Tựu .. quê anh ở đâu ?

-Tôi ở Phù Mỹ, Bình Định.

-Ôi ! Chúng ta là đồng hương .. Anh ở xã nào ?

-Mỹ Thọ.

-Xin lỗi .. anh con ông bà nào ?

Tựu vừa nói xong tên bố, tên mẹ mình, Trần Phấn vui mừng ôm chặt lấy Tựu và reo lên :

-Trời .. thì ra Tựu là con ông cậu ruột của mình – Phấn dấm thùm thụp vào lưng Tựu – Đánh nhau vỡ đầu mới nhận họ.

-Anh Phấn .. hồi anh đi tập kết em còn bé xíu. Ở nhà có kể chuyện về anh, ai ngờ hôm nay lại được gặp anh ở đây.

-Đã được về thăm nhà chưa ?

-Em đánh ở Buôn Mê Thuật rồi nhào thẳng về Đà Nẵng, chưa kịp thở lại đi làm nhiệm vụ này, về sao được !

Hai anh em kể cho nhau nghe về những kỷ niệm quê hương, rồi kể đến những năm tháng xa nhau. Các chiến sĩ ngồi quây lại, trân trọng, vui mừng vì cuộc hạnh ngộ của hai người chỉ huuy. Hết chuyện riêng, họ lại trở về với chuyện chung.

Tự hỏi Phần :

-Anh đã đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lần nào chưa.

-Đến trinh sát và đã lên trên đảo Trường Sa thì mới có một lần, còn đi qua lại vùng ấy thì nhiều lần.

-Đảo có lớn không ? Tôi nghe anh cán bộ tham mưu hải quân trình bày trong lúc hiệp đồng chỉ mới nói địa hình chung.

-Đảo Trường Sa lớn nhất trong quần đảo này, còn các đảo khác nhỏ và thấp, có đảo chỉ nhìn thấy khi nước triều xuống ..

Càng ra khơi xa sóng càng lớn. Những chiến sĩ bộ binh bị say sóng nằm ói mửa ngay trên sàn tàu. Trời sáng. Phần nhìn ra mặt biển thấy nhiều tàu bè, sà lan chở đầy người di tản. Anh nói với thuyền trưởng và Ngô Sở.

-Chú ý, nhắc anh em đi lại trên mặt khoang đều phải mặc quần áo lính ngự.

-Tất cả anh em bộ binh đã say sóng, nằm liệt cả, chỉ có mấy anh em mình đi lại được thì đã mặc quần áo ngự ngay từ lúc nhổ neo.

-Anh em bộ binh mệt lả ra như thế không biết khi có lệnh đổ bộ thì làm thế nào ?

-Lúc đó sẽ chạy được tuốt. Các anh không nhớ những ngày chúng mình đi trong trận bão, say mửa ra mặt xanh mặt vàng, nhưng đến khi có báo động là tỉnh như sáo.

7 giờ tối ngày 13 – 4 – 1975, tàu 673 đã tiếp cận đảo Song Tử Tây. Tàu 674 và 675 cùng đến trong khoảng thời gian ấy, đã án ngữ ở phía bắc và phía nam đảo. Tảng sáng ngày 14 có lệnh đổ bộ lên đảo. Tất cả những chiến sĩ bộ binh đang say sóng nằm mọp đều vùng dậy nhanh nhẹn xuống xuống đổ bộ. Sau hai tiếng đồng hồ vật lộn với dòng xoáy, anh em đã chiếm được mép đảo.

Trận chiến đấu diễn ra trong vòng nửa giờ, quân ta đã hoàn toàn làm chủ trận địa. Nhìn lá cờ Tổ quốc rực rỡ bay trên đỉnh một hòn đảo xa đất liền gần một nghìn kilômét, anh em thủy thủ vô cùng xúc động.

Liên tiếp những ngày sau đó đoàn 125 đã chở quân tiến đánh chiếm các hòn đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn . Và tới 9 giờ sáng ngày 29 – 4 -1975, tàu 673 đã đưa quân tới đổ bộ lên đảo Trường Sa.

Quần đảo Trường Sa như một cái chốt cực kỳ quan trọng kiểm soát một vùng rộng lớn trên biển Đông. Những năm tháng vận tải chiến lược trên biển, đoạn đường qua khu vực quần đảo này cũng là nơi gặp nhiều trắc trở.

Chiếm được quần đảo Trường Sa đem lại niềm vui cho nhân dân cả nước, nhưng người vui nhất vẫn là những chiến sĩ đã nhiều năm tháng lăn lộn trên tuyến « Đường mòn trên biển ».

THAY LỜI KẾT

« Đường mòn trên biển » đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình.

Ở đây, cuộc chiến đấu vật lộn thầm lặng và vô cùng ác liệt, gian khổ kéo dài 16 năm liền, các chiến sĩ – thủy thủ đã thắng thiên nhiên khắc nghiệt và kẻ thù có số lượng và trang bị phương tiện mạnh hơn mình gấp trăm lần.

Ở đây, mỗi lớp sóng, mỗi hòn đảo, mỗi cửa biển, mỗi khe lạch đều được chứng kiến sức mạnh của ý chí giải phóng miền Nam, chứng kiến trí tuệ và tài năng, tinh thần gan góc táo bạo phi thường, chứng kiến sự đoàn kết nhất trí muôn người như một của quân và dân ta.

« Đường mòn trên biển » cùng với Đường Trường Sơn là biểu tượng cho nghĩa tình gắn bó máu thịt giữa hai miền ; là nơi truyền sức mạnh từ hậu phương lớn tới tiền tuyến lớn và từ tiền tuyến lớn về hậu phương ; là nơi biểu dương tính hơn hăn của chủ nghĩa xã hội, của chiến tranh nhân dân Việt Nam vô địch, làm tăng thêm niềm tin và hy vọng của nhân dân và chiến sĩ nơi

chiến trường xa xôi nhất.

Hôm nay và đời đời mai sau, mỗi lần nghe sóng biển gầm, nghe gió rít của các cơn bão từ biển Đông dội vào đất liền, những con tàu rúc còi khi rời bến, lại một lần nhắc nhở quân dân ta, nhất là những chiến sĩ hải quân rằng : những năm dài chống Mỹ, cứu nước, chúng ta vẫn giữ vững con đường biển chiến lược kỳ diệu.

Cũng như đường Trường Sơn, « Đường mòn trên biển » là sự kiện kỳ lạ làm cho kẻ thù khâm phục, sợ hãi và kinh ngạc. Tên đại tá phó đô đốc hải quân ngụy Nguyễn Hữu Chí viết « Trên thực tế, đối phương đã sử dụng biển khơi một cách thành thạo mà việc di hành vào điểm đến càng tỏ ra đặc sắc hơn, làm kinh ngạc không ít những chuyên viên đi biển .. Trên phương diện quân sự, Bắc Việt đã biết khai thác biển khơi một cách thực tiễn hơn ta. Họ có một trung đoàn viễn dương (đoàn 125) gồm một số ngư thuyền ngụy trang cho mục đích xâm nhập vào Nam, giá trị hải quân Bắc Việt đã tự nói lên trước dư luận quốc tế .. », « Nhà nước Bắc Việt nếu sử dụng tàu tiếp vận theo đường lối đó, xét rằng không những có phần tin tưởng ở cấp cán bộ chuyên nghiệp của họ, mà điều họ tin tưởng mạnh mẽ hơn, chính là tỷ lệ nguy hiểm chấp nhận được vẫn được nghĩ là thấp hơn tỷ lệ thành công xâm nhập. Có thể họ mới duy trì kế hoạch đưa súng đạn vào bằng đường biển .. », « Những năm về trước, nhất là trong khoảng thời gian từ 1965 – 1970, nhiều ngư thuyền ngụy trang của Cộng sản Bắc Việt bị phát hiện, trung bình mỗi tháng một chiếc. Nếu bị theo dõi gắt gao, chúng sẽ quay về Bắc, ngược lại, chúng sớm muộn gì cũng đâm thẳng vào điểm hẹn giao hàng. Sự việc đã qua cho thấy hành động của các ngư thuyền ngụy trang rất táo bạo và liều lĩnh. Ta phải công nhận chúng thành công » (Trích trong sách MỘT QUAN ĐIỂM CHIẾN LƯỢC ĐỂ BẢO VỆ DUYÊN HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA của ngụy quyền)

Bọn Mỹ - ngụy không ít cay đắng khi phải nhìn nhận một điều hiển nhiên như thế. Gần một nửa hạm đội 7 Mỹ và toàn bộ lực lượng hải quân ngụy không ngăn nổi một lực lượng vận tải nhỏ bé, không bằng một phần trăm của nó. Câu chuyện thú vị gần như hoang đường ấy lại là sự thật.

Sự thật phi thường ấy lại bắt đầu ở vấn đề hết sức giản dị : cần có vũ khí cho miền Nam đánh giặc. Những con thuyền gỗ nhỏ bé, tới những con tàu sắt chở đầy vũ khí, liên tiếp rời bến miền Bắc ; không lo ngại thời tiết nào, không

kiêng cử bất kể tình huống nào để đưa hàng đến bến ; chỉ cần đến bến an toàn 50 % là thắng lợi.

Tất nhiên, không phải lúc nào cũng xuôi lọt, êm thắm. Có lúc mắc cạn ở Trường Sa, có lần gặp địch ở Đức Phổ, Hòn Hèo, Hàm Luông, Bồ Đề .. anh em đã chiến đấu dũng cảm rồi phá tàu, nhưng cái giá phải trả vẫn thấp hơn nhiều so với dự kiến ban đầu.

HẾT